

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## KINH-TẾ TỔNG-LUẬN

Kinh-tế-học là học về tài-hóa. Có quan-hệ với nhân quyền hay là quyền thiên-nhiên vì ai mới: một là mới nhân-công, hai là quyền sở-hữu, vì là cốt lõi nhân-công mà sinh ra tài-hóa, và phạm tài-hóa, cứ nghĩa thông-thường, đều là vật sở-hữu của ai cả. Duy nhân-quyền-học thì nghiên-cứ hai mối ấy về phương-diện *quyền-lợi*, mà kinh-tế-học thì nghiên-cứ hai mối ấy về phương-diện *công-lợi* vậy. Nhưng phạm giới-hạn các khoa-học không có nhất-dịnh bao giờ, và khoa nọ vẫn có liên-can với khoa kia là sự thường.

Trong cuộc phát-sinh tài-hóa có bốn điều cốt-yếu như sau này; sự sinh-sản sự lưu - thông, sự phân phát và sự tiêu-dùng.

Nay lần lượt xét bốn điều ấy như sau này.

I.—Người ta thực ra không *sáng-tạo* được vật gì: muôn vật vẫn là sản tự thiên-nhiên cả. Nhưng mà tự thiên-nhiên không thể cung-cấp được đủ mọi sự cần - dùng cho người ta. Cho nên chính người ta hiệp-lực với thiên-nhiên mà chế-tác ra mọi vật vậy.

Hai cái n. nguyên-lực sinh-sản ra hóa-vật là: *lao-công* và *tu-bản*.

Lao-công là đem sức người mà ứng-dụng với các sức mạnh thiên-nhiên. Thực ra thì người ta chỉ sinh-sản được một cái sức mạnh, là sự vận-động đem vật nọ đối với vật kia, khiến cho gây nên những sản - vật có ích-lợi cho

minh. Nào gieo hạt, nào cấy bừa, nào gặt hái; nào đốt lò lên để nung-đúc; đem pha lộn các chất lại thời thành ra những chất mới dùng được việc cho mình.

Kinh-tế-học cũng như nhân-quyền-học đều đề-xướng lên rằng phạm lao-công phải được tự-do. Nhân-quyền-học thì cho là thế mới là hợp với lẽ công-bằng; kinh-tế-học thời cho là thế lại là hợp với lẽ công-lợi nữa. Kinh-tế-học chứng rõ rằng sự lao - công cưỡng-bách không bao giờ bằng sự lao-công tự-do. Phạm cách nô-lệ người ta không phải là thuật phú-cường bao giờ. Đối với nhân-đạo không nên, mà đối với sự lợi-ích cho xã-hội cũng không nên vậy.

Ở nước Pháp, từ trước cho đến năm 1789 vẫn có cái chế-độ các « phường » (*corporations*), nghĩa là người làm công cùng một nghề-nghiệp họp nhau lại thành phường cho có đoàn-thể; chế-độ này tuy không phải là cách nô-lệ người ta, nhưng cũng trái với cái nghĩa lao-công tự-do, làm cho sự sinh-sản hóa-vật bị hạn-chế, gây lắm sự kiện-cáo, tồn-bại vô-cùng; lại khiến cho cái tài chế-tạo, cái trí sáng-khởi của người ta cũng nhụt kém đi vậy. Từ khi bãi các phường đi, thời sự cạnh-tranh trong công-nghệ được tự-do, cạnh-tranh đây nghĩa là các nghề được tha-hỗ ganh đua nhau cho mỗi ngày một tấn-tới, chứ không phải dùng nhữ g cách giả-mạo gian-trá mà làm phản làm hại nhau vậy. Sự cạnh-tranh chân-chính tức là một cách gắng-

gỏi đua chen, và là cái nguyên-lực rất mạnh của sự tiến-bộ vậy.

Trong sự lao-công của người ta, có một cách xuất-sắc nhất, là sự phát-minh, nghĩa là tìm được ra những phương-cách sinh-sản mới, hay là sửa-sang những phương-cách cũ cho tiện-lợi hơn. Như sự phát-minh ra sức mạnh hơi nước, làm cho tài-hóa tăng-gia lên gấp trăm gấp nghìn, và thay được cái công khó-nhọc của người ta không biết bao nhiêu mà kể, công ấy có thể dùng ra việc khác được.

Sự lao-công muốn cho có hiệu quả tốt phải theo lẽ «phân-công». Phân-công nghĩa là: hoặc phân-biệt các công-nghệ khác nhau, hoặc trong một công-nghệ chia ra từng phần việc cho mỗi hạng người chuyên. Nhà kinh-tế-học nước Anh ADAM SMITH trong sách «Luận về tài-hóa các nước» (*Traité de la richesse des nations*) đã phát-minh ra trước nhất cái luật «phân-công» quan-hệ là đường nào. Ông thí-dụ nghề làm ghim, chứng-giải một cách rất trừu-minh. Ông nói luật phân-công có những kết-quả hay như sau này: 1° Người thợ cứ làm một việc mãi thành quen đi, rồi mỗi ngày một khéo mãi lên; 2° Làm như thế không phí thì-giờ, vì không phải đương việc nọ chuyển sang việc kia; 3° Làm như thế lại dễ-dàng hơn và khiến cho tìm được những phương-cách làm cho giảm bớt công-việc. Có người đã tính nếu không theo phép phân-công thì cả một đời người không làm thành được một cái đồng-hồ.

Đó là nói về lao-công. Nay nói đến tư-bản. «Tư-bản là cái phần tài-hóa đã thành rồi dùng để sinh-sản ra tài-hóa mới, hay là nói khác đi như sau này cũng thế: tư-bản là một cái sản-vật tích-trữ để tái-sản ra vật khác.» (*Le capital est cette portion de la richesse créée qui sert à la production d'une richesse nouvelle ou ce qui revient au même, un produit*

*éparné, destiné à la reproduction.* — BAUDRILLART, Manuel d'économie politique). Như thóc để dành lại để gieo mạ, gỗ đù g để làm các đồ-dạc, đất bỏ 3-sới để gieo trồng, tiền-của không tiêu-phí đi mà dùng để khai-khẩn ruộng đất, mở-mang công-nghệ, đó toà là tư-bản cả.

Ngày nay thiên-hạ hay công-kích tư-bản, nhưng phần nhiều là công-kích cái tư-bản đem ra cho vay để lấy lãi, điều đó sẽ nói về đoạn phân-phát tài-hóa sau này. Nhưng mà chính tư-bản vẫn là chánh-dáng lắm, vì ai cũng có quyền được để dành của-cái của mình để làm việc ích-lợi; tư-bản lại là một sự hay, và là một sự cần nữa, vì nếu sản-vật gì làm ra tiêu-dùng đi hết ngay, thì người ta lúc nào cũng phải đối phó với sức mạnh thiên-nhiên như hồi cổ-sơ vậy; phải ra tay cày ruộng lấy mà ăn, hay phải đợi cho đất tự sinh-sản lấy các vật cần dùng cho mình. Chính vì nhờ có tư-bản mới tăng-gia được vô-cùng các sức sinh-sản của-thiên-nhiên. Và lại tích-trữ tư-bản, là biết phòng-bị tương-lai, biết thắng-doạt cái vật-dục nhất-thời mà lo-tinh việc về sau, chính là một điều hay về đường đạo-dức nữa.

Tư-bản không phải là phản-đối với lao-công; hai bên là cần cho nhau cả. Người làm ruộng không có cái cày cái bừa thì không cày đất được, không có xe chở, không có vật kéo, thì không vận-tải mà lợi-dùng được các sản-vật của mình; người thợ rèn không có cái đe cái búa thì cũng không sao rèn thành đồ-vật được, v. v.. Trái lại, tư-bản mà không có nhân-công cũng không làm được việc gì. Tư-bản tăng lên bao nhiêu thì công việc làm cũng thêm lên bấy nhiêu. Đào núi, sẻ sông, bắc cầu, đặt đường, nếu không có tư-bản thì làm sao được? Nay cũng lại nhờ những công-trình to-tát đó, mà người ta thêm ra được nhiều việc làm.

Xem thế thì biết thiên-hạ thường trách máy-móc là không phải; vì máy-

móc một đàng thì tăng-gia sự sinh-sản các hóa-vật lên, tức là tăng-gia sự sướng-tiện chung cho mọi người, một đàng thì mở-mang thêm ra các nghề-nghiệp mới, tức là thêm các công việc cho người ta làm vậy.

II. — Tài-hóa đã sinh-sản ra rồi, không phải là tự người sinh-sản ra tiêu-dùng đi hết ngày đâu. Thường thường là dùng để đổi lấy vật khác cần hơn: thế gọi là sự giao-dịch.

Nếu người ta cần-dùng đến vật gì phải tự mình chế-tạo lấy cả, thì một mình phải kiêm đủ các nghề: như thế thì không thể được, và trái với cái luật phân-công như trên kia đã nói. Nhưng có một cách dung-dị hơn, vừa hợp với lẽ tự-nhiên, vừa hợp với lẽ công-lợi: là đem những vật mình sinh sản ra mà thừa không dùng đến để đổi lấy những vật của người khác cũng sinh-sản ra mà thừa không dùng đến vậy. Như người làm guốc đem guốc của mình đổi lấy mũ lấy áo của người khác làm ra. Không cần phải bỏ nghề mình, cứ chuyên cho mỗi ngày một khéo thêm lên, mà nhờ sự giao-dịch tự được hưởng cái kết-quả của cả các nghề khác.

Nay vật nọ đổi với vật kia, không phải là bao giờ cũng một thứ đó, cũng không phải là bao giờ cũng bấy nhiêu số, muốn đổi thứ nọ lấy thứ kia, có khi phải đổi nhiều, có khi phải đổi ít, không có nhất-dnh. Cái số nhiều ít không thường đó, tức gọi là giá-trị của đồ vật; mà giá-trị ấy là định theo một cái luật cốt - yếu, gọi là luật *cung cầu*. Cung là mình đem sản-vật của mình rao mời người ta; cầu là mình tỏ ý muốn dùng sản-vật của người. Nay nếu tôi cần đến sản-vật của người ta hơn là người ta cần đến sản-vật của tôi, thì tất là tôi phải đem nhiều đồ của tôi mới đổi lấy được đồ của người ta; trái lại nếu người ta cần đến đồ của

tôi hơn là tôi cần đến đồ của người ta, thì chắc là tôi cũng đòi nhiều mới chịu đổi vậy. Xem như thế thì biết giá-trị các vật là tùy theo ở sự cần-dùng của hai bên trao đổi vậy. Muốn nói khác đi thì nói rằng: giá-trị một vật càng nhiều người cầu ít người cung thì càng cao, và càng nhiều người cung ít người cầu thì càng thấp vậy. Đó gọi là cái luật *cung-cầu*, là một luật trừ-danh trong kinh-tế-học và là một điều sự-lý đương-nhiên, không có lẽ nào trái lại được, nếu trái lại thì chỉ có thiệt-hại, chứ không có lợi-ích bao giờ.

Cứ như cách trao đổi vừa nói trên kia thì ở xã-hội nào rất giản-đơn họa may mới làm thế được, nghĩa là đem đồ vật nọ đổi lấy đồ vật kia, đem lúa đổi lấy sắt, đem cừu đổi lấy bò, v. v.. Nhưng mà cách trao đổi như thế thì bất-tiện lắm, và không thể khuếch-trương ra được rộng. «Tôi có mấy cân lông, mấy thước sợi, tôi muốn đổi lấy lúa. Vậy phải tìm đem đến một nhà người làm ruộng, vận-tải đi cũng đã công-phu khó-nhọc biết bao nhiêu; người làm ruộng ấy có lúa, nhưng mà người ta lại cần đến rượu vang kia; tôi lại phải đi kiếm rượu vang để mà đem lại đổi cho họ; đến người trồng nho làm rượu thì người ta lại không cần đến sợi và bông của tôi; lại tìm đến người cần sợi và bông thì người ta không có rượu với lúa. » (BAUDRILLART). Xem như thế thì cách đem ngay sản-vật mà trao đổi phiền-nhiều biết dường nào. Lại thêm các hóa-vật ấy nhiều thứ không thể chia nhỏ ra được: như tôi cần đến một bao danh mà tôi chỉ có một con cừu đổi lại thôi; làm sao mà chia con cừu ra được?

Nhân những nông-nỗ khó-khăn như thế, người ta bèn tự-nhiên nghĩ ra một cách rất thần-diệu: là đặt ra tiền-tê, nghĩa là một cái đồ dùng để trao đổi, ai ai cũng công-nhận, mà đem

đổi lấy hóa-vật gì cũng được. Vậy phải tìm lấy một chất gì có thể dùng để làm tỉ-lệ cho giá-trị các vật. Chất ấy hầu hết các dân-tộc đều tìm ở loài kim, nhất là loài kim quý như vàng với bạc.

Muốn cho chất dùng làm tiền-tệ có thể đương được các việc như trên kia đã nói, thì phải kiếm đủ mấy điều như sau này: 1° phải tự có giá-trị thực, chứ không phải là giá-trị ước đặt ra; 2° phải bền chặt không hủy-hoại đi được, để cho giữ được nguyên cái giá-trị ấy mãi; 3° phải có thể chia lẻ ra được, để mua ít mua nhiều được cả; 4° phải có dấu-hiệu riêng để Nhà-nước có thể đảm-bảo cho; 5° phải là của quý hiếm có, để cho các phần vừa nhỏ tiện dùng, mà không đến nỗi nhỏ quá.

Chỉ có loài kim, mà loài kim quý như vàng với bạc, là kiếm được đủ các tư-cách đó mà thôi, nên duy có vàng với bạc là xứng-đáng dùng làm tiền-tệ; thường dùng thêm đồng, để làm những tiền-tệ nhỏ, gọi là tiền lẻ.

Có nên dùng cả vàng cả bạc làm tiền-tệ không, đó là một vấn-đề hiện còn đương thảo-luận. Phần nhiều các nhà kinh-tế-học thì cho rằng chỉ nên dùng một cái tỉ-lệ giá-trị mà thôi, nghĩa là chỉ nên có một thứ tiền-tệ mà thôi. Đó là cái thuyết « tiền-tệ duy-nhất ». Nhưng mà thuyết này hãy còn thuộc lý-tưởng, chưa thể thực-hành được. Hiện ở nhiều nước, và nhất là ở nước Pháp, còn đương thảo-luận về vấn-đề đó. Tiền bằng vàng bạc thật thì gọi là « hiện-kim » hay « hiện-ngân » (*numéraire*).

Người ta có một cái đặc-tính cao-thượng hơn các giống, là biết dự-liệu việc tương-lai. Bởi biết tiên-liệu như thế, nên có thể giao-ước với nhau mà hiện trong tay chưa có vật dùng để trao đổi, nghĩa là chưa có tiền « hiện-kim » hay « hiện-ngân », nhưng có thể chắc

rằng rồi sẽ có trong một kỳ-hạn sau này. Như thế thời một người hứa, một người nhận lời hứa, lời hứa này hoặc là lời nói miệng thời trong chỗ bè-bạn cũng là đủ, hoặc muốn cho chắc-chắn, có giá-trị giao-dịch được thời là lời biên-ký hẳn-hoi. Những cách hứa mà có thành giấy như thế thời tùy các trường-hợp có đặt danh-hiệu riêng; như giấy lệnh-phiếu (*billet à ordre*), giấy hối-đoái (*lettre de change*), giấy chúng-khoán (*warrant*), v. v. Các cách dùng giấy phiếu để tiêu biểu cho tiền bạc thật sẽ thu-lĩnh về sau này, gọi tổng-danh là cuộc « tín-dụng » (*crédit*); còn những sở để cho thiên-hạ đem những giấy phiếu ấy đến mà lĩnh tiền trước kỳ-hạn được, miễn là phải trả hoa-hồng gọi là tiền « các » (*escompte*), tức là các nhà ngân-hàng hay là nhà « băng » (*banques*) vậy.

Vậy thời cái « phiếu tín-dụng » (*papier de crédit*), tức là một vật dùng để giúp việc hoặc để thay vì cho tiền-tệ vậy. Nhưng nhờ cách sắp-đặt khôn-khéo, chính cái phiếu ấy dùng quen mãi đi rồi cũng coi như là tiền-tệ thật vậy. Tức như cái « phiếu ngân-hàng » (*billet de banque*), hay là « ngân-phiếu », hay là « giấy bạc », ngày nay ai ai cũng dùng, coi như tiền thật, mà lại tiện hơn tiền vàng tiền bạc nhiều. Một cái giấy bất-cứ lúc nào đem ra đổi lấy tiền thật cũng được, thế thì có khác gì tiền thật không? Nay một nhà « băng » đã có trữ-kim sẵn, có tư-bản chắc, phát giấy ra, khiến cho thiên-hạ bất-cứ lúc nào đem đến có thể đổi ra tiền thật ngay, như thế thì giấy ấy tức là tiền đó, có khác gì nữa. Nhưng hoặc-giả nói: Nếu đã có tiền hiện-kim đó rồi, thì việc chi phải tích-trữ một chỗ để phát-hành giấy bạc thay? Là bởi vì nhà « băng » phát giấy nhiều hơn số hiện-kim đã có, thường là gấp ba lần, tức là tăng cái sức giao-dịch của tiền-tệ lên gấp ba lần. Như

thế thì chắc bằng ở đâu ? Bằng ở một điều thuộc về tâm-lý, mà rất chắc-chắn, đã từng kinh-nghiệm hẳn-hoi : là những người cầm giấy bạc, không phải là cùng một ngày một giờ đều đến đổi lấy bạc cả một lúc, và lại có nhiều người không muốn đổi làm gì nữa, vì dùng giấy bạc vẫn tiện hơn bạc thật.

Song xem như thế thì sự đặt ra giấy bạc cũng không phải là không có điều nguy-hiểm. Điều thứ nhất là cách phát-hành dung-dị quá. Như khi giấy bạc không phải do nhà băng riêng phát ra, có luật-lệ nghiêm, có đảm-bảo chắc, mà lại do ngay Nhà nước phát ra những khi cần-cấp, mà giấy phát ra phải cưỡng-hành không thể tức-khắc đổi lấy bạc thật, hay là đảm-bảo vào những bất-động-sản công của Nhà-nước, như rừng ruộng vân-vân, không thể hút-đán bán đi mà lấy tiền ngay được, như thế thì một bên cách đảm-bảo không chắc-chắn, một bên số giấy bạc càng tăng-gia, thành ra dần dần mất giá-trị hẳn đi, mà làm hại những người tiêu dùng giấy ấy. Tức như chuyện các phiếu cổ-phần của nhà băng ông LAW ở nước Pháp ngày xưa, lại như chuyện các bạc giấy (*assignats*) về đời Cách-mệnh Pháp.

Có một điều hiển-nhiều, là giấy không phải là một chất làm tiền-tê được, vì không phải là một chất hiếm có và tự có giá-trị đặc-biệt, mảnh giấy chỉ là một lời hứa mà thôi, lời hứa ấy đáng tin hay không đáng tin là ở cách đảm-bảo chắc-chắn hay không chắc-chắn vậy.

Nay sự giao-dịch đã có ích-lợi như trên đó, tất cách giao-dịch càng dung-dị bao nhiêu, sự lợi-ích càng thêm lên bấy nhiêu vậy. Nhưng sự giao-dịch muốn được dễ-dàng và lợi-ích như thế thì cốt nhất là phải được tự-do, nghĩa là chỉ bị những sự ngăn-trở thiên-nhiên hạn-chế mà thôi, như đường-sá xa-xôi, núi sông cách-trở, vân-vân, chứ

không phải những sự ngăn-trở do các quốc-gia hay các chính-phủ đặt ra để hạn-chế vậy. Cái thuyết « mậu-dịch tự-do » là đã hàm trong cái nghĩa giao-dịch rồi, và chẳng qua cũng là một cách tự-do trong sự làm-ăn vậy.

« Người có bệnh với ông thầy thuốc, người đói bụng với nhà hàng bánh, mà cấm người ta không được tự-do giao-dịch với nhau, thì còn gì vô-lý và còn gì khả-ố bằng ! Người cần đến lúa đến sợi mà bắt người ta phải qua bao nhiêu cửa tuần cửa quan, làm khổ cho người ta phải đi quanh đi co, chịu nhiều phiền-phi, như thế thì phỏng có ngược đời và phỏng có bực cười hay không ? Nay đặt nhà « đoan » để cách-biệt xứ này với xứ khác, tỉnh nọ với tỉnh kia, khiến cho nơi sản nhiều lúa không được thông với nơi sản nhiều thịt, làm ngăn-trở sự lưu-hành sản-vật tài-hóa, như thế thì phỏng đã nên chưa ? » (BAUDRILLART).

Sự mậu-dịch tự-do ở trong nội-địa thì lâu nay đã thành rồi ; hiện nay không còn mấy nước là ngay trong địa-hạt còn đặt các « nội-quan ». Nhưng mà trong thương-trường quốc-tế thì cái vấn-đề mậu-dịch tự-do vẫn còn chưa giải-quyết được xong. Tuy - nhiên cái nguyên-lý vẫn là một : quốc-gia cũng như cá-nhân, nếu được tự-do giao-dịch với nhau thì tất là có lợi hơn ; sự mậu-dịch tự-do khiến cho các nhà buôn nhà nghề phải gắng sức ganh đua nhau, làm cho thị-giá các hóa-và hạ xuống, tức là lợi cho người ăn dùng, mà lại cũng lợi cho người sinh-sản nữa, vì bắt buộc phải sửa-sang nghề-nghiệp mình luôn, cho mỗi ngày một thêm tinh-xảo ; sau nữa lại lợi cho cả việc làm ăn trong nước nữa, vì tuy ai nói thế nào mặc lòng, chứ sự mậu-dịch tự-do thực là khiến cho mỗi dân-tộc sở-trường về nghề gì có thể hết sức phát-đạt về nghề ấy vậy. Nếu nước Anh

mà miễn-cưỡng muốn sản cho được bông sợi và rượu vang, là những nghề xưa nay không sở-trường, thì phỏng dân-tộc Anh có được lợi gì? Lại như nước Pháp không sản được chè và gạo mà cũng cố sản cho được đề khỏi kềm người, thì phỏng có được hay không, có danh-giá hay có lợi-ích gì cho nước không?

Có hai cái chế-độ trái với chế-độ mậu-dịch tự-do: là chế-độ cấm-chỉ ngoại-hóa (*prohibitionnisme*) và chế-độ bảo-hộ nội-hóa (*protectionnisme*). Cấm-chỉ ngoại-hóa là cấm-tiết không cho đồ hàng ngoại-quốc vào trong nước; bảo-hộ nội-hóa là đánh thuế nặng các hàng ngoại-quốc nhập-cảng để không thể tranh lại được với các hàng trong nước chế-tạo ra. Cứ lý ra thì chế-độ bảo-hộ nội-hóa chỉ có gặp trường-hợp như sau này mới có thể cho là chánh - đáng được: là khi muốn truyền vào trong nước một cái nghề mới, sau này có cơ phát-đạt được, mà tạm-thời phải dùng những phương-kế đặc-biệt để giữ cho khỏi bị nước ngoài cạnh-tranh. Song đó là cái kế-hoạch nhất-thời, chứ không thể làm cái chế-độ vĩnh-viễn được.

Tuy sự mậu-dịch tự-do là cái trình-độ lý-tưởng mà các quốc-gia ngày nay càng ngày càng khuynh-hướng theo, nhưng nghĩa-vụ của các chính-phủ cũng là phải chăm-chước các mối lợi-quyền hiện-tại, chăm-chước những thể-lệ buôn bán của các nước ngoài để tùy-cơ đối-phó cho tương-đương, lại phải chăm-chước cả cái tinh-thể tài-chính của nước mình nữa. Bởi các lẽ đó nên các chính-phủ thường tìm cách điều-đỉnh với nhau để điều-hòa hai cái chế-độ tự-do mậu-dịch và bảo-hộ mậu-dịch vậy: nhân đó thành ra các điều-ước thông-thương nước nọ với nước kia.

III. — Trên kia đã nói rằng sự sinh-sản tài-hóa là bởi hai cái nguyên-lực cốt-yếu: là lao-công và tư-bản; nay

phải xét xem tài-hóa phân-phát trong hai cái nguyên-lực ấy thế nào: phần của lao-công thì gọi là tiền công hay là tiền lương, phần của tư-bản thì gọi là tiền lời hay tiền lãi.

Hai cái nguyên-lực của sự sinh-sản đã là lao-công và tư-bản, thì có thể nói rằng phạm nhất-thiết sự-nghiệp là đều bởi hai cái nguyên-lực hợp-tác với nhau, và mỗi cái đều có quyền được hưởng một phần thường-công cả. Thuộc về lao-công thì cái phần thường-công ấy thế nào? Nếu người lao-công lại vừa là người tư-bản nữa, thì chắc đã có của để ăn, đợi cho đến ngày sự-nghiệp thành-công sẽ thu cái phần thường-công về sau, trừ khi sự-nghiệp không thành, thường-công không có, như việc khai mỏ thường là bấp-bồng như thế, thì khi ấy sẽ chịu thiệt, chịu lỗ. Nhưng mà như thế thì phải đợi lâu lắm cho sự-nghiệp mới thành-công được. Vả lại sự thành-công ấy cũng không chắc bằng gì, và nếu việc làm hư-hỏng thì có khi không được tí gì, mà người lao-công thường chỉ có cái công của mình làm vốn mà thôi, một là không thể đợi được lâu, hai là nếu việc hư-hỏng thì có cái nguy-hiểm mất công không. Muốn tránh hai sự bất-tiện đó mới đặt ra cái lệ trả tiền công cho người làm. Tiền công này nhất-diện thì là một cách cho vay trước để ăn tiêu khỏi phải đợi đến ngày việc thành-công mới phân-phát, nhất-diện thì là một cách bảo-hiểm để phòng-bị những sự bất-kỳ trong việc doanh-nghiệp, dù sau việc có thua lỗ người làm công cũng không phải thiệt-hại gì. Còn như cái giá công cao thấp thì cũng như các thời-giá khác, tùy cái luật cung-cầu mà định vậy. Như vậy thì tư-bản càng nhiều, càng phải cần đến người làm hơn, giá công tất càng cao hơn. Vậy thì lao-công và tư-bản là có mật-thiết quan-hệ với

nhau, cái gì hại đến tư-bản là tiện-thị hại đến lao-công vậy.

Tư-bản cũng như lao-công, có quyền được một phần thường-công là bởi sao vậy? Là bởi nếu không mong được thường-công như thế, thì người có tư-bản hoặc là ăn tiêu đi ngay, không tích-trữ làm gì, hoặc là bỏ đó không thiết đem ra làm công việc gì. Nay xét các cách thường-công của tư-bản thì sẽ hiểu rõ lẽ đó. Các cách thường-công ấy là: tiền lãi, tiền thuê, tiền lời. Tiền lãi và tiền thuê đều là do cái tư-bản đem cho vay hay cho thuê đi mà thành ra, duy có khác là tiền thuê là thuộc về tư-bản nhất-định, như nhà, ruộng, xưởng, còn tiền lãi là do cái tư-bản lưu-thông, như tiền bạc cho vay mà thành ra.

Tiền lãi của tư-bản là tiêu-biểu cho hai sự như sau này: thứ nhất là sự thiệt cho người có của, đã đem cho vay thì không được tiêu dùng đến của ấy nữa; thứ nhì là sự nguy-hiểm có khi đến mất cả vốn, vì tiền cho vay là để cho người ta dùng đi, dùng đi có khi thua lỗ đến không thu về được. Bởi hai cơ đó nên sự lấy lãi về tư-bản phải cho được tự-do, dù nhà đạo-đức, phái xã-hội thường hay công-kích nhưng cũng không phá được cái công-lệ đó.

Những nhà phản-đối sự cho vay lấy lãi thường lấy cái cơ rằng đồng tiền vốn nó không có cái sức sinh-sản ra được. Như ông ARISTOTE nói rằng: «Lãi là tiền đẻ ra tiền, thật là trái với lẽ thiên-nhiên.» Nhưng nhà kinh-tế-học nước Anh BENTHAM đã bác lại rằng: «Tuy một món tiền tự nó không có sức sinh-sản ra gì thật, nhưng mà món tiền ấy vay về có thể mua được con bò hay con cừu, cuối năm đẻ ra được hai ba con bò con, con cừu con»; Nghĩa là tự đồng tiền không phải sinh ra công-

lợi được, nhưng mà chính là ở cách dùng tiền vậy.

Hoặc-giả nói người cho vay không có thiệt, vì tiền ấy không cho vay cũng để đó có cần đến đâu. Nói thế là không phải, vì tiền đó ở trong tay có thể tiêu dùng được, đã cho vay đi rồi thì không tiêu dùng được nữa, như thế là cũng phải chịu thiệt. Cứ lấy cái chứng-cớ như sau này thì đủ biết: là tiền ấy tất phải đã dành-dịn lâu năm mới có được, thế là cũng có công-phu khó-nhọc vào đấy, có khó-nhọc không được tiêu dùng, há chẳng phải là một sự thiệt-thời dư? Biết bao nhiêu người trong tay có tiền trăm bạc chục, muốn huy-hoặc đi một lúc cho khoái-lạc hơn là dành-dịn để đặt lãi về sau? Còn như cái thuyết của phái xã-hội gọi là thuyết «tin-dụng không mất tiền» (*credit gratuit*) thì chỉ khi nào hai bên đáp-đổi lẫn nhau họa mới có thể thi-hành được. Như tôi cho ông mượn cái nhà, ông cho tôi mượn thửa ruộng, nhà ruộng giá ngang nhau, thì tôi không phải trả ông đồng nào, mà ông cũng không phải trả tôi đồng nào, vì như thế không khác gì như hai bên trao đổi một món tiền ngang nhau vậy. Nhưng mà cách cho vay tư-bản có phải thế đâu: cho vay là người có của cho người không có của mượn tiền của mình; như vậy thì có đáp-đổi gì đâu, không lẽ cho không không lấy lãi được.

Còn cái giá lãi cao thấp thế nào, thì cũng như các thời-giá khác, phải tùy theo luật cung-cầu vậy. Nếu có nhiều tư-bản cho vay thì tất là giá lãi phải nhẹ. Vậy thì muốn cho nhẹ lãi phải mong ở tư-bản có nhiều. Nếu làm cho thiệt-hại đến tư-bản thì lại thành ra kết-quả trái lại, nghĩa là giá lãi tất tăng cao lên.

Còn như tiền thuê tư-bản thì thường thường ít người phản-đối bằng tiền

lãi; vì ai cũng hiểu rằng người ta xây ra một cái nhà là phí công phí của vào đó, tất phải có lợi gì. Nhưng kỹ-thực tiền thuê hay tiền lãi, cái nguyên-lý nó cũng là một, chỉ có khác là tư-bản lưu-thông có nhiều sự nguy-hiêm hơn là tư-bản bất-động, cái quyền được thường-công lại càng chánh-đáng hơn nữa.

Tiền lời thì không giống với tiền lãi và tiền thuê. Tiền lời là cái phần thường-công may rủi của tư-bản; còn tiền lãi và tiền thuê là cái phần thường-công chắc-chắn. Tiền lời là thuộc về tư-bản của tự người có của đem ra dùng; còn tiền lãi hay tiền thuê là người có của cho mượn tư-bản của mình mà lấy tiền thường-công để bù lại sự thiệt-thòi và sự nguy-hiêm vậy. Cứ lý-thuyết thì người ta còn phân-biệt ra tiền lời của nhà tư-bản với tiền lời của nhà doanh-nghiệp; nhưng cứ thực-tế thì những sự phân-biệt ấy cũng khó rõ-ràng, và như một người lính-trung hay người thầu-khoán nhỏ thì không những khó phân-biệt được phần nào là phần lợi tư-bản, phần nào là phần lợi doanh-nghiệp, mà đến tiền lời tiền lãi với tiền thuê cũng có khi khó phân-biệt cho được. Người buôn-bán nhỏ có răm ba trăm bạc vốn mà được lãi tới tám chục một trăm đồng, thì tiền ấy gọi là tiền lãi chứ thực cũng là tiền công khó-nhọc, thức khuya dậy sớm hằng ngày. Nói về người thợ cũng vậy: trong tiền công làm ra được, cũng không phải: thầu là tiền công cả; trụ-trung có một phần thuộc về tư-bản, vì cái công người thợ học ập từ thuở nhỏ cũng là một cái vốn đã ra trước, hoặc là vốn của cha mẹ xuất ra để nuôi con đi học, hoặc là vốn của xã-hội cấp-dưỡng cho rồi sau thành nghề làm được tiền công, trong tiền công ấy không phải là không có một phần thuộc về cái vốn lúc đầu đó.

Còn như sự hưởng-lợi là chánh-đáng thì căn-cứ ở cái lẽ rằng tư-bản xuất ra có nguy-hiêm, gặp khi công việc không thành thì đến thua lỗ mất cả, cho nên nếu việc thành thì có quyền được hưởng lợi; còn tiền công thì như trên kia đã nói, tức là cái phần lợi của lao-công đã được hưởng sẵn từ trước khi thành-công vậy. Tuy-nhiên, ngoài cái phần lợi chia trước đó, tức là tiền công người làm, có thể cho kẻ lao-công cũng được tham-dự một phần vào số lợi thu-hoạch được sau khi thành-công không? Điều đó đã có ít nhiều công-nghệ thí-nghiệm làm, không phải là không thi-hành được và cũng là hợp với lẽ công-bằng: duy việc đó là việc giao-ước thỏa-thuận riêng của hai bên tư-bản lao-động mà thôi, quốc-gia không có lẽ gì can-thiệp vào vậy.

Ngoài các thứ lợi-tức vừa kể ở trên, hoặc thuộc về tư bản, hoặc thuộc về lao-công, còn có một thứ lợi-tức nữa không thuộc về hai hạng đó mà thuộc về chính nguyên-lực thiên-nhiên, và nguyên-lực cốt-yếu nhất, là đất. Lợi-tức ấy gọi là lợi sở-đắc về điền-thò (*rente foncière*). Đất có chỗ tốt chỗ xấu, nhà có cái ở vào xóm nọ hơn xóm kia, người chủ được hưởng cái lợi riêng về đó, không phải vì tư-bản, cũng không phải vì lao-công của mình. Có người bác cái lợi đó là không chánh-đáng, chỉ bởi sự ưa may mà thôi. Nhưng được hưởng một sự may-mắn mà không thiệt-hại đến ai thì cũng bất-phương vậy.

Các luật kinh-tế vừa giải trên là những luật thiên-nhiên cũng như luật về sinh-lý hay vật-lý vậy. Chức-vụ của Quốc-gia là phải giúp cho thi-hành được tuần-tự, chứ không nên làm ngăn-trở, cũng không nên lấy những luật-pháp vô-bằng mà thay vào. Làm ngăn-trở là thế nào? Có hai cách: một là cách cưỡng-bách, hai là cách giả-mạo.

Phận-sự của quốc-gia vẫn là phải giữ gìn cho các khế-ước được tự-do và được thành-thực ; nhưng nếu làm quá thì là vượt quyền mình. Trong bao lâu người ta vẫn tưởng rằng quốc-gia có quyền được định các luật lao-công, luật giao-dịch, nên mới đặt ra các giá-ngạch, định ra lệ sưu - dịch, lập ra phường thợ-thuyền, v. v. Lại cũng nhân đó mà các đảng xã-hội xướng lên cái thuyết giao cho Quốc-gia quyền sinh-sản và phân-phát cả các tài-hóa trong nước. Các cách ấy đều là làm phương-hại đến quyền tự-do của người ta, và phương-hại cả sự phú-cường trong nước.

Nói thế không phải là nói rằng Quốc-gia không có nghĩa-vụ gì về đường kinh-tế. Quốc-gia cũng như cá-nhân, có cái nghĩa-vụ làm những việc từ-thiện cho nhân-quần. Như việc cứu-tế kẻ bần-khốn, ấy là một chức-quyền cao-thượng của Quốc-gia. Nhưng mà nghĩa-vụ đó là thuộc về nhân-đạo mà thôi ; không phải là quốc-gia thế được cái trách-nhiệm của cá-nhân. Nếu quốc-gia can-thiệp vào việc giao-dịch, việc lao-công, thì chính là đem quyền-lực thay vào trách-nhiệm của cá-nhân vậy.

IV.—Người ta phải lao-công để sinh-sản ra tài-hóa, là cốt để cung-cấp mọi sự cần-dùng của mình, để có cái ăn cái mặc cho nó ấm, nơi ở chốn ngôi cho kín-đáo, và về một phương-diện cao-thượng hơn là có cách mở-màng thần-trí cho sáng-suốt. Người ta sinh-sản ra là để tiêu-dùng đi. Cho sự tiêu-dùng là một điều không hay, thời là nghĩ xấu, như người keo kia chịu nhện dơi để cho có của để. Phàm tài-hóa có dùng được việc, nghĩa là có cung-cấp được sự cần-dùng cho người ta, thì mới có giá-trị. Vậy thời sự tiêu-dùng tài-hóa không phải là một điều không hay, vì đó chính là cái mục-dịch cứu-cánh của

tài-hóa vậy. Nhưng tuy có sinh-sản phải có tiêu-dùng, mà không phải là sinh-sản được bao nhiêu tiêu-dùng đi cả bấy nhiêu đâu : phải để dành lại một phần để tái-sản về sau này. Nhân đó có hai cách tiêu-dùng ; cách tiêu-dùng tiêu cực, nghĩa là tiêu đi là mất hẳn, và cách tiêu-dùng tích-cực, nghĩa là tiêu đi để rồi lại sinh-sản ra nữa.

Nếu người ta sản được bao nhiêu tiêu đi bấy nhiêu, thời lúc tiêu đi rồi cũng không khác gì lúc chưa sản được. Ruộng đất đã sinh-sản rồi, không sinh-sản được hơn nữa, không cung-cấp cho hơn được nữa. Tất phải bỏ đất cũ đi kiếm đất mới, như các dân du-mục, cho đến ngày trên mặt địa-cầu hết cả đất tốt. Bởi đó nên cần phải để lại một phần để tái-sản về sau : đó cũng là một cách tiêu-dùng, vì lúa dùng để gieo hạt cũng là tiêu đi như dùng để ăn vậy, duy ăn đi là mất hẳn mà gieo hạt thời mùa sau lại nảy-nở ra gấp trăm gấp nghìn vậy. Ăn đi, ấy là tiêu-dùng cách tiêu-cực, gieo hạt ấy là tiêu dùng cách tích-cực vậy.

Cứ đó mà suy thời tuy sự tiêu-dùng cách tiêu-cực là cần và chánh-đáng, vì tức là cái mục-dịch cứu-cánh của công-phu khó-nhọc của người ta, nhưng tiêu-dùng như thế chẳng qua cũng là một cách hủy hoại vậy. Cho nên cho sự tiêu-dùng cách tiêu-cực là có ích-lợi cho xã-hội là một điều lầm, vì tài-hóa đã tiêu-hủy đi rồi không còn khôi-phục lại được nữa. Trái lại, sự tiêu-dùng cách tích-cực, nghĩa là tiêu-dùng để tái-sản ra tài-hóa khác cũng phải phí công-phu như cách tiêu-dùng kia, nhưng công-phu này có bổ-ích cho sự phong-phú chung, chứ không phải là tổn-hại cho sự phong-phú chung vậy. Vậy thời nói rằng sự xa-xỉ làm cho người ta giàu có là nói sai vậy.

Nhưng có nên khái-luận mà nói rằng phạm sự xa-xỉ là không nên cả

không? Và cái gì thừa là cái không hay không? Không phải thế. Trước hết, cái giới-hạn sự cần với sự thừa cũng khó mà phân-biệt cho rõ-ràng. Ăn ở cho sạch-sẽ, phong-quang, cho có vẻ lịch-sự, cho có cách vui-thú (như du-lịch, khiêu-vũ, v. v.), cái đó là cần hay là thừa?

Ngoài những sự khoái-lạc về nhục-thể, còn có cái khoái-lạc về mĩ-thuật, kể cũng là một cách xa-xỉ, nhưng là một cách xa-xỉ danh-giá cho loài người. Sau nữa sự xa-xỉ là tùy cái địa-vị trong xã-hội; địa-vị nào cũng có cách xa-xỉ của địa-vị ấy. Vậy thời chỉ có cách xa-xỉ quá-đáng, quá với cái sức của mình, hay là dễ phò-phang với người ngoài, là đáng chê mà thôi: cái giới-hạn nên hay không nên ở đây là thuộc về luân-lý phải định. Kinh-tế-học chỉ dạy ta rằng phạm xa-xỉ (trừ về mĩ-thuật không kể) là tiêu-hủy tài-hóa cả, và khuyên ta nên tiết-kiệm, dù đứng về phương-diện công-lợi hay đứng về phương-diện luân-lý cũng vậy. Cái lẽ đó nói về sự xa-xỉ chung của Quốc-gia hay sự xa-xỉ riêng của cá-nhân cũng thế.

Quốc-gia cũng như cá-nhân cũng cần phải tiêu tiền (việc quân-bị, việc học-chính, việc công-chính, v. v.); vậy cần phải có tiền. Có hai cách thu lấy tiền: một là vay tiền vốn của tư-nhân rồi trả lãi hàng năm gọi là tiền « niền-kim » (*rente*); hai là trích lấy một phần tiền tiêu của mỗi người dân để cung-cấp về các khoản tiêu chung của nhà-nước, thế gọi là đánh thuế. Các nhà kinh-tế-học thường thảo-luận cho biết trong hai cách công-thải và thuế-khóa đó cách nào là hay hơn. Khi khẩn-cấp thì cần phải mộ công-thải: như cung-cấp về việc chiến-tranh, khẩn-thiết đến ngay, thì tiền thuế thường không đủ được. Nhưng công-thải có điều nguy-hiểm, vì là một cách dung-dị

quá, và đem sự kinh-phi hiện-thời bắt tương-lai phải gánh vác vậy.

Gọi là « công-thải » là những khoản tiền của Nhà-nước vay của tư-nhân. Công-thải có hai thể: một thể nhất-định (*dette consolidée*), một thể vị-định (*floating*). Nhất-định là khi nào có biên vào sổ cái Nhà-nước, có quốc-luật chuẩn-định; vị-định là lâm-thời có việc tiêu cần phải vay tạm để đợi đến vụ thuế sau. Nhà-nước vay thời tiền gốc trả dần, trong một kỳ-hạn bao nhiêu đó, gọi là « trả khấu gốc » (*amortissement*). Lại có cách trả nữa, gọi là cách « biến-thải » (*conversion des rentes*), nghĩa là xin trả gốc hay xin giảm lãi. Lệ thường thì lỗi cho Nhà-nước vay để lấy *rente* hàng năm là lỗi cho vay hủy gốc, nhưng thẳng-hoặc Nhà-nước có cách trả được mà xin trả thì người chủ nợ cũng phải nhận, không thời phải chịu giảm số *rente* đi.

Còn như thuế là cái phần Nhà-nước bắt mỗi người dân phải nộp để cung-cấp các khoản kinh-phi chung. Các nhà Kinh-tế-học thường xét xem sự đánh thuế là một sự hay, hay một sự dở. Thực ra thì là một sự cần. Phạm làm việc gì cũng phải có công. Việc của Nhà-nước không lẽ không công được. Nhà-nước giữ cho ta được yên-ổn làm ăn, ta đóng thuế tức là trả công cho Nhà-nước cũng như trả công người thợ may hay người thợ giầy vậy.

Nay phần thuế phải định theo phép-tắc gì? Theo phép bình-đẳng (*égalité*), theo lẽ tương-đương (*proportionnalité*), hay theo lẽ tiệm-tiến (*progression*)? Cứ lý-thuyết thì không có lẽ gì mà lại không bắt cả mọi người dân trong nước phải nộp thuế đều bằng nhau: vì quốc-gia đối với người nghèo cũng như đối với người giàu, cũng phải tiêu phi như thế. Phòng-bị trị-an, tài-phản công-lý cũng như nhau cả. Tuy-nhiên cũng có thể lấy cái cơ-ràng người giàu có nhiều

của thì phải mạo-hiểm hơn, nên cần phải phòng-bị hơn người nghèo không có gì, vậy phải trả công Nhà-nước hậu hơn. Nhưng cứ thực thì cái lý-do là thuộc về công-nghĩa, về nhân-đạo : bắt người nghèo cũng phải nộp thuế bằng người giàu là trái với lẽ công-bằng vậy ; bởi thế nên các nước văn-minh đều khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa tương-dương, nghĩa là tùy theo tài-sản của mỗi người mà đánh thuế cho tương-dương vậy.

Nay có người lại bàn không những nên đặt thuế tương-dương, mà lại nên đặt thuế tiệm-tiến, nghĩa là càng giàu bao nhiêu thì thuế lại càng tăng lên bấy nhiêu. Như thế thì cũng khi quá. Vì như trên kia vừa nói, ngay thuế tương-dương cũng là thiên-vị người nghèo rồi, nếu đặt thuế tiệm-tiến thì thành ra bất-bình-đẳng quá. Thuế tương-dương là định một cái tỉ-lệ nhất-định, thuế tiệm-tiến thì tài-sản tăng lên một bậc, tỉ-lệ cũng theo mà cao lên một tầng. Thuế tương-dương thì thí-độ lấy cái tỉ-lệ 1/100 (một phần trăm) làm nhất-định, người giàu người nghèo cũng thế. Tỉ như số thu-nhập có 100 đồng thì thuế phải một đồng, 1000 đồng thì phải 10 đồng, 100.000 đồng thì phải 1000 đồng, v.v., tỉ-lệ bao giờ cũng tương-dương như thế. Đến như thuế tiệm-tiến thì khác, số thu-nhập càng tăng lên, thì tỉ-lệ thuế cũng lần lần tăng theo, thí-dụ : đến giới-hạn bao nhiêu thì lệ là 1/100, quá giới-hạn ấy là 2/100; quá nữa là 3/100; v v. Cách đánh thuế như thế thì có tổn-hại đến cả tư-bản, và tỏ ra cái khuynh-hướng muốn thu

của riêng làm của công ; tức là một cái giả-trang của chủ-nghĩa cộng-sản vậy.

Thuế có hai thứ : thuế trực-tiếp và thuế gián-tiếp.

Thuế trực-tiếp là thuế Nhà nước bắt đich-danh từng người phải nộp. Thuế gián-tiếp là thuế đánh vào các hàng-hóa sản-vật, lẫn với giá các hóa-vật ấy, ai mua hay dùng phải chịu. Thuế gián-tiếp có điều tiện, là người phải chịu không biết. Nhưng tiện mà cũng có nguy-hiểm, vì dễ đặt quá, sợ lạm-dụng.

Nhà nước thu vào phát ra cũng phải có sổ-sách. Sổ dự-toán là cái biểu dự-kê những khoản chi khoản thu của Nhà nước trong một thời-kỳ nhất-định, hai bên chi thu phải cho đối-chiếu nhau. Cái lý-do sở dĩ phải đặt ra sổ dự-toán là phạm các xã-hội văn-minh đều tôn-trọng cái công-lệ như sau này : là thuế đặt ra phải có quốc-dân công-nhận mới được. Nhân đó phải kê ra cái biểu các khoản chi-tiêu cần để báo trước cho quốc-dân biết, rồi theo đó mà định các khoản thu-nhập tương-dương, nghĩa là định số thuế phải bắt dân nộp. Biểu kê đó cứ mỗi năm phải làm, vì số chi số thu tùy mỗi lúc mỗi thay đổi. Sổ dự toán mỗi năm phải đem ra Nghị-viện quyết-nghị. Đó không những là một cái bảo-chương về kinh-tế, mà lại là một cái bảo-chương rất có giá-trị về chính-trị nữa, và là tiêu-biểu cho quyền tự-do chính-trị vậy.

HỒNG-NHÂN biên-dịch

# THUẬT-BÌNH VỀ CHỦ-NGHĨA LUÂN-LÝ TÂY PHƯƠNG

Các bậc tiên-dân nước ta bàn về chủ-nghĩa luân-lý đều có chủ-trương cả, chúng ta đều tuân theo sở-vấn sở-tri mà làm, cũng đều sở-đắc được khá cả. Gần đây muôn nước giao-thông, cái tư-tưởng Tây-phương dần dần thâm-nhập, nên những kẻ học-sinh tuổi trẻ mới có cái bụng muốn nghiên-cứu về cái chủ-nghĩa luân-lý của Tây-phương, song các sách-vở còn chưa dịch ra chữ Hán, nên những người có chí cũng không biết dò dẫu mà nghiên-cứu được. Nay đem cái bài của Thâm-tĩnh-an-văn-thị đã nghiên-cứu qua rồi, mà phiên-dịch ra để giới-thiệu cho người nước biết, cũng là giúp một phần cho những kẻ dốc-chí tìm-tu vậy.

## I. — Chủ-nghĩa cấm-dục

Chủ-nghĩa cấm-dục 禁欲主義 lại có một tên là chủ-nghĩa khắc-kỷ 克己, chủ-nghĩa nghiêm-lúc 嚴肅. Chủ-nghĩa cấm-dục có hai nghĩa; một là chủ-nghĩa cấm-dục thuộc về luân-lý-học và triết-học; hai là chủ-nghĩa cấm-dục thuộc về tôn-giáo.

Chủ-nghĩa cấm-dục về luân-lý-học và triết-học, thì cho nhân-dục là cái nguồn tội-ác, phải nên ức-chế mà làm cho tuyệt-diệt đi, mới hay làm cho thành-dức được. Cứ như cái thuyết ấy thì cho rằng thích ăn ngon, ưa sắc đẹp, là cái tính chung của cả loài động-vật, song cái tính thiện của người ta thì không phải thế. Tuy rằng đến những điều hoa-danh hậu-lợi cũng không đủ quý, cái mục-dịch của đời người ta chỉ cốt làm sao cho thoát khỏi những điều trói buộc về tình-dục, theo thiên-lý

mà làm cho nén bớt những điều nhân-dục đi, ấy là việc cốt-tử của đời người ta đó. Trước nhất phải lấy cái lòng nhân-nghĩa lễ-tri, mà chế bớt cái dục của tai mắt mồm, cái chủ-nghĩa ấy thực là một điều đặc-sắc của tôn-giáo các nước Đông-dương. Tôn-giáo của các nước Đông-dương đều cốt tu-hành sao cho phá bỏ những điều phiền-não mà đạt đến cái cõi an-tâm là hơn. Như là Phật-giáo thì lấy « Giới, Định, Tuệ » ba phép, để thoát bỏ cái bó-buộc về đường u-ám phiền-não, trừ bỏ cái dơ-bẩn, vọng-niệm, ác-nghiệp, mong cho đến cái cõi « nát-bản thường-trụ đại-an-lạc ». Lại như bên Tây-dương thì có Cơ-dốc-giáo, bảo rằng người ta cốt phải lo cho trọn-vẹn lấy linh-tính, chớ không cần gì cầu sướng cái nhục-thê, mong cho hưởng-thụ được cái vui-sướng trên thiên-dương là hơn, ấy cũng là theo cái chủ-nghĩa cấm-dục.

Lại xem như cái tư-tưởng về đời cổ Hi-lạp, cũng có cái chủ-nghĩa cấm-dục, như ông Tất-đạt-kha-lạp-ty (PYTHAGORE) cố giữ lấy cái giới-luật nghiêm-chính, hết sức đề-xương cái thuyết cấm-dục. Khuyển-nho học-phái (*les Cyniques*) cho rằng phúc với đức là một, bảo rằng người ta nếu có đức, thì không cần phải cầu hạnh-phúc gì khác nữa, bài-bác hết những sự khoái-lạc trong cõi đời. Truyền đến phái Ty-đa-cát (*Stoiciens*) thì rất là khuynh-hướng theo về chủ-nghĩa ấy, chỉ cốt lấy lý-tính mà nén bỏ hết mọi sự tình-dục, không để cho những điều khoái-lạc thống-khổ nó làm lay-động được, giữ

(1) Nguyên bài Hán-văn của Dương Xương-Tế 楊昌濟 dịch đăng ở trong tập *Đông-Phương Văn-khố*.

được cái trạng-thái như thế thì là bất-dộng-tâm, tu đến được cõi ấy thì gọi là bậc thánh-nhân. Học-phái này thì có Bách-lạp-dồ (PLATON) cũng đã có cái tư-tưởng như thế; tư-tưởng-giới Hi-lạp về kỳ cuối lại có học-phái Bách-lạp-dồ mới nữa, chỉ chuyên lấy giải-thoát làm nguồn-gốc cho mọi đức, lấy cái điều giải-thoát được vật-chất hệ-lụy cùng với thần hợp-nhất là đạo-đức cực-tri. Bọn giáo-dồ Cơ-đốc cũng thực-hành cái nghĩa cấm-dục; nhưng hồi thế-kỷ thứ hai, cái cách sinh-hoạt không lấy vợ lấy chồng, người ta đều lấy làm tôn-trọng, đến hồi thế-kỷ thứ tư lại càng chuộng lắm, những cách sinh-hoạt thanh-bần, ở một mình, trốn đời, tuyệt ăn, đều là cách sinh-hoạt về lý-tưởng không thể thiếu được.

Đến đời gần đây, chủ-trương theo về chủ-nghĩa cấm-dục ấy là Khang-đức (KANT), ông bảo rằng lý-tính ấy là cái bản-tính của người ta; còn như cái động-vật ở bề ngoài đều là bị cái cảm-tình nó thống-ngự cả; con người ta nguyên là lý-tính nó thống-ngự, nếu trái lý-tính mà đi cầu sự khoái-lạc, thì mới sinh ra có tội-ác, nếu hay ức-chế dục-vọng, phục theo lý-tính, thì mọi điều thiện mới phát-sinh ra được. Cái mục-dịch của đời người, cốt phải lấy phục-tùng mệnh-lệnh của lý-tính làm bản-vụ, cứ làm theo bản-vụ thì không bị phải dục-vọng cảm-tình nó làm lay-động. Phép đạo-đức là cái mệnh-lệnh của lý-tính, tuyệt-đối không gì hơn được, chúng ta phải nên một phép phục-tùng; cứ như chủ-nghĩa ấy gọi là chủ-nghĩa nghiêm-túc.

Cái chủ-nghĩa cấm-dục về đường tôn-giáo, cùng với những chủ-nghĩa nói trên này cũng không khác gì mấy, chỉ cốt tuyệt-diệt tình-dục đi để mong được cứu-giúp nhân-thế, bèn chán bỏ cái đời hiện-tại mà thiết-tưởng ra một cái đời vị-lai, đó là một phái Phật-giáo về giáo Ấn-độ, còn như phái Ái-sắc-nội-

ty (*esséniens*) ở Do-thái, phái Thoái-lạp-phá y-thái (*thérapenthes* ở Ai-cập, phái Bách-lạp-dồ mới ở Lịch-son-phủ cũng đại-khái như thế cả. Giáo-dồ Cơ-đốc cũng có cái tư-tưởng như thế, đã nói rõ như trên. Suy làm cho đến cùng ra không những là chế-dục mà thôi, lại bày ra các phương-p pháp làm cho thân-thể khô-cực, đó gọi là cách tu-hành khổ-hạnh.

Nay xét cái lúc cảm-tình người ta phát-động, thường không nghĩ gì đến phải trái lợi hại, không nghĩ kén chọn điều dở điều hay, có lúc cảm-tình vượt ra ngoài phép thường, thì phải có cái đề chỉ-dẫn mới được, mà cái đề chỉ-dẫn tức là lý-tính. Cái chủ-nghĩa cấm-dục là cốt nhận lấy cái giá-trị của lý-tính để ức-chế cái cảm-tình vọng-động đi, như thế thì không nên bài-bác. Nhưng thiên-trọng về lý-tính quá mà bác hẳn cảm-tình đi, bảo rằng hai điều ấy không thể dung nhau được thì là lầm. Phạm những điều hành-vi chính-đáng, đều là bởi lý-tính ức-chế cái cảm-tình nó vừa độ, để làm cho tới cái mục-dịch nhất-định. Muốn làm cho tới cái mục-dịch nhất-định, thì phải có lý-tính và cảm-tình hai cái cùng hoạt-động. Cảm-tình cũng có lúc nó vọng-động khiến cho lòng dục-vọng không khỏi phát-sinh ra bậy, nhưng cứ vừa độ làm cho chỉnh-lý lại, để cho nó đến thành-công, khỏi đến nổi thất-vọng, đó đều nhờ về cái tác-dụng của lý-tính. Cảm-tình tuy cũng có lúc nó làm cho khỏi ra cái dục-vọng không hợp lẽ, khiến cho người ta thường mắc phải tội-ác, nhưng cũng giúp cho người ta lấy cái khí hành-động hoạt-bát; điều ác vẫn dành là bởi cảm-tình mà sinh ra, song điều thiện cũng phải bởi cảm-tình mới thành được, cốt phải khéo thao-túng cái cảm-tình ấy cho vừa phải mà thôi. Nếu chỉ cho cảm-tình là cái nguồn sinh ra tội-ác mà nhất-thiết bài-bác đi, thì chẳng là quá lắm ư?

Cái chủ-nghĩa cấm-dục chỉ cốt lấy lý-tính mà ức-chế chomất cảm-tình đi, quyết không để cho lòng dục-vọng và những điều khoái-lạc nó làm lay-động, như thế thì thực là trái với cái tính tự-nhiên của người ta. Những điều khoái-lạc cũng có cách cao thượng, có cách hèn-hạ; cách khoái-lạc hèn-hạ thì vẫn là nên bài-bác, còn như cách khoái-lạc cao-thượng thì có lẽ nào cũng bài-bác cả đi. Thế mà theo như chủ-nghĩa cấm-dục, thì bài-bác hết cả mọi sự khoái-lạc, thế chẳng phải là nghiêm-khắc quá mà không thích-hợp với sự thực-tế ư? Người ta mà bị phải mọi sự khoái-lạc nó sai khiến đi thì thực là không nên, nhưng phải biết rằng đời người cũng không thể thiếu sự khoái-lạc được; nếu một đời người mà bỏ hết cả sự khoái-lạc, thì thực là nhạt-nhẽo mà buồn tênh! Tu-hành cho đến bậc bất-động-tâm, có thể trách mong tất cả người đời được đâu. Vả lại những điều cảm-tình và dục-vọng là cái nguyên-dộng-lực cho sự hành-vi, nếu không còn có một tí cảm-tình dục-vọng nào, thì sự hành-vi cũng không hay thành-lập được. Nay muốn làm ức-chế cho tuyệt-diệt đi, thì cũng không thể hành-vi được nữa. Không những là không thể hành-vi được mà thôi, rồi tự mình cũng đến tiêu-diệt đi; tự mình tiêu-diệt đi rồi, thì đến cái lý-tính mà mình tôn-trọng xưa nay cũng là đồng-qui tiêu-diệt cả, há chẳng là trái ngược lắm ru!

Cứ như cái tư-tưởng của Khang-đức thì phạm sự gì chỉ theo cái máy động của cảm-tình mà làm, thì sự hành-vi ấy không có cái giá-trị đạo-đức; duy phải phục-tùng cái mệnh-lệnh của lý-tính mà theo làm việc bản-vụ của mình, thì cái hành-vi ấy mới có giá-trị. Nói như thế thì không thông. Nếu như vậy thì ai thấy người bất-ý mắc sự tai-nạn, mà động lòng thương-xót vội-vàng chạy đến cứu, đều không phải đạo-đức cả, chỉ có khi mình làm cái

bản-vụ của mình mà tự mình nghĩ đến cứu-hộ người nào thì mới là đạo-đức nói như thế thì sai-lầm lắm. Nếu như thế thì quả thực là tự cái tình-ái của mình mà phát ra chơi thân với ai hoặc là tự ái-tình mà khởi nên cuộc hòa-lạc trong gia-đình, hoặc là tự trong bụng trắc-ần mà sinh ra việc từ-thiện tự lòng tu-ố mà hay tự hạn-chế được điều dở, như thế đều không phải là đạo-đức cả. Duy có điều gì mình tuy không muốn, chỉ vì bản-vụ mà mình phải miễn-cưỡng làm theo, thì mới là thuận-túy đạo-đức, nếu pha thêm một chút tình yêu ghét gì vào thì không phải là đạo-đức, khi nào lại có cái sự trái lẽ như thế bao giờ. Có bậc thi-nhân là Tây-lê-nhĩ (SCHILLER) vẫn là đốc-tín triết-học của Khang-đức, nhưng về luân-lý học-thuyết thì ông không chịu là phải. Ông bảo rằng người ta khi bình-nhật chỉ cứ lấy cái tình hữu-ái mà chơi với bạn là phải, nay cứ theo như cái thuyết của Khang-đức, thì đều cho là không hợp với đạo-đức, thế thì ta biết sao cho phải? Chúng ta sống được làm cho phải, là chỉ có một đường mà thôi, như là ta vốn hiền ghét người bạn ấy, song nhân mình vì phải làm bản-vụ mà phải giao chơi, như thế mới là hợp với đạo-đức; Khang-đức nói như thế có phải không?

## II. — Chủ-nghĩa khoái-lạc

Chủ-nghĩa khoái-lạc 快樂主義 cũng gọi là khoái-lạc-thuyết 快樂說, khoái-lạc-luận 快樂論. Cái chủ-nghĩa ấy cho rằng đời người ta mục-dịch chỉ ở về khoái-lạc, đương lúc lưỡng-tính sự hành-vi, chỉ cốt tính sao cho được khoái-lạc. Lúc hành-vi mà cử-động ra như thế nào thì không cần hỏi chi, chỉ tính cái kết-quả về sau có hẳn được khoái-lạc không? Cái giá-trị của sự hành-vi, chỉ vụ về đường thêm sự khoái-lạc và bớt sự thống-khổ đi mà thôi, đó là lời bàn chung về khoái-lạc

chủ-nghĩa. Còn như cái cách khoái-lạc thế nào thì mỗi thuyết bàn một khác, có người chỉ cốt khoái-lạc về đường nhục-dục, có người chủ khoái-lạc về đường tinh-thần, có người lấy khoái-lạc một mình làm mục-dịch, có người lấy khoái-lạc cho cả công-chúng xã-hội làm mục-dịch. Cái thuyết chủ khoái-lạc cho công-chúng thì hoặc chỉ cốt làm khoái-lạc cho người ta, hoặc không phân-biệt người với ta hơn kém gì cả, chỉ cốt làm cho đại-đa-số đều được khoái-lạc hạnh-phúc mà thôi, sẽ lược-thuật ra như sau :

Chủ-nghĩa khoái-lạc ở về đời cổ Hi-lạp là tự A-ly-ti-thế-phổ-ti (ARISTIPPUS) xướng lên, ông ấy là một người trong phái Cơ-liệt-nội, (phái Cơ-liệt-nội là một học-phái về Thoá-cách-lap-đề). Phái ấy cho rằng phúc với đức cũng cùng là một, mà phúc tức là sự khoái-lạc, cho sự khoái-lạc tức là cái mục-dịch cuối cùng của đời người. Đời người ta từ khi nhỏ, không biết không hay, tự-nhiên bị phải sự khoái-lạc nó dẫn-du đi, đã vớ được một lần sướng, lại muốn được sướng nữa. Mà người ta thì rất ghét là sự thống-khổ. Song người ta cho sự khoái-lạc ấy chẳng qua chỉ là cái khoái-lạc tích-cực trong một lúc, chứ không phải là cái khoái-lạc về đường tinh-thần, hòa-bình lâu dài mà hay thoát-trừ được sự thống-kuò. Họ bảo nhau rằng: « Ta nên sung-sướng ngay đời hiện-tại đi ! » Lại bảo rằng: « Ta nên ăn đi, nên uống đi, ta nên vui sướng ngay đi ! Không khéo thì ngày mai ta chết đến nơi đấy ! » Xem họ tư-tưởng như thế, thì ra họ chỉ chuyên trọng về cái khoái-lạc nhục-thể, về cái khoái-lạc tích-cực mà thôi.

Đến Y-bích-cư-a-lỗ (EPICURE) lại càng phát-minh cái chủ-nghĩa khoái-lạc, lập thành ra một học thuyết có thống-hệ. Cứ như cái tư-tưởng ông ấy thì cho rằng phạm đức-hạnh với học-

vấn cũng đều theo cái cách được khoái-lạc chừng nào mới có giá-trị, cả đến triết-học cũng thế. Khoái-lạc là một việc thiện rất lớn, thống-khổ là một việc ác không gì bằng. Cái sự khoái-lạc êm-dềm mà thoát khỏi mọi điều thống-khổ, so với cái sự khoái-lạc tích-cực đầy đủ mọi vật nhu-cầu, thì sự khoái-lạc êm-dềm là cao-thượng hơn. Còn như cảm về nhục-dục mà khoái-lạc chẳng qua là khoái-lạc về hiện-tại mà thôi. Khoái-lạc về tinh-thần thì hay cảm-thông suốt cả quá-khứ, hiện-tại, vị-lai. Cái cách khoái-lạc về tinh-thần so với cái cách khoái-lạc về nhục-thể có phần mạnh hơn mà lại cao-thượng hơn. Cái trạng-thái mong được yên-lĩnh mà không cái gì là không đủ, đó là cái cõi lý-tưởng của người ta ai cũng muốn như thế cả. Nếu ai hay đến được cái cõi như thế, thì mới là hiền. Họ bảo rằng: « Chúng ta tuy lấy khoái-lạc làm điều hay cốt-tử, nhưng không phải trở về cái khoái-lạc chỉ say đắm về tửu-sắc ; ta mà gọi là khoái-lạc chỉ cốt khiến cho cái nhục-thể khỏi chịu cái lụy thống-khổ, và đừng để cho tinh-thần phải chịu cái khổn-khổ rắc-rối mà thôi. » Lại bảo rằng: « Ta chỉ có cái bánh mì và nước lã, ta có thể ganh đua với thần mà cùng tranh lấy hạnh-phúc. » Xem nói như thế thì biết là rất chú-trọng khoái-lạc về đường tinh-thần, xưa nay những cái chủ-nghĩa khoái-lạc thô-thiền đều hoá đi hết cả. Đến Đoái-mạc-khắc-ly-thốt-ty (DÉMOCRITE) lại càng chú-trọng về tinh-thần khoái-lạc, mà bài-bác hẳn cái khoái-lạc nhục-thể, chỉ lấy điềm-đạm an-tĩnh làm cốt, và nói rõ cái phương-pháp muốn làm cho đến nơi chỉ cốt mong luyện lấy tinh-thần.

Đến đời gần đây cái chủ-nghĩa khoái-lạc lại càng phát-minh chia ra nhiều phái. Có phái lấy sự khoái-lạc làm sướng nhất cho mình, làm cái mục-dịch cho mọi sự hành-vi đời

người ta ; như ở nước Anh thì có Hoắc-bổ-ty (HOBBS), Mạn - đức - uy - nhĩ (MANDEVILLE), nước Đức thì có lũ Ni-thái (NIETZSCHE) xướng lên. Có phái lấy sự khoái-lạc cho tất cả công chúng làm một điều lý-tưởng về đạo-đức, như ở nước Anh thì có lũ Phối-liệt (PALEY), Biên-tãm (BENTHAM), cha con Mục-lặc (STUART MILL) xướng lên. Phái chủ khoái-lạc cho mình thì là cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc, lợi-kỷkhoái-lạc mà cũng tức là lợi-kỷ chủ-nghĩa. Phái chủ khoái-lạc cho công-chúng thì là cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc, phổ-cập khoái-lạc, mà cũng tức là công-lợi chủ-nghĩa. Người Pháp là Khổng-đặc (COMTE) mới xướng ra cái chủ-nghĩa lợi-tha 利他主義 đó, cũng tức là cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc. Có kẻ lấy cái luật tiến-hóa của loài Sinh-vật, xét xem có thích-dụng cho việc người, rồi lại lấy những sự tiến-hóa của loài người làm tiêu-chuẩn cho sự hành-vi, bảo rằng hề điều gì giúp cho sự hành-vi tiến-hóa của loài người mà sinh ra khoái-lạc thì là thiện, mà điều gì ngăn-trở sự hành-vi tiến-hóa của loài người sinh ra thống-khổ thì là ác, đó tức là cái chủ-nghĩa tiến-hóa khoái-lạc, mà cũng là cái chủ-nghĩa công-lợi tiến hóa, cái chủ-nghĩa ấy là tự người nước Anh là Ty-tân-tắc-nhĩ (SPENCER) và Ty-đế-phân (STEPHEN) xướng lên. Ba cái nghĩa khoái-lạc nói ở trên đó, sẽ phân biệt thuật ra như sau.

Ai cũng biết rằng cầu sướng tránh khổ, vốn là cái bản-năng của các loài động-vật, loài nào cũng vậy nữa là loài người ta cũng không thể ngoài được cái lệ ấy ; nếu bảo rằng đạo-đức là không nên trái tính người, thì cái giá-trị về luân-lý khoái-lạc không thể sao định được. Những người chỉ hiểu về duy-lý chủ-nghĩa 唯理主義, cứ lấy con mắt mà xem ra thì không có một chút gì là khoái-lạc, thậm-chí lại cho những người được hưởng-thụ khoái-

lạc làm tội-ác, như thế thì thực không hiểu rõ đến cái tính người ta vậy. Lại xét về sinh-lý-học và tâm-lý-học mà nói thì phạm điều gì hay thúc-giục các cơ-quan tác-dụng của tâm-thần người ta, nó thường làm cho khỏi lên cái thú khoái-lạc, nếu át-chỉ nó đi thì khiến cho người ta lại phải cảm nỗi thống-khổ. Lại lấy cái lẽ xã-hội-học mà nói, thì phạm cái gì hay giúp về đường tác-dụng để làm cho người ta tiến-bộ phát-dạt thì thường sinh ra khoái-lạc, nếu ngăn-trở đi thì là phải chịu thống-khổ. Xem đó thì biết không kỳ là cá-nhân hay là xã-hội, hề đương lúc người ta phát-siêu đều có một thú khoái-lạc nó theo làm bạn. Người ta nếu không khoái-lạc, thì không thể sinh-lớn được. Phổng-thủ người ta sớm tối sinh-hoạt mà trừ bỏ sự khoái-lạc ra, thì đời người còn có gì là thú nữa ? Cái khoái-lạc rất cao-thượng về đờng tinh-thần, có thể làm cho mạnh cái lòng tự-tin của người ta ra, mà lại giúp cho người ta hăng-hái cố sức yên-ủi cho như g lúc thất-bại, hay làm cho người ta thành được nhân-cách. Xem thế thì có thể biết được cái giá-trị của khoái-lạc, và xét được cái căn-cứ của chủ-nghĩa khoái-lạc vậy.

Tuy rằng thế, chủ-nghĩa khoái-lạc cũng có cái khốn-nạn không thể tránh được. Khoái-lạc vốn không có cái tinh-chất gì nên lập ra chủ-nghĩa, đặt ra học-thuyết, để cho người ta phải truy-cầu mãi. Xướng lên cái chủ-nghĩa khoái-lạc mà bảo rằng cái mục-dịch hành-vi của người ta là cốt cầu lấy khoái-lạc, nhưng thực không phải thế ; người ta không phải cả đời chỉ chuyên cầu lấy sự khoái-lạc đâu, chỉ cốt mong cho đủ sự yêu-cầu ở phần trên khoái-lạc kia. Cái mục-dịch hành-vi của người ta, cốt là mong được hành-vi cho hoạt-động, chứ không phải chỉ ở khoái-lạc, khoái-lạc là lúc đã sung-túc cái dục-vọng nhất-định rồi mà hoạt-

động tiến-hành không lúc nào trệ-ngại, đến lúc hoạt-dộng trọn- vẹn rồi thì nó tự-nhiên khởi ra cái trạng-thái tinh-thần khoái-lạc. Cái khoái-lạc của một người, không phải là cái khoái-lạc của người khác ; cái thống-khổ của một người, không phải là cái thống-khổ của người khác ; vậy không thể cho khoái-lạc là cái lý-tượng về đạo-đức được, mà cũng không thể cứ băng theo sự khoái-lạc để bình-phẩm mọi sự hành-vi được. Vả lại cái tính-chất của cảm-tình nó chuyển-dộng mỗi lúc một khác, cái người chỉ lấy khoái-lạc làm mục-dịch mà hành-dộng, thì lại không được khoái-lạc. Muốn được khoái-lạc không cứ là phải chuyển tâm cầu lấy, chỉ cốt tại doanh-cầu sự khoái-lạc mà sinh ra cái cách hoạt-dộng, nếu hay hoạt-dộng tiến-hành mãi không trệ-ngại chút nào, thì tự-nhiên là khoái-lạc theo đến ngay. Nếu chỉ lấy khoái-lạc làm mục-dịch, lúc nào cũng để ở trong tâm, thì khiến người ta làm việc gì cũng sinh lòng táo-cấp không hay theo được cái thứ bậc nhất định, rồi sau kết-quả lại được những sự trái-ngược với lòng mong muốn khi xưa, muốn khoái-lạc không thể được nữa, lại phải chịu sự thống-khổ, như thế là cái nghịch-lý của chủ-nghĩa khoái-lạc. Vả cái sự khoái-lạc cũng không phải đợi ai dạy mà người ta cũng nghĩ ra được cả, nếu sai đi một bước, thì hay làm cho người ta phạm đến tội-ác về pháp-luật, về đạo-đức ngay ; nếu nay mà dựng ra chủ-nghĩa, đặt ra học-thuyết mà bảo rằng : « Khoái-lạc là cái mục-dịch của đời người đấy, là cái lý-tượng của đạo-đức đó ; » nếu nói như thế thì cái kết-quả không biết ra thế nào. Có người bảo rằng nếu xưng ra cái chủ-nghĩa khoái-lạc thì khiến người ta phải làm nô-lệ cho khoái-lạc, dẫn-dụ người ta hãm vào cái vực sâu bất-nghĩa bất-đức, người nào xưng ra cái

chủ-nghĩa ấy không thể cãi sao được nữa. Nói rút lại, khoái-lạc là cái sự-thực về tâm-lý, không thể cho là cái lý-tượng của đạo-đức được.

### III—Chủ-nghĩa khoái-lạc của cá-nhân

Chủ-nghĩa khoái-lạc của cá-nhân phân ra có nhiều nghĩa : Có người cho sự khoái-lạc với hạnh-phúc của mình là một ; có người chỉ cốt lấy khoái-lạc nhục-thể của mình làm thích ; có người lại lấy khoái-lạc về tinh-thần làm cốt. Nay lược-thuật cái thuyết của Hoắc-bố-ty bảo rằng : Người ta ai cũng có cái bản-năng để bảo-tồn cho mình, bằng ngày chỉ lo cho mình được an-toàn không lúc nào ngại ; có cái điều hoạt-dộng hay giúp đỡ mình để bảo-tồn cho mình, là cái khoái-lạc nó thường bận theo mình ; có cái hoạt-dộng lại hay phản-đối mình là cái thống-khổ nó cũng thường hay theo mình. Người ta sinh ra ai cũng có cái tính-chất lợi-kỷ, thường mong được cái khoái-lạc cho mình ; cho đến những sự hành-vi làm lợi cho người, cũng tức là làm lợi về mình cả. Xem như mình trông thấy người khác gặp sự bất-hạnh mà sinh ra cái tình thương xót, đó cũng bởi mình tưởng-tượng khi mình gặp phải cái cảnh bất-hạnh ấy nên mới sinh ra lòng thương vậy. Người ta tổ-chức ra một xã-hội, thì cũng phải thừa-nhận những điều quyền-lợi cho người mà phải bảo-hộ sinh-mệnh cho người, đó cũng là muốn được phần lợi-ích cho mình cả. Người ta mà làm điều đạo-đức, cũng là bởi có gián-tiếp giúp cho mình để bảo-tồn tự-kỷ. Dầu đến quốc-gia mà thành-lập ra, cũng gây ra tự cái tính-chất lợi-kỷ ; song người ta ai cũng cốt lấy mình làm trung-tâm mà hành-dộng, thì sinh ra tranh-cướp nuốt sống nhau, thế thì sinh-mệnh tài-sản cũng khó an-toàn được, hỏi vậy phải lập ra kết-tước, để hạn-chế cái dục-vọng mọi

người, mà tổ-chức quốc-gia, lập ra chủ-quyền, cũng phải cho lấy cái quyền-năng tuyệt-đối mà cai-trị, mà mọi người đều phải phục-tùng, để cho đều được làm cái ý-chí, như thế mới có thể hòa-bình và mới hay bảo-tồn được tự-kỷ; pháp-luật tức là cái chuẩn-dịch để phán-đoán sự hành-vi đó.

Như trên đã nói thì khoái-lạc đời người ta không thể thiếu được; vậy thì cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc cũng không nên nhất-khái bài-bác. Tuy rằng thế, cái chủ-nghĩa ấy cũng phải nên bàn xét lại, người ta ai cũng có cái bản-năng bảo-tồn tự-kỷ, đó là sự-thực; lại có cái cách hoạt-động nó hay giúp cho để bảo-tồn tự-kỷ thì là sự khoái-lạc, mà cũng có cách hoạt-động nó phản-đổi lại, thì là sự thống-khổ, đó cũng là sự-thực. Nhưng mà bảo rằng người ta sinh ra đã có các tính-chất lợi-kỷ ngay, chỉ mong được lấy cái khoái-lạc cho mình, nói như thế thì cũng là thiên quá. Loài người ta khi mới sinh ra vốn không có cái quan-niệm kẻ kia người khác, hoặc vì bản-năng xung-động nó kích-thích mà thành ra cái sự hại cho mình; đến khi tâm-thần người ta nó phát-đạt dần lên mới biết là cần phải bảo-tồn tự-kỷ, khi bấy giờ cái bụng lợi-kỷ mới khởi lên trước, rồi sau mới khởi ra cái bụng lợi-tha. Nếu thấy cái bụng lợi-kỷ khởi lên trước cái bụng lợi-tha, mà bảo rằng người ta sinh ra đã có cái bụng lợi-kỷ ngay, phạm những sự hành-vi lợi-tha cũng là cốt để lợi cho mình cả, nói như thế thì không phải là công-bình. Đương lúc người ta cứu giúp sự khốn-ách cho người, đã hẳn đâu ai cũng nghĩ rằng ngộ mình cũng gặp phải cái sự khốn-ách chẳng may ấy chẳng? Đương lúc người ta hành-vi làm lợi cho người, có phải là chỉ tại mình suy-tính lợi hại mà làm chẳng? Đó chẳng qua là bởi tại cái đồng-tình ái-tình và cái bụng nghĩa-hiệp nó

xui ra phải cứu - giúp cho người và làm lợi cho người đó thôi, chứ bảo rằng tại suy tính lợi hại mà làm thì không phải; làm như thế là tự cái bụng vô-tư vô-ngã, chứ không phải chỉ nghĩ bảo-tồn lấy sự lợi-ích sự khoái-lạc cho mình, chẳng qua chỉ nghĩ lợi cho người mà làm đó thôi, phỏng gặp lúc cần đến có khi phải liều mình mà cứu cho người cũng chẳng hối-hận. Xem đó thì biết cái thuyết bảo rằng: « Người ta ai cũng có cái tính lợi-kỷ, mà hành-vi điều gì mục-dịch cũng chỉ cầu lấy khoái-lạc cho mình, » thuyết ấy thực là không phải. Cái mục-dịch của đời người ta là phải làm cho hoạt-động chứ không phải chỉ cầu khoái-lạc, đến khi hoạt-động nó không vương-vấp cái gì thì tự-nhiên sinh khoái-lạc, thế là khoái-lạc nó tự-nhiên theo sự hành-vi mà sinh ra, chứ không phải mục-dịch ở khoái-lạc. Ta phải biết rằng người ta chỉ muốn cầu lấy cái lý-tưởng cốt-lừ ở trên sự khoái-lạc kia.

Bậc tiên-triết có nói rằng: « Loài người ta cứ xét về tính-chất vốn là một động-vật trong xã-hội. » Thế thì người ta không thể sinh-hoạt một cách cô-độc được, tất phải vì gia-tộc, vì hương-thôn, vì quốc-gia mà cùng mưu-toan một cách sinh-hoạt chung, là tại có sao? Là bởi cái có muốn làm lợi cho người, dầu hi-sinh cái tính-thần của mình đi cũng không tiếc đó mà thôi. Loài người ta tổ-chức ra xã-hội mà phải thừa-nhận cả quyền-lợi của người khác, tổ-chức ra quốc-gia mong giữ lấy sinh-mệnh tài-sản được an-toàn, đó không phải gây ra tự cái tính-chất lợi-kỷ, thực là bởi tự cái tính-chất lợi-tha đó. Nếu người ta ai cũng chỉ là lợi-kỷ cả, thì đến tranh-cướp nhau, nuốt sống nhau, không biết thế nào cho cùng, muốn hạn-chế cái dục-vọng của mọi người cũng không thể nào mà hạn-chế được.

mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé, cái đời người có khi biến thành ra cõi tàn-sát nhau ! Nhưng đâu lại có thể bao giờ, những giống người nào đã phát-đạt lên, đều tỏ-chức ra quốc-gia, để cùng mưu-toan sự sinh-hoạt chung với nhau, đó là bởi cái lòng lợi-kỷ với cái lòng lợi-tha, người ta ai cũng đều có cả. Lòng lợi-kỷ là bởi người ta vốn có cái bản-năng bảo-tồn tự-kỷ, lòng lợi-tha là bởi người ta có cái quan-hệ về huyết-tộc và cái ý-chức đồng-loại, nên mới gồm có cả lòng lợi-kỷ và lòng lợi-tha ; nay lại bảo người ta chỉ có lòng lợi-kỷ mà thôi thì chẳng thiên lắm dư ? Thậm-chí lại bảo người ta chỉ có lòng lợi-kỷ, dẫu rằng những sự hành-vi làm cho lợi-tha, rút lại cũng là lợi-kỷ cả ; nhân thế mới bày ra một chủ-nghĩa lấy cái cách khoái-lạc cá-nhân mà đoán-định cái sự hành-vi sau cùng của đời người ta, cho những sự hành-vi mà hay hưởng được khoái-lạc, trừ được thống-khổ đi, đều là đạo-đức cả, nói như thế thì chỉ để cho những đứa nó làm càn nó tạ-khẩu cãi bậy mà thôi. Người ta vốn có lòng lợi-tha mà lại có lòng lợi-kỷ nữa, nếu chỉ lấy phần tự-kỷ làm trung-tâm mà hành-động, thì có khi bài-sích cả người ta đi để làm cho sung cái lòng dục-vọng của mình, thường đến cái điều bất-pháp bất đức cũng dám làm ; lúc ấy giá có chê cười thì lại cãi rằng đó là theo cái học-thuyết luân-lý dạy như thế đấy, mà nhà đạo-đức cũng cho như thế là phải đấy. Người xướng lên cái chủ-nghĩa ấy sao hay cãi lại được nữa ? Hướng-chỉ lại còn có kẻ chỉ cốt làm cho mình khoái-lạc về đường nhục-dục mà thôi, thì còn cần sao được nữa.

#### IV-Chủ-nghĩa khoái-lạc công-chúng

Chủ-nghĩa khoái-lạc công-chúng tức là chủ-nghĩa công-lợi 功利主義 mà cũng tức là thuyết công-lợi. Cái chủ-nghĩa ấy thì lấy sự khoái-lạc rất lớn để làm cái chuẩn-dịch mà phán-đoán

sự hành-vi ; khoái-lạc rất lớn ấy là cái lượng lớn-lao của sự khoái-lạc trừ bỏ được nhiều sự thống-khổ đi. Bởi cứ tùy cái cách hưởng-thụ khoái-lạc hoặc về tự-kỷ, hoặc về người khác, hoặc về xã-hội, hoặc cả nhân-loại, rồi mới phân-biệt ra các hạng chủ-nghĩa khoái-lạc. Có hạng tiêu-biểu sự khoái-lạc cho mình, tức là cá-nhân khoái-lạc chủ-nghĩa, đời cổ thì có Y-bích-cư-lỗ ở Hi-lạp, đời gần đây thì có Hoắc-bổ-ty ở nước Anh đều xướng lên cái chủ-nghĩa ấy. Có kẻ chỉ cốt cho người ta được khoái-lạc làm mục-dịch, đó là lợi-tha chủ-nghĩa, ở nước Pháp thì có Khổng-đặc xướng lên cái chủ-nghĩa ấy ; có kẻ chỉ cốt làm cho xã-hội hoặc cả nhân-loại và các loài sinh-vật hữu-tình đều khoái-lạc cả, đó tức là công-chúng khoái-lạc chủ-nghĩa, ở đầu thế-kỷ thứ 19 bên nước Anh thì có Phôi-liệt, Biên-tấm, Mục-lặc xướng lên cái chủ-nghĩa ấy. Nay sẽ lược-thuật cái học-thuyết của Biên-tấm và Mục-lặc như sau.

« Trời sinh ra con người ta đứng ở dưới hai cái chủ-quyền trong vũ-trụ. Hai chủ-quyền là cái gì ? Là khoái-lạc và thống-khổ. Phạm việc gì không nên làm, việc gì nên làm, cứ coi về sự sướng với sự khổ làm tiêu-chuẩn. » Đó là lời Biên-tấm tuyên-ngôn ra như thế ; họ bảo rằng điều gì làm mà sinh ra khoái-lạc là thiện, điều gì làm mà sinh ra thống-khổ là ác, đạo-đức chẳng qua là cái phương-pháp hưởng-thụ khoái-lạc, hồi-tị thống-khổ ; người ta ai chẳng muốn cầu khoái-lạc, vậy những sự hành-vi đạo-đức, không phải là chỉ cầu khoái-lạc cho một mình, mà có cốt là cầu khoái-lạc cho công-chúng ; cái mục-dịch cuối cùng của đời người là cốt mong được phần-hạnh-phúc rất lớn cho số rất nhiều người. Cái mục-dịch của sự hành-vi đã chỉ cốt rằng cầu hạnh-phúc cho số phần nhiều, thì phải có cái gì làm tiêu-chuẩn để lường

tính cái hạnh-phúc khoái-lạc ấy. Đại-khái có bảy điều để làm tiêu-chuẩn : cường hay nhược, trảng hay doãn, thực hay không, chậm hay chóng, thuần hay tạp, sức sinh-sản và số người. Sorg đó là chỉ nhận biết sự khoái-lạc có phân-lượng khác nhau, chứ không biết khoái-lạc còn có tinh-chất khác nhau nữa. Mục-lạc bảo rằng sự khoái-lạc không những khác nhau về phân-lượng, mà lại còn có tinh-chất khác nhau nữa, như là khoái-lạc về tinh-thần so với khoái-lạc về vật-chất lại càng cao-thượng. Ông ấy bảo rằng giá làm người mà túng-thiếu còn hơn ; giá mà làm người ngu mà được no đủ, cũng không bằng làm ông Thoa-cách-lạp để mà túng thiếu còn hơn. Xem thế thì ý-kiến của Biên-tám là chủ-nghĩa khoái-lạc về phân-lượng ; mà ý-kiến của Mục-lạc là chủ-nghĩa khoái-lạc về tinh-chất,

Nay ta xét xem những sự hành-vi bất-pháp bất-đức của mọi người, là đều bởi không nghĩ gì đến sự lợi-hại của người khác và xã-hội, chỉ chăm mưu-toan lấy sự lợi-ích cho một mình. Còn những việc lối nết hay là đều bởi hay chăm lo những việc lợi-ích cho người khác và xã-hội công-chúng. Lại như những việc không nên trá-ngụy, không nên trộm-cắp, đều là đạo-đức và pháp-luật răn-cấm cả, đó là bởi phải giữ-gìn trật-tự cho quốc-gia. Đến như điều chính-nghĩa, điều nhân-ái, cũng là bởi mong xã-hội được hòa-bình, nên phải lấy công-đức của xã-hội mà tôn-trọng những điều ấy. Thế thì điều sự thực của đạo-đức cũng có thể theo cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc mà thuyết-minh ra được. Vả lại như chính-trị, pháp-luật, kinh-tế và tất cả chính-sách xã-hội, cái cõi - rê cũng không ngoài cái chủ-nghĩa ấy. Phạm sự-nghiệp của xã-hội quốc-gia, là cốt phải làm cho lợi-dụng hậu-sinh, mong

cho nhân-dân được yên-ôn. Vả vớ xướng lên cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc là tự Biên-tám, Mục-lạc, đều là nhà pháp-luật-học, mà có cái chí kinh-quốc tế-dân cả.

Tuy rằng thế, cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc cũng còn có lắm điều khó. Vì là cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc, thì mục-đích chỉ cốt làm cho mình được khoái-lạc, mà mình được hưởng-thụ cái khoái-lạc ấy mới là đạo-đức, thực là không thể thiếu được. Theo như chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc thì cũng biết rằng có lẽ thế, nên không muốn bài-bác cái làm của chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc, chỉ là muốn hãy gác cái khoái-lạc của mình đi mà lo toan sự khoái-lạc cho xã - hội công-chúng, mới nghe nói ra tưởng là phải lắm. Nhưng loài người ai cũng khát mong sự khoái-lạc, chỉ vì nghĩ rằng hãy bỏ sự khoái-lạc của mình đi mà lo sự khoái-lạc cho công-chúng mới là đạo-đức, thế thì cũng chẳng khác gì cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc mấy tí. Vả lại cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc ấy, cũng là cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc một cách khôn-khéo hơn mà thôi ; tự mình làm ra mặt đạo-đức để cho công-chúng được hưởng khoái-lạc, thì sự khoái-lạc của mình, rồi cũng nhờ về kế-hoạch của người khác mà cũng được hưởng. Phỏng có người hỏi rằng: Người ta làm sao lại phải lo-toan sự khoái-lạc cho công-chúng ? Thì người xướng lên cái chủ-nghĩa ấy tất trả lời rằng : Nếu không làm như thế thì mình cũng không được hưởng khoái-lạc. Vậy nên cái sự làm đạo-đức mà hãy gác cái thú yên-vui của mình đi, trước lo sự sung-sướng cho xã-hội công-chúng, đó thực là có cái tư-tướng : « nếu mình không làm như thế thì mình cũng không được sự khoái-lạc. » Xem thế thì cái chủ-nghĩa ấy chẳng qua giả-cách làm cho khắp cả công-chúng, mà kỳ-thực là chỉ

trị cá-nhân; bề ngoài là lợi-tha mà bề trong thực là lợi-kỷ; thế thì cái chủ-nghĩa cá-nhân khoái-lạc phải bị bài-bác, cái chủ-nghĩa công-chúng này cũng chẳng khỏi chê bai được.

Khoái-lạc là cái lúc dục-vọng của người ta không bị trở-ngại điều gì, và là cái thái-trạng cảm-tình đến lúc nó thỏa-thuê mà sinh ra khoái-lạc, cái tinh-chất nó là chủ-quan. Khoái-lạc của một người không thể làm khoái-lạc cho người khác được; mà cái dục-vọng cũng mỗi người một khác, cho rằng cùng một người mà cũng mỗi lúc mỗi chỗ một khác, cái tinh-thần nó hoạt-động cũng tùy theo cảm-tình nó chuyển-động cũng vô-thường, xét về khách-quan thì không kê chi, cứ theo cách chủ-quan mà xét thì cũng khó mà lượng được; nguyên là sự khoái-lạc nó biến-cải luôn, muốn lường cho biết nhiều ít, như là lấy cân lường đồ-vật cho biết nặng nhẹ, lấy thước đo đồ vật cho biết dài ngắn, thì không thể được. Theo như chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc mà muốn lấy bảy cái tiêu-chuẩn để lường tính, thì cũng quyết không thể lường được. Như là xét về khoái-lạc cường hay nhược, thì có cái thú ở anh Giáp khoái-cảm mạnh thật, mà ở anh Ất thì khoái-cảm lại yếu, sao hay so-sánh được? Ví như một việc đọc sách, ở về người hiếu-học thì khoái-lạc vô-cùng, mà ở về anh dốt-đặc thì thực là đứng-dung nhạt-nhẽo. Lại như xét về khoái-lạc lâu hay chóng, thì như sự khoái-lạc này ở về anh A thì hay lâu bền, mà ở về anh B thì chỉ thoáng qua là hết; thế thì sao hay lấy tiêu-chuẩn mà lường được. Nói tóm lại, khoái-lạc là cái sự-thực ở trong tinh-thần, tính-chất nó là chủ-quan, không thể lường-tính mà biết đích thế nào là cái lượng rất lớn-lao; mà gọi là tối-đại hạnh-phúc, cũng không thể lấy đó làm tiêu-chuẩn cho sự hành-vi được.

Nay nếu bảo rằng sự khoái-lạc có thể lượng biết được, mà gọi là điều hạnh-phúc rất lớn ấy cũng có thể lượng định được, thế thì gọi là cái số rất nhiều đã chắc hẳn là cái phạm-vi nó như thế nào không? Trổ tất cả nhân-dân trong một xã-hội, trong một quốc-gia chẳng? hay là tất cả nhân dân trong toàn thế-giới chẳng? Nếu mà mong cho được công-bình, thì không phải là chỉ hạn về một nơi, là nói về toàn cả thế-giới kia. Song thế-giới rộng lớn, nào là người châu Á, người châu Âu, người châu Mỹ, người châu Úc, cứ lấy cái phép thống-kê mà xét cái toàn-số người Đông-phương, có phần nhiều hơn cái toàn-số người Tây-phương, như thế thì cái chủ-nghĩa công-chúng lại không phải là mong lấy cả hạnh-phúc lớn cho toàn thế-giới, là chỉ mong cho một xã-hội, một quốc-gia mà thôi chẳng? Nếu cho cái số rất nhiều là trổ cả người thế-giới, thì sao cho khắp được. Song đó là mới nói về bề rộng, còn nói về lâu dài thì cái số rất nhiều ấy hẳn là chỉ nói về kẻ sinh-tồn hiện-tại chẳng? hay là bao-hàm nói cả về tương-lai chẳng? Đã gọi là số rất nhiều thì không những là người sinh-tồn hiện-tại, tất là bao-hàm đến cả tương-lai. Quả thế thì suốt mãi tương-lai vô-hạn chẳng? hay là đến lúc nào mới thôi đấy nhỉ? Hỏi như thế thì người xướng lên cái chủ-nghĩa công-chúng khó mà đáp lại được. Huống chi nói rộng ra mà trổ hết cả các loài hữu-tình sinh-vật có cái tính cảm về sự khổ sự vui, thì phần nhiều là khốn-khổ cả. Xem thế thì cái thuyết kể về số rất nhiều cũng là nói mập-mờ lắm. Nói rút lại thì cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc mà mong lấy hạnh-phúc lớn-lao cho số rất nhiều, nói ra thì danh rất đẹp mà kỳ-thực không có ý-nghĩa gì cả.

Vả theo như cái chủ-nghĩa trên kia thì không những đem khoái-lạc mà so-sánh với khoái-lạc mà thôi, lại phải

đem khoái-lạc so-sánh với thống-khổ, thống-khổ lại so với thống-khổ nữa. Không so-sánh như thế thì cái thuyết mong hạnh-phúc chỗ số rất nhiều, cũng không có ý-nghĩa gì cả. Gọi là khoái-lạc rất lớn là nói về cái lượng rất lớn-lao của sự khoái-lạc nó giảm bớt được nhiều sự thống-khổ đi. Song trên kia ta đã nói sự khoái-lạc không thể lường-tính nhiều hay ít được, huống-chi lại đem sự khoái-lạc so với thống-khổ, và sự thống-khổ lại so với thống-khổ nữa, thì so-sánh sao được. Khoái-lạc với thống-khổ không phải như số chính với số phụ có thể cùng gia-giảm mà trừ đi rồi thành ra một số thừa nhất-định được. Khoái-lạc với thống-khổ không những là phân-lượng khác nhau, mà tính-chất cũng khác nhau. Tính-chất khác nhau như là khoái-lạc về sự học-hành với khoái-lạc về sự ăn uống, thì mỗi đàng một khác. Trong sự học-hành hoặc vui về học-thuật, hoặc vui về tôn-giáo, hoặc vui về đạo-đức, hoặc vui về nghệ-thuật, mỗi đàng lại vui một cách khác, nhưng đều hay làm cảm-động đến lòng người, hưng-khởi lên cái hứng-thú cao-thượng; còn như ăn uống chẳng qua chỉ làm cho thỏa-thích miếng-khẩu-phúc mà thôi. Khoái-lạc về việc từ-thiện với khoái-lạc về sự trăng gió cũng mỗi đàng một khác. Nếu sự khoái-lạc kia kể phân-lượng ra thì to thật, nhưng phải cái tính-chất nó hèn-hạ, vậy phải bỏ nó đi mà cầu lấy sự khoái-lạc khác tuy rằng nhỏ nhưng mà cao-thượng hơn, thế thì ngoài sự khoái-lạc lại có một cái tiêu-chuẩn, một cái giá-trị nhất-định của sự khoái-lạc, không cứ rằng lớn hay nhỏ, thành ra mất hẳn cái giá-trị sau cùng về nguyên-lý khoái-lạc, như thế thì cái chủ-nghĩa công-chúng khoái-lạc cũng đến tan mất.

## V.- Chủ-nghĩa khoái-lạc về đường tiến-hóa

Chủ-nghĩa khoái-lạc về tiến-hóa là xét rõ cái nguyên-lý về loài sinh-vật tiến-hóa và nói rõ về phần đạo-đức của loài người, bảo rằng người ta làm sự gì mà hay thuận theo cảnh-ngộ, tiến thêm được sinh-mệnh thì thường sinh khoái-lạc, phải gặp sự gì nó phản-đối lại thì là thống-khổ. Sự khoái-lạc mà giúp về đường tiến-hóa cho người ta thì là thiện, sự thống-khổ mà làm ngăn-trở đường tiến-hóa của người ta thì là ác. Cái tư-tưởng về tiến-hóa bên Tây-phương suy-xét đến đã lâu, đời thượng-cổ thì đã có bài *Sinh-hành-luận* của Hải-lạp-khổ-lai-thồ-ty (HÉRACLITE, bài *Vận-động-luận* của Á lý-sĩ-đa-đức (ARISTOTE); đời gần đây thì có bài *Khaisiễn luận* của Hắc-tri-nhi (HEGEL) đều là bàn về lẽ tiến-hóa cả; mà xét về cách các loài động-vật sinh-hoạt xướng lên luận tiến-hóa, thì ở nước Anh có Đạt-nhĩ-văn (DARWIN). Ông ấy là một nhà học về động-vật, chuyên khảo-xét về cái lẽ động-vật tiến-hóa. Sau lại có người xét đến cả loài thực-vật và địa-chất cũng có tiến-hóa; đến Ty-tân-tắc-nhĩ mới đem cái nguyên-lý tiến-hóa để xét rõ cái hiện-tượng trong khoảng trời đất, bàn về đạo-đức thì là cái chủ-nghĩa khoái-lạc về đường tiến-hóa, sẽ kể qua như sau.

Nhất-thiết các loài trong vũ-trụ, trước còn không được rõ-ràng đích-xác, sau mới tiến lên đến rõ-ràng đích-xác, trước vẫn chưa định hẳn, sau mới định hẳn, trước vẫn là đồng-chất, sau mới thành ra khác nhau; như thế gọi là tiến-hóa. Ở về loài sinh-vật thì là cái nghĩa làm cho tăng-tiến sinh-mệnh dài thêm ra và rộng thêm ra, tức là tất cả các loài sinh-vật cốt làm sao mong cho được sinh-mệnh tăng-tiến thêm lên. Loài sinh-vật nào theo được cái nguyên-

tắc ấy thì phát-siêu mãi thêm ra ; loài sinh - vật nào trái cái nguyên-tắc ấy thì thoái-bộ mãi mà đến tiêu-diệt ; loài người ta cũng là một bộ-phận trong loài sinh-vật , không thể ngoài cái lệ ấy được. Loài người ta đều có cái bụng dục cầu sinh-hoạt, muốn cho thỏa-thích cái bụng dục ấy, thì không thể tránh khỏi cái cuộc sinh-tồn cạnh-tranh được, muốn ganh đua ở trong cuộc sinh-tồn cạnh-tranh, thì phải có cái sức đề-kháng, hoặc tự mình thuận-ứng theo cảnh-ngộ, hoặc bắt cạnh-ngộ phải thuận theo mình, bởi thế tâm-thần người ta có cái quan-hệ với nhau, hễ cạnh-tranh mà được thì sinh ra khoái-lạc, cạnh-tranh mà thua thì mắc phải thống-khổ ; cái sự hành-vi mà sinh ra khoái-lạc có ích về đường tiến-hóa thì là thiện ; cái sự hành-vi mà sinh ra thống - khổ không lợi cho đường tiến-hóa thì là ác. Cái tính-chất của đạo-đức về sự hành-vi, đều bởi về sự sướng sự khổ nó sinh ra mới phân-biệt mà định được ; đời người ta cũng phải xem rằng có hưởng-thụ được khoái-lạc nhiều hay không mới định được giá-trị. Cái mục-dịch cuối cùng của đời người ta là khoái-lạc, mà cái mục-dịch trực-tiếp của người ta thì lại ở về mong cho sinh-mệnh tăng-tiến, sinh-mệnh có tăng-tiến thì mới được nhiều sự khoái - lạc. Cứ ở về cái xã - hội hiện - tại này thì chưa chắc đã được cả, bởi tại người ta còn đương ở về giữa đường tiến - hóa. Còn đến như cái xã - hội lý - tưởng thì mới là lúc loài người tiến - hóa chi cực, cá - nhân mới hoàn - toàn thích-ứng với xã-hội, không phải chịu sự gì cưỡng-bách, mắc điều gì thống-khổ, muốn bảo-tồn cá-nhân thì phải bảo-tồn cả xã-hội, mới được hưởng-thụ cái khoái-lạc thuần-túy. Cái cách hành-vi mà làm cho người ta được hưởng-thụ cái khoái-lạc thuần-túy, thì tức là những điều làm được mười phần

rõ-ràng chắc-chắn nhất-định mà khác thường, thực là tiến-hóa; đó mới là cái cách hành - vi chính-đáng tuyệt-đối. Cái phép-tắc của xã-hội về lý-tưởng là phải chi-phối cả cho mọi người, đó tức là luân-lý-học, mà tức là tuyệt-đối luân-lý-học.

Cái cách hành-vi của người ta là tự lả-loi từng loài sinh-vật kém hèn rồi thứ-đệ tiến-hóa mãi lên ; vậy muốn rõ cái chân-tướng hành-vi về đạo-đức thì phải xét tự cái tình-thái hành-vi không phải đạo-đức nó phát-sinh ra ; vậy phải xét về cả các phương-diện vật-lý-học, sinh-lý-học, tâm-lý-học, xã-hội-học, xét như thế thì mới có thể rõ được. Cái quan-niệm người ta hay biết đến chức-vụ mình, là từ lúc loài người ta sinh - hoạt ở trong xã-hội, đương tiến-hóa lên mới kinh-nghiệm những cái hình-thức nó thúc-bách phải làm bản-vụ. Mạnh nhất là đối với chính-trị, với tôn-giáo và qui-chế xã-hội thì ai cũng phải sợ. Sợ-hãi như thế thì mới cảm biết là nó câu-thúc, nên người ta phải hi-sinh bỏ hiện-tại đi mà vị tương-lai, hi-sinh lợi-kỷ đi mà vị người khác, vì thế mới sinh ra cái quan-niệm về bản-vụ ; đến ngày nay thì người ta không phải đợi cưỡng-bách, không phải sợ trách-phạt, chỉ vì cái cảm-tình về đạo-đức nó kích-dộng, mà tự-nhiên phải làm bản-vụ. Nhưng đời viễn-tổ người ta khi xưa, thì đã từng bị các đấng quân-chủ hoặc kẻ tăng-lữ họ lấy uy-quyền ức-chế, nếu lười làm bản-vụ thì phải bị trách-phạt, mắc thống-khổ ngay. Ấy vì cái thói sợ phải trách-phạt thống-khổ nó đi-truyền mãi đến bây giờ, nên người ta ngày nay hầu không bị thúc-bách mà cũng làm bản-vụ.

Ty-tân-tắc-nhĩ muốn đem cái nguyên-lý tiến-hóa để giải rõ tất cả cái hiện-tượng về đạo - đức ; đến Ty để-phân mới bỏ cái cách nghiên-cứ sự hành-vi về vật-lý-học và sinh-vật-học, chỉ chuyên chú-trọng xét về xã-hội. Bảo

rằng xã-hội không phải giống như cái chủ-nghĩa công-lợi nghĩ bày ra đâu, chỉ là bởi cá-nhân họp lại, cốt phải lấy cá-nhân làm cái đoàn-thể có quan-hệ cốt-tử. Thế thì xã-hội nguyên không phải là không có sinh-mệnh mà im-lặng không động, chính là một thể hoạt-động vẫn có sinh-mệnh nhất-định. Xã-hội nào mà mạnh-mẽ thì phải có hành-vi. Cái cách hành-vi lo cho xã-hội được mạnh-mẽ thì phải làm cho công-chúng khoái-lạc, hề hành-vi trái lại thì làm cho công-chúng phải thống-khổ; vậy nên người ta nếu hay lấy sự hành-vi mong cho xã-hội được mạnh-mẽ mà sinh-hoạt, thì mình cũng được tăng-tiến sinh-mệnh mà hưởng-thụ khoái-lạc. Thế thì cái khuôn-phép đạo-đức chính là điều-kiện cố-hữu về sức hoạt-động của xã-hội tổ-chức nên.

Nay thử bàn xem cái chủ-nghĩa trực-giác 直覺主義 là bảo rằng người ta có cái sức tri-giác có thể phân-phán ngay được những điều tà chính thiện ác. Chủ-nghĩa lợi-kỷ 利己主義 thì cho rằng phạm người ta hành-vi là cốt mong lấy khoái-lạc cho mình; chủ-nghĩa công-lợi 功利主義 xem bề ngoài thì ra rộng-rãi mà kỳ-thực cũng là lợi-kỷ, chẳng qua cũng là lợi-kỷ chủ-nghĩa nó biến-hình ra đó mà thôi; những chủ-nghĩa ấy đều là lấy ý-kiến cá-nhân mà xét về đạo-đức cả. Chủ-nghĩa khoái-lạc về tiến-hóa thì bài-bác cái phương-pháp nghiên-cứu ấy không phải là khoa-học, bảo rằng cá-nhân với xã-hội đều là có cơ-quan quan-hệ, tự cái ý-kiến rộng mà xét đạo-đức, để phá tan cái ý độc-đoán của chủ-nghĩa trực-giác và lợi-kỷ, mà kiêu-chính lại cái chủ-nghĩa công-lợi, đó thực là cái công không thể quên đi được. Chủ-nghĩa lợi-kỷ và chủ-nghĩa công-lợi đều cho sự khoái-lạc là có cái giá-trị không gì bằng, người ta nên làm cho sướng để mong lấy khoái-lạc;

cái chủ-nghĩa ấy cũng là một loài về chủ-nghĩa khoái-lạc, thì tôn-trọng sự khoái-lạc, không cần phải bàn nữa. Song cái cơ sở dĩ tôn-trọng, thì đủ chứng nghiệm rằng loài người ta tiến-hóa càng ngày càng phát-siển, đó thực là một điều đặc-sắc của chủ-nghĩa ấy không thể nhăng bỏ đi được. Chủ-nghĩa trực-giác bảo rằng cái sức trực-giác của lương-tâm, cùng với cái đạo-đức của mình trực-giác ra, đều là nhất-định không có thay-đổi, như là đạo ngũ-thường của Nho-giáo, điều thập-thiện của Phật-giáo, điều tam-đức của giáo Cơ-dốc, đều là cái nguyên-lý của đạo-đức xác-nhiên không thể lay chuyển được nữa. Còn như cái chủ-nghĩa lợi-kỷ và công-lợi, tuy không có chủ-trương cái nghĩa bảo rằng đạo-đức không có chuyển-động, nhưng cũng không dám bảo rõ rằng đạo-đức tiến-hóa; tuy cái chủ-nghĩa ấy có nói rõ rằng đạo-đức tiến-hóa cùng với mọi sự-vật cũng không khác gì, cứ theo về mọi phương-diện mà nghiên-cứu xem đạo-đức nó phát-siển tiến-bộ ra thế nào, đó cũng là một cái công to của chủ-nghĩa ấy.

Tuy rằng thế, cái chủ-nghĩa tiến-hóa cũng có lắm điều lúng-túng khốn-nạn. Phạm các loài sinh-vật đã từng sinh-tồn và hiện đương sinh-tồn, đều là tự một giống hoặc hai giống loài nguyên-sinh-vật nó sinh ra, đó là cái tư-tưởng cũ rề luận về tiến-hóa của Đạt-nhĩ-văn như thế. Nay luận về tiến-hóa mà chỉ xét cái trạng-thái các loài sinh-vật nó sở dĩ trình bày ra hiện-thực, thế thì chỉ là nghiên-cứu về vật hiện có, chớ còn trên cái phần hiện có chứa từng xét đến. Ty-tân-tắc-nhĩ thì bảo tiến-hóa không những là nói về nguyên-lý, lại là sự thực nữa, nói như thế là phải. Song luân-lý-học thì lại luận về lý-tưởng đạo-đức của người ta, đó lại là nghiên-cứu về cái tình-thái tương-lai mà xét về lẽ đương-

nhiên. Luân-lý-học tuy cũng nghiên-cứu cả quá-khứ và hiện-thực, nhưng không phải là mục-dịch của học-phái Ty-tân-tắc-nhĩ. Ty-tân-tắc-nhĩ chỉ cốt nghiên-cứu về lý-tưởng mà thôi. Cái chủ-nghĩa khoái-lạc về tiến-hóa lại chuyển cái lẽ tiến-hóa hiện có cho là cái lý-tưởng đương-nhiên, điều đó nhà luân-lý học quyết không chịu. Tiến-hóa vốn là sự thực, là hiện-thực, hiện-thực thì không cho là lý-tưởng được; tiến-hóa lại là cái phương-pháp tiến-hành, phương-pháp thì cũng không cho là mục-dịch được; việc gì tất phải có quan-hệ về mục-dịch ấy thì mới có cái ý-nghĩa nhất-định được. Gọi là tiến-hóa quả là có ý mà làm đấy chẳng? hay là vô-ý mà làm đấy chẳng? Nếu quả là vô-ý mà làm thì không biết mục-dịch gì cả, chỉ có kết-quả mà thôi. Nếu quả là có ý mà làm thì phải có mục-đích nhất-định, nhưng cái mục-dịch ấy không phải là tiến-hóa, thành ra cho tiến-hóa là phương-pháp, ở về phần đạo-đức thì gọi là lý-tưởng. Nay không nghĩ cho thấu mà dám bảo tiến-hóa là mục-dịch, là lý-tưởng, thì thực là lầm. Nay cứ theo cái chủ-nghĩa ấy mà bàn, thì những việc hành-vi chính-đáng của mọi người, không phải là muốn làm cho thực-hiện thống-nhất cái lý-tưởng của mình gây nên, không có mục-dịch gì mà chỉ hoạt-động, thì có khác gì như nằng rết thay đổi, chim muông bay nhảy, còn biết thế nào là tiến-hóa. Nói tóm lại, cứ như chủ-nghĩa ấy thì ra đem cái cách hoạt-động sinh-hoạt của người ta, lẫn-lộn cả vào trong cái đám tiến-hành tự-nhiên, làm cho giảm mất cái đặc-sắc của loài người đi. Vả cái chủ-nghĩa ấy chỉ lấy sự khoái-lạc làm cái mục-dịch cuối cùng của đời người, thế là bởi tại coi khinh loài người quá, không biết rằng loài người là một sinh-loại hữu-tình, đã có cảm-giác, cũng có cả lý-tính nữa. Chủ-y về việc nhiếp-sinh để mong

cho thân-thể được kiện-toàn, là việc rất thiết-yếu về phần đạo-đức, lấy sự tiết-chế làm cái đức đối-kỷ là phải tôn-trọng, thì ai cũng cho là phải. Song khắp cả mọi loài đều là muốn tăng-tiến sinh-mệnh cả, nên mới thành ra cái cuộc sinh-tồn cạnh-tranh, bởi thế mới tiến-hóa lên được. Song loài người ta cùng với các loài động-vật khác cũng đều có cái bản-năng tăng-tiến sinh-mệnh, thích tìm cái sướng mà tránh cái khổ, nếu ai cũng cứ tùy cái bản-năng tự-nhiên của mình mà hoạt-động, thì hay đạt đến cường-thịnh được, cũng có khi đến làm càn quá, làm phá-diệt cả bản-thân đi, nên phải có lý-tính để tiết-chế bớt lại; thế thì bảo rằng đạo-đức là cốt để hạn-chế cái bản-năng của mình đi cũng là phải. Người ta có cái vì sinh-lý mà phải yêu-cầu, cũng có cái vì đạo-đức mà phải yêu-cầu, không thể đều như nhau được. Có cái rất có hại cho sinh-lý mà kể về đạo-đức thì có cái giá-trị rất lớn, như là những người bỏ sống đi để mà giữ lấy nghĩa, sát-thân đi để cho thành điều nhân. Người ta thấy trong cái đạo-đức thường có khi làm tổn-hại đến sinh-mệnh, mà hi-sinh mất cả sự hành-vi của mình, mới xứng lên cái chủ-nghĩa làm cho tăng-tiến sinh-mệnh, nhưng không thể nói cho trôi đi được.

Đã bàn đến tiến-hóa, thì lại phải nghĩ cái cách tiến-hóa thế nào cho sinh-tồn; đã mong cho sinh-tồn thì phải có cạnh-tranh; trong cái cuộc sinh-tồn cạnh-tranh ấy là các loài sinh-vật đều muốn bảo-tồn lấy mình, phát-siển cho mình, mà bài-sích loài sinh-vật khác đi. Trong cuộc cạnh-tranh ấy chỉ kể có sức mạnh là có giá-trị tuyệt-đối, bởi vậy mới sinh ra cái bi-kịch ưu-thắng liệt-bại, đến cái nổi thắm kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu. Tự-trung tiến-hóa chỉ có kẻ nào mạnh mà giỏi hơn mà thôi; còn những kẻ liệt-

nhược thì tất đến phải thoái-bộ, phải tuyệt-diệt. Vậy không thể coi đạo-đức là tự sinh-tồn cạnh-tranh mà sinh ra, chỉ vì nhân trong đám bi-kịch mà mình muốn cứu-giúp cho loài người mới sinh ra lòng đạo-đức, đặt ra pháp-luật. Lại còn như điều chính-nghĩa, điều chân-thực, điều nhân-ái, nhất-thiết những điều gì là bản-vụ mình đề đối-dãi với người ta, đều là đề phòng-chỉ trong cái cuộc sinh-tồn cạnh-tranh ấy cho nó khỏi sinh loạn ra. Xem thế thì cái chủ-nghĩa tiến-hóa muốn nói rõ cái sự-thực của đạo-đức, lại phải biến đổi cái ý-nghĩa sinh-tồn cạnh-tranh đi, không thế thì không thể nói rõ rằng đạo-đức là tự đâu mà sinh ra được, rút lại thì cái thuyết ấy rất là lúng-lúng.

Ty - tân - tắc - nhĩ bàn về một cái xã - hội lý - tưởng, chẳng hay cái xã - hội ấy như thế nào? Ông ấy bảo rằng ở về cái xã - hội ấy thì loài người ta đã tiến-hóa lên đến cực-điểm, mọi việc đều được hoàn-toàn thuận-ứng với xã - hội, không có cưỡng-bách, không có thống-khổ, được tự-nhiên hưởng cái khoái-lạc thuận-túy. Tuy rằng thế, nhưng cái chủ-nghĩa ấy chủ-trương thế nào mà được như thế? Cái chủ-nghĩa ấy là lấy sự khoái-lạc làm cái mục-dịch cuối cùng của đời người ta, lấy sự sinh-mệnh được tăng-tiến làm cái mục-dịch trực-tiếp của hành-vi; nhưng người ta một đảng thì vì cảm-giác, một đảng thì vì lý-tính, cái người sống mà vì cảm - giác vốn là thích khoái-lạc, muốn cho sinh-mệnh được tăng-tiến; còn cái người sống mà vì lý-tính thì lại, có cái ước-mong ở trên sự khoái-lạc trên phần sinh-mệnh kia, như là người đời có kẻ chết cũng coi như không cũng là vì thế đó. Thế thì cái chủ-nghĩa ấy bàn về cái xã-hội lý-tưởng, hoặc vì cảm-giác về cõi lý-tưởng sinh-loại, hẳn là không ưa thích những sự

chết ấy. Tuy rằng cảm-giác về sự khoái-lạc tâm-thường thì cũng có được hưởng-thụ, còn đến những cái khoái-lạc tinh-thần cao thượng thì không khi nào được hưởng. Thế thì sao lại bảo là được hưởng cái khoái-lạc thuận-túy được. Vả lại xử về cái xã-hội hiện-thời, không thế nào khỏi được những sự nhân-vì cưỡng-bách, thế thì cái xã-hội lý-tưởng ấy không thể nào thực-hiện ra được.

Cái chủ-nghĩa trên ấy lại bảo rằng người ta ngày nay mà có cái quan-niệm về bản-vụ, là tại đời viễn-tồ khi xưa phải chịu những điều chính-trị, tôn-giáo, xã-hội nó cưỡng-chế mà sợ-hãi phải làm, cái tình sợ-hãi ấy nó di-truyền đến người đời nay cũng sinh sợ mà phải lo đến bản-vụ. Nói như thế thì thực là lạ quá, cái đũa nó không có tri-thức gì không biết thế nào là bản-vụ của nó, nó cứ thấy người ta làm bản-vụ của người ta thì nó cũng làm: còn cái người đã thông-hiểu, biết cái bản-vụ là tại xưa nay vì sợ mà phải làm, thì tất nó bảo những người làm bản-vụ là ngu, nó không chịu làm nữa. Đó là vì nó nhận biết rằng cái nguyên-nhân bản-vụ không phải là bản-phận mình, chỉ bởi tại các đảng quân-chủ và tăng-lữ họ áp-bách mà phải làm đó thôi. Vậy nên cái chủ-nghĩa ấy tuy hay giải rõ về cái hồi loài người ta mới phát-đạt về cái tình-thát kẻ mạnh lấn kẻ yếu, chứ không hay thuyết-minh được cái nguồn gốc đạo-đức, và cũng không giảng rõ được cái đạo-đức của các dân-tộc đã phát-đạt. Nếu khiến cho người ta theo cái chủ-nghĩa ấy, thì có khi lười biếng cả bản-vụ, rất là không phải.

Lại như Ty-đế-phân bảo rằng xã-hội mạnh-mẽ, chẳng hay thế nào là mạnh-mẽ? Ý hẳn bảo là các giai-cấp trong xã-hội cũng như các hộ-phận thân-thể của cá-nhân đều có thống-nhất, có liên-lạc, đều hay làm được

hoàn-toàn chức-vụ, như thế là mạnh-mẽ chăng? Nếu quả như thế thì chức-vụ như thế nào, có làm được hoàn-toàn hay không, thì sao hay biết được? Người ta tuy bảo rằng xã-hội là một đoàn-thể có co-quan, nhưng xã-hội cũng chữa hay tổ-chức được mười phần trọn vẹn như thân-thể cá-nhau được. Hoặc kể cho rằng xã-hội mạnh-mẽ là bảo xã-hội nào tự hay bảo-tồn mà bay cạnh - tranh với xã-hội khác lại hay chiến - thắng. Nếu như thế thì những người sinh trong cái xã-hội ấy, chắc đã được lăng-tiến sinh-mệnh mà hưởng-thụ khoái-lạc không? Phàm muốn lo-toan xã-hội cho được bảo-tồn phát-đạt, thì

cần phải binh lính cho nghiêm, thuế-khoá cho nặng, gặp khi cần đến mà phải khai-chiến với nước khác, thì tài-lực với nhân-mệnh cũng phải chịu tổn-hại to, lúc đã động đến can-qua chưa phân thắng-phụ, thì quân tướ g khổ - sở, nhân-dân lo sầu, không biết thế nào mà kể được. Xem thế thì cái nghĩa bảo rằng xã-hội mạnh-mẽ nói không được rõ; giá cắt nghĩa cho rõ ra, thì cũng không chắc rằng người trong xã-hội ấy đã hẳn được tăng-tiến sinh-mệnh và hoàn-toàn được hưởng sự khoái-lạc đâu.

ĐÔNG-CHÂU dịch

## DANH-NHO NƯỚC TÀU

### 1. — Đông Trọng-Thư 董仲舒

Đông Trọng-Thư là một kẻ thuần-nho đời Tây-Hán, người đất Quảng-xuyên, thuở trẻ học-tập kinh Xuân-thu. Lúc ấy thuộc về sau khi nhà Tần đã từng đốt sách, sự nghiên-cứu cổ-điển thực là khó-khăn. Tiên-sinh chuyên-trì một kinh Xuân-thu, tham khảo truyện Tả-thị, chuyện Công dương, truyện Cốc-lương, các truyện, câu lấy tinh vi. Nhà nho nghiên-cứu kinh Xuân-thu về sau khi Tần-hỏa thì tiên-sinh là bắt đầu. Hồi vua Hiếu-cảnh nhà Hán tiên-sinh đã từng làm chức bác-sĩ, chuyên giữ việc giáo-dục; vẫn đề công-phu nghiên-cứu cổ-kinh, buông một cái màn, tiên-sinh ở trong màn đọc sách hoặc giảng sách, học trò ở ngoài màn hàng tháng hàng năm, cứ thứ-đề đến thụ-nghiệp, hoặc có kẻ không được trông thấy mặt tiên-sinh. Tiên-sinh ba năm trời, mặt chẳng ngó ra ngoài vườn, vừa lĩnh vừa cần như vậy, vì tiên-sinh tiêm-tâm về sự-nghiệp lớn, để hiển-trứ ra đời. Tiên-sinh lại

muốn đem lễ-pháp của tiên-vương thực-hiện ra cái thân mình trước, cho nên khi tiến khi thoái, cho đến dung-mạo cách-bộ, điều gì phi-lễ thì chẳng làm, kẻ học-sĩ một thời ấy đều tôn-kính tiên-sinh là bậc thầy.

Vua Vũ-đế lên ngôi, hạ chiếu cử những kẻ hiền-lương văn-học, trước sau vài trăm người. Khi ấy tiên-sinh do khoa hiền-lương vào đời sách, móng-mệnh rộng-rãi, có nghìn vạn lời nói. Trong bài sách có những lời rằng: « Đạo trời đại-khái ở về thể âm với thể dương, dương là đức mà chủ về sự sinh, âm là hình mà chủ về sự sát. Cho nên thể dương thường ở về mùa ấm nực, mà chủ trương về sự sinh-dục trưởng-dưỡng cho muôn vật; thể âm thường ở về mùa lạnh rét, mà ẩn-tàng về chốn không-hư lất-dụng; xem thế thì biết ông trời kia dùng đức chứ chẳng dùng hình. Thể dương ra bố-thí trước, mà chủ-trương cho tuế-vận. Thể âm ẩn-phục ở sau, chẳng qua giúp

việc cho thế dương để thành công cho tuế-vận mà thôi, ấy là ý trời vậy. Đấng vương-giả vâng thuận ý trời để làm việc, cho nên dùng đức-giáo mà chẳng dùng hình-phạt; vì sự hình-phạt không thể chuyên dùng để trị đời được, cũng như thế âm không thể chuyên dùng để thành tuế-công được. Ôi! chẳng giáo-dục kẻ sĩ sẵn mà muốn cầu kẻ hiền-tài, khác nào chẳng mài rũa hòn ngọc mà cầu lấy vẩn-vê; sự giáo-dục kẻ sĩ, chẳng gì lớn hơn sự nhà thái-học; tôi xin bề-hạ lập nhà thái-học, đặt đấng minh-sư, để giáo dục kẻ sĩ trong thiên-hạ, thường thường khảo-vấn, để xét lấy tài-năng, thì kẻ anh-tuấn chắc có thể thu dùng được nhiều vậy. Trời lệnh cho gọi là mệnh, mệnh trời phi bậc thánh-nhân chẳng thừa-hành được; cát-phác tự-nhiên gọi là tính. Tính người phi sự giáo-dục chẳng thành - toàn được; lòng người ta ham muốn gọi là tình, tình người phi cái lễ-phép chẳng tiết-chế được; cho nên đấng vương-giả trên thì cần vâng ý trời để thuận-mệnh trời, dưới thì chăm chỉ đường giáo-dục để thành-toàn cái tính cho dân, sửa-sang pháp-độ, phân-biệt ra có trật-tự kẻ trên người dưới, để gìn-giữ cái lòng tham-lam dục-vọng cho dân; tu ba điều ấy, thì điều gốc lớn đã cử-hành vậy. Ông Khổng-phu-tử có nói rằng cái tính trong trời đất thì tính người là quý nhất, rõ-ràng được cái tính trời phú cho, biết rằng mình quý hơn loài vật; biết rằng mình quý hơn loài vật, rồi sau mới biết rằng điều nhân điều nghĩa là hay, biết rằng điều nhân điều nghĩa là hay, rồi sau mới trong về đường tiết-vấn lễ-phép; trọng về đường tiết-vấn lễ-pháp, rồi mới yên tâm cư-xử về điều thiên; yên tâm cư-xử về điều thiên, rồi sau mới vui thú noi theo cái lễ tự-nhiên; vui thú noi theo cái lễ tự-nhiên, rồi sau mới gọi là người quân-tử. Hiện nay kẻ làm thầy mỗi đạo mỗi khác, kẻ lập-luận mỗi

người mỗi khác, trăm nhà mỗi nhà khuynh-hướng một phương, ý-kiến phức-tạp, cho nên người trên không biết chủ-trì về mối nào, pháp-độ nay canh mai cải, không biết noi giữ về đường nào; tôi trộm lấy làm phàm những nghề không ở trong khoa-lục-nghe (lễ, nhạc, xa, ngự, thư, số), những thuật không ở trong đạo ông Khổng, đều nên cấm-tuyệt, chớ cho tạp-tiến, cái thuyết nhằm-nhi tất-tuyệt rồi sau thế-thống mới có thể hợp-nhất, pháp-độ mới có thể rõ-ràng, dân mới biết đường mà theo vậy.»

Vua Vũ-đế khen lời tiên-sinh đôi là phải, cử cho làm chức phụ-tướng đất Giang-đô, phò giúp ông Dịch-vương.

Giang-đô là đất phong-kiến đời nhà Hán, Dịch-vương là anh vua Vũ-đế. Dịch-vương vốn là người kiêu-căng, ưa thích sự vũ-dũng; tiên sinh đem những điều lễ nghĩa khuyên-bảo Dịch-vương. Dịch-vương rất kính-trọng tiên-sinh. Dịch-vương có hỏi tiên sinh rằng: «Việt-vương là Câu-Tiền cùng ba người đại-phu là Tiết-Dung, Văn-Chủng, Phạm Lãi bày mưu đánh nước Ngô rồi diệt được nước Ngô; ông Khổng khen nhà Ân có ba người bày-tôi nhân, quả-nhân này cũng cho rằng nước Việt có ba người bày-tôi nhân; thế nào?» Tiên-sinh thưa rằng: «Ngày xưa ông Liễu-Hạ Huệ có nói rằng sự đi đánh nước người chẳng dám hỏi kẻ nhân nhân». Xem lời ấy thì biết rằng nước Việt vốn không kẻ nào là nhân. Ôi! người nhân chính điều nghĩa, chẳng mưu điều lợi; sáng cái đạo, chẳng kẻ cái công. Cho nên cửa ông Khổng, kẻ học-trò bé nhỏ còn xấu-hổ nói đến sự nghiệp năm đời bá, (Tề-Hoàn, Tấn-Văn, Tống-Tương, Sở-Trang, Tần-Mục), vì họ lấy điều trá-lục làm trước, mà để điều nhân-ngĩa ở sau. Năm đời bá vì với ba đời vương (Hạ-Vũ, Thương-Thang, Châu-Văn-Vũ) cũng như đá cuội vì với ngọc tốt vậy.» Dịch-vương khen lời nói là phải.

Tiên-sinh trị nước Giang-đô, thường suy-cầu mọi sự kỳ-vãng trong sách Xuân-thu ra, đề làm cái phương-pháp thi-hành trong một nước, chữa tưng có sự gì chẳng được như nguyện. Sau tiên-sinh bị phế-truất làm chức Trung-đại-phu mà phải ở nhà. Lúc ấy điện Cao-viên là chỗ lãng-miếu vua Cao-tổ bị hỏa-tai. Tiên-sinh nhân sự tai-biến suy-diễn việc đời, cáo đã thảo thành, nhưng chưa dâng tấu, bị kẻ tiểu-nhân trong triều là Chủ-Phủ Yên đến thăm tiên-sinh, lấy trộm cái thảo-cáo của tiên-sinh đem tấu lên triều. Chư-nho trong triều cho tiên-sinh là nói vô-lý, vả lại ở nhà không chức-vị mà can-thiệp việc triều-dinh. Tiên-sinh bị hạ-ngục, mà luận về tội đáng chết. Sau vua Vũ-đế thương tiên-sinh là kẻ thuần-nho mà vô tội, lại hạ chiếu đặc-xá cho tiên-sinh. Tiên-sinh là người liêm-khiết chính-trực. Đồng-thời với tiên-sinh lại có một kẻ ăn cắp cái danh-dự nhà nho là Công-Tôn Hoảng. Hoảng cũng chuyên-trị kinh Xuân-thu, nhưng học-thuật thô-thiển, phó ra với đời vẫn thua kém tiên-sinh, mà cái khéo chiều đời để dụng sự thì khôn khéo lắm, ngôi chức đã đến hàng công-khanh. Tiên-sinh thường cho rằng gã Công-Tôn a-dua nịnh đời, là kẻ có tội với kinh Xuân-thu. Công-Tôn Hoảng bình-nhật rất ghét tiên-sinh. Lúc ấy tước Giao-tây-vương cũng là anh vua Vũ-đế, lại càng rông-rãi can-rỡ, thường sát-hại kẻ quan-lại trong nước mình luôn. Công-Tôn Hoảng mới nói với vua Vũ-đế rằng: «Chỉ Đồng-Trọng-Thư là kẻ nho-thuật đã trừ-danh, khiến phù-tá Giao-tây-vương được.» Là ý Công-Tôn Hoảng định giết tiên-sinh, cho nên đem tiên-sinh vào chỗ chết. Hay đầu Giao-tây-vương vốn nghe tiên-sinh là kẻ đại-nho, khi tiên-sinh vào nước, lại xử-đãi với tiên-sinh rất là trọng-hậu. Duy tiên-sinh sợ rằng Giao-tây-vương là kẻ phóng-túng, ở lâu hoặc có ngày bị tội, mới cáo bệnh giải chức về nhà.

Tiên-sinh làm tướng hai nước, trước

sau đều thờ ông vua kiêu-cảng tàn-ác. Tiên-sinh trên đối với vua thường liệu điều kh yên-can, có phần bổ-ích. Ngoài đối với nước, chính lệnh giáo-hóa thi-hành trong nước đều được trị-yên Kíp khi từ chức về nhà, không hỏi đến đường sản-nghiệp trong nhà, thủy-chung chỉ chăm-chỉ về sự tu thân tiên-học và trước-thư lập-ngôn. Triêu-dinh nếu có việc lớn, thì thường sai sứ-giả đến tận nhà bàn hỏi, tiên-sinh tấu đối đều có phương-pháp rõ-ràng. Những sách của tiên-sinh làm ra, phần nhiều về ý phát-minh kinh-thuật. Những tập sách thuộc về số-tấu điều-trần, tất cả có một trăm hai-mươi-ba thiên; những tập sách thuộc về luận-thuyết sự đặc-thất trong kinh Xuân-thu, như là tập Ngọc-bôi, tập Phồn-lộ, tập Thanh-minh, tập Trúc-lâm, lại có vài mươi thiên hơn mười vạn lời nói, đều lưu-truyền về đời sau.

## 2 — Phạm Nịnh 范甯

Phạm Nịnh là một kẻ quán-tử-nho đời Đông-Lấn, tên tự là Vũ-lữ. Tự thừa bé theo cha là Phạm Ưông tránh cái loạn Ngũ-hỗ, qua sông Trường-giang xuống miền nam ở ngụ đất Tân-đã. Người cha là người bác-học, giỏi bàn về đường danh-vật nghĩa-lý, tiên-sinh tự bé đã lịch-lãm thông-hiểu được nhiều. Đại-tư-mã là Hoàn-Ôn muốn dùng Phạm Ưông làm chức trưởng-sứ, lại muốn dùng làm chức Giang-châu thứ-sứ; Phạm Ưông cho Hoàn-Ôn là kẻ gian-hùng trộm cầm quyền nước không chính-đáng, thủy-chung đều chẳng ứng-nhiệm. Cho nên suốt đời Hoàn-Ôn, cha con và anh em tiên-sinh không người nào dự ở vào ngôi quan-chức cả. Lúc ấy sĩ-phu nhà Đông-Lấn đua nhau ham chuộng về thói phù-bạc hư-vô, mà khinh-miệt lễ pháp, cái thói nho-nhã càng ngày càng suy; cái phong-trào mê-mẩn Lão-Trang, nhân-dâm phóng-túng mà bỏ việc đời, cơ-hệ đã tràn ngập cả một đời. Tiên-sinh suy

xét cái nguyên-nhân bởi tại hai người là Vương Bất với Hà-An (người đời nhà Ngụy), tiên-sinh cho rằng cái tội ác hai người lớn hơn vua Kiết vua Trụ, mới làm ra một bài đại-luận để văn-cứu cuộc đời, đại-khải nói rằng : « Họ Vương họ Hà khinh-bỏ điển-hiến văn-chương, chẳng tuân lễ-dộ, nói quấy nói quá, rung-động kẻ hậu sinh, đạo đức cửa Khổng hầu như phá-hoại, khiến cho lễ-nhạc đổ tan, phong-tục điên-đảo, thiên-hạ rối loạn. Ngày xưa ông Khổng-tử giết kẻ loạn-chính là Thiệu-Chính, ông Thái-công giết kẻ loạn-quốc là Hoa-Sĩ, họ Vương họ Hà so với hai kẻ ấy, chẳng là cùng đáng giết đấy ư ? Tàn-ngược bạo-ác đến như vua Kiệt vua Trụ là cùng, nhưng chỉ đủ làm điệt cái thân để làm gương cho đời sau mà thôi, há hay làm rối-loạn được tai mắt trăm họ. Ta thiết - nghĩ rằng cái vạ một đời ấy nhẹ, cái vạ trăm đời ấy mới nặng ; cái tội làm hại mình ấy nhỏ, cái tội làm hại người ấy mới lớn vậy. » Tiên-sinh lập-luận, thường suy xét cái nguyên-nhân sáu-xa, không a-dua với thế-tục, đại-khải đều như vậy. Sau khi người Hoàn Ôn chết, tiên-sinh mới xuất thân tự kẻ bổ-y nhận chức Dự hàng-lệnh, chấn hưng việc học, giáo-dục học trò ; tự mình thanh-khiết, tu đường lễ-pháp để làm gương cho đời ; những kẻ sĩ có chí có hạnh không ai là chẳng tin ngưỡng tiên-sinh, được hơn một năm, phong-tục biến-đổi, giáo-hóa lưu-hành. Trong một đời nhà Đông-Tấn sùng đạo Nho nên tục đời, chăm việc học, chữa cả ai bằng tiên-sinh.

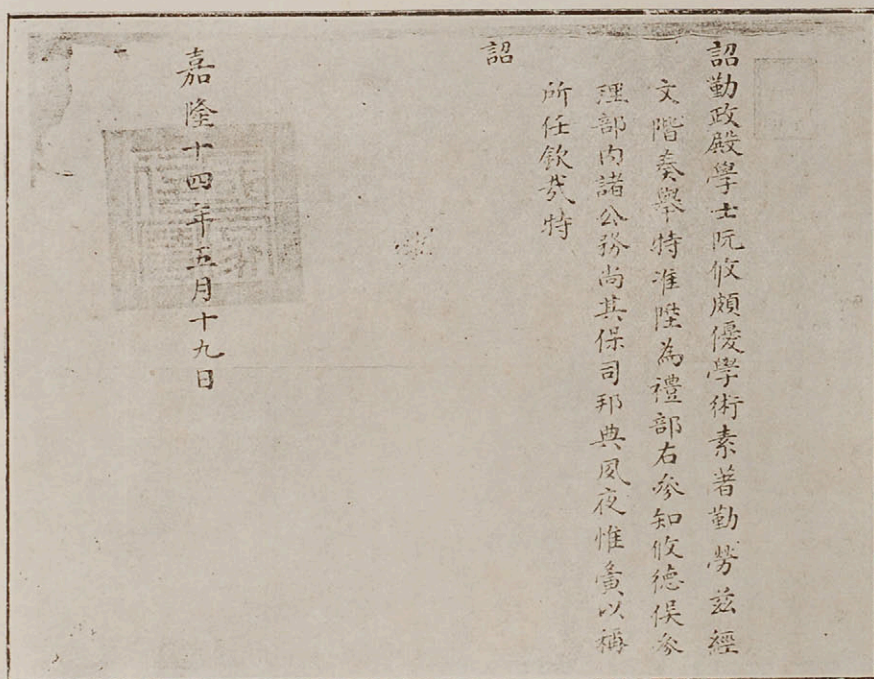
Sau tiên sinh nhận chức Lâm-hoài thái thú, phong là tước Dương-toại-hương-hầu, được triệu vào kinh-đô nhận chức Trung-thư thị-lang. Khi ấy nhà Tấn vì tự Lạc-dương thiên đô xuống Kim-lãng, kinh doanh sáng-lập ra tòa Thái-miếu mới, phải tìm-tòi nghiên-cứu những chế-độ nhà Bich-ung, nhà Minh-đương thuộc về phần cổ-điển. Sĩ-phu đời Tấn khi ấy phần nhiều

là kẻ sĩ phóng-túng hư-vô, đối với cổ-điển không khỏi mơ-màng. Duy tiên-sinh bằng-cứ trong cổ-kinh cổ-truyện, thảo ra tâu lên, nhất nhất đều có điển-chứng. Sĩ-phu dần-dần mới biết sự nghiên-cứu cổ-học là cao. Vua Hiếu-Vũ khi ấy vốn là người hiếu văn-học, tiên sinh rất được thân - yêu, triều - đình có cái nghị gì còn hoài-nghĩ chưa quyết, liền đi hỏi tiên-sinh. Tiên sinh ở trong triều cứ lễ thẳng mà nói, không kiêng nể gì cả. Sau tiên sinh ra nhận chức Dự-chương thái thú, lại cả kiến-thiết nhà học-hiệu, cải-cách phép cũ, chẳng câu-nệ thói thường, xa gần lại học đến hơn nghìn người. Kêu tử-đệ trong quận, sung vào hạng học-sinh dạy đọc năm kinh, kỳ cho học-sinh người nào cũng có kinh-học thuần-thục cho xứng cách làm người, cái học-phí của chú-sinh, phần nhiều do tiên-sinh lấy bổng-lộc riêng ra tư cấp cho cả.

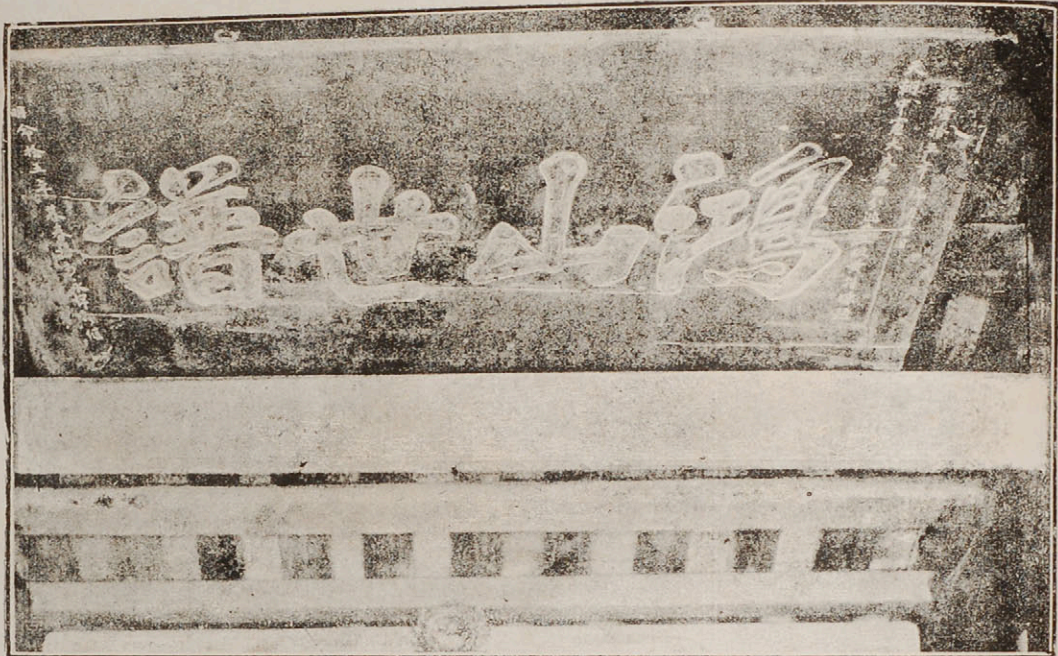
Sau tiên-sinh từ-chức đời nhà về ở Đan-dương, vẫn ngày đêm chuyên-cần kinh-học hàng năm chẳng thôi, sống lâu 63 tuổi mà mất. Tiên-sinh càng nghiên-cứu về kinh Xuân-thu, trăm-tiềm nghi-ngợi kẻ có mấy năm, làm ra bộ sách lập-giải, để phán-đoán về truyện Tả-thị, truyện Cốc-lương, truyện Công-đương mọi điều đặc-thiết trong ba truyện. Tiên-sinh có nói rằng : « Truyện Tả-thị văn-chương diêm-lệ mà tài-liệu phong-phú, nhưng cái lỗi ở về nói vu (không đủ toàn tin làm sự thực) Truyện Cốc-lương văn-chương thanh-giản mà lời-lẽ uyển-chuyển, nhưng cái lỗi ở về nói đoán, (đoán - thien chẳng thâm - trường), Truyện Công-đương văn-chương biện-bác mà lời-lẽ quyết-đoán, nhưng cái lỗi ở về nói tục, (thô tục chẳng tinh-vì). Nếu bằng phong-phú mà chẳng vu, thanh-giản mà chẳng đoán, quyết-đoán mà chẳng tục, thì vào sâu được cõi đạo vậy. » Cho nên những sách của tiên-sinh làm ra nghĩa rất tinh, lễ rất thâm, đời lấy làm trọng.



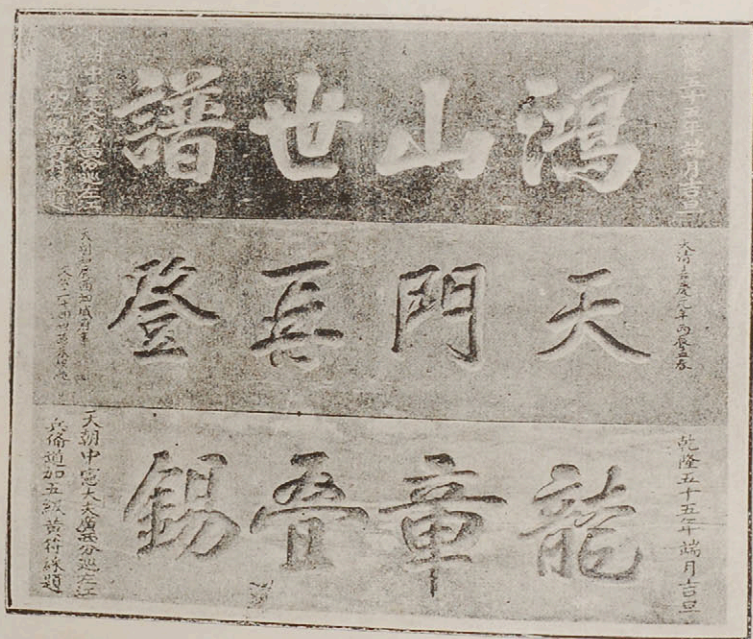
Từ-đường cụ Nguyễn Du  
 (Người có râu bạc là cháu đích-tôn cụ Nguyễn Du)



Tờ sắc vua Gia-long thăng cho cụ Nguyễn Du làm tham-tri  
 bộ Lễ và phong tước Du-dức-hầu.



Bức hoành ở giữa từ-đường cụ Nguyễn Du.



Mấy bức hoành treo từ-đường cụ Nguyễn Du

## TRUYỆN ĐỨC HƯƠNG-HẢI THIÊN-SU

(Ông Tô Cầu)

Ngày nay mới biết đạo Phật từ-bi, thực có bổ-ích cho nhân-loại, Phật-tổ là Thích-già-mâu-ni giảng sinh đương đời nhà Chu vua Chiêu-vương, trước Thiên-chúa bốn trăm năm, bấy giờ đời Xuân-thu các nước tranh-vương đồ-bá, xảy ra sự đánh nhau, chém giết nhau, thế-giới thành ra bề khổ.

Phật Thích-già thương loài người ta đắm vào bốn kiếp : sinh, tử, lão, bệnh, mới dựng ra một tôn-giáo cứu-độ nhất-thiết chúng-sinh, giáo ấy lấy bình-đẳng bác-ái làm chủ nghĩa, thịnh-hành tự bên Ấn-độ, truyền-bá cả nước Tàu và nước ta, bắt đầu từ Xiêm-thành dần dần bành-trướng khắp cả trong nước.

Đời vua Đinh Tiên-hoàng mới trọng đạo Phật, sắc cho Ngô Chân-Thống hiệu là Khuông-việt thái-sư; triều vua Lê Đại-hành, khi sứ nhà Tống sang, vua Lê khiến pháp-sư Thuận ra đón rước, sai Ngô Chân-Thống chế ra thơ khước tiếu-hành, sứ nhà Tống kính-phục,

Vua Lê Đại-hành ban y-phục cho thầy tăng, lập ra trường tuyền phật-học, thi khoa bạch-liên, lại dựng chùa Vạn-tuế ở bên thành Thăng-long, sớm khuya sùng-bái đạo Phật.

Đến triều nhà Trần mê-lia phật-giáo, thượng-hoàng xuất-gia, nhường ngôi cho thái-tử, thậm-chí thiên-tử làm đại-sĩ, hoàng-hậu làm ni-cô, vương - công làm tăng-chúng. Triều-đình sùng Phật như vậy, cho nên đầu đầy cũng mộ Phật, chùa-chiền đầy cả mọi nơi.

Đời Lê Cảnh-hưng thi đình bài đối sách hỏi toàn kinh Phật, ông Lê Ích-

Mộc đồ trạng-nguyên, còn đồ thám-hoa hoàng - giáp tiến - sĩ 60 người, xem thế thời biết nhà Lê quân tướng cùng các nhà văn-sĩ ai cũng học kinh Phật, nước ta đương bấy giờ dân - gian chưa ai sùng - tín giáo Gia - tô, cho nên khắp trong nước đều tin đạo Phật. Dần đến đời Hậu - Lê vua Trang-tôn niên-hiệu Nguyên-hòa năm đầu (1523), giáo-sĩ ở phương tây là Y lê-khu mới đến xứ Bắc-kỳ âm-hành truyền-giáo ở làng Trà-lũ, làng Bùi-châu thuộc Nam-dịnh, tự đấy nước ta mới thành ra hai tôn-giáo, hai giáo ấy đều lấy họa phúc báo-ứng khuyên đời, Phật-giáo thời có phần thâm-thúy, không phải bạc cao-minh chưa dễ hiểu được.

Kinh Phật truyền ở Trung-quốc có kinh 42 chương, kinh *Kim-cương*, kinh *Đại-lạng* và kinh *Lãng-nghiêm*, rất là huyền-diệu. Đời Tiên-Lê vua Long - Đĩnh năm thứ 14, khiến sứ sang nhà Tống mới xin kinh *Đại-lạng* đem về nước, tự đấy những nhà triết-học suy xét các lẽ, cũng thành được nhiều bậc cao-tăng, như là ông Lý Vạn-Hạnh suy nghiệm đồ-sấm, biết nhà Lê cách-mệnh, nhà Lý lên ngôi; ông Dương Khổng-Lộ người nhà Lý đi học Tây-trúc tu hành đặc-đạo, sau về nước chữa được bệnh vua Lý Thái-tổ, ở đền Mộng-liên; ông Khổng Minh-Không, chữa được vua Lý Nhân-tôn hóa hổ; ông Từ Đạo-Hạnh cũng đi học ở Tây-trúc, sau về nước tu-luyện chùa Sài-sơn, sau ngài hóa xác ở chùa ấy; ông Đỗ-đồ học được phép thần thông, kinh-sư có hồ-hoạn, đọc câu thần-chú, hổ liền lánh xa. Lại xem như ông Bảo-Tĩnh, ông Minh-Tâm, siêu-hóa

thành Phật, mà mình lên được thất-bảo.

Như vậy thời độ thân độ thế, chẳng nhờ có đạo Phật đây ư?

Trước ông Hàn - Dũ nhà Đường có bài *Phật-cốt-biêu* bài-bác đạo Phật, đến khi phải biếm ra Trào-châu, gặp ông Thái-Điền là bậc cao-tăng, lòng càng hâm-mộ, giữ áo lại để cùng đàm-đạo tinh-tinh.

Nước ta ông Trương Hán-Siêu đời nhà Trần cũng bài Phật-giáo, lúc về hưu ẩn ở am Dục-thủy, ý cũng đam mùi thanh-tĩnh mà chán vị phồn-hoa. Xem cho kỹ trong lịch-sử, cổ-lai những bậc công-thần hiển-tướng hoàn danh hoàn-phúc, văn-niên ai cũng tham thiền, còn những người tham-quyền cố-vị, không biết tu-lĩnh hồi-dầu, thời chưa dễ được thủy-chung toàn-phúc.

Lẽ nhân-quả báo-ứng, sáng-thủy tự Phật-giáo, nhưng làm thiện được phúc, làm ác phải họa, là lẽ công đời xưa đời nay, bèn Âu bèn Á không ai ngoại được cái phạm-vi ấy. Kinh *Dịch* có câu: « *Tịch thiện chi gia, tất hữu dư khương, tịch bất-thiện chi gia, tất hữu dư ương*. 積善之家, 必有餘慶. 積不善之家, 必有餘殃. » Kinh *Thi* lại có câu: « *Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương*. 作善降之百祥, 作不善降之百殃. » Nói tóm lại cũng là dạy lẽ thiện ác báo-ứng, tuy không nói đến nhân-quả, mà cái lẽ nhân-quả đã ngụ ở trong.

Phật-giáo nói làm thiện được lên thiên-đường, làm ác phải sa địa-ngục, cái lý-thuyết ấy huyền-hoặc chưa chắc có hay là không, thiên-đường địa-ngục, mắt mình không trông thấy, mà tai cũng không nghe thấy, nhưng đem cái lẽ hiện-tại mà suy xét, thời những người hung-ác phải tội phải tù, những người có công-đức được khen được thưởng. Quả như vậy thời cái thiên-đường địa-ngục, tuy không có hiện-

hiện ở trước mắt ta, nhưng tự lòng ta thiện mới tạo ra thiên-đường, tự lòng ta ác mới tạo ra địa-ngục. Nếu thế-giới ai cũng có lòng quảng-đại từ-bi như ông Phật, nhất-thiết tế-độ chúng sinh, không sinh ra sự đánh nhau, không sinh ra sự chém giết nhau, thời cả thế-giới thành ra thiên-đường cực-lạc, chẳng phải là đại-hạnh-phúc cho thế-giới ư?

Phật có câu: « *Chúng sinh vô biên thế-nghuyên độ, phiền-não vô tận thế-nghuyên đoạn*, 衆生無邊誓願渡, 煩惱無盡誓願斷. » Muốn độ chúng-sinh, muốn đoạn phiền-não, trước phải « xả lý ». Người đời vì một chữ lợi mà sinh ra tranh-cạnh, đã sinh ra tranh-cạnh thế-tất hiềm-thù nhau, đánh giết nhau, thế thời bao giờ đoạn được phiền-não, độ được chúng-sinh.

Có người mong chấn-hung Phật-giáo để tuyên-bố khắp cả hoàn-cầu, khiến cho nhân-loại ai cũng biết giáo từ-bi, thật có bổ-ích cho nhân-loại. Lại thay cho người đời, thương thay cho người đời, chỉ biết mộ Phật, mà không biết Phật-giáo chủ-nghĩa như thế nào, ăn chay nói dối, miệng na-mô bụng bỏ dao găm, thậm-chí mượn tiếng ông Phật để âm-hành cái ác-tâm, cái độc-thủ của mình, thế mà đối với Phật-tiền không biết sợ tội, đó là đồ vô-tri vô-thức không xá kể, còn những bậc xuất-gia thụ-giới, tay lần hạt, miệng đọc kinh, nay vào đàn, mai vào chay, nay sửa chùa, mai sửa cảnh, lấy thế làm hết hồn-phận tu-hành, mà những nghĩa bác-ái bình-dẳng là tôn-chỉ của Phật-giáo không chịu đem diển bảo cho thiện-nam tín-nữ đều nghe, mà thiện-nam tín-nữ vào chùa lâm-nhâm na-mô, chỉ cầu Phật cho mình được phúc, nào có biết Phật-giáo đại-từ đại-bi, vô-biên vô-lượng. Phật có phải vị hương hoa oản-quả mà mới giảng cho phúc đàu, mộ Phật như vậy, sùng Phật như vậy,

không trách Phật-giáo đối với Gia-giáo ngày nay, không được phát-đạt như Lý Trần Lê ngày xưa. Lỗi ấy không phải tự Phật-giáo, lỗi tự người qui-Fật không theo đạo Phật vậy.

Phái tân-học bảo ngày nay văn-minh học chuộng phú cường, sống cạnh-tranh lai-láng khắp hoàn-cầu, giáo từ-bi không có lợi-dụng. . . .

Nhà triết-học nói khoa - học ngày một thịnh, thời tôn-giáo ngày một suy. Nhưng thiết-tượng đạo Phật phúc thiện họa dâm, chính là lẽ công của tạo-hóa, dẫu đời xưa đời nay, bên Âu bên Á, nước nào cũng có pháp-luật, thời nước nào cũng theo đạo-lý ấy mà tôn-sùng, đạo Phật không mà sắc, sắc mà không, có tiêu có hóa, đã không phải vật-chất, thời dẫu nghìn tay bác-vật cũng không có thể đem cái điện-khi hấp-lực mà hút xuống được, cũng không thể đem diêm-cường - thủy mà tiêu-hóa được.

Ta xin quyết đạo trời còn, thời đạo Phật còn, nhân-dạo còn thời Phật-dạo cũng còn. Vậy ta sùng đạo Phật, tín đạo Phật, không phải là sùng-tín về sự họa-phúc báo-ứng, sùng - tín về nghĩa bác-ái bình-dẳng có quan-thiết đến vấn-đề ngày nay. Ta sùng-tín đạo Phật ta hâm-mộ những bậc tu-hành đời trước, ta lại hâm-mộ ông Hương-hải Thiên - su ở nước ta.

Cuối đời nhà Lê ông đỗ Hương-cống làm quan Tri-phủ, từ chức đi tu, có chí-khi cao-thượng, không tham phú-quí, không cầu công-danh, chỉ muốn thực-hành hai chữ bác-ái. Vậy nhân khi nhân-tỉnh, đem nghiên bút chép lịch-sử này mong quốc-dân ta suy cái nghĩa bác-ái của đạo Phật, và đem cái tư-tưởng của ông Hương-hải để thực-hành cái chủ-nghĩa ái-quốc ái-quần, chính là đại-hạnh-phúc cho quốc-dân vậy.

Ông sinh về cuối đời nhà Lê, tục gọi là Tồ-Cầu (Cầu là tên húy ngài, tồ tức là Phật-tồ), người xã Áng-độ, huyện Chân-phúc, tổ bốn đời phong tước Lãng - dinh - hùng - quận - công, quãng năm Chính-trị triều vua Lê Anh-tôn, theo Đoàn-quốc-công Nguyễn-Hoàng vào Quảng-nam đánh giặc, có công, phong là Khởi - nghĩa liệt-tiết công-thần, cấp ruộng 30 mẫu, con cháu đời đời được kể tặng. Ông cha vốn nhà tích-dức, khi sinh ngài có bóng hào-quang sáng rực đầy nhà, còn ít tuổi thông-minh đỉnh-ngộ, có câu thơ rằng: « Một mình nhờ có non nước rộng ; muôn việc lo chỉ ngày tháng dài ». Lại câu : « Trời nọ sao kia đều hướng bắc, sông nào nước ấy cũng triều đông ». Mười tám tuổi đỗ hương - cống, hai mươi năm tuổi tri-phủ Triệu-phong, việc quan thanh-giản, có văn-chương, có chính-sự, thực cũng đáng chức tuần-lương. Một hôm tự nghĩ người ta ở đời như bóng câu qua cửa sổ, nếu không biết tu-tĩnh lấy mình, dẫu cho phú-quí vinh-hoa, trăm năm rồi cũng thành đồng đất khô.

Đương lúc tại quan, vẫn theo học ông Viên-Cảnh-thiên-su và học ông Viên-Giác-tôn ở chùa Đại-thâm, vừa được hai năm, bèn từ chức, bấy giờ bạn đồng-niên đến hỏi ông rằng : « Đương buổi thiếu-niên thời-dại, bước công-danh hanh-thần, sao ông đã có ý chán đời ? » Ông nói : « Thời buổi bây giờ còn vinh-hạnh gì, vua Lê đã mất quyền, chúa Trịnh âm-mưu tiếm-đoạt, trong thời hoạn-quan có Hoàng Nhân-Dũng, ngoài thời trấn-thủ có Trương Phúc-Phấn, kết đảng mưu động can-qua, cuộc tranh-chiến ngày càng bối-rối, sau này không biết thiên-hạ về tay ai, nghĩ mình mũ cao áo dài không hay hết lòng vì nước vì dân, mà lại tổ-san thi-vị, ngồi coi lũ dân đen chịu khổ ở

nơi đồ-thần, trong lòng sao yên, thối  
hà nắp bóng cửa thiền, mai sau thoát  
chỏi kiếp trần-duyên, dầu không hay  
hành phật thành tiên, nhưng cũng là  
một cách từ-chương đoan-phiền vậy. »  
Nhân phẩm thuyền ra chơi Nam-hải,  
chỗ ấy có một cái đảo mọc giữa bể gọi  
là núi La-sơn, hình coi như một cái  
bút, bên làm một cái nhà ba gian, mái  
gianh vách nứa, để tiện trụ-trì ở đấy,  
rừng thiêng nước độc, ma quỷ cũng  
nhiều, một hôm đương ngồi niệm Phật,  
bỗng thấy yêu-tinh thường thường  
biến hiện, coi như đầu trâu mình  
ngựa, ai trông thấy cũng ghê thịt  
rùng mình, ngài vẫn thường ngồi tụng  
kinh, nghiêm-nhiên thần-sắc không  
động. Lại khi đêm gần canh ba, ngoài  
cửa thấy một người, mình dài hai  
trượng, đen như mực sớ tóc ngắn  
rậm, đến gần trước mặt, hét lên một  
tiếng, rồi biến đi mất. Lại thấy lũ rắn  
lũ rết, con bằng cái cột, con bằng cái  
xà, bò quanh bên mình, ngài vẫn miệng  
đọc « Na-mô Phật » và đọc thần-chú.

*Khê thủ qui y tô tất để,  
Đầu diện đỉnh lễ thất câu đề ;  
Ngã kim vãng chủ đại-chuẩn-đề,  
Duy-nguyện từ-bi thù gia hộ ;  
Na mô tát-diệu-tám-bồ-đề,  
Câu chi lẫm-đát diệt tha,  
Úm chiết lệ chuẩn lệ sa bà ha.*

稽	首	皈	依	蘇	悉	帝。
頭	面	項	禮	七	俱	低。
我	今	稱	呪	大	準	提。
惟	願	慈	悲	垂	加	護。
南	無	三	藐	三	菩	提。
俱	祇	凜	懍	姪	他。	
唵	梭	例	準	例	娑	婆 呵。

Niệm xong, tự-nhiên các loài biến  
đầu mất. Lại có khi đương giữa ban  
ngày, có một đám mây đen, trời tối  
như mực, gió to như bão, tốc cả mái

nhà, bỗng thấy loài hồ báo dày cả  
trước sân, ngài chỉ ngồi yên niệm Phật  
không biết ngoài có những vật gì,  
nhiều khi gặp thấy những sự quái-gở  
như vậy, tự nghĩ chỗ này là ác-địa  
không phải là cửa từ-vân pháp-vũ, sao  
hay yên chí tu-hành, bèn tìm về xã  
Bình-yên, phủ Thăng-hoa, để trụ-trì  
cho được thanh-tĩnh.

Cách mấy tháng, có người ở Ngoa-  
long-liều xử La-sơn đến bạch rằng : « Tự  
khi ngài ở Ngoa-long về, được bốn  
năm ngày, có đức Sơn-thần giảng đồng  
báo rằng : các giống dữ và yêu-tinh chỗ  
đó chực hại pháp-sư, nay thấy pháp-  
sư tu-hành đặc-đạo, cho nên ma-quỷ  
đầu đầy đều kinh-phục, hiện nay dân-  
cư may được yên-ôn, cũng nhờ được  
phép Phật uy-linh, vậy chúng tôi muốn  
rước ngài về La-sơn, để chúng tôi  
được nhờ phúc-quả ». Cho hay giọt  
nước cành dương, tanh hơi rửa sạch  
mọi đường trần-duyên.

Ngài nghe lời bèn trở lại La-sơn,  
tự dấy tam-qui ngũ-giới, học thấu tam-  
thăng, chuông khua gió, mõ chờ trăng,  
cả khe lảng kệ, chim rừng nghe kinh,  
trong chín năm tu-hành, dân chỗ ấy  
hoan-nghinh vui-vẻ. Không ngờ phép  
Phật linh-thông, nơi khổ-hải thành ra  
cực-lạc.

Bấy giờ có quan trấn-thủ Quảng-nam  
là Thuần-quận-công, bà phu-nhân ốm  
đã lâu kêu cầu thuốc-thang mãi cũng  
không thấy khỏi, và Hoa-lê-hầu chức  
Thái-giám ở Quảng-nam bị ốm nặng  
thuốc không có hiệu-quả, rước thầy  
cúng-bái, bệnh tuy tạm đỡ rồi lại như  
nguyên, nghe tiếng ngài có phép thần-  
thông, sai người đến tận nơi rước về  
chữa bệnh, ngài đến nơi xem bệnh, ngài  
không phải dùng thuốc-thang, không  
phải dùng chuông trống, chỉ cho nong  
rau mảnh bát, rồi đọc mấy câu thần-  
chú, chừ không phải cúng lễ gì, người  
nhà đều nói. « Chuông trống còn chẳng  
ăn ai, nữa là mảnh bát ở ngoài bờ tre ! ».

không ngờ trong mười hôm hai chứng ấy đều khỏi, ai cũng suy-tôn là Phật-tổ-thiên-sư.

Tự dấy trong ngoài nổi liếng, Dũng-quốc-công Nguyễn Đình rước ngài vào phủ hồi nghĩa kinh Phật. Ngài nói : « Tam-thế chư-phật ở trước mặt ta, vì cái ác-cảm ở bên ngoài nó làm cho mê-muội cả chân-tính, đến nỗi trầm-luân bề dục mà không biết, nếu ai giữ được cửu-căn, bỏ hết lục-dục thời mới ngộ-liễu thiên-cơ. Suy nghĩa kinh có câu : *U tâm vô tâm, tiển thị quá-khứ Phật, tịch-nhiên bất động, tiển thị vị-lai Phật, từ cơ ứng vật, tiển thị hiện-tại Phật.* 於心無心便是過去佛。寂然不動便是未來佛。隨機應物便是現在佛。 Trong ba điều ấy đủ cả các lẽ huyền-vi. »

Ông Nguyễn Đình nghe nói lấy làm thâm-phục, nói rằng : « Tôn-sư ở La-son đường-xá xa-xôi, đi lại cách-trở, không bằng ở núi Qui-kính cận-tiện hơn, có cỏ-thụ, có san-hồ, năm tầng mây ngất, bốn mùa hoa tươi, dựng am ở đó để tôn-sư chú-tri, tôi đây cũng được gần chùa gần cảnh, hoan-hỉ gì bằng ».

Ngài nghe lời lưu ở Qui-kính ba năm, bấy giờ Dũng-quốc-công thành-tâm mộ đạo. Bà Thái-phu-nhân cùng con là Phúc-Mỗ, Phúc-Tộ đều theo ngài học đạo, trên quan dưới dân, qui Phật ước một nghìn ba trăm người, sau dần dần truyền-bá khắp cả trong hạt.

Khi ấy có Gia-quận-công chức Thị-nội-giám người Gia-định theo quân chúa Trịnh vào đánh trong Nam-kỳ, Dũng-quốc-công bắt được, thấy người có học-thức, khiến làm gia-sư. Khi làm gia-sư cho Dũng-quốc-công, nhưng thường đến am nghe ngài giảng kệ, người nhà có ý sai-ky, xui Dũng-quốc-công rằng : « Nay quan dân kính mến thiên-sư trong phủ ngày nào cũng đông như hội, và Gia-quận-công đi lại

với thiên-sư, tình-ý rất là thân-mật, lắt có âm-mưu sự gì đó, nếu không sớm liệu mà đề-phòng, sau này hối lại không kịp. » Dũng-quốc-công tin lời, tự dấy đề lòng dò xét, khoản-đãi Gia-quận-công không được trọng-vọng như trước, không bao lâu cấm Gia-quận-công không được đến chùa, và đuổi ngài về Quảng-nam.

Ngài cùng đồ-đệ hơn năm trăm người ra đi. Khi đến Thuận-hóa lưu ở ba ngày, ngài bảo đồ-đệ rằng : « Nay Phúc-Dĩnh đã ngờ ta, đã tình-nghi cho ta, nếu ta ở Quảng-nam sau này vạn-nhất có sự gì quan-ngại, lại sợ vương-viu đến mình. » Bèn quyết kể trở ra ngoài Bắc, định chiêu mai thầy trở chỉnh-bị hành-trang, cưỡi thuyền vượt bể, một trời một biển mênh-mông, sóng gào cạnh mặt, gió rung bên mình ; cửa Hàn chiếc lá lênh-dênh, từ-vân che độ chằng kinh chút nào. Thuyền về đến Nghệ-an, tìm đến hành-dinh vào yết-kiến Trịnh Gia, nhân nói đến tâm-sự, Trịnh Gia lấy làm mừng rỡ bảo ngài rằng : « Nay chúa làm Phó-quốc-vương, mở phủ Khiêm-định (thôn An-tạp, huyện Thọ-xương Hà-nội), đặt giường bảo-tọa bên chỗ vua ngự, trong nước không kỷ việc lớn việc nhỏ, phải tâu với chúa mới được thi-hành, may gặp ngài tới đây, xin đem sự-trạng tâu lên chúa biết. »

Chúa Trịnh liền sai Đường-quận-công rước ngài vào phủ, yên-trí một nơi, khoản-đãi rất hậu, rồi sai bồi-tụng là Lê-Hy do thám hành-kính ngài như thế nào. Nguyễn ngài quê ở xã Áng-độ, trước tu ở La-son, sau về tu ở chùa Qui-kính, kể hết lai-lịch sự-trạng, chúa Trịnh mới biết là thực, liền đòi vào phủ, hỏi thiên-sư năm nay xuân-thu đã bao nhiêu tuổi, có muốn chức tước gì không. — « Tàu điện-hạ, lão-tăng tuổi đã 55, từ khi từ chức, gốc chi tu-hành, việc đời không hi-vọng gì cả, chỉ mong

on-trạch nhà vua thắm khắp thiên-hạ, lại mong cho thiên-hạ được yên: việc binh-quả, để được thực-hành cái chủ-nghĩa bác-ái bình - đẳng, ấy là chí-nguyện của lão-tăng vậy.» Chúa Trịnh gật đầu: «Lão-tăng phát-nguyện như vậy cũng hợp với chí ta, hiện nay Cao-binh đã giết yên họ Mạc, Tung-hà thời đã chia binh đóng đồn các nơi yếu-đạo, may cũng được hưởng phúc hòa-bình, nhưng triều-đình kinh-tế đương lúc lăm việc, cần phải có người giúp đỡ mới được thành công, ta đây muốn trao cho thiên-sư một chức vụ-thứ để giúp đỡ ta, thời hay lắm.» Ngài từ chối hai ba lần, chúa Trịnh không nghe, nói: «Đạo Phật đại-từ đại-bi, cứu-thổ cứu-nạn, nay thiên-sư đã qui-y đạo Phật, chắc cũng có lòng từ-bi tế-độ, có bổ-ích cho đời, chứ thiên-sư lại muốn tu hành lấy một mình hay sao?» Ngài bất-dắc-dĩ phải tuân lời.

Đoạn rồi chúa Trịnh khiến ngài về địa-đồ Thuận-hóa và Quảng-nam, núi sông đường lối đi lại, chỗ nào hiền-vi, vẽ cho tường-tận, dâng lên chúa xem. Chúa khen: «Lạ thay! chỗ thiên-môn mà lại am-hiếu được cả hình-thể trong nước.» Tâu: «Lúc thiếu-thời vẫn thường lịch-lãm danh-lam thắng-tích, nên Nam Bắc sơn-hà trong bụng đã có địa-đồ sẵn.» Chúa bèn thưởng 3000 quan tiền để nuôi tăng-chúng, và sai trấn-thủ Lê Đình-Nhiêm lập am ở xứ Sơn-nam, để lưu ngài ở đó chú-tri, để làm-thời chắt-vấn những việc quốc-gia đại-sự. Nhân một hôm ngài tự nghĩ chúa Trịnh có ý tiếm quyền nhà Lê, mà nhà Lê suy-nhược, thời chúa Trịnh cũng không có thể vững bền, dầu mình có muốn giúp chúa Trịnh cũng không có bổ-ích gì cho nhà Lê, và cũng không có bổ-ích gì cho nước, bèn xin từ chức.

Đồ đệ nghe tin ngài từ-chức, bạch rằng: «Nay chúa Trịnh có ý tin dùng sao không nhận chức, trước là được

tiện chỗ tu-hành, sau này khỏi sự nghi-ngại.» Ngài bảo: «Tăng-chúng chưa hiểu: nay chúa Trịnh đã tiếm được quyền nhà Lê, có ý dùng binh đánh trong Nam, mình ở đây được lòng chúa Trịnh thời mất lòng chúa Nguyễn (Phúc-Dĩnh), không có lẽ theo đảng nào, bỏ đảng nào, thời thà mũ ni che tai, sự ai không biết, đã tu, ta tu cho trót, nghĩ làm sao độ thân độ thế cho được như nguyên, thối thối, ta nay kinh-kệ làm vui, việc đời không nói đến nữa.» Bèn chú-thích các kinh Phật dịch ra quốc-ngữ 30 thiên. Một hôm làm đàn lễ Phật, ngài dâng đàn diển pháp, diển rằng: «Tam thiên thế-giới (đại-thiên, trung thiên, tiểu-thiên) 大 天 中 天 小 天 đều là cảnh Phật, Phật không phải cầu ta làm chùa, không phải cầu ta đúc chuông, tô tượng. Làm chùa cho to, đúc chuông cho bền, tô tượng cho đẹp, yêu phúc với Phật, sao bằng tu phúc ở mình, mình đã tu phúc thời Phật cũng chứng quả, mà giảng phúc cho, nếu không biết tu, người đói không cấp cho ăn, người rét không cấp cho mặc, thời dầu có tiền sửa葺nghiên chùa, đúc nghìn chuông, tô nghìn tượng, na-mô nghìn tiếng, lễ Phật nghìn lễ, có ích chi?» Thiệu-nam tin-nữ đứng quanh trước đàn nghe ngài thuyết-pháp, đều lấy làm cảm-phục.

Bấy giờ các sư đến hội ở chùa, ngài bảo rằng: «Được quang-minh soi cùng giác-lộ, gương tri-tuệ phá hết sâu-thành, muốn tìm thấy Phật, nên biết chúng-sinh, chỉ vị chúng-sinh mê Phật, không phải Phật mê chúng-sinh, tự tính mình giác-ngộ, chúng-sinh ấy là Phật, tự tính mình mê-muội, Phật ấy là chúng-sinh, tự tính mình giữ được nghĩa bình-dẳng, chúng-sinh ấy là Phật, tự tính mình làm sự gian-ác, Phật ấy là chúng-sinh.» Các sư bạch: «Cụ nói như vậy, thời chúng-sinh tức là Phật, Phật là chúng-sinh hay sao?» Ngài nói: «Không phải, đó là nói Phật với

chúng-sinh khác nhau chỉ tự tình dấy mà thôi, và Phật-đạo huyền-vi chưa dễ lấy văn-tự mà hiểu được. Pháp-thần không nhân không tướng, đã không nhân không tướng thời chưa dễ lấy thanh-âm mà tìm được, cho nên tu cốt phải tại tâm, tại tính mới là chân-tu, không chân-tu thời dầu thuyết-pháp đàm-huyền, cũng không ích gì tính-mệnh, dầu hay siêu thần việt thánh, để dầu khỏi hết trăm luân.»

Năm canh-thìn niên-hiệu Chính-hòa, ngài lại tu ở chùa Nguyệt-đường thuộc phố Hiến, tỉnh Hưng-yên. Năm ấy ngài tuổi 83, vua Dụ-tôn rước ngài vào nội-diện, hỏi Phật-ý huyền-diệu như thế nào. Tân rằng: « Nhận bay trên trời, bóng soi dưới nước, nhận không dấu vết, mà nước cũng không hình-ảnh, đó là lẽ sắc sắc không không. » Vua phán rằng: « Hòa-thượng học đạo, nay đã đắc đạo. »

Năm giáp-ngọ triều Lê Vĩnh-thịnh, tuổi ngài đã 87, phó-vương là Trịnh Cương đi tuần-du, nhân qua chơi chùa, phát-nguyện cúng vào chùa 1000

quan tiền, đồ-dệ ngài ở chùa theo ngài ở đó được 70 người.

Ngài thọ được 88 tuổi, ngày mười hai tháng năm năm ất-vị là ngày ngài về cõi Phật. Khi gần hóa ngài mặc áo cà-sa, đội mũ ni, tay lần tràng hạt, miệng tụng nam-mô, tự-nhiên ngồi mà hóa.

Chùa Nguyệt-đường trước có sông Tam-kỳ, đến ngày hạ-tuần nước sông chảy như xiết, môn-dồ ngài là ông Như-ngọc, tráo bài vải khấn, và chỉnh-bị lễ vật, chèo thuyền ra giữa dòng, khấn đức thủy - thần xin gỗ để sửa chùa, rồi thấy một bè gỗ đơng trôi ở ngoài sông, tự-nhiên giạt vào trong bãi. Ông Như-Ngọc mừng nói rằng: « Bè gỗ này tức là thủy-quan đưa đến cúng chùa ». Xem trong bè có một cây dài 70 thước, khoát một thước ba lấc, sau dùng làm cột phướn, còn các sắc một trăm bốn mươi hai cây đều rộng khoát thước, dùng làm chính-diện và hai dãy hành-lang, thập-phương nghe tiếng ai cũng lấy làm lạ. Chùa ấy cũng là một chỗ linh-tích ở xứ Bắc-kỳ ta.

THIÊN-DÌNH



# CÁC NƠI CỎ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TỈNH

## II

### Cuộc di chơi Lam-thành

Ngày thứ năm mồng năm tháng tư tây năm 1928, quan đốc trường Cao-đẳng-tiểu-học Vinh đưa học trò lớp đệ-tứ-niên di du-lịch ở núi Thành, thuộc địa-phận tổng Phù-long và tổng Văn-viên, phủ Hưng-nguyên. Núi này nguyên gọi là núi Hùng - sơn 熊山 vì hình núi như con gấu; lại vì núi ở trên sông Lam 藍 mà trên núi lại có một cái thành đời xưa, cho nên lại gọi là núi Thành 城 hay là núi Lam-thành 藍城. Trong sách địa dư lại gọi núi này là núi Đồng-trụ 銅柱, vì theo tục-truyền thì đồng - trụ của Mã Viện 馬援 trồng ở chỗ này. Còn như gọi là núi Nghĩa-liệt 義烈, núi Hưng-nhân 興仁 là vì ở gần núi này có làng Nghĩa-liệt và làng Hưng-nhân.

Đúng sáu giờ ba khắc buổi sáng hôm ấy thì thầy trò lên ô-tô đi theo đường coloniale số 8 là đường lên Na - be (Napè), đi tới địa-phận làng Phú-diên 富田 về khoảng cây số thứ chín và thứ mười thì rẽ lên đường locale số 42, đi tới chợ Sét khoảng cây số thứ tư và thứ năm thì xuống xe mà đi bộ. Vì khi đi ra khỏi thành-phố một đoạn thì người tài-xế phải dừng xe mà chữa máy mất chừng mười phút đồng hồ, cho nên khi lên tới chợ Sét thì đồng-hồ đã bảy giờ rưỡi rồi. Đứng ở đường quan mà trông lên, thấy có một cái đền nho nhỏ lọt tranh ở giữa sườn núi, chung quanh cây-cối sâm-uất. Hỏi ra mới biết đền thờ nghĩa - sĩ tên là Nguyễn Biểu 阮表.

Nguyên ông là người làng Bình-hồ 平湖 (Yên - hồ 安湖), huyện La - sơn

羅山 (Đức-thọ 德壽), tỉnh Hà - tĩnh. Người cương-trực và rắp nói, thi đậu thái học-sinh 太學生 (Tấn-sĩ) đời nhà Trần. Khi vua Trùng-quang 重光 lên ngôi hoàng-đế ở đất Chi-la 支羅 (La-sơn), thì ông sung chức ngự-sử 御史. Năm thứ năm hiệu Trùng-quang, tướng nhà Minh là Trương Phụ 張輔 kéo quân vào đóng ở núi Thành để đánh quân nhà Trần. Vua Trùng-quang thua mãi phải kéo quân chạy vào châu Hóa. Đến khi nghe nhà Minh có chiếu cầu đồng-dối nhà Trần để cho làm vua, thì vua Trùng-quang lại sai ông làm sứ để đi cầu phong. Khi ra đi, vua Trùng-quang có mở tiệc tiễn-hành và có tặng ông một bài thơ bằng quốc-âm.

Thơ rằng :

*Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,  
Trân-trọng nay nhân mở khúc ca;  
Chiếu phượng vài hàng tờ cận-kê,  
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha;  
Tang-bồng đã bắm lòng khi trẻ,  
Khương-quế thêm cay tính tuổi già;  
Việc nước một mai công ngõ ven,  
Các lân danh tiếng dội gần xa.*

Quan nhà Minh đã hai ba lần bắt ép các quan-lại kỳ-lão trong nước ký vào tờ trạng doan rằng con cháu họ Trần không còn ai nữa và xin nhà Minh chia nước ra làm quận huyện, thì người nhà Minh đã không có ý lập con cháu họ Trần nữa rồi. Đến lúc bấy giờ mà vua Trùng-quang còn sai sứ đi cầu phong thì thiệt cũng là không tri-cơ. Còn như ông Nguyễn Biểu lúc bấy giờ mà đi tới đình giặc cũng chẳng khác gì đưa thân vào chốn miệng hùm

nọc rắn. Nhưng ông là một bậc anh-hùng trung-nghĩa, vả đi chuyến này là lòng nặng vì nước, thân chịu mệnh vua, thì dầu có muôn một thế nào nữa cũng là đấng nam-nhị lấy thân mà đền nợ nước, thì có quản gì sự vào sinh ra tử, cho nên :

*Cũng liều nhắm mắt đời chân,  
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Khi vào dinh Trương Phụ, quân Tàu bảo ông lạy, mà ông cứ đứng yên không động. Trương Phụ vặn hỏi ông mãi mà ông cũng cứ tùy vả tùy đáp, biện-bác rất phân minh, chứ không chịu khuất. Trương Phụ thấy vậy đã có ý trọng, rồi lưu ở lại bảo quân lính dọn cơm cho ông ăn, trong mâm có để một cái đầu người ta để xem ông thế nào. Ông biết là người Tàu thử ông, bèn lên giường ngồi, khảng - khái mà nói rằng : « Ta hôm nay được ăn đầu quân Ngô 吳 (1) », rồi cầm đũa móc hai con mắt chắm vào trong mà ăn. Trương Phụ biết là người giỏi, rồi trợ g-dãi mà cho về.

Khi ông ra rồi, Trương Phụ mời ông Phan Liâu 潘僚 tới mà hỏi rằng : « Nguyễn Biểu là người thế nào ? » Nguyễn Phan Liâu là con Phan Quý-Hựu, khi trước cha con hàng với quân nhà Minh, rồi Phan Liâu được làm Tri-châu Nghệ-an. Phan Liâu vốn có hiềm riêng với ông Nguyễn Biểu, bây giờ nhân Trương Phụ hỏi tới, thì định thừa-cơ mà hại ông, rồi nói với Trương Phụ rằng : « Nó là một bậc hào-kiệt ở An-Nam, ông muốn lấy đất An-Nam mà không có người ấy thì việc thế nào mà thành được ». Trương Phụ vốn đã chịu ông là người giỏi, bây giờ nghe Phan Liâu nói thì liền sai

quân theo bắt ông trở lại. Ông Nguyễn Biểu vừa đi tới cầu Lam-kiều 藍橋 (ở địa-phận làng Quang-dụ 光裕 và làng Vệ-chánh 衛正 bây giờ lở xuống sông rồi) thấy lính Trương Phụ theo bắt, liền cầm bút viết vào cột cầu mấy chữ rằng : 七月初一日阮表死, n.hĩa là ngày mồng một tháng bảy Nguyễn Biểu chết.

Khi vào tới dinh Trương Phụ, quân Tàu lại bắt ông lạy, nhưng ông cũng không chịu. Trương Phụ trách ông vô-lễ. Ông nghiêm sắc mặt to tiếng mà mắng Trương-Phụ rằng : « Bề ngoài thì mượn tiếng cắt quân nhân-nghĩa, mà trong thì dồ mưu cướp nước người, đã hứa rằng lập con cháu nhà Trần, nay lại lấy nước chia làm quân huyện, chẳng những cướp bóc của cải, mà lại còn tàn-hại cả sinh-dân, chúng bay thiệt là quá giặc tàn-ngược ! » Trương Phụ bị mắng thì tức giận rồi sai lính đưa ông tới bên chùa Yên-quốc 安國 (thuộc làng Yên-cư) mà giết đi.

Khi vua Thành-tôn nhà Lê lên làm vua, sắc phong cho ông làm Nghĩa-sĩ 義士 và sắc quan lập đền thờ ở làng ông, thường năm các quan sở-tại phải tới tế, lại phong cho một người cháu làm chức phụng-lễ-lan, để coi việc hương-khói trong miếu. Đến sau mấy làng ở chung quanh chỗ ông tử-tiết như làng Yên-cư 安居, Hưng-nhân 興仁, Yên-thái 安泰 và Phúc-hải 福海 đều có lập đền thờ cả.

Ồi ! gặp hồi mặt-thế, kể thì kiến-lợi vong-nghĩa, theo giặc mà cầu giàu sang, kể thì úy-lử tham-sinh, gặp biến thì đổi tiết-tháo. Chưa được mấy ai liều chết mà giữ lấy nghĩa như ông. khiến người đời sau nghe tới câu

1) Ngô là tiếng gọi người Tàu về đời nhà Minh, vì tổ-tiên nhà Minh là người ở đất Ngô 吳.

chuyện mà sinh lòng kính - phục, hãm-mộ. Người đời ai lại không chết, nhưng chết mà chết như ông là chết vì nghĩa, thì tuy chết mà muôn năm sử sách còn truyền, thì cũng như đương sống vậy. Trương Phụ chỉ biết lấy chém giết làm oai, nhưng biết đâu rằng ông vẫn coi cái chết như không, mà nó giết ông thì tiết-tháo của ông lại càng thêm rõ rệt. Người đời sau vịnh nhà thờ ông có câu thơ rằng:

Tú - Thực vị vong do mạ Xế (1),  
秀寔未亡猶罵此。

Văn - Sơn tuy tử bất hàng Yên (2).  
文山雖死不降燕。

Nghĩa là: Tú-Thực hãy còn thì mắng Xế,

Văn-Sơn tuy thác chẳng hàng Yên.

Chụp ảnh ở đền này xong thì cho ô-tô lên chực ở làng Vệ-sở, còn thầy trò thì đi bộ tới làng Phúc-hải để bắt đầu từ đó mà đi xem trên núi.

Khi qua đình làng Hưng-nhân có rẽ vào xem. Đình này là nơi hội-dồng của làng, thường năm về vụ tế kỳ-phúc thì rước cả các vị thần trong làng lại mà hợp-tự, cũng có rước đức Nghĩa-sĩ về tế ở đó. Đình thì nhỏ mà cũng không khéo chi mấy, nhưng xem cách thì cũng đã xưa lắm.

Ở đình ra đi được một đoạn thì có mấy ông hào-lý trong làng tới nghinh-tiếp mà dẫn đường đi, vì từ hôm trước quan Công - sứ đã có thương quan Tỉnh nhờ sức cho các làng ở chung quanh núi Thành biết cuộc du - quan

này, để khi quan Đốc cùng học trò đi tới các đình chùa mà mở cửa. Rẽ theo đường vào núi đi được một đoạn thì thấy một cái đền lợp ngói ở dưới chân núi, ngoài có hai cái cột nạnh lớn lắm. Các ông hào-lý dẫn vào xem và nói rằng đó cũng là đền thờ đức Nghĩa-sĩ.

Đi vào tới cửa thấy ở cột nạnh có câu đối rằng:

Nam quốc sơn hà do thị tạc,

國山河猶是昨。

Đông-a đường bệ uyển nhiên tồn;

東阿堂陛宛然存。

Nghĩa là: Nam quốc hãy còn sơn hà cũ,

Đông-a (3) còn thấy bệ đường xưa; là ý nói nhà Minh tuy muốn chiếm lấy nước Nam mà non sông nước Nam hãy còn y-nguyên như khi xưa, vẫn cứ về tay người Nam, Nguyễn Biều tuy chết, nhưng bây giờ trông thấy đền ông cũng như trông thấy vua tôi nhà Trần vậy.

Vào đền thấy ở ngoài có một cái hạ-từ trong có hai cái thượng-từ: cái bên tả thì thờ đức Nghĩa-sĩ, còn cái bên hữu thì người sở-tại nói thờ vị thần họ Phan, nhưng hỏi ai cũng không biết thần tên gì cả. Nghĩ cũng đáng buồn cười thay! Ở Á-châu lập đền thờ cũng như ở các xứ khác hoặc tạc bia, hoặc đúc tượng, hoặc lập đài kỷ-niệm, tùy theo tục từng xứ thì mỗi nơi một khác, nhưng cũng toàn là để kỷ-niệm các bậc tiên-nhân mà mình đáng sùng-bái, để tên tuổi cùng công-đức của các ngài

(1) Tú-Thực là tôi nhà Đường bên Tàu. Lúc bấy giờ tôi nhà Đường có ông Chu-Xế 朱批 làm phản, đưa binh về vây kinh-thành để cướp ngôi nhà Đường. Ông Tú-Thực lấy hốt đánh Chu-Xế mà mắng là quân phản-lặc, rồi Chu-Xế sai lính giết đi.

(2) Văn-Sơn tức là ông Văn-Thiên-Tường 文天祥 người đời nhà Tống. Lúc bấy giờ nước Nguyên vào đánh, nhà Tống đã gần mất nước Ông khởi quân đánh quân Nguyên nhưng thua, rồi bị bắt quân giả: dụ ông mãi, mà ông chịu chết chứ không hàng.

(3) Đông-A là chữ Trần 陳, đây là nói họ Trần.

được cùng non nước mà lâu dài khỏi cùng cỏ cây mà hủ nát vậy. Bấy giờ họ thờ thần mà chẳng những không biết vị thần họ thờ đó sở-hành có điều gì đáng sùng-bái mà thôi, mà đến cả tên thần là gì cũng không biết nữa, thế thì kỷ-niệm gì.

Xem đền xong lại ra lần theo chân núi đi tới làng Văn-xá để qua trường mà sang bên kia núi. Khi tới mấy hòn núi thấp thấp ở bên kia thì trông thấy phía sau thành. Học trò cứ lần theo đỉnh núi mà đi tới.

Thành này xây hình thước thợ, một nửa thì ở trên đỉnh núi cao, còn một nửa rộng hơn thì ở dưới vện. Thành xây bằng đá chắc-chắn lắm, nửa dưới thì trải mấy trăm năm, phần thời dân sở-tại lấy hết đá đi, hoặc mở đường đi qua đi lại, phần thì sao đời vật đổi, gió táp mưa sa, thành ra bây giờ chỗ thì trờm, chỗ thì khuyết, còn nửa ở trên đỉnh núi thì hãy còn y-nguyên, bề cao hãy còn được chừng ba thước tây. Khúc thành ở trên đỉnh núi này thì thiệt là hiểm-cổ, có thể một người ở trong thành địch được mười người ở ngoài. Ở giữa khúc thành này có một nắm đất cao chừng năm thước tây, mỗi bề được chừng hai thước rưỡi tây, ở giữa có một lỗ thủng xuống, ở trên có mấy hòn đá lớn bằng đá tảng. Chỗ này người thì nói là cái mỏ cờ của quân nhà Minh, người thì nói là nền đồng trụ của Mã-Viện ngày xưa.

Thành này nguyên của tướng nhà Minh là Trương Phụ xây ra để đóng quân mà đánh vua Trưng-quang, lúc bấy giờ vua Trưng-quang đóng ở huyện Chi-la 支羅 (Đức-thọ). Quân nhà Minh đóng ở đó từ năm qui-tỵ 癸巳 (1410) là năm thứ năm vua Trưng-quang nhà Trần cho tới năm đinh-vị 丁未 (1424) là năm thứ mười vua Bình-dịnh-vương 平定 王 (Lê-Thái-lỗ), kể có mười lăm năm, nhưng xung-đột ở đó chỉ có hai trận lớn-lao mà thôi.

Trận thứ nhất là trận năm kỷ-hợi 己亥 (1416), hàng-tướng nhà Minh là Phan Liêu đã nói trên kia thấy quan nhà Minh là Mã Kỳ 馬驥 tàn-ngược quá, chịu không nổi, rồi đưa quân về vây đánh thành này. Lúc bấy giờ thành đã gần hạ được, nhưng vì có Lý Bản 李彬 ở ngoài Bắc kéo quân vào cứu, nên chi Phan Liêu phải bỏ mà chạy lên Ai-lao. Còn trận thứ hai tức là trận sau cùng, là trận từ năm ất-tỵ 乙巳 (1422), vua Lê Thái-tổ kéo quân về vây đánh mãi đến hơn một năm. Phương-Chính 方政 phải bỏ về Đông-quan, Thái-Phúc phải mở cửa thành ra hàng.

Ôi! Lam - thành! Lam - thành! chỉ một khu đất cỏn con, mà thành ra một nơi chiến-trường có danh nhất trong lịch-sử, biết bao nhiêu là hào-kiệt anh-hùng vì đó mà đổ máu, biết bao nhiêu là hùng-binh mãnh-tướng vì đó mà phơi thây, mà về sau này cũng biết bao nhiêu là văn-nhân mặc-khách, trong lúc đấng-lâm, vì cái cảm-tình diệu-cổ mà kết-cấu ra nào thơ, nào phú, nào ca-trù, biết bao nhiêu là văn-chương kiệt-tác. Vậy xin trích-lục mấy bài ra sau này :

1<sup>o</sup> — Bài thơ của ông Ngô Nhân-Tinh :

丁	過	安	伏	雒	隴	百	一
吳	客	國	波	田	麥	雒	條
勳	欲	香	銅	風	高	孤	特
閔	將	泉	柱	動	秋	城	地
至	人	沆	嵐	海	山	古	起
今	物	灑	煙	潮	澤	代	層
徵	論	凝	滅	仍	浸	興	峻

Dịch :

Mấy chóp chon-von giữa đất bằng,  
Vành vành tràm thước lớp thành dăng;  
Màu non dầm-thấm đồng chiêm ngút,  
Nước bề tuôn lên ruộng thấp tràn;  
Đồng trụ Phục-Ba tầng khói lấp,

*Hương-tuyền Yên-quốc một dòng lưng ;  
Khách ai qua đó tìm nhân-vật,  
Hai họ Đinh, Ngô tiếng hầy lừng.*

20 — Bài thơ của Bùi Huy-Bích :

誰 念 常 年 一 鬧 場。	今 人 但 索 登 臨 興。	李 安 渡 海 去 來 茫。	蔡 福 櫻 城 攻 守 困。	花 隱 岩 縫 每 驥 香。	石 分 樹 影 頻 移 坐。	秋 山 晚 翠 滴 微 涼。	寂 寞 平 村 草 徑 長。
----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------

Dịch :

*Rậm rạp thôn quê quanh nẻo đường,  
Non thu màn biếc nẩy hơi lương ;  
Bóng cây lẫn đá rung-rinh chỗ.  
Hoa cỏ dầu gành loáng-thoáng hương ;  
Thái-Phúc đóng thành liễu sống chết,  
Lý-An vượt bể sợ diên-cuồng ;  
Người sau đến đấy vì phong-cảnh,  
Ai biết khi xưa chỗ nào-trường.*

Quan Đốc đưa thợ đi chụp ảnh phía bắc và phía tây thành xong rồi, thì đưa học trò xuống núi để tìm chỗ ô-tô đậu, cho học trò ăn cơm trưa. Khi xuống lời chân núi, quan Đốc lấy đá mà chỉ cho học trò biết rằng đó có cái mỏ sắt, rồi bảo cầm mấy viên về trường để làm mẫu.

Xuống tới đường quan thì hào-lý làng Phú-diên đưa vào đền Tuyên-nghĩa để thầy trò dùng cơm trưa và nghỉ-ngơi.

Đền này xây ở chân núi. Vào tới cửa đền, thấy sân, thêm, bậc cấp đều lát bằng một thứ gạch khối, trông thấy khuôn-khổ và hình-dạng viên gạch thì biết ngay là gạch đời xưa. Hỏi người sở-tại thì họ nói rằng gạch này lấy ở trong thành Trương Phụ ; mấy cái định đền ở chung quanh đó làm về hồi ấy đều lấy ở trong thành ấy cả.

Thần đền này theo như lời người sở-tại nói thì tức là Thái-Phúc, tướng giữ thành này khi Lê Thái-tổ về đánh Nghệ-an. Thái-tổ vây đánh nguy-cấp

lắm, mà ông cứ cố-thủ rồi chết, chứ không chịu hàng, Thái-tổ khen là trung rồi phong làm thần ở núi ấy gọi là thần Tuyên-nghĩa.

Nhưng xét trong sử thì Thái-Phúc giữ thành không nổi, rồi phải ra hàng. Về sau Thái-tổ đưa trả cho nhà Minh. Vậy thì Thái-Phúc không phải tử-trần tại thành này, và đền này là thờ vị thần nào chứ không phải Thái-Phúc. Và đền này nếu quả là thờ Thái-Phúc nữa, thì Thái-Phúc là người thế nào mà thờ ? Đối với nước Nam đã không có công-đức gì, mà đối với nước Tàu thì cầm quân giữ thành mà lại mở thành ra hàng, thế là người có tội, người bất-trung. Đã không có công-đức gì mà lại là người có tội, thì có cái gì đáng thờ mà thờ.

Ăn uống xong, quan Đốc hỏi các người sở-tại những nơi ngày xưa tìm được ống đồng và đạn đá Nguyên theo trong sách thì đời Minh-mạnh, dân sở-tại đó có đào được một cái ống súng bằng đồng rồi đưa nộp vào Võ-khố 武庫 ở tỉnh Nghệ-an. Nhưng họ nói rằng: việc tìm được ống đồng của người Tàu là việc đã lâu, họ là hậu-sinh, chỉ nghe truyền-ngôn thế thôi, chứ không biết đích ở chỗ nào. Còn đạn đá thì bây giờ ở chung quanh núi vẫn có, các trẻ chăn trâu thỉnh-thoảng cũng có lượm được đôi viên, nhưng bây giờ lên núi mà tìm thì khó, vì cũng ít lắm. Chúng tôi nhân hỏi trẻ con ai lượm được đưa ra thì mua cho, rồi có mấy đứa trẻ đưa tới mấy viên, toàn bằng đá trắng cả, viên lớn nhất thì bằng quả cân bằng đồng nặng một kilo, quả bé nhất thì bằng quả cân nặng chừng 100 gr., tất cả có ba bốn hạng.

Thứ súng bắn bằng đạn đá này không biết bên Tàu chế-tạo ra từ đời nào. Theo một quyển tiêu-thuyết Tàu thì của người nước Kim chế-tạo ra trước. Nguyên nước Kim là ở về phía bắc nước Tàu, về sau dời ra làm nước

Nguyên. Lúc bấy giờ nước Kim sai tướng vào đánh nhà Tống bên Tàu, nhưng vì nhà Tống có tướng là Nhạc-Phi đánh giỏi lắm, tướng Kim là Ngột-Truật thua mãi, rồi người nước Kim mới chế-tạo ra thứ súng bắn bằng đá này để đánh, làm cho quân Tống bị một trận tàn-hại mất nhiều.

Ở đền Tuyên-nghĩa ra lại đi tới chân thành để tìm chỗ năm xưa thầy trò thầy Giáo Hoàng Đức-Thị có đào được mấy cái vung bằng đồng. Quan Đốc bảo người cứ theo chỗ cũ mà đào, có được mấy cái dọi bễ bằng sứ đẹp lắm.

Xong rồi lại đi tới cái ao mà người ta thường gọi là ao Tàng-hoá 藏貨 (cất của). Nguyên tục truyền rằng ngày xưa trâu mẹp ở ao này lên, thường thường thấy có tiền dính vào, cho nên người ta cho là chỗ người Tàu cất của. Người Tàu khi trước sang Nam chỉ lo vơ-vét của-cải, nhưng bị vua Tàu có giấy cấm, hễ ai đi làm quan các thuộc-quốc mà khi về đưa về nhiều tiền của quá thì phải tội, cho nên họ sợ, rồi cứ tìm chỗ mà cất và cứ để nham-cảo lại ngày sau con cháu sang lấy.

Khi tới đó quan Đốc có bảo người đào xem một hồi, nhưng vì không thấy gì cả, vì đất ở trên trời xuống, ao một ngày một hồi cao lên, bây giờ nếu còn có nữa thì cũng ở sâu lắm.

Xem ở ao này xong lại đi ra đường quan mà đi xuống. Đi tới cuối làng Vệ-chính thấy có một cái đền, thầy trò vào xem rồi hỏi đền thờ ai thì người sở-tại nói là đền thờ quan Tàn, nhưng không biết tên gì cả. Chúng tôi hỏi rằng: đã không biết thần là tên gì cả, thì tại sao lại thờ, thì họ trả lời rằng không thờ thì dân không yên. Nghe câu chuyện mà cũng sinh buồn cười.

Hỏi thăm chỗ tỉnh-thành đóng ngày xưa thì bây giờ phần nhiều đã lở xuống sông đi rồi. Nguyên về đời nhà Lê tỉnh-ly Nghệ-an đóng ở trước núi này. Lúc bấy giờ tòa Hiến-tư-trị 憲司治 đóng ở làng Nghĩa - liệt 義烈; tòa Thừa-chính-tư - trị 承政司治 ở làng Triều - khẩu 潮口; mà tòa Trấn-thủ 鎮守 thì ở làng Vệ-chánh 衛政, cho nên ở làng này có một khu đất gọi là xứ Công - đường, nhưng bây giờ đã lở xuống sông hết rồi. Còn trường thì ở chỗ bên đò đi qua làng Phù thạch, cho nên ở chỗ ấy có cái chỗ gọi là chợ Tràng hay là chợ Trường, còn phố buôn bán thì ở bên Phù-thạch thuộc làng Vĩnh-dại ở bên kia sông, cho nên ở đó tục thường gọi là Phố-Dân ở xóm ấy đều là dòng-dối người lâu cả.

Lại hỏi tới sự-tích người Chăm ở làng Vệ-chánh. Nguyên theo tục truyền thì khi trước vua An-Nam đi đánh bắt được người Xiêm đưa về phân-tháp ra cho ở từng làng một, như làng Vệ-chánh này và mấy làng ở tổng Nam-kim 南金 huyện Nam-dân, như làng Xuân-lôi 春雷, làng Xuân - áng 春盎 và làng Thanh-lứ 青肆. Những làng ấy đều gọi là làng Sở mà làng Vệ-chánh này khi xưa cũng gọi là Vệ-sở 衛所, vậy thì làng này khi xưa là người Chăm ở không nghi gì nữa. Nhưng hỏi họ thì họ cứ ấp - úng mà trả lời rằng họ là hậu-sinh, không biết gì đến việc ấy cả. Hỏi gia phả thì họ nói chỉ có gia-phả mấy đời sau này mà thôi.

Thầy trò lại lên ô-tô đi tới làng Lộc-diền 祿田 để xem miếu vua Lê, miếu này có bốn tòa: cái ngoài hết là cái hạ-từ, còn hai cái trung-từ và cái thượng-từ thì làm liền nhau lại thành ra hình chữ « công » 工. Ở ngoài cái hạ-từ có treo hai bức biển: một bức ngoài hết có bốn chữ đại-tự:

Ca vũ đế đức  
歌 舞 帝 德  
(Múa hát đức vua)

Ở giữa lại có một cái biển nữa, có năm chữ đại-tự :

*Cận thiên-tử chi quang.*

近天子之光

(Gần ánh sáng của đấng thiên-tử)

Miêu làm nguy-nga lắm, nhưng vì chỉ có một cửa, thành ra vào trong trung-từ và thượng-từ thì ban ngày mà tối như ban đêm. Bảo người thủ-từ thắp đèn lên thì thấy : trên thượng-từ ở chính giữa thờ vua Thái-tổ, bên hữu thờ vua Thái-tôn, bên tả thờ vua Thánh-tôn. Ở nhà trung-từ dọc thì thờ ba vị là : Trung-dũng đại-vương 忠勇大王, Chiêu-hiếu đại-vương 昭孝大王, và Quận-ai đại-vương 邵哀大王. Ba vị này đều con vua Thái-tổ cả.

Còn cái trung-từ ngang thì đề các đồ tế-khi. Trước hương-án có đề hai cái tượng bằng đá, chân quỳ mà hai tay cầm hương. Cái tượng ấy người ta thường gọi là « Phông » là tượng người Xiêm-thành của vua Thánh-tôn chế ra khi đi đánh Xiêm-thành về, đề ngụ ý là nước Xiêm-thành đã thần-phục rồi. Thế là cái tượng « Phông » chế ra từ đời ấy đầu, về sau dân-gian mới bắt-chuộc mà tạc ra tượng gỗ như vậy đề ở các nơi danh-từ như ở Nghệ thì đền Võ-mục 武穆, đền Đại-càn 大乾, đền Độc-lôi 獨雷 và đền Mai-Hắc-đế 枚黑帝, vân-vân.

Còn cái tượng ấy sở-dĩ gọi là « Phông » thì có người nói rằng : Khi xưa nước Xiêm-thành có ông vua tên là Bồng 捧 thường sang quấy nhiễu ở nước Nam. Vua nước Nam thân-chính bắt được đưa về rồi sai tạc tượng ông ấy ra đề dâng hương ở các đình đền, bởi vậy người ta gọi là tượng ông « Bồng », về sau nói trái đi rồi thành ra « Phông ». Lời nói ấy tuy cũng có lẽ, nhưng xét trong sử thì vua nước Xiêm-thành không có ông nào tên là Bồng cả. Vậy thì tuy không dám cho lời nói ấy là xuyên-tạc, nhưng thực cũng chưa dám tin.

Theo thiên-kiến chúng tôi thì có lẽ là bởi có sau này : Nguyên cái tượng ấy thì trong nham-cảo viết là « Bồng-hương-tượng, 捧香像 ». Vì chữ là Bồng-hương-tượng cho nên người ta gọi là tượng bồng-hương (tượng dâng hương) đến sau dần-dần mới nói sai đi, mới thành ra « tượng phông ».

Kề bên hữu cái miếu này lại có một cái miếu nữa, hỏi ra thì miếu ấy thờ bà Trinh-ý nguyên-phi 貞懿元妃 là sinh-mẫu vua Thái-tôn. Nguyên nham-cảo chép rằng : Khi vua Thái-tổ đánh quân nhà Minh, một hôm có một vị thần hiển-linh lên nói với vua rằng nếu nhượng cho thần một người ái-thiếp, thì thần sẽ giúp sức cho mà phá giặc cho mau. Vua thấy vậy sai người mời thầy phù-thủy tới trấn yểm, nhưng hôm ấy bị thần làm nổi mưa to gió lớn, đá ở đầu trên núi ném xuống âm-âm, thành ra thầy phù-thủy chết mà quân lính bị tổn-thương cũng mất nhiều. Vua Thái-tổ lấy làm lo-sợ, đã sai tuyển một người con gái dân-gian giả cưới làm vợ, rồi đưa nộp cho thần, nhưng thần không nhận mà cứ hiển-linh lên đòi ái-thiếp của vua mãi. Vua Thái-tổ bất-dắc-dĩ phải hội các ái-thiếp của ngài lại mà nói rằng ai chịu đi theo thần thì về sau khi bình-định được thiên-hạ rồi, ngôi vua sẽ truyền cho con người ấy. Bà nghe vua nói thì khóc mà tình-nguyện xin đi theo thần. Bởi vậy về sau vua Thái-tổ mới truyền ngôi cho vua Thái-tôn. Mộ bà Trinh-ý bây giờ ở làng Quả-phẩm 菓晶 (Hà-tĩnh). Việc ấy thiết-tưởng là một việc hoang-dường, không thể tin được, mà cũng không cần phải biện làm gì.

Lại nói tới sự-tích cái miếu này. Nguyên khi xưa vua Lê Thái tổ kéo quân xuống Nghệ-an, đóng quân ở thành Lạc-niên 六年 được mấy năm, sau lại đóng đời sang ở dưới núi Thành 城 mà hành-định của ngài thì ở chính chỗ miếu bây giờ đó. Khi thiên-hạ bình-định rồi

thị tỉnh-thành đóng ở trước núi Thành, cho nên chỗ hành-dinh ấy lại đổi làm hành-điện (tức là hành-cung). Tới năm đầu hiệu Hồng-đức, vua Thái-tôn mới sai lập miếu ở đó để tế vua Thái-tổ và bà Trinh-ý nguyên-phi. Tới niên-hiệu Chính-hòa 正和, vua Hy-tôn 熙尊 lại rước cả vua Thái-tôn và vua Thái-tôn tới hợp-tế ở đó.

Lúc bấy giờ các quan chức thủ-hộ lăng miếu thì có: chức Tri-điện 知殿, Lăng-thừa 陵丞, Tự-thừa 寺丞, vân-vân, mà đều gọi là điện-quan.

Ở miếu này ra lại lên ô-tô mà đi tới chợ Tràng để xem miếu thờ ông Lê Khôi. Miếu này có hai tên; 1' Miếu Triều-khâu 潮口 (là vì miếu ở địa-phận xã Triều-khâu); 2' Miếu Võ-Mục 武穆 (là vì ông Lê Khôi khi trước được phong làm Võ-mục-vương).

Nguyên ông Lê Khôi là cháu gọi vua Lê Thái-tổ bằng chú. Sinh ra thì đã sẵn có kỳ-tài. Khi lớn lên theo vua Thái-tổ đi đánh quân nhà Minh lập được nhiều công-trạng.

Năm giáp-thìn 甲辰 (1423), vua Thái-tổ ở Lam-sơn 藍山 kéo quân lên đánh đất Nghệ-an, đi tới cửa quan Khả-lưu 可留 (tức là làng Đại-diên, tổng Lăng-diên, phủ Anh-sơn bây giờ) thì gặp quân giặc ông đem quân ra trước xông đánh, chém được tướng tiên-phong là Hoàng-Thành 黃成 bắt được quan Đô-tư là Chu-Kiệt 朱傑 và quân giặc hơn một ngàn người.

Năm đinh-vị 丁未 (1426) khi quân cứu của nhà Minh kéo sang, thì ông cùng ông Nguyễn Xí và ông Phạm Vấn 范問 (Lê Vấn) kéo quân đi giúp ông Lê Sát rồi đánh phá được quân Tàu ở sông Xương-giang 昌江 và bắt được tướng Tàu là tụi Thôi-Tụ 催聚 và Hoàng-Phúc.

Vua Thái-tổ lên làm vua thì luận công hành thưởng, rồi ông được tiến

phong hàm Thiếu-úy 少尉 và được phong tước hầu. Được ít lâu lại được thăng hàm Tư-mã 司馬.

Năm thứ ba hiệu Thuận-thiên 順天 (1429), vua Thái-tổ nghỉ châu Hóa ở giáp-giới với nước Xiêm-thành, trần-thủ phải có một bạc trọng thần mới được, bèn sai ông vào trần châu ấy. Ông tới châu rồi thì lo chiêu-tập các dân lưu-tán, và khuyến bảo dân chăm nghề nông-tang, bởi vậy trong hạt được no ấm luôn, và dân-gian đều được yên nghiệp làm ăn. Người Xiêm-thành thấy thế có lòng kính-phục ông lắm, mỗi khi có công-sứ sang thì vua Xiêm-thành đều sai vào hỏi thăm ông luôn.

Khi ở đất Thạch-lâm 石林 xứ Thái-nguyên 太原 có tụi Bế-Khắc-Thiệu 擊克紹 và Nông-Đắc-Thái 儂得泰 làm loạn thì vua vời ông về cầm quân đi đánh, bắt được tướng giặc, dẹp yên được đảng loạn.

Năm thứ sáu hiệu Thuận-thiên (1432), khi vua Thái-tổ gần mất mà ngôi vua chưa định truyền lại cho ai, vua phải vời ông về quyết-định rồi ban cho một cái ấn bằng vàng.

Năm thứ tư hiệu Thiệu-bình 紹平 vua Thái-tôn (1436), ông được thăng làm Nhập-nội-tư-mã-tham-tri-chính-sự. Năm thứ sáu (1438), hộ-giá đi đánh Ai-lao 哀牢, bắt được tướng là Đạo-Mông 道蒙, rồi được thăng làm Nhập-nội-Đô-đốc-tham-dự-triều-chính.

Ông sung chức ấy được ít lâu thì bị việc (?) rồi phải bãi chức mà về.

Vua Nhân-tôn lên làm vua lại khai-phục cho ông làm chức Nhập-nội-thiếu-úy mà ra trần xứ Nghệ-an. Khi ông tới hạt thì các thân-sĩ và dân-thứ đứng hai bên đường mà đón, rồi nói với nhau rằng: « Chúng ta trông ngài đã lâu, bây giờ ngài được ra đây, thì có lẽ trời có lòng làm phúc cho chúng ta chăng » Ông ở Nghệ-an mấy năm, trên từ quan-lại, dưới tới dân-gian, đều ca-tụng lắm, rồi được thăng làm Nhập-

nội Đò-dốc-tham-dự-triều-chính mà cứ lưu trấn xứ Nghệ-an.

Năm thứ tư hiệu Thái-hòa 太和 vua Nhân-tôn (1446, nước Xiêm - thành tới đánh châu Hóa, vua sai ông Trịnh Khả đem đại-quân đi đánh. Ông đem quân bản-bộ đi trước tiến vào cửa biển Thi-nại 施耐, rồi vượt biển mà tới địa-phận giặc, giặc trông thấy ông liền kêu to lên rằng: «Tới đó có phải quan Tư-mã không?» (Quan Tư-mã tức là ông Lê Khôi, nguyên khi ông trấn châu Hóa được phong làm Tư-mã). Ông bèn cất mũ cho quân giặc thấy, rồi giặc đều xuống ngựa cất mũ mà chạy, không dám đánh nữa. Khi đại-quân của ông Trịnh Khả tới nơi thì hai toán hợp lại, kéo thẳng tới kinh-dô nước Xiêm-thành mà bắt được vua là Bôn-Cai 賁該 đưa về.

Ông về tới dưới núi Long-ngâm 龍吟 ở cửa biển Nam-giới 南界 thì bị bệnh mà mất. Được tặng hàm Nhập-nội kiểm-hiệu Tư-không binh-chương chính-sự, tức là Võ-mục công 武穆公, sau lại gia-tặng làm Võ mục-vương.

Dân sở-tại nhớ công-dức ông, bèn theo chổ ông mất lập đền mà thờ. Dân xã Phúc-xuyên và xã Triều-khâu cũng lập đền thờ ở chổ ông đóng quân ngày trước, tức là ở bến đò Triều-khâu hay là Phù-thạch. Nhưng lúc bấy giờ đền còn lợp tranh.

Tới đời Hồng-dức, vua Thánh-tôn sai ông Nguyễn Như-Đồ 阮如堵 làm bài ký khắc vào bia để trước đền ở núi Long-ngâm, và sắc tỉnh-thần thường năm phải biện lễ tới tế.

Tới năm thứ năm hiệu Dương-hoà 陽和 vua Thần-tôn, tỉnh-thần thấy cái miếu ở Nam-giới gần bờ biển, mỗi kỳ tới tế, thường bị sóng gió không tiện, mới tâu xin thường năm tới tế ở miếu Triều-khâu, rồi vua sắc cho dân xã Phúc-xuyên và xã Triều-khâu làm dân tạo-lệ, để lo việc quét dọn trong miếu. Tới năm thứ sáu, lại sắc

lấy của kho làm lại miếu bằng lim mà lợp bằng ngói.

Miếu này khi trước lớn lắm. Về hồi mười lăm năm về trước, bờ sông lở vào mãi, rồi dân mấy xã đó mới hạ xuống chia nhau, lập làm hai sở; một sở ở bên này làm lại địa-phận làng Khánh-sơn, ở kề chợ Tràng, một sở thì ở bên kia sông, thuộc địa-phận làng Quang-dụ. Còn chổ vườn miếu ngày xưa, thì đã nằm vào quá giữa sông về bên kia rồi.

Phía bên kia khi xưa là dòng sông, bây giờ lại nổi thành bãi cát, nơi thì trồng dâu, nơi thì trồng bắp, lại có nơi thì đã lập thành vườn, đã có nhà cửa, đã có cây cối tre pheo. Còn phía bên này thì khi xưa nào nhà nào cửa, nào lâu-dài đền chùa, mà bây giờ lại thành ra dòng nước chảy, có thuyền ngược bè xuôi. Ai trông thấy cái cảnh thời-di này mà lại không ngậm-ngùi ngao-ngán về sự biến-thiên trong vũ-trụ

Vào trong miếu thấy có một cái biển đề bốn chữ đại-tự:

Đức bố Nam-hải

德布南海

của hai người Hoa-thương ở đất Việt-dông 粵東 cúng. Cho hay người Tàu giỏi thì người Nam thờ, người Nam mà giỏi thì người Tàu cũng sùng-bái, chẳng vì đất bắc trời nam mà kỳ-thị.

Ở giữa có một câu đối sơn son thiếp vàng:

<sup>10</sup> Tịch trấn tư thờ, kim phúc tư dân, 寂鎮思祠, 今福思民, 億年澤浹, 視今猶視昔, 神靈在天, 人名在史, 三紀大忠, 扶粵甸, 能人者能神.

昔鎮斯土, 今福斯民, 億年澤浹, 視今猶視昔.

<sup>20</sup> Thần linh tại thiên, nhân danh tại sử, tam kỷ đại trung, phủ Việt diện, năng nhân giả năng thần.

神靈在天, 人名在史, 三紀大忠, 扶粵甸, 能人者能神.

Trong thượng-từ ở trên long-sàng có một cái tượng bằng gỗ trầm là tượng thờ ông Lê Khôi, thường năm tới ngày hai-mươi-tám tháng chạp là ngày húy-nhật thì dùng nước ngũ-vị-hương mà tắm rửa rồi thay áo mới. Ở trước hương-án thì có hai cái tượng «Phông» bằng gỗ, còn các tế-khi thì cũng sơ-sài lắm.

Trên bức tường trong nhà thượng-từ có chép lại hai bài thơ cũ :

1<sup>o</sup> Bài thơ bằng quốc-âm của vua Thánh-tôn nhà Lê :

*Đẹp yên bốn cõi mới buông tay,  
Lô-lộ Thái-linh một đóa mây;  
Tề-tướng bếp tàn mai lạnh vạc;  
Tướng-quân dinh vắng liễu châu mây;  
Phong-lưu phú-quí ba đời thấy,  
Sự-nghiệp công-danh bốn bề hay;  
Thương liếc người xưa bao viết kể,*

*Miếu đường hầu lấy cột nào thay.  
2<sup>o</sup> Bài thơ chữ hán của vua Dực-tôn-anh-hoàng-đế (Tự-dức):*

*Bách chiến gian quan phụ tử binh,  
戰艱關父子兵。*

*Lịch dương trung ngoại trứ năng thanh;*

*歷數中外著能聲。*

*Hoan-châu linh miếu thiên thu tại,  
驩州靈廟千秋在。*

*Truyền đạo tuần-lương đệ nhất danh.  
傳道循良第一名。*

Xem miếu này xong thì thầy trò lên xe trở về Vinh.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐỨC-TÁNH

## HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Dặt-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long (1).

### V

#### XIII

**Chiếu đòi ra nhậm tỉnh Đông,  
Hội buôn có số không dùng lối cơ.**

Triều vua Tự-dức năm thứ 25  
(Tây-lịch 1872)

Bốn mươi năm tuổi, tuần-phủ Hải-dương. Lúc ấy giặc lê nổi lên, việc binh khẩn-cấp.

Đương bấy giờ luật nước ta cấm không được thông-thương với nước Tàu mà điều-uớc người Pháp cầu thông-thương ở sông Nhĩ-hà cũng chưa định.

Khi ấy có Đò-Phổ-Nghĩa JEAN DUPUIS ra Bắc-kỳ cầu thông-thương, quan ta thì dùng-dăng không quyết, nhưng cũng trọng cái lời hứa-ước năm 1862 mà muốn cho yên việc. Vì là gây việc binh-chiến thời không những mất chữ hòa mà lại thêm việc lời-thôi, nên chỉ lấy lời lẽ mà nói với Đò-phổ-Nghĩa. Nhưng Phổ-Nghĩa nhất-định không nghe.

Sau thấy Đò - Phổ - Nghĩa có hai người Khách đem thuyền tàu chở muối lên Văn-nam, quân ta ra ý ngăn-trở.

(1) Xem N. P. từ số 132 - 135

Thị-sư là Nguyễn Uy tâu xin cử ông sung chức tham-tán đại-thần để điều-độ việc binh xứ Bắc-kỳ. Vua không nghe, sắc hỏi các tỉnh-thần nghĩ chước nên đánh nên hòa như thế nào.

Ông tâu rằng:

« *Thần-hạ thiên-nghĩ lấy tinh-thế bây giờ mà nói, ai cũng lấy đánh là hơn, nhưng xét thời-thế thì cũng có lúc phải hòa. Xem như đời Thạc-Tấn ngày trước người Triệu Duyên-Quảng, đời Nam-Tống, người Hàn Thác-Trụ, Giải Tư-Đạo đều chủ đánh, mà thiên-hạ hậu-thế cũng đều khen đánh là phải. Nhưng chỉ vì chấp ý riêng của mình không hay thăm-thời đặc-thế, nên đến nỗi khích giận cường-lân, lộn tướng hao binh, họa lây đến xã-tắc, như thế thời đánh có ích gì? Phương-chi nước ta cùng nước Pháp giảng-hòa đã lâu, nay lại gây ra việc chinh-chiến, hạ-thần sợ sau này có sự lầm to. Tỉnh Hải-dương cửa Cẩm giang tàu bè tiện lối giao-thông, buôn bán đô-hội cũng như xứ Gia-định vậy. Hạ-thần tưởng người Pháp đã lấy được Nam-kỳ bất-nhật lại có lời ước xin thông-thương xứ Bắc-kỳ, thế thì không gì bằng mở hội buôn ở cửa Cẩm, gửi thư cho các nước Thái-tây đến đây thông-thương. Tự mình phát thư thì mình làm chủ, lợi-quyền ở mình, hề nước nào chực chiếm lợi riêng thời đã có nước khác ngăn-trở. Nếu không làm thế thời nước Pháp cũng trước ta mà lập hội buôn ở đó. »*

Quan Thị-sư là Lê Tuấn cũng xin lập hội buôn như lời ông nói. Sở vào, vua không nghe, phê rằng: một nước còn giao-thiệp không xong nữa là các nước.

Vua sai ông Phan Đình-Bình ra nói với ông Nguyễn Tri-Phương phải điều-đinh việc Bắc-kỳ cho xong. Ông Phương mới sai mời Đờ-Phổ-Nghĩa lên Hà-nội

vào nhà Hội-quan Quảng-dông để hội-nghị. Đến hội-đồng, ông Phương trách Phở-Nghĩa rằng sự đem gạo muối sang Vân-nam là trái với pháp-luật triều-đình. Đờ-Phổ-Nghĩa cãi rằng đã nhận được lệnh quan Tàu là đủ, không cần phải xin phép ai nữa, rồi đứng dậy ra.

Triều-đình thấy việc lời-thôi mới sai bọn ông Lê Tuấn, ông Nguyễn Văn-Tường vào Nam-kỳ nhờ với sù-y-phủ Sài-gòn phân-xử việc Đờ-Phổ-Nghĩa cho xong.

Thống-dốc Nam-kỳ là DUPRÉ vẫn nghe Đờ-Phổ-Nghĩa nói xứ Bắc-kỳ là chỗ thông-thương tiện-lợi, tiết-thứ đã điện thư về cho chính-phủ Ba-lê biết; thiệt cũng có ý đề mở-mang cuộc thông-thương ở xứ Đông-dương. Nhưng chưa gặp cơ-hội. Nhân lúc ấy có lũ ông Nguyễn Văn-Tường vào đó xin ra điều-đinh việc Bắc-kỳ, bèn sai quan Đại-úy hải-quân là ông Ngạc-Nhe (GARNIER) ra Hà-nội. Mặt ngoài giả là vâng mệnh Chính-phủ ra dẹp giặc và mở đường buôn bán cho dân-gian được đi lại với người các nước văn-minh, nhưng kỳ-thực cốt ra để mưu chiếm đất.

Đại-úy Ngạc Nhe lên thẳng Hà-nội vào yết ông Phương. Ông Phương không ra ứng tiếp.

Ngạc-Nhe xin đóng quân trong thành Hà-nội. Ông Phương không nghe, Đại-úy đem quân đóng ở Trường-thị (gần thành Hà-nội). Vua nghe tin liền sắc cho các tỉnh-thần phải ám-chính quân-dung để phòng-bị.

Ông tâu rằng:

« *Ngạc-Nhe ra Bắc kỳ không phải vì triều-đình xếp yên việc Đờ-Phổ-Nghĩa, thiệt cũng có ý khác chi đó. Xem thế có đánh được thời quyết đánh, nếu thế mình không đánh nổi thời tùy-cơ ứng-biến. Nay đã không dám đánh mà lại dự-phòng làm vậy, người ta*

sinh nghi, sợ họa biến ra nhiều sự bất-trắc.»

Tàu vào không thấy trả lời. Sau lại thấy quân ở Nam-kỳ tiếp ra hợp với toàn quân ông Ngạc-Nhe. Cách mấy hôm Đại-úy tự-tiện làm tờ tuyên-bổ mở sông Nhĩ-hà cho người Pháp, người Y-pha-nho và người Tàu buôn bán, rồi lại viết thư trách ông Phương về việc ngăn-trở buôn bán và lợi-quyền của nước Pháp, nên sù-y-phủ Sài-gòn sai ra mở sự thông-thương ở Bắc-kỳ, dẫu quan nước Nam nghe hay không cũng mặc lòng. Thư vào, ông Phương không trả lời.

Đương tháng mười năm qui-dậu (tây-lịch 1873), ông Ngạc-Nhe kéo quân phát súng đánh thành Hà-nội. Ông Nguyễn Tri-Phương cùng với con là Nguyễn Lâm đem quân giữ cửa Đông và cửa Nam. Được hơn một giờ thời thành vỡ. Nguyễn Lâm phải đạc chết, ông Phương bị thương nặng, quân Pháp bắt ông Phương và quan khâm-phái Phan Đình-Bình đem xuống tàu. Ông Phương không chịu buộc thuốc và không chịu ăn mà chết.

Đoạn rồi quân Pháp đi tàu tới tỉnh Hải-dương, đóng ở sông Hàm-giang, kề tỉnh-thành.

Chiều hôm trước có mấy ông quan Tây vào chơi trong dinh, ông ra khoản-tiếp và hỏi các quan vào chơi có truyện gì. Quan Tây trả lời rằng: « Tỉnh Hà-nội và các tỉnh, nước Pháp đã đánh được rồi, còn tỉnh đây có bằng lòng để nước Pháp đóng quân không? »

Ông đáp: « Việc đó phải lệnh Triều-dinh mới được. »

Quan Tây lặng ngắt kéo ra.

Đêm hôm ấy ông cùng với ông Lê Hữu-Thường ngồi bàn việc binh suốt sáng.

Ông nói :

— Quân Pháp đã hạ được thành Hà-nội rồi, nay lại thấy kéo đến tỉnh ta. Tôi sợ bất-nhật có sự chinh-chiến. Ngài nghĩ việc quân-hương nên như thế nào?

— Cái đó đã hẳn rồi, nhưng quân mình đem grom giáo mà chống với trái-phá của người ta thì chống nào được? mà súng đại-bác thần-công của mình giở ra bắn được một phát thì người ta đã được trăm phát nghìn phát rồi. Như thế thì tôi lấy làm sợ quá, chưa biết nghĩ chước thế nào mà giữ nổi thành.

— Binh mình hèn yếu lâu nay không nói cũng hiểu. Bây giờ việc đã đến nơi phải cần nghĩ lập binh bày trận để phòng-bị các cửa thành.

Nói chưa dứt lời, chợt có một tiếng súng như sét trên trời rơi xuống, vang ở bên tai, vùng đứng dậy chạy ra xem thì trời đã rạng đông mà tiếng súng thì rõ là ở sông Hàm-giang bắn lại. Kế lại có một phát nữa bắn ngay vào dinh bên chỗ ngồi bàn truyện vừa xong. Ông cùng với ông Thường vội-vàng hô quân chống đánh. Quân Pháp đánh phá cửa Đông, súng bắn kêu vang trời, kèn loa rập đất, ai cũng kinh sợ. Lãnh-binh là Lê Văn-Danh đóng ở cửa Đông bỏ chạy, quân Pháp kéo vào trong thành. Ông biết cơ không giữ được, nói với ông Thường rằng:

— Quân nước Pháp thế mạnh, binh-khí của mình không địch nổi, ta phải nghĩ chước thế nào, kéo nguy đến nơi.

— Thời thời đành mở cửa tây, lui quân đóng giữ Bình-giang.

— Nghĩ mình mũ cao áo dài, không hay quên mình liều chết để tỉnh-thành thất-thủ, tội này ai chịu cho?

— Không những một tỉnh này, tỉnh Hà-nội và các tỉnh cũng thế, có người có ta chẳng lo chi.

Rồi cùng với ông Thường lui quân đóng đất Bình-giang.

Phu-nhân thời dẫn một đoàn con cái chạy ra ngoài thành, sừng bắn như mưa, đạn qua trước mặt, may thoát nạn về được đến nhà, thực là hạnh-phúc.

Khi ấy thất-thủ, quân Pháp ở trong thành, người trong thành kéo ra ngoài cứ đi tự-do, không có bắn giết ai cả. Các dinh-thự và kho tiền kho thóc giữ khóa niêm-phong lại, nhưng không lấy một li một tí gì, rồi yết-thị ai bắt được quan lĩnh thưởng bạc ba ngàn đồng.

Ông với ông Thường bỏ Bình-giang chạy lánh nạn. Phong-trần lưu-lạc, trời đất hẹp-hòi; nước non đâu cũng nước non mình, thế mà không có chỗ nào nương thân cho được. Nghĩ đến câu : « Bão bùng ngành ngọn tro-vơ, chim không nơi đỗ giạt-giờ khá thương », thời cái thân mình không bằng con chim, con chim còn có cánh, chẳng đỗ chỗ này đỗ chỗ khác. Thương thay rừng thiêng thất-thiếu, nghĩ chẳng ra sao ! Sống cũng dở thác thì cũng dở, gạt hai hàng nước mắt bấm gấu chịu tức với ông xanh. Kể đến thăm-trạng lúc bấy giờ một mình với một người đầy tớ lẻo-đẻo theo sau. Một hôm đi giữa quãng đường trời đã tối, gặp một ông lão, quần áo tả-tơi lom - khom chống gậy. Ông hỏi :

— Lão có biết đường về Nam-định đi đàng nào không ?

— Ông người ở đâu tới đây ?

Người đầy tớ với đáp rằng :

— Thưa cụ quan tôi đây là Tuần-phủ ở Hải-dương.

Lão nói :

— Ôi ! sao quan lớn còn dám vơ-vào ở đây. Quân Pháp có yết-thị ai bắt được ngài thưởng ba ngàn bạc, chứ ngài có biết không ? Sao ngài to gan

như thế, phỏng người Pháp bắt được thời làm thế nào ?

Ông giạt mình nói :

— Thiệt thế à ? đường xá đây tôi lạ cả, không biết tìm chỗ nào để lưu mình đêm hôm nay.

— Không ngại, ngài cứ đi với tôi.

Ông cùng người đầy-tớ theo ông lão đi một hồi lâu, đến giữa quãng đồng trông tờ-mờ có một nóc nhà con. Lão chỉ : « Nhà tôi đây ». Thoạt mới đến thời thấy quanh nhà vách nát, cỏ mọc bìm leo; vào trong thì có vài gian nhà bẹp, mái giột thấy cả trời, cột tre gió chuyền, phen nửa sương phơi; cảnh nghèo thì thiệt nghèo, lại thêm có vẻ tiêu - điều lạnh - lẽo. Lão thắp lên một ngọn đèn tù-mù, rồi mời ông lên nghỉ trên một cái giường con. Ông nói :

— Tôi cảm ơn lão có lòng tốt, nhưng tôi nghĩ mình tôi lưu-lạc đến nỗi này đành để thân tôi cho lão đem nộp nước Pháp lĩnh lấy ba ngàn bạc mà tiêu.

— Bẩm ngài dạy quá lời, có đâu dám thế. Lời ngạn rằng : « Tham vàng bỏ nghĩa ai ơi, vàng ăn thì hết nghĩa tôi hầy còn. » Ngài tưởng tôi cũng như bụng người khác hay sao ?

— Tôi thấy lão nghèo, tôi thương lão, nay không biết lấy gì đền ơn được, vậy muốn đem mình tôi để giúp lão một món tiêu, chứ có ý gì đâu.

— Xin ngài đừng nghĩ vậy, ngài cứ yên lòng nằm nghỉ để nuôi sức khỏe kịp sớm mai đi sớm, kẻ ở đây cũng là một chỗ nguy hiểm, ban ngày cũng thường có người quân Pháp cho đi dò thám qua đây.

Ông nghe lời, nằm giả-cách ngủ, thấy lão ấy lần mò cả đêm thối cơm nấu nước xong rồi ngồi canh ngoài cửa. Đến đầu trống năm lão gọi ông dậy ăn cơm sớm. Mới mãi ông không ăn, bảo

người đầy-lớ rằng : « Ta không ăn, mi ăn đi để khỏi phụ lòng lão » Ăn xong trả tiền cơm và tiền chỗ trọ, lão không chịu lấy, lại thân-hành dẫn đi lối tắt cho chóng, hồi lâu cáo-từ xin trở lại ; hỏi tên tuổi là gì lão không nói, rồi thầy lớ-lỏi-thủ dẫn nhau đi. Rồi tìm đến nhà anh em bạn ở làng Dũng-nghĩa ẩn núp. Trong một tháng trời dằng-dẵng, đêm năm canh ngày sáu khắc, mượn bóng tà - dương mảnh tàn-nguyệt soi một tấm tâm-can, nước mình như vậy, kiếp mình như vậy, chắc là ngồi đó không yên thân, thôi đành nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu.

Không bao lâu quan Khâm-sai đại-thần là ông Nguyễn Văn-Tường ra Hà-nội giảng hòa, lệnh sức các linh-thần (Hà-nội, Hải-dương, Nam-dịnh, Ninh-bình) thất-thủ phải về Kinh chịu tội. Bỗng nghe tin giạt mình, cuộc đời đã dành rứa, nhưng thương cho mình, tiếc cho mình, tủi cho mình, đau-dớn cho mình, bao nhiêu cái chí-khi, cái sự-nghiệp của mình còn toan hi-vọng gì nữa.

Có bài thơ cảm-hoài :

## I

Tiếc thay ao nóng với thành vàng,  
Giọt lệ tân-đình thấp chửa-chan ;  
Chút đỉnh chửa đèn ơn vũ-lộ.  
Lỡ cơ nên nổi bước gian quan ;  
Bề sâu hồ dễ đào non lấp,  
Trời khuyết ai hay đội đá hàn ;  
Vẫn biết tài mình thua kém họ,  
Tội đành đành chịu dám kêu oan.

## II

Trăm năm nào biết cuộc vương tròn,  
Nghĩ bước tang-bồng ruột héo-hon ;  
Dấu hạc mịt-mù hoa với cỏ,  
Tiếng quyền rầu-rĩ nước cùng non ;  
Nhà huyền gương tuyết người mong  
[mỏi.  
Điểm cỏ cầu sương khách bước chồn ;

Hai chữ hiếu trung còn bởi-rời,  
Trời xanh khôn thấu tấm lòng son.

Đương bấy giờ can tội, những tinh-thần Hải-dương bàn với ông rằng : bây giờ Triều-đình trách cập đến sự thất-thủ thời ta nói thế nào.

Án-sát Nguyễn Đại-Dục toan đồ tội cho Lãnh-binh Lê Văn-Danh. Ông nói : « Người Danh bỏ thành chạy trước, thiệt đáng tội ; nhưng lũ ta cũng chạy, khác gì người Danh ; nếu đổ lỗi cho nhau thời Triều-đình lại càng thêm ghét mà lũ mình cũng không thoát tội. Thôi đành chịu tội cho cam. »

## XIV

Khi tội ở kinh-su,  
Mảng vui sách vở không ưa sắc tài.

Triều vua Tự-đức năm thứ 27

(Tây-lich năm 1874)

Bốn mươi bảy tuổi, ông cùng với các quan thất-thủ về Kinh đãi-tội. Khi ở Kinh một thầy một tớ, phong-cảnh buồn teo. Bấy giờ ngồi một mình hồi-tưởng đến sinh-bình cảnh-ngộ, lịch-lich như in trong óc, khắc trong lòng. Nào những lúc đua chen trường-ốc cùng bọn văn-sĩ đoạt-giáp tranh-khôi, chí-khi hăng-hái là dường nào ! Lại những lúc nghị-luận, nơi Gián-đài, kinh-luân ba tấc lưỡi, chẳng sợ uy sấm sét búa rìu, thanh-danh hiền-hách là dường nào ! Lại những lúc giống-ruồi nơi chiến-trường, phong-trần một mũi gươm, chẳng dong loài tanh hôi độc-dữ, can-tràng kháng-khải là dường nào ! Đến bây giờ đã chồn cả gan, ghê cả thịt, dường công-danh phú-qui mơ-mơ màng-màng thành ra một giấc mộng hoàng-lương vậy ! Gớm thay con Tạo trêu người ! anh-hùng lỡ bước, bắt phong-trần phải phong-trần, nào ai có thoát được cái vòng đào-chú. Ta còn nhớ ngày nào người tướng-sĩ đoán

ta đến năm nay có tai-biến, quả-nhiên!  
Thôi sự đó đã đành kể chi cho mệt.  
cách tiêu-dao không gì bằng xem sách.  
Kia những lời châu-ngọc của thánh-  
hiền đế-vương ngày xưa ghi trong sử-  
quán còn đủ cả, xem sách có phần  
rộng thêm kiến-thức mà khỏi hư phí  
cái thời giờ của mình.

Một hôm ông đang ngồi xem sách  
thấy một o dung-nhan óng-ả, cổ vòng  
vàng, quần lụa trắng, mồm ngậm thuốc  
quần, tóc mượt dầu rữa, đưa bóng  
hồng thấp-thoảng qua mắt, toan giờ  
đường nguyệt nọ hoa kia. Ông chỉ chăm  
chăm quyền sách, không thêm liếc mắt  
qua. O ấy tới gần nơi sẽ dịu-dàng mà  
thưa rằng :

« Bà lớn không vô trong ni, sao quan  
lớn không kiếm một người thiếp để  
hầu-hạ cơm nước, sớm khuya trò-  
chuyện cho đỡ buồn. »

Ông lơ tinh như không nghe thấy.  
O ấy lại nói to lên khiến ông phải trả  
lời : ông quắc mắt mắng rằng : « Ta đây  
có phải phường say hoa đắm nguyệt  
đâu, phỏng tiên-nga trên trời rơi xuống  
đây cũng không lay động được cái lòng  
trình-bạch của ta, phương-chi tuồng  
chúng bay. »

O kia đồ mặt chạy mất.

Ông liền gọi bầy-tớ bảo : « Từ nay  
có o nào đến đây đuổi đi không cho đến  
gần chỗ ta ».

Người tớ ấy có tinh chim gãi, có  
người tinh-nhan ở làng Yên - cụ  
thường đi bán gạo, nhà nghèo, đưa bầy  
tớ vãn ăn bớt tiền cho nó.

Đêm đã khuya, ông ngồi xem sách,  
giọt mưa lác-dác, ngọn gió hiu-hiu,  
vẳng tai có tiếng người ri-rầm ở gian  
buồng bên cạnh ; xét ra quả là người  
bầy-tớ dắt gãi vào đó. Ông mắng :

— Vợ người ta cũng như vợ mình,  
con người ta cũng như con mình, gãi

như mình thấy người ta gheo vợ con  
mình thời mình có để yên cho không?  
Vả lỡ gặp đứa mắc bệnh thì mình lại  
hại tiền hại của, hại cả đến người nữa,  
thích ý một lúc, di-hại chung-thần,  
thời có ích gì.

Tên ấy chối rằng :

— Người ta đi bán gạo nhà xa, trời  
mưa nên xin trọ ở đó, tôi có dám rú  
gãi đâu.

— Quả thiệt đưa đi bán gạo thời nó  
thiếu gì chỗ trọ mà nó lại đến chỗ mi  
nằm là nghĩa gì ? Thôi đừng chối nữa.  
Mi xưa nay đi chợ ăn bớt tiền của tao  
cho người ta đã nhiều, hỏi đến mi cứ  
tính quanh tính quẩn nói dối tao ; nay  
bắt được quả-tang mi lại còn chối.  
Tao tính từ ngày vào Huế đến nay  
chưa đầy một năm đã mất hơn ngàn  
quan tiền, mi làm hại tao cũng vì đứa  
nhân-tình này.

— Bẩm tình con oan, xin ngài lượng  
xét cho.

— Oan gì mà oan, nếu dung cho mi  
ở đây, không những hại tiền tao mà lại  
mang tiếng người nhà mình trai gãi.  
Thôi cho mi về để mượn người khác.

Than ôi ! cái sống tình là một cái  
quái-vật, làm cho hãm đắm lòng người  
ta, làm cho mê-mẩn tâm-thần người ta,  
làm cho hại thân hại thể người ta, làm  
cho hao tiền hao của người ta, ai mắc  
vào cái vòng ấy, dầu bậc anh-hùng  
cũng chưa dễ thoát được, lạ cho cái  
sống khuynh thành, làm cho đồ quán  
siêu đình như chơi ! Xem như Thủy-  
Kiều là một người tuyệt-sắc, mây thua  
nước tóc, tuyết nhường màu da, cười  
phấn cợt hoa, tô hồng chuốt lục, đem  
cái sắc trời người ta đã mấy mươi lần.  
Kim Trọng từ phen đã biết tuổi vàng,  
lòng càng thồn-thức dạ càng ngẩn-  
ngờ ; Thúc-sinh mê-mê trong cuộc  
truy-hoan, càng quen thuộc nét càng  
dan-dịu tình ; Hồ Tôn-Hiến càng nghe

càng đắm càng say, lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình ; Từ Hải nghe lời vừa ý gật đầu, cười rằng tri-kỷ trước sau mấy người.

Kìa Kim Trọng, Hồ Tôn-Hiến, Thúc-sinh là bọn tầm-thường không kể ; râu hàm hàm én, Từ Hải là một bậc anh-hùng cũng phải siêu lòng như thế.

*Lạ thay cái giống đa-tình,  
Đỡ ai dứt mối tơ mảnh cho xong !*

Kinh-thanh là chỗ phồn-hoa, đàn bà ở đó có nhiều vẻ lịch-sự, sớm dào tối mãn, thanh-khi lễ hăng, không mấy người đến nơi này mà cầm lòng được. Thế mà đương lúc cảnh tịch-liêu, tình thâm-đạm, sao không mượn cái cuộc ấy để làm cách giải-phiền, mà ông vẫn lòng son dạ sắt, khăng-khăng chẳng dời, lấy văn-chương làm bạn sắt-cầm, lấy hãn-mặc làm duyên hương-hỏa. Như thế mới là chân-quân-lữ, chân-anh-hùng.

Ông nhắn phu-nhân vào, nói rằng nếu không vào thời cho người khác vào, kẻo đũa bầy-tờ này say mê bợn đi, hư quá không thể dùng được. Phu-nhân ngại vì đường xa xa-xôi, không muốn vào mới cho thứ-thất đi đỡ mình. Bà thứ-thất :

*Nghĩ mình cái số long-dong,  
Lượng trên trông xuống biết lòng  
[thương yêu.*

*Nghe tin mừng rõ trăm chiều,  
Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng...  
Vàng lời lên đường.*

Khi vào tới nơi, nhác trông càng lạ càng nhìn, ông hỏi :

— Ai đó ?

— Cụ nhà cho tôi vào đây thay mặt bà lớn.

Lúc bấy giờ ông mới nhận đích là người cũ : — « Đã lâu nay vắng người vắng mặt, nên ta quên ».

Mừng mừng tủi tủi, bà thứ-thất nói :

— Tự khi ông bước chân đi làm quan đến bây giờ gặp ông lần này đã mười một năm lẻ, tôi gặp ông lần này là lần thứ hai có phải không ? Chẳng trách ông quên được.

Ông úy-dụ rằng :

— Ta đi vắng, bà ấy cũng đi, có lẽ nào để hai cụ ở nhà một mình, không tiện, nên phải có người ở nhà đỡ chừng thần-hôn cho ta.

— Đã hay vậy, nhưng cũng có trời, nếu ông không phải vào Kinh lần này, thì tôi không biết ngày nào, tháng nào, năm nào lại được cá với nước, rồng với mây gặp thì :

*Trách lòng kẻ ở người đi,  
Trăm năm biết có duyên gì hay không.  
Bấy lâu hương lạnh lại nồng,  
Ước-ao cũng thỏa tấm lòng ngày xưa.  
Nghĩ mình phận liễu tơ-vơ,  
Ngoài mười năm ấy bây giờ là đây.  
Rừng-rà đây cát bóng cây,  
Lòng trời đưa lại còn may gì bằng.*

Ông nghe lời lòng cũng ái-ngại, dạ càng lao-đao.

— Thôi truyện cũ chi chi đừng nói nữa, nói chuyện việc ăn việc làm đi cho tôi nghe.

— Nay tôi vào đây bầy-tờ ba bốn người, không có lý ngồi chơi không, cũng phải bày công bày việc ra mà làm lụng cho vui, sự đó đã đành. Nếu cứ ăn ngồi chơi thời của núi cũng hết.

— Bây giờ biết làm nghề gì ?

— Nghĩ gì nghề. Ngoài Bắc ta sẵn tơ lụa và thuốc trà, buôn vào đây cũng có lời, vả giá bạc ngoài Bắc hạ, giá bạc trong này cao ; lời giá đồ, lời giá bạc không buôn cũng hoài ; coi như người Phụng-lâu buôn bán vào đây, phố-xá cũng đông mà cũng nhiều người nổi lưng vốn kẻ có vạ.

— Nếu buôn được còn nói gì hơn nữa.

Từ đấy bà thứ-thất buôn bán đủ nghề, di ngược về xuôi, tơi sồi lụa vải, lại vun trồng bông trái, mùa nào thức ấy, nào bí nào bầu, nào cà nào rau, chung quanh nhà chẳng chỗ nào là hờ dất. Các quan Huế đến chơi tức-tắc khen rằng : « Nhà quan lớn có cô lớn coi sóc có khác, ngó ra phong-cảnh sầm-uất hơn trước nhiều. Người nhà chúng tôi hư, lắm chỉ thấy trầu cau ngót-ngoét, thuốc cuốn phi-phà, áo lụa quần là, giày hoa vành xuyên, sớm liệng Đong-ba, chiều ra Gia-hội, ăn không ngồi rồi, lại giở lối tài-bàn tổ-tôm, hết ngày ấy sang ngày khác, chẳng hay làm nghề chi cả. »

— Người nhà tôi vẫn quen thói nhà quê, chẳng dám bì với nhà các quan quen mẫu quan-cách.

Ở Huế được hai năm, án các quan thất-thủ đã thành, có chiếu ra Bắc đồn-diễn hiệu-lực chuộc tội. Bà thứ-thất nói :

— Nay ông đã có tin được ra Bắc, hiện đây còn ngàn quan tiền đem đi mà tiêu.

— Tiền ở đâu còn nhiều thế ?

— Hơn một năm nay chỉ ăn về hoa mầu và lời buôn cũng đủ, món tiền ông đưa cho tôi còn nguyên đó.

Ông thấy nói nửa lấy làm ngạc-nhiên, nửa lấy làm mừng :

— Năm trước chưa có ai ở đây, chỉ có hai thầy tớ, một ngàn quan tiền chưa đầy một năm, ăn tiêu hết cả. Nay mình chịu khó, mới có mà ăn, để ra được món tiền ấy thì ta cho cả nhận lấy để làm vốn riêng, đem về buôn bán, hoặc là tậu ruộng tậu nương làm gì thì làm.

— Người ta nói : « Số giàu tay trắng cũng giàu, số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo » ; lúc ông đương đi

làm quan, tiền của bao nhiêu tôi cũng chẳng tưởng, nữa là bây giờ bỗng-lộc không có, ăn tiêu lại nhiều. Ông cứ đem món tiền ấy ra chỗ đồn-diễn cấp cho bầy-tớ để nó khăn ruộng.

— Khen thực lượng cả chí cao, nhưng bây giờ đã có con cái, lấy gì mà ăn tiêu ?

— Không lo, ruộng bề bề không bằng nghề trong tay, kẻ sức tôi làm cũng đủ ăn đủ tiêu. Món tiền ấy thế nào tôi cũng không lấy, ngại bà lớn ở nhà biết mang tiếng.

Ông nghe lời gạt đầu khen phải. Lúc đăng-trình ông nói :

— Tôi tuân lệnh phải ra trước, ở lại thu xếp đưa con ra sau cho được hai chữ bình-an.

Ông thời ra đồn Thực-luyện, bà thứ-thất thời đem con về quê.

*Trông vời cố-quốc tha-hương,  
Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bời-bời.  
Bình-bồng còn chút xa-xôi,  
Tiếc thân bèo-bọt thương người rùng  
Xót lòng mong mỗi bấy lâu, [lau.  
Vừa vui xum-lop đã sâu chia phôi.  
Quan-hà cách-trở đôi nơi,  
Biết bao giờ có tin hồi nữa không ?*

## XV

Đồn-diễn lại trải hai nơi,  
Chiêu dân khẩn ruộng ở ngoài  
sơn-khê.

Triều vua Tự-đức năm thứ 29  
(Tây-lich năm 1876)

Bốn mươi chín tuổi, sắc ra Đồn-vàng (tức là đồn Thực-luyện tỉnh Hưng-hóa), ông theo quan đại-thần Hoàng Kế-Viem đi đồn-diễn. Ông Viem nói :

— Nay đương lúc nhiều-nhuong, Trung-châu đất bằng không có chỗ giữ hiềm, tôi muốn kinh-doanh chỗ này để vì nhà nước sau này đồ kế khôi-phục.

— Trung-châu còn không giữ được phương - chi Thượng-du. Thượng-du nước độc, binh-hương đài tải nhiều khi trở-ngai, và quân mình còn đến đây được chả chắc cầm được quân người ta đến đây. Cốt nghĩ làm sao luyện-tập quân mình cho có tinh-thần, binh-khí của mình nghĩ chế làm sao cho được tinh-nhuệ, thời mới nói mạnh.

— Vậy nay ông chủ-ý thế nào ?

— Tôi đã là người bại-tướng còn dám bàn chi đến việc binh, tôi nghĩ ở trên đời phải có sự-nghiệp, đã không hay vị dân vị nước lập công chỗ chiến-trường, thời cũng phải nên khai-hoang phá-thảo mở - mang thực-nghiệp để mưu việc công-ích sau này. Kia xem rừng vàng bể bạc Tạo-vật để người ta dùng, thế mà không biết cách dùng, chỉ bỏ hoang-mãng; bên trong thời phó mặc con cọp, con báo cắn hại các loài sinh-vật, bên ngoài thời phó mặc lũ mường lũ mán tư sinh tự-dục với nhau, mà Triều-đình không khai-hóa đến. Dân để ngu hèn, đất bỏ hoang-mãng, thế thời chẳng phụ lòng ông Tạo-vật sinh-thành làm dư ! Tôi xem trên Thượng-du thung-lũng còn nhiều gáp ba phần đất Trung-châu, chỉ vì rừng thiêng nước độc làm cho ngăn-trở đường tiến-hóa của người ta. Hễ nói lên Thượng-du ai cũng sờn tóc gáy mà chồn tri khôn lại, không mấy người có gan mạo-hiêm, có bụng nhiệt-thanh, đến đó khai-khẩn. Vậy nay đã chiêu dân lên đó thời phải cấp lương và ngư-lao điền-khí cho chúng nó vui lòng làm, thời mới chóng được thành-hiệu, thế cũng là việc ích-quốc lợi-dân.

Ông Viêm biết ý ông chủ việc nông, chứ không chủ việc binh, mới sai chiêu-mộ điền-tốt, lập đồn-diền ở xã Yến-mao huyện Bất-bạt.

Tục mường mán ở Hưng-hóa khác ở Trung-châu. Đàn ông đàn

bà, đồ mặc phần nhiều dùng thú vải chàm. Con gái tục gọi là có-mái, không mặc yếm, vận xống đến ngang nách, đầu búi tóc, khăn vuông vải chàm trùm đầu, hoặc vải trắng; áo ngắn độ nửa lưng, áo dài độ đến đầu gối. Đàn ông đàn bà ai cũng có con dao bọc túi đeo ở sau lưng, đề vào rừng chém củi hoặc là gập các muông dữ để phòng thân. Đàn ông ai cũng biết hút thuốc phiện để trừ chướng-khí. Ốm đau chỉ hay dùng lễ cúng ma; uống thuốc dùng bằng thuốc lá kiếm ở trong rừng. Người chết thì lấy một súc gỗ to, cưa đôi, đục rỗng giữa, bỏ thây vào trong, gấn rất kỹ bỏ trong nhà, đèn hương cầu khẩn; có nhà đề đến chín mười năm. Lễ cưới thì nhà trai phải sắm sửa tiền bạc, trâu bò, lợn gạo, cùng là đem gối, đủ cả lễ-vật mới cho cưới. Nếu nhà nghèo không lo được thời người rể phải đến nhà bố mẹ vợ làm-lụng đợi bao giờ lo được mới cho cưới.

Công - nghệ thì nghề đan nghề dệt cũng khéo; thuốc nhuộm vải lụa mùi rất bền. Dao nhiều thứ rất tốt, chém đứt nên bạc không quẩn. Bắn nỏ có thứ thuốc bôi vào mũi tên, bắn nhiều khi chết người; thứ thuốc ấy dùng rựa con cóc bỏ vào trong cái lọ; nước bọt người ta sớm mai thức dậy nhỏ vào đó, ngâm độ mười ngày, cái rựa ấy chất rất độc.

Làm ruộng thường đốt dổi để cấy lúa nếp ở dưới chân núi, và đốt dổi để cấy lúa lóc, lúa ngàn. Gặt lúa về nhà để nguyên cả rạ, phơi khô, buộc từng lượm gác trên sàn nhà, ăn đến đâu mới xay đến đấy. Nấu cơm thường dùng ống nứa non, đồ gạo nếp vào trong, chát đất kín hai đầu, đốt chín ăn cũng ngon. Kia nước uống thì dùng bằng ống tre bương. Trâu bò dùng mỡ tre đeo vào cổ, thả trong rừng nghe tiếng mỡ khỏi lạc.

Ông nói :

Buôn bán thì có các thứ gỗ và tre nữa cùng là mộc-nhĩ, nầm hương, củ-nâu, mật ong, sáp-ong, sa-hân và các vị thuốc lá đem đến chợ Hưng-hóa, chợ Phương-lâm bán cũng nhiều.

Người Mán cũng có học chữ nho, nhưng phần nhiều thì con nhà lang, còn thứ-dân thì không mấy người biết chữ. Mán Thổ thì có riêng một thứ chữ, việc quan, đơn kiện hoặc khế-tự gián-hoặc cũng có dùng chữ của họ.

Các thứ người trên ấy coi ra còn ngờ-ngác đại-dột lắm và có tiếng lười biếng chưa mong gì đến sự tiến-hóa văn - minh. Mong được như người đường xuôi, khai-hóa cũng đến ba bốn mươi năm nữa, bởi vì chỗ biên-viễn lâu nay Triều-đình giáo-hóa không cho tiêm-nhiễm đến, thành ra mừng mán chỉ ở với nhau, quanh quẩn góc núi xó rừng, trải bốn nghìn năm nay còn giữ thói dã-man như thế, nếu triệu được người đường xuôi lên đó khai-khẩn ruộng nương cùng với họ đi lại quen biết phong-tục tính-tình, rồi dần dần dạy bảo đường luân-lý, cách sinh-nhai, lâu cũng có thể khai-hóa được. Nhưng muốn chiêu dân lên đó, thoạt tiên phải biết cách vệ-sinh. Nước phải lọc kỹ độc, nấu sôi kỹ sẽ uống, chớ uống nước lạnh, đừng ăn trái chua, đừng uống rượu, đừng ngủ ngày. Giường nằm phải kê cao, dưới đất phải đồ than tro cho nhiều, đừng cho hơi đất xông lên. Đêm nằm phải bỏ màn, đừng cho khí độc nhiễm vào vì là chỗ rừng núi nhiều chướng-khí, chứ không phải những tự nước độc.

Có mấy bài thơ tức-cảnh :

## I

Nông-nỗ đồn đây nghĩ chán phê,  
Nhà gianh vách nửa cái sàn tre ;  
Thồi kèn trườc mặt bàn nha-phiến,  
Gỗ mỡ bên tai tiếng cặp kè (1);  
Trò chuyện không ai Mường với Mán,  
Mua vui có cảnh đá cùng khe ;  
Ngày coi khần r ộng đêm xem sách,  
Xem chán nằm ngời giấc khòe-khòe.

## II

Mưa thấp sân đồn cỏ mọc meo,  
Đường đi lối lại phải trèo đèo ;  
Quan-tư gỡ hách ba thằng nhặng,  
Lính-tráng nằm nghiền một lũ keo ;  
Hàng-quán bên đường coi lác-dác,  
Dân-cư sườn núi ở treo-veo ;  
Đêm nằm chọt tỉnh nghe vắng-vắng,  
Hàng gió khua rừng nước suối reo.

## III

Chán trời mây biếc cỏ xanh om,  
Ai đốt sườn non lửa đỏ lòm ;  
Cỏ mái túi dao đeo lằng nhặng,  
Chú mường ổng nước vác lom-khom ;  
Trâu bò mỡ nửa kêu khua cóc,  
Mèo mán còm đồ đất khói um ;  
Rừng rú đâu đây nhiều thấp-khi,  
Đêm hè trời vẫn lạnh ngom-ngom.

## IV

Nửa lòng lang-miêu nửa lâm-tuyền,  
Lặn-dặn thương mình khách viễn-  
Xa bóng nhà huyền e tuổi hạc, [biên-  
Gọi hồn nước cũ vắng nghe quyên-  
Con đường hoạn-hải còn đan đu,  
Cái kiếp phù-sinh chữa phủ nguyên-  
Hiu-hắt rừng lau cơn gió lốc,  
Biết ai cùng kẻ nổi hàn huyền.

## I

Cảnh buồn nhưng bụng vẫn vui,  
Trái mùi ngọt ngọt thứ mùi đắng cay.

(1) Cặp-kè sách thuốc gọi là con Cáp-giới, tính nó thường hay đi đòi, kêu như tiếng mõ nếu bắt được cả đôi khoét bỏ mắt đi dùng làm thuốc bỏ tởng ngang vị nhân-xâm.

Phong-trần lạc bước tới đây,  
 Bấy lâu đã trải gió mây vẩy-vùng.  
 Một mình đứng gốc cây tùng,  
 Hươu kia nó nghĩ mình cùng là hươu.

II

Xem non vợi nhớ đến tiên,  
 Tiên thời chẳng thấy thấy liền những  
 Tưởng là tiên ở đâu đây, [mây.  
 Tim quanh đỉnh núi thấy cây xương-bồ.  
 Xương-bồ hương cũng thơm-tho,  
 Thuốc tiên để đó tiên hồ đi đâu ?

III

Xem khe nhớ đến lão câu,  
 Khe còn đợi đó lão đâu chưa về ?  
 Một dòng cá nhảy dưới khe,  
 Hừng câu muốn bẻ cánh tre làm cần.  
 Tiếc vì tre hãy đương măng,  
 Cá đương chờ nước trắng chừng hóa  
 [vây.

IV

Xem rừng sẽ nhớ đến voi,  
 Voi thời chả thấy thấy voi tre đây.  
 Tre già măng lại mọc ngay,  
 Sao voi chẳng để để nay cũng thừa.  
 Đinh Lê Trần Lý ngày xưa,  
 Có công chiến-trận voi giờ đi đâu ?

Ông đương ở Đồn-Vàng về mộ phu  
 lên đồn Yến-mao, vỡ cỏ làm ruộng.  
 Chỗ ấy sơn-lam chướng-khí, không  
 mấy người dám lên. Tục ở đây « cơm  
 đồ nước vác, nhà gác lợn thui ». « đời  
 củi rừng tre, nước khe chè núi »,  
 phong-vị rất là tiêu - điều : ngày thời  
 có chim kêu vợ nót là tri - âm,  
 đêm thời có gió mát trắng trong làm  
 khiên-hừng, ngoại-giả không có thú-  
 vợi gì hết.

Phu-nhân ở nhà nghe nói tình-cảnh  
 làm vậy, cũng chán không muốn đi.  
 Cụ bà gọi bảo : « Ông ở đây lạ thung  
 lạ thổ, không có đàn bà trông coi không  
 được, bà không đi thôi cho thứ-thất đi ».  
 Bà thư tuân lời đi, lên đó lại giữ cách  
 buôn bán, giao tiền cho bày-tớ mua gỗ

và tre nữa, đem về đường xuôi bán,  
 lại chở muối đem lên bán đường ngược,  
 cũng nhiều chuyển được lời to. Nhân  
 ngày tháng ba tháng tư gặp phải khí  
 độc hơi đất xông lên, nước khe chảy  
 xuống, bày-tớ và điền-tốt uống phải  
 nước độc bị ốm, giầy cả bụng, búng  
 cả da, vàng cả mắt, thuốc uống  
 không khỏi, bị chết cũng nhiều,  
 gặp lúc nguy-biến như thế, bà thứ-  
 thất rất là dăm-đang, xuất tài xuất  
 lực mua sạng mua ván, chôn táng  
 cũng chu-tất cả. Ông cũng ốm và mọc  
 chốc sau lưng đau lắm, mất bao nhiêu  
 tiền thuốc mà vẫn đau. Ai cũng bảo  
 phải lễ ma mừng. Ông bảo không  
 phải lễ bái gì cả, nếu số chết thì đã  
 chết ở trận Bùi-xá (Quảng-yên) và trận  
 Kiến-duyên rồi, còn đâu đến ngày nay.  
 Bà thứ đem ngày lo sợ nói với ông rằng:

— Không khỏi thời phải cúng, có  
 được-lực lại phải có thảo-quyền. Lời  
 ngạn rằng : « Có cúng có thiêng, có  
 khiêng có lành », lại có câu : « Có bệnh  
 thì vái tứ-phương, không bệnh đồng  
 hương không mất. » Xin rước thầy về  
 cúng.

Ông nhất-thiết không nghe, bệnh một  
 ngày một nặng, chốc một ngày một đau,  
 không biết làm thế nào được. Đương  
 lúc ông ốm nằm mê mẩn không biết  
 gì, liền đi tìm thầy mừng cúng và cho  
 thuốc lá dẹt chốc. Từ đấy bệnh dần  
 dần khỏi, chốc bỗng tan. Thế biết  
 thuốc mừng hay, ma mừng thiêng,  
 người ta nói cũng không ngoa.

Lúc ông khỏi dậy bảo rằng :

— Ta nay tai qua nạn khỏi, nhờ có  
 công minh, nhưng cũng là số ta. Nếu  
 không khỏi ai cũng bảo tự rùng thiêng  
 nước độc.

Bà thứ-thất nói :

— Ông ốm, tôi sợ chẳng còn hồn  
 vía nào, tôi phải trộm rước thầy cúng  
 đó, chả hay ông có biết không ? Đương

lúc ấy trong nhà đã có ông chủ nắm đó rồi, bầy-tớ đưa thi ốm, đưa thi chết, một tay tôi lo liệu trăm chiều, may ông khỏi được là van-phúc.

Nghe chưa dứt lời, ông đã vội nói :  
— Tôi đã biết công rồi.

— Ông giờ mới biết hay sao ? Sao khi võng điều cẳng ngà, trống giông cờ mở, không có tôi, đến khi trèo non vượt bể, lên thác xuống ghềnh, thì tôi lại phải đeo cái gánh nặng ?

— Thôi thôi, bằng lòng vậy. Có công trời hần đền công, xưa nay trời có phụ lòng ai đâu.

Ở chỗ đồn-diền hơn hai năm, đời tan đám cỏ, núi sạch rừng lau, mỗ trâu khua gió, sáo mục chờ trăng, bấy lâu mưa Tán mây lặn, đoái trông muôn dặm tử-phần xa xa. Xót thay còn chút huyền già, thần-hôn hai bữa bỏ qua sao đành.

Bỗng nghe có chiếu đòi vào Kinh, ông cáo còn mẹ già, xin ở nhà nuôi mẹ.

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYỄN-KHU

## KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

### IX

#### 6. — K — Người Sở, người Tần và người Ba diệt nước Dong

T. — Năm Văn-công thứ 16, Sở đòi lăm, người Dong xưng-suất cho các rợ man-di làm phản Sở. Người nước Mi đem các rợ ở đất Bộc đến họp ở đất Tuyên sắp đánh Sở. Người Sở bàn đem binh thiên sang đất Bản-cao. Vi-Cồ can rằng : « Không nên, mình đến đây được thì giặc nó cũng đến đây được. Không bằng ta đánh nước Dong đã. Còn như rợ Mi với các rợ Bộc thì họ tưởng rằng nước ta đời không đủ binh-lương, vậy hễ họ thấy ta đem binh ra thì tất họ sợ mà kéo về. »

Sở đem binh ra, các rợ Bộc bèn trút cả.

Sở sai Lư Trấp-Lê vào đánh nước Dong. Người Dong ra đui. Sư-Thúc bảo Lư Trấp-Lê rằng : « Hãy vào giúp trận mà giả-cách thì a để cho quân nó khinh. Lúc ấy quân nó thì kiêu-

ngạo mà quân ta thì tức giận, mới đánh được. Ngày xưa đức tiên-quân ta là Phấn-Mạo mà sở-di đánh được đất Kinh-thấp là ở chước đó. » Lư Trấp-Lê bèn vào giao-chiến, bảy trận thua cả bảy. Người Dong bảo nhau rằng : « Sở không đủ sức chiến-tranh. » Vì vậy họ không đặt quân phòng-bị.

Sở-tử cưới ngựa trạm hội quân ở Lâm-phẩm ; người Tần người Ba đem binh theo ; các rợ man-di xin đến hội-minh, bèn diệt người Dong.

#### 7. — K — Chư-hầu hội ở đất Hồ

T. — Năm Văn-công thứ 17, Tấn-hầu họp chư-hầu ở đất Hồ để dẹp loạn cho Tống. Tấn-hầu cho Trịnh nhị-tám với Sở nên không tiếp Trịnh-bá.

Trịnh Tử-Gia sai sứ đem thư đến cáo với Tấn Triệu-Thuần rằng : « Quả-quân tôi lên làm vua được ba năm thì triệu Sái-hầu để cùng đến châu lãn,

tháng chín năm ấy Sái-hầu sang tề- quốc để cùng đi, song tề- quốc vì có cái loạn người Hầu Tuyên-Đa, nên quả- quân tôi không thể cùng đi với Sái- hầu được. Đến tháng mười-một loạn Hầu Tuyên-Đa đã tạm yên thì quả- quân tôi đi với Sái-hầu sang triều-giết các quan bên Tấn ngay.

« Tháng sáu năm thứ 12, Qui-Sinh tôi đi tá-mệnh cho ông Di là con cả quả- quân tôi sang Sở xin Trần-hầu về để cùng vào châu Tấn. Tháng bảy năm thứ 14, quả-quân tôi lại sang châu Tấn để kết-hiếu với Trần.

« Tháng năm năm thứ 15, Trần-hầu đi từ tề- quốc sang châu Tấn. Bên năm ngoài thì Trác Chi-Vũ bên tôi lại đưa ông Di sang châu. Tháng tám quả-quân tôi lại sang.

« Xem hai nước Trần Sái ở sát liền với Sở như thế mà họ sợ-dĩ không dám nhị-tâm với Sở là vì có tề quốc tôi đó, ấy tề- quốc tôi tuy thờ Tấn như thế mà sao không khỏi tội ?

« Trong đời quả-quân tôi tại-vị, một lần sang châu vua Tương-công lại hai lần sang châu vua ta bây giờ. Lại ông Di tôi với tôi cùng hai ba người thuộc- quan của tôi dắt nhau sang đó thành Giáng (Tấn).

« Nước tôi tuy bé mọn, đối với Tấn đến thế là cùng, bây giờ đại- quốc nghĩ rằng : « Nước mà tuy ở như thế cũng chưa phải chỉ chúng tao », thì tề- quốc chỉ có diệt-vong đi là thôi, chứ cũng không biết làm thế nào được. Cỗ-nhân có câu rằng : « Sợ đuổi sợ đầu còn đầu là khúc giữa. » Lại có câu rằng : « Con hươu kia lúc bị chết còn chọn gì được chỗ rừng nào là yên ấm. » Coi đó thì biết một nước nhỏ phải phục-lòng với một nước lớn, nước lớn mà lấy điều đức-nghĩa đãi cho thì nước nhỏ phải lấy nhân-đạo mà phụng thờ. Vì bằng nước lớn lấy điều bất-đức đãi cho thì

nước nhỏ cũng đến liều như con hươu kia vậy. Con hươu bị chạy sa vào nơi hiểm nghèo, trong khi đang nguy-cấp còn biết chọn đâu là chỗ ấm yên.

« Ôi, một cái mệnh-lệnh hà-khắc không biết thế nào là chừng. Trịnh tôi cũng tự biết phải diệt-vong rồi. Vậy chúng tôi xin đem hết cái số binh hèn-yếu ra đóng ở đất Triệu giáp Tấn (Trịnh) để chờ mệnh-lệnh của các ngài.

Kia như đời vua Văn-công nước Trịnh tôi năm thứ hai, nước tôi đã phải sang châu nước Tề đến năm thứ tư, vì Tề đánh Sái, nước tôi lại phải giảng-hòa với Sở, ấy ở vào giữa cái khe các nước lớn là chỉ phải theo về mệnh-lệnh của bên mạnh đó, chứ có tự làm nên tội đâu. Nay nếu đại- quốc không xét cho thì nước tôi cũng không từ chối được. »

Tấn bèn sai Cửng Sóc sang Trịnh giảng hòa và cho Triệu-Xuyên ở lại làm con tin.

## 8. — K — Người Cử giết vua là Thứ Kỳ

T. — Kỹ-công nước Cử sinh ra Thái-tử Bộc và Qui-Đà. Kỹ-công yêu Qui-Đà mà truất Bộc. Kỹ-công lại làm nhiều việc vô-lễ ở trong nước. Năm Văn-công thứ 18, Bộc bèn nhân lòng người ta oán mà giết Kỹ-công đi, rồi đem bảo-ngọc chạy sang nước ta dâng cho Tuyên-công (con vua Lỗ Văn-công.) Công truyền mệnh phong ấp cho Bộc và dặn rằng : « Phải giao ấp cho Bộc ngay ngày hôm nay. » Nhưng Qui-Văn-tử lại sai quan Tư-khẩu đuổi Bộc đi và dặn rằng : « Phải đuổi Bộc ra khỏi cõi ngay ngày hôm nay. »

Tuyên-công hỏi vì cớ sao. Qui Văn-tử sai quan Thái-sử Khắc thưa rằng : « Quan Tiên đại-phu là Tang Vạn-Trọng dạy cho Hành-phủ (hiệu Qui-Văn-tử) tôi cái đạo thờ vua. Hành-phủ tôi giữ theo đạo ấy để châu-toàn, không

dám trê bỏ. Tiên đại-phu tôi dạy rằng: « Thấy người nào thờ vua có lễ thì kính người ấy như con đối với cha mẹ. Thấy đũa nào thờ vua không có lễ thì giết đũa ấy đi như con chim cắt đuổi giết con chim đi vậy. »

« Đức Tiên-quân Châu-công ta lập ra phép Châu-lễ có dạy rằng : « Lập ra phép tắc luân-lý là để xét xem cái đức của người ta hay dở thế nào. Có đức hay mới xử-trị được sự-vụ. Xem sự-vụ mà lượng biết công-lao, lượng công-lao là để định cho cái lộc của dân cung mà ăn. Ngai lại làm ra lời thệ-mệnh rằng : « Kẻ hủy-hoại phép tắc luân-lý là giặc, kẻ giấu-giếm cho giặc là ần-tàng. Kẻ lấy vụng của cải là trộm, kẻ lấy vụng đồ-vật là gian. » Vậy thì giấu cho giặc, dùng của gian là một điều đại-hung-đức không tha được, mà trong phép cứu-hình cũng đã nói đến.

« Hiếu, kính, trung, tin » là bốn điều cát-đức. « Đạo, tặc, tàng, gian » là bốn điều ác-đức, thế mà Hành-phủ tôi xem ra thẳng Bộc nước Cử thì nó không được một điều gì làm phép-tắc cho người ta. Về « hiếu kính » thì nó giết bố giết vua. Về « trung tin » thì nó ăn trộm bảo-ngọc. Người nó thì là thẳng « đạo-tặc ». Đồ vật của nó thì là của « gian lang ». Như thế mà bênh vực cho nó để lợi-dụng thì là tội « chủ-tàng ». Chiều theo cổ-huấn thì nó là đũa hôn-mê, không theo điều thiện mà chỉ làm những điều hung-đức, dân không còn bất-chước được điều gì, vì thế tôi đuổi nó đi.

« Ngày xưa họ Cao-dương (họ vua Chuyên-húc đời thượng-cổ) có tám người con tài-tử là : Xương-Thư, Đồi-Khải, Đào-Điền, Đại-lâm, Bàng-Hàng, Đình-Kiến, Trọng-Dương và Thúc-Hạt. Người nào cũng đủ tám đức-linh là : « chỉnh-đốn, thánh-triết, quảng-đại, uyên-thâm, minh-mẫn, tín-cần, trung-hậu và thành thực », cho nên thiên-hạ gọi là « bát-khải » (tám người hay).

« Lại họ Cao-tôn (họ vua Đế-Cốc đời thượng-cổ) có tám người con là : Bá-Phấn, Trọng-Kham, Thúc-Hiến, Quý-Trọng, Bá-Hồ, Trọng-Hùng, Thúc-Báo, và Quý-ly. Người nào cũng đủ tám đức-linh là : « ngay thẳng, nghiêm-túc, cung-kinh, lót-lành, rõ-rệt, nhân-từ, huệ-ái và hòa-nhã », cho nên thiên-hạ gọi là « bát-nguyên » (tám người giỏi).

« Ấy 16 họ ấy, đời nào cũng nổi được đức tốt, không hề mất tiếng hay đi. Đến đời vua Nghiêu chưa kịp cử lên. Vua Thuấn giúp vua Nghiêu mới cử lên được. Cử bọn « bát-khải » cho làm quan Hậu-thổ kinh-lý mọi việc đất-đai, không sai thời-tiết, vì vậy việc đất nước tri-bình mà đạo trời thành-lập, Cử bọn « bát-nguyên » cho làm quan tuyên-bố năm điều giáo-hóa ra cho bốn phương, là làm cha phải nghĩa, làm mẹ phải hiền, làm anh phải hòa, làm em phải kính và làm con phải hiếu. Vì vậy việc trong nhà yên mà việc ngoài nước trị. Lại ngày xưa họ Đế-Hồng (Hoàng-đề) có người con bất-tài-tử, là người có nghĩa thì bỏ đi, kẻ làm giặc thì che chở, chỉ thích làm những điều hung-đức, chỉ thân-mật những kẻ xấu-xa, dơ-bẩn, lém-lầu, gian-ngoan, cho nên thiên-hạ gọi là « hỗn-độn ». Họ Thiệu-hiếu có người con bất-tài-tử, là hủy điều tin, phế điều trung, vắn sức lời nói trái, tin kẻ gièm, dùng kẻ gian, bới móc vết xấu người ta, mà gièm chê người có đại-đức, cho nên thiên-hạ gọi là « cùng-kỳ ». Họ Chuyên-húc có người con bất-tài-tử là khinh ngạo người có đức, trái-ngược lễ trời, không theo giáo-huấn được, cho nên thiên-hạ gọi là « đảo-ngột. »

« Ấy ba họ ấy, đời nào cũng nổi được đức xấu, càng làm thêm ác-danh ra, đến đời vua Nghiêu chưa kịp khử đi. Lại còn họ Tân-vân cũng có người con bất-tài-tử là tham ăn thiết của quá lắm, không biết thế nào là chán, vợ vêt vào

đầy cửa đầy nhà không biết bao nhiêu mà kê, mà không từng thương hại và chia sẻ cho những kẻ cô-quả khốn-cùng tí nào, cho nên thiên hạ so với bọn « tam hung » trên kia mà gọi là « thao-thiết ». Bấy giờ vua Thuấn giúp vua Nghiêu, mở ra bốn cửa để cầu hiền. Vua Thuấn mới đầy bọn « tứ-hung » ấy là: Hổn-độn, Củng-kỳ, Đào-ngột và Thao-thiết trên ấy ra bốn cõi ngoài để họ chiến-đấu với những loài ma ly-mị ở đấy.

Sau vua Nghiêu mất, thiên-hạ một bề đồng-tâm tôn vua Thuấn lên làm thiên-tử là lấy rằng vua Thuấn đã cũ được « thập lục tướng » và khừ được « tứ-hung » đó. Vì vậy sách Ngu-thư kể công vua Thuấn có nói rằng : « Kinh đem năm điều dạy dân, dân thuận theo cả », đó là nói « bát-nguyên » dạy dân mà không có ai trái giáo-hóa vậy. Lại nói « Giao cho trăm việc, việc nào cũng thi-hành đúng thứ-tự », đó là nói « bát-khải » làm việc không phỡ sự vậy. Lại nói : « Mở bốn cửa cầu hiền mà hiền-giả đến tấp-nập cả », đó là nói khừ hết cả kẻ hung-ác rồi vậy.

Vua Thuấn có hai mươi cái đại-công ấy mà được làm đến thiên-tử. Nay Hành-phủ tôi tuy chưa cử được người cát-đức nào, nhưng cũng đã bỏ được một đũa hung-nhân rồi đấy. Đối với hai-mươi cái đại-công của vua Thuấn đã được một điều, như thế ngô-hầu có miến được tội lỗi chăng ?

## VI — ĐỜI VUA TUYÊN-CÔNG

(Làm vua được 18 năm, năm đầu là qui-sử, Khuông-vương nhà Châu năm thứ năm, Tây-lịch trước kỷ-nguyên 608 năm)

**1 - K -** Tống thì Hoa-Nguyên cầm quân, Trịnh thì Công-tử Qui-Sinh cầm quân, đánh nhau ở Đại-cực ; quân Tống thua, Hoa-Nguyên bị bắt

T. — Năm Tuyên-công thứ hai, Trịnh Công-tử là Qui-Sinh thụ-mệnh

Sở di đánh Tống. Tống Hoa-Nguyên ra cự-dịch, đánh nhau ở Đại-cực, quân Tống thua, Hoa-Nguyên bị bắt.

Nguyên hôm sắp giao-chiến, Hoa-Nguyên mở dê dãi tướng-sĩ, có tên đánh xe cho Hoa-Nguyên là Dương-Châm không được dự tiệc. Đến lúc ra trận, Dương-Châm nói rằng : « Con dê hôm nọ là quyền ở ông, cái xe hôm nay là quyền ở tôi » Y bèn đưa Hoa-Nguyên vào đám quân Trịnh cho nên bị thua.

Lời phê của Tả-truyện : Quân-tử cho Dương-Châm không phải là loài người, vì một sự oán riêng mà làm cho nước bị thua, dân chết hại, tội ấy còn gì lớn hơn. Sách Phong-thi có câu rằng : « Người đầu mà nở bất-lương ». Câu ấy đúng với Dương-Châm lắm, vì nó làm tàn hại dân để hả cái lòng hờn giận riêng vậy.

## 2 - K - Tấn Triệu Thuấn giết vua là Di-Cao

T. — Tấn Linh-công vô-đạo, lấy thuế nặng để chạm vế cửa nhà cho đẹp. Thường đứng ở trên đài cao bắn những người đi qua ở dưới để xem người ta tránh cái tên. Có một tên nhà bếp nấu món châu gấu không chín mà giết đi, bỏ xác nó vào cái sọt cho đàn bà gánh vất đi, chợt buổi triều, Triệu-Thuấn với Sĩ-Hội vào bắt gặp, trông thấy cái tay người thò ra ngoài sọt, hai người hỏi mới biết đầu đuôi thì lấy làm lo cho vua. Định rủ nhau vào can. Sĩ-Hội nói rằng : « Cùng vào can mà vua không nghe thì không lấy ai kể cho nữa. Tôi xin vào trước, vua không nghe thì ông lại vào. »

Sĩ-Hội tiến vào trước mặt vua ba lần đến chỗ sổi nhà vua mới nhìn xuống mà rằng : « Ta đã biết lỗi rồi, ta sẽ cải đi. » Sĩ-Hội dập đầu thưa rằng : « Người ta ai không có lỗi, có lỗi mà cải đi được thì không gì hay

bằng. » Sau Triệu-Thuần cũng can nhiều lần, Linh-công lấy làm sợ, bèn sai Thu-Nghê đến giết Triệu-Thuần

Sáng sớm hôm ấy Thu-Nghê đến nhà Triệu-Thuần thấy cửa nhà trên đã mở ra rồi. Triệu-Thuần đã mặc mũ-áo sắp đi chầu, nhưng còn sớm, nên Triệu ngồi lim-dim ngủ. Thu-nghê lui ra thở dài mà rằng : « Ông này không quên sự kính-cần như thế đáng làm chủ cho dân. Nay ta giết người làm chủ của dân thế là ta bất-trung, mà ta bỏ cái mệnh của vua đi thì ta bất-tín. Thế nào ta cũng phạm vào một điều, bất-nhược ta chết đi là xong. » Bèn đâm đầu vào gốc cây hòe mà chết. Mùa thu năm ấy, Linh-công dẫn Triệu-Thuần uống rượu mà cho Giáp-sĩ phục ở bên định giết. Có quan Xa-hữu là Đê-Di-Minh biết ý chạy lên thêm bảo Triệu-Thuần rằng : « Bầy tôi ngồi hầu rượu vua, uống quá ba chén là trái lễ ». bèn vực Triệu-Thuần xuống. Linh-công suýt chó ngao ra cắn, Đê-Di-Minh vật chết chó ngao. Thuần nói : « Bỏ người đi mà dùng chó, chó dữ thì làm gì. » Thuần vừa phẩn đấu với bọn Giáp-sĩ vừa chạy, Đê-Di-Minh bị chết.

Nguyên xưa Triệu-Thuần đi săn ở núi Thủ-sơn, nhân nghỉ ở dưới gốc dâu, thấy người Linh-Chiếp đói nằm ở đấy Triệu-Thuần hỏi thì y nói đã ba ngày không được miếng gì. Triệu-Thuần cho thức ăn, y để lại một nửa. Triệu hỏi thì y nói rằng : « Tôi đi du-học đã ba năm nay, không biết mẹ ở nhà còn sống hay chết, nay về đây đã gần nhà rồi, vậy xin để đem về cho mẹ. » Triệu bảo y cứ ăn hết đi rồi sai lấy cơm với thịt khác để vào cái nải mà cho y đem về. Sau Linh-Chiếp được vào làm Giáp-sĩ của vua. Hôm nay Linh-Chiếp quay lại chống cự với bọn Giáp-sĩ để đưa Triệu-Thuần thoát chạy. Triệu hỏi vì cớ gì. Y nói : « Tôi là cái người nhìn đói ở gốc cây dâu. »

Triệu lại hỏi họ tên thì y không nói mà trở lại.

Triệu-Thuần bèn xuất môn. Triệu-Xuyên giết Linh-công ở vườn đào. Triệu-Thuần chưa đi ra khỏi cõi nước lại trở về. Quan Thái-sử chép vào sách sử nước Tấn rằng : « Triệu-Thuần giết vua », rồi đem câu sử-văn ấy ra cho triều-đình xem. Triệu nói : « Chép thế không phải. » Quan Thái-sử nói : « Ông làm quan chính-khanh, ông xuất-môn nhưng chưa ra khỏi cõi nước, trở về ông lại không đánh giặc, như thế không phải ông thì ai. » Triệu Thuần nói : « Ihan ôi, trong phong-thi có câu rằng : « ... Vì ta thương nhớ để lòng lo âu » câu ấy chính hợp với tôi đó. » Triệu Thuần bèn cho Triệu-Xuyên đón Công-tử Hắc-Điển ở nhà Châu về mà lập lên.

**Đồ-nam-tử** cần án. — Nguyên văn bài Tả-truyện còn một đoạn phê-bình của Tả-thị dẫn lời Khổng-phu-tử. Khổng-tử nói : « Đồng Hồ là một nhà sử-quan trung-lương đời xưa, cách chép thế là không giấu. » Nghĩa là Triệu-Thuần đang uy-quyền hách-dịch, việc giết Linh-công, lý thì có mà tình thì không. Đồng-Hồ không sợ uy-quyền, buộc thẳng vào cho Triệu-Thuần rồi đem công-bổ ra như thế, thực là một nhà sử-gia trung-nghĩa vậy.

Nhưng nay xét ra Triệu-Thuần làm tể-tướng, trong thì biến pháp cho nước cường, ngoài thì lập lại hai nước Tào Vệ để giữ cái ngôi minh-chủ đứng-đắn cho Tấn, thật là một người có quan-hệ cho nước Tấn. Chẳng may gặp vua Linh-công vô đạo, tàn sát hại nước, chống cự lời trung-ngôn, mưu giết kẻ trung-thần của nước, một người như thế mà cứ để cầm quyền cho nước Tấn mãi, thì liệu nước nhà nhân-dân của Tấn có còn sinh-tồn được ở cái thời buổi liệt-quốc cạnh-tranh

ấy không? Như ý Đổng Hồ thì dành để cho dân tan nước bại mà liêu với một người ấy là trung hay sao. Xem nguyên-văn Tả-truyện về việc Trịnh Công-tử Qui-Sinh giết vua là Quân-Di sau này, có giải nghĩa cái lệ chép sử rằng: « *Phàm những chỗ giết, vua mà chỗ nào chỉ xưng tên vua bị giết nghĩa là xưng tên nước đứng giết, chứ không xưng tên chính người giết, thì là vua ấy vô-đạo. Còn chỗ nào xưng tên người bày-lôi, nghĩa là tên chính người giết thì là người bày tội ấy có tội.* » Nay Linh-công vô đạo, Triệu-Thuần là người vị quốc, không chính tay hạ-thủ mà cũng không đủ chứng-cớ là ông chủ-muru. Đổng Hồ đã không chép là người Tấn giết, lại không chép đích thực là Triệu-Xuyên giết, có ý tìm tình-tiết buộc vào cho Triệu-Thuần, rồi đem công-bổ ra cho Triệu-Thuần biết. Vậy ta đủ hiểu Đổng-Hồ thực là một kẻ cầu danh cốt làm cho tặc-trách cái nợ áo cơm của kẻ gia-nô đối với chủ-ông đó mà thôi, chứ không phải là sử-gia chân-chính vậy.

Coi đó thì biết câu phê-bình ấy trái với những thuyết: « *Thang Vũ cách-mệnh, Quân Trọng nhân-nhân* », là những chủ-nghĩa quốc-gia quốc-dân thuần-túy của Khổng-phu-tử. Vậy câu ấy chỉ là Tả-thị bịa ra, đời sau không xét, đem cái tư-tưởng sai lầm đặt ra cái thuyết « *danh phận* » quá nghiêm-khốc, mà đi hại cho dân cho nước là chừng nào.

Nước Tấn khi có loạn Ly-cơ, vua thế không phong ấp cho các Công-tử nữa. Nay Thành-công lên nối ngôi, bèn cho con cả các quan Khanh làm quan và cấp ruộng cho để làm họ Công-tộc. Lại cho con thứ của vợ cả các quan Khanh làm quan gọi là Du-tử. Con nhà vợ bé thì là Công-hàng. Từ đấy Tấn mới có họ Công-tộc, Du-tử và Công-hàng. Triệu-Thuần xin cho Triệu-Quát

(con vợ bé bố) làm chức Công-tộc, nói rằng: « *Quát là con yêu qui của bà Cơ-thị nhà vua (Cơ-thị là em Thành-công con gái Văn-công, vợ bé Triệu-Thôi). Nếu không có bà Cơ-thị thì tôi là người rợ Hịch kia chớ có đâu được thế này.* » Thành-công ưng cho.

### 3-K-Sở-tử đánh rợ Nhung ở xứ Lục-hồn

T - Năm Tuyên-công thứ ba Sở-tử đánh rợ Nhung ở xứ Lục hồn, bèn trải đến sông Lạc mà duyệt binh ở cõi đất nhà Châu. Định-vương nhà Châu cho Vương-tôn Mẫn ra chào Sở-tử. Sở-tử hỏi thăm những cái đỉnh của nhà Châu nhưn-nhỏ nặng-nhẹ thế nào? Vương-tôn Mẫn thưa rằng: « *Ở đực chừ không ở đâu cái đỉnh, Ngày xưa nhà Hạ đương có thịnh-đức, các nước xa phải họa-hình sản-vật đem dâng. Các quan ở chín châu phải đem loài kim vào cống. Vua Vũ mới lấy loài kim chín châu đúc ra chín cái đỉnh mà khắc vật hình chín châu vào. Phàm hình các vật đủ cả ở đó, để cho dân xem vào đó mà biết thế nào là quỷ-thần, thế nào là gian-tà, cho nên dân xuống sông lên rừng, không gặp những sự không may, không gặp những giống Ly (ma núi), Mị (quái vật), Võng, Lượng (hai ma nước) bao giờ. Thế là vì có đực mới dùng đỉnh để hòa-hợp được trên dưới, mà hưởng phúc trời. Đến đời vua Kiệt nhiều ác-đức, nên những cái đỉnh ấy lại đem về nhà Thương được 600 năm. Đến đời vua Trụ bạo-ngược, nên những đỉnh ấy đem về nhà Châu. Lúc có thịnh-đức thì cái đỉnh tuy nhỏ đấy mà hóa ra nặng, lúc gian-tà hôn-loạn thì cái đỉnh tuy to đấy mà hóa ra nhẹ. Trời giúp cho người có đức đã yên trí có nơi rồi. Khi vua Thành-vương nhà Châu định để chín cái đỉnh ấy ở kinh-đô Giáp-nhục, Ngài bói được 30 đời và 600 năm, thế là mệnh trời định cho đó. Nay đức nhà*

*Châu tuy suy, nhưng mệnh trời chưa cải, thì những đĩnh ấy nặng hay là nhẹ ngài chưa nên hỏi. »*

Năm Tuyên - công thứ ba. Trịnh Mục-công mất. Ngày trước Trịnh Văn-công có một người vợ bé tên là nàng Yên-Cát (họ Cát nước Yên) nằm chiêm bao thấy sứ-giả nhà trời đem cho mình một cây lan mà rằng : « *Ta là tổ nhà mi, đem cho mi cây lan này để làm con mi, vì nó có quốc-hương, ai cũng quý yêu.* » Nàng chợt tỉnh thì Trịnh Văn-công đến, cầm cho nàng một cành hoa lan rồi hấp phùng. Nàng xin thông-thả mà rằng : « *Thiếp tôi vụng dại, nhưng may ra mà hôm nay được có con đây* » rồi nàng thuật chuyện chiêm bao ra. Trịnh Văn-công trả lời rằng : « *Ừ được* ». Sau quả sinh được người con trai, gọi tên là Lan Tức là Trịnh Mục-công đó.

Người Sở đem biểu Trịnh Linh-công một con giải. Hôm ấy Công-tử Tống gặp Công-tử Qui-Sinh. Công-tử Tống thấy ngón tay trở mình máy động, bèn giơ ra bảo Qui-Sinh rằng : « *Mọi ngày hề tôi thấy thể này là được ăn thức gì quí lạ đây.* »

Khi vào chầu, hai người thấy tên nhà bếp của vua đang làm thịt một con giải, bèn nhìn nhau mà cười. Trịnh Linh-công hỏi có gì. Qui-Sinh nói thực. Đến bữa, Trịnh Linh-công đãi các quan ăn thịt giải mà không cho Công-tử Tống ăn. Công-tử Tống giận lắm, bèn dùng ngón tay vào cái vạc nấu thịt giải mà mút một cái rồi đi ra.

Trịnh Linh-công giận muốn giết Công-tử Tống. Công-tử Tống bèn với Công-tử Qui-Sinh giết Linh-công trước đi. Qui-Sinh nói : « *Đến như súc vật nó già mà giết cũng còn ngại nữa là vua.* » Nhưng Qui-Sinh lại sợ Công-tử Tống bèn phải theo. Mùa hạ năm Tuyên-

công thứ ba, hai người ấy giết Trịnh Linh-công.

Người Trịnh định lập Công-tử Lương, Lương từ-tạ mà rằng : « *Lấy tài đức thì tôi không có gì, lấy thuận hàng thì Công-tử Kiên là lớn.* » Người Trịnh bèn lập Kiên tức là Tương-công. Tương-công định đuổi cả các con thứ khác của Mục-công đi, chỉ tha có Tử-Lương mà thôi. Tử-Lương nói : « *Muốn cho các con đức Mục-công ta được yên ổn cả là hơn, nếu đã đuổi thì đuổi cả đi chứ còn để tôi lại làm gì.* » Tương-công bèn tha cả.

Ngày xưa Sở Nhược-Ngao lấy vợ ở nước Vân, sinh ra Đấu Bá-Tỉ, Nhược-Ngao mất, Đấu Bá-Tỉ theo mẹ sang ở nước Vân. Đấu Bá-Tỉ bèn tư thông với người con gái vua Vân sinh ra một đứa con trai. Vợ vua Vân đem bỏ ra hồ Mộng, hồ cái đến cho bú, Vân-tử đi săn trông thấy lấy làm sợ, về nói với phu-nhân, phu-nhân thú thực, Vân-tử bèn sai đem đứa bé ấy về ; vì tiếng Sở gọi bú là « *Cấu* », gọi hồ là « *ô-dồ* », bèn gọi tên đứa bé ấy là « *Đấu Cấu Ô-dồ* », và gả người con gái ấy cho Đấu Bá-Tỉ. Sau đứa con trai ấy tức là Tử-Văn làm quan Lệnh-doãn nước Sở đó. Khi Tử-Lương (em Tử-Văn) sinh ra Việt-Tiêu. Tử-văn nói rằng : « *Phải giết nó đi, thằng bé này tương hồ mà tiếng chó sói, không giết nó đi thì tất nó giết họ Nhược-Ngao ta đó.* Lời Ngạn có nói rằng : « *Giống chó sói nó dã-tâm (bụng càn rỡ), thằng này là chó sói đó, nuôi làm gì.* » Tử-Lương không nghe, Tử-Văn lo lắm, khi sắp chết, mời cả họ lại mà dặn rằng : « *Hễ thằng Tiêu nó biết được việc nước thì bà con phải bỏ mà đi đi, không thì nguy.* » Lại khóc nói : « *Ma cũng còn phải ăn, vậy mà họ Nhược-Ngao ta sẽ bị đói mất.* »

Tử-Văn chết rồi, Đấu-Ban (con Tử-Văn) làm Lệnh-doãn, Việt-Tiêu

làm Tư-mã, Vi-Cồ làm Công-chính, Việt-Tiêu sai Vi-Cồ gièm Đẩu-Ban, Ban bị giết. Cồ lên làm Tư-mã. Việt-Tiêu bèn đem họ Nhược-Ngao bắt Cồ giam mà giết đi. Lại đóng quân ở Chung-giã sắp đánh Sở-vương. Sở-vương cho hai Vương-tử đến làm con tin cũng không nghe. Năm Tuyên-công thứ tư, Sở-vương với họ Nhược-Ngao giao-chiến ở Cao-hủ. Việt-Tiêu bắn Sở-vương, phát trước cái tên sượt qua cái dóng xe và cái giá trống mà cắm vào cái chiêng, phát nữa cái tên lại sượt qua cái dóng xe rồi sượt qua cái lọng che cho vua. Quân của Sở-vương sợ toan chạy. Sở-vương sai rao bảo cho chư quân rằng: « *Đức tiên-quân Văn-vương ta khi đánh nước Túc có lấy được ba cái tên. Việt-Tiêu nó ăn cắp mất hai cái thì nay nó bắn hết rồi.* » Chư-quân bèn gióng trống tiến vào diệt được họ Nhược-Ngao.

Bấy giờ cháu Tử-Văn là Khắc-Hoàng đi sứ sang Tề trở về mới đến nước Tống, thì trong nước nhà đang loạn. Có người bảo rằng: « *Không nên về.* » Khắc-Hoàng nói: « *Bỏ quân-mệnh mà đi thì ai còn dung mình.* » Bèn về nộp sứ-mệnh rồi tự giam mình vào dinh quan Tư-bại (pháp-quan). Sở-vương nhớ công Tử-Văn cai-trị nước Sở ngày xưa bèn nói rằng: « *Tử-Văn mà vô hậu thì lấy gì khuyến thiện.* » Lại cho Khắc-Hoàng làm quan như cũ mà cải tên là « *Sinh* » nghĩa là sống lại.

**Đồ-nam-tử cần án.**— Cái tôn-giáo thờ tiên-tổ của Đông-phương, đến ngày nay các nhà bác-học Đông-Tây đều công-nhận lấy làm một cái quan-niệm chân-chính, vì nó có quan-hệ mật-thiết với đời người, với nòi-giống, với gia-tộc và với sự sống. Tuy-nhiên, lấy cái quan-niệm về triết-lý mà suy tưởng eho rằng vì cảm nhớ công-đức tiên-tổ mà phải thờ, mà thờ là lấy cái tâm-hồn của con cháu liên-lạc với linh-

sáng của tiên-tổ, lo làm sao cho thêm tỏ rạng đến cha ông, ấy là phần cốt-yếu. Còn mỗi khi kỷ-niệm thì lễ-nghi làm-thời chỉ một cái hương án với vài thừng hương hoa, gọi là tổ-chút lòng kính-ngưỡng là đủ. Bằng lấy cái quan-niệm về mê-tín mà suy-tưởng cho rằng « cái ma tiên-tổ cũng cần phải con cháu cho ăn » như Tử-Văn nghĩ đây, rồi bày đặt ra những cách thờ cúng vô-lý như là cúng cỗ cho tiên-tổ ăn, đốt tiền bạc giấy cho tiên-tổ tiêu, đốt quần áo khi-dụng cho tiên-tổ dùng. Nhất là ở Việt-Nam ta, nhà phú-quí thì nào nhà thờ, nhà tế lại nhà cầu. Nhà bình-thường có một cái nhà ở cũng bỏ ra một gian giữa, nào khám nào ý, nào mâm nào đài, nào đèn nến, nào giường trong giường ngoài, nào hương án bàn đọc, thần-chủ bài-vị và tế-khi la-liệt, cỗ bàn xôi thịt và thực-phẩm ngỗng-ngang, màn trướng tùm-um, khói đèn nghi-ngút, khăn-vải lăm-dăm, lễ qui lụp-sụp suốt ngày, một cái nhà tư-gia mà thành ra một cái miếu chùa gì. Lại còn mượn ngày kỷ-niệm ông cha để làm ngày trả nợ miệng chúng bạn, bắt buộc người trong họ góp gổ góp tết nặng-nề, thật là quá phiền quá nhảm, quá ư cưỡng-hoặc hủ-bại, bó buộc cả cái tinh-thần của người ta đối với xã-hội quốc-gia, thiệt hại đến cả cuộc kinh-tế của gia-tộc. Thật là một cái đại-bệnh trong các đại-bệnh của người Việt-Nam ta vậy.

Quan Lệnh-doãn nước Sở là Vi Ngải-Lạp đắp thành ở đất Kỳ. Sai quan Phong-nhân (chủ đắp thành) tính công-việc trước rồi giao cái thức cho quan Tư-đồ (đốc công). Trong thức đã lượng-sẵn công làm ngày làm, chia khi-dụng cho các nơi, đóng khuôn ván lên đất, tính những sọt và mai cuốc bao nhiêu, định số đất hết chừng nào, xét chỗ xa gần, trừ bề cao rộng sắp,

lượng ăn, cắt người trông coi, y thức làm vừa ba tuần thì xong, không sai tí nào.

#### 4 - K - Sở-tử vào nước Trần

T - Năm Tuyên-công thứ 11, Sở-tử lấy rằng Trần có cái loạn họ Hạ nên đem binh đến đánh Trần. Rao báo cho người Trần rằng : « Người Trần đừng kinh động. Ta đến để đánh họ Thiếu-tây (Tổ họ Hạ) đây thôi ». Vì vậy Sở-Tử đem binh vào nước Trần giết Hạ Trưng-Thư ; nhân tiện bèn diệt Trần lấy làm một huyện của Sở.

Thân Thúc-Thì là quan Sở đi sứ về, đem sứ mệnh vào trình vua rồi lui ra ngay, Sở-vương sai trách Thân Thúc-Thì rằng : « Hạ Trưng-Thư nó làm điều bất-đạo giết vua nước nó. Quã-nhân đem Chư-hầu đến đánh, giết được nó. Các vua Chư-hầu, các bậc Huyện-công đều mừng cho quã-nhân cả, chỉ có một mình người không mừng cho quã-nhân là vì có gì ? » Thân thưa : « Ngài có cho tôi thưa lại một lời không ? » Sở-vương nói : « Được ». Thân thưa rằng : « Hạ Trưng-hưu mà giết vua hẳn là tội to lắm. Ngài đến đánh mà giết hẳn đi là ngài làm được một điều nghĩa đó. Nhưng mà người đời có câu rằng : Một đĩa bắt trâu đi qua vào ruộng lúa người ta, một đĩa có ruộng thì ra cướp lấy con trâu ấy. Vậy đĩa bắt trâu đánh là có tội rồi. nhưng đĩa cướp trâu của nó kia thì tội lại nặng hơn. » Chư-hầu theo ngài tưởng rằng ngài đi đánh kẻ có tội. Nay ngài biết Trần làm thuộc-huyện, thì ra ngài là tham lợi. Triệu Chư-hầu đi đánh kẻ có tội, mà chung, qui là vì tham, như thế chủ là không phải lắm dư. Sở-vương nói : « Người nói phải lắm. Ta chưa được nghe lời ấy đây: bây giờ trả lại cho họ có được không ? » Thân thưa : « Được lắm chớ, cứ như làm-thường của chúng tôi, thì việc

ấy cũng như móc túi ra mà cho đó thôi. » Sở bèn lập lại cho nước Trần.

#### 5 - K - Sở-tử vây-Trịnh

T - Năm Tuyên-công thứ 12, Sở-tử vây nước Trịnh, lấy được thành, Trịnh-bá sẵn tay áo lên để trần cánh tay ra rồi dắt một con dê đến rước Sở-tử mà rằng : « Trời không giúp tôi, nên tôi không thờ ngài cho trọn, để ngài giận mà đem binh đến tặc-quốc thế này là tội ở tôi đó. Tôi đâu còn dám không tuân theo mệnh-lệnh của ngài. Nay ngài bắt ân Trịnh tôi làm tù giải sang phía nam sông Giang, đây vào nơi ven kê thì xin vâng. Hay là ngài chia cắt nước Trịnh tôi ra cho Chư-hầu, để dân Trịnh tôi để làm nô-ti của Sở, thì cũng xin vâng. Còn như ngài có lòng nghĩ đến cái tình giao-hiếu trước mà ban ơn cho liệt tiên quân Hoàn-công Vũ-công tôi, cho Trịnh tôi không tuyệt mất xã-lễ, được đổi lỗi để thờ ngài mà thuộc ở dưới cứu-huyện của Sở, thì cũng nhờ ngài. Điều đó Trịnh tôi may lắm. Nhưng chúng tôi có dám chắc được như nguyên thế đâu. Vậy giải tỏ ruột gan, xin ngài nghĩ lại. »

Các quan tả hữu vua Sở đều nói rằng : « Ngài không nên nghe, đã lấy được một nước nào thì không khi nào thả r<sup>u</sup> được. » Sở-vương nói : « Vua Trịnh biết nhún người như thế, tất hẳn được dân trong nước tin-dụng lắm. Ta há nên coi làm một việc « may ra » được chăng. » Sở-vương bèn lui quân 30 dặm cho Trịnh hòa.

#### 6 - K - Tấn Tuân Lâm-Phủ đem quân đánh nhau với Sở-tử ở đất Bật, Quân Tấn thua

T - Quân Tấn sang cứu Trịnh. Tuân Lâm-Phủ làm tướng đạo Trung-quân. Đến bến sông Hà, nghe Trịnh đã hòa với Sở. Tuân Lâm-Phủ muốn đem

quân về nói rằng : « Không kịp cứu Trịnh mà đánh nhau với Sở thì hại dân, không nên. Để Sở về rồi ta sẽ cử binh hỏi tội Trịnh cũng vừa »

Sĩ-Hội nói rằng : « Phải, Hội tội nghe nói việc binh phải liệu cơ mà cử-động. Bên địch-quốc đối với những việc « đức, hình, chính, sự, điển, lễ » mà không suy-biến thì mình không đương với họ được. Và không vì người ta bị mấy điều trên ấy suy-biến thì ai có đi chinh-phạt nước người ta bao giờ. Vua Sở giận Trịnh nhị-tâm mà đánh, thấy Trịnh chịu nhịn lại thương. Làm phẫn thì đánh, phục-tùng thì tha, thế là làm trọn được cả « hình » với « đức » đó. Đánh kẻ làm phẫn là « hình », an-ủi kẻ chịu phục là « đức », thế là được hai niều thành-lập rồi đây.

Sở năm ngoài vào Trần, năm nay vào Trịnh, thế mà dân họ không khó nhọc, vua họ không mang tiếng oán thù gì, thế là việc « chính-lệnh » có cương, kỷ lắm đó.

Sở theo phép « kinh-thi » là lối trận cũ của Sở mà hành quân, không tổn-hại gì đến những nghề nông công thương-cổ, mà bộ-quân binh xa đều hòa thuận chỉnh tề, thế là không phạm đến dân-sự đó.

Vĩ-Ngao làm Lệnh-doãn, lựa chọn lấy những binh-pháp hoàn-mĩ không phải giới-sức lắm mà trong quân dự-bị không thiếu gì, thế là biết dùng « điển » đó.

Vua Sở cử nhân-tài, trong thì kén vào người họ thân, ngoài thì kén vào họ cố-cựu. Người có đức mới cử, kẻ có công mới thưởng. Người già trong nước thì gia ơn, kẻ cơ-lũ nước ngoài đến thì ưu-đãi. Kẻ trên người dưới, kẻ sang người hèn, phục-chương phân-biệt, hạng nào có uy-nghi hạng ấy, thế là không trái « lễ » đó.

Sáu điều « đức, hình, chính, sự, điển, lễ » trên ấy đều thành-lập, hợp thời thuận mới như thế thì mình địch với họ thế nào được.

Chinh-phép dụng-binh là thấy có chắc chắn sẽ tiến, biết rằng khó khăn thì lui. Xem họ hèn yếu hãy lấy, thấy họ hèn-mé hãy đánh, mới được.

Vậy ông hãy chỉnh-đốn lại quân-chính rồi sẽ mưu lập vũ-công còn nhiều nước hèn-yếu hèn-mé ra đây, hà tất gì cứ phải địch với Sở. »

Trệ-tử nói : « Không được, Tấn ta mà sở-dĩ làm được bá-chủ là vì chư-quân đều vũ-dũng, quân-thần đều tận lực. Nay chịu để mất Trịnh là mất Chư-hầu thì không phải là tận-lực. Thấy giặc mà không đuổi thì không phải là vũ-dũng. Tự mình làm cho bá-nghiệp của mình đổ thì không bằng chết cho xong.

Vả sắp quân bày đi, nghe tháy tin giặc mạnh hơn bên lui, thì không phải là đáng trọng-phu. Phụng-mệnh vua làm tướng-sứy đem quân đi mà rồi đánh chịu là không phải trọng-phu, thì chỉ có các ông chịu được, chứ tôi thì không có thể nào chịu thế được. » Nói rồi Trệ-tử tự đem một đội về đạo Trung-quân sang sông Hà.

Hàn-Quyết bảo Guan Lâm-Phủ rằng : « Trệ-tử đem lệch một vế quân đi như thế là tất bại. Ông sẽ bị tội to. Ông làm nguyên-sứy mà quân không theo mệnh-lệnh của ông thì tội ở ai. Đã mất nước đồng-minh lại bại quân, thì tội nặng là dường nào. Bất-nhược là cử tiến quân sang, nếu việc bất-lợi thì tiếng xấu đều chịu, chứ để tội cả cho một mình ông, thì hà bọn tướng sứy sáu người cùng chịu có hơn không » Vì vậy quân Tấn cùng sang sông Hà.

Khi quân Tấn còn đóng ở vùng hai núi Ngao-Cao chưa độ-hà. Sư-thần Trịnh là Hoàng-Tuất sang chỗ quân

Tấn nói rằng : « Trinh tòi mà phải phục Sở là vì cái cơ của xã-tắc, chứ thực chưa có bụng gì khác. Quân Sở thắng Trinh để thì sinh kiêu-ngạo. Quân họ đã suy-lão rồi mà họ không đặt phòng-bị. Ông đánh vào để Trinh tòi tiếp-ứng thì Sở tất thua. »

Trệ-tử bàn rằng : « Bại Sở phục Trinh, chỉ một trận này, ta nên nghe họ ». Loan-Thur nói : « Sở-từ khi diệt nước Dong đến nay. Vua Sở không ngày nào là không hội người trong nước lại mà dạy rằng : « Ôi việc dân-sinh không phải là dễ. Cái tai-vạ nó đem đến không biết là ngày nào, thì sự cảnh-giới lo sợ không thể trễ biếng được. » Đối với nhà binh thì kiếm-dịch binh-bị mà truyền lời cảnh-giới rằng : « Ôi, sự chiến-thắng không thể giữ mãi được đâu. Vua Trụ bách chiến bách thắng mà rồi sau đến tuyệt-diệt »

Lúc vua Sở dạy dân lại nhắc đến những cảnh-huống thua vua Nhược-Ngao, vua Phấn-Mạo phải phục-dụng những cái xe thô-bỉ, và quần áo lam-lũ mà đi phá núi vỡ rừng để gây dựng nên nước Sở, rồi đặt lời trảm-ngôn rằng : « Dân sống được là ở siêng-năng, siêng-năng thì không bao giờ thiếu thốn » Coi đó thì không bảo là quân Sở kiêu ngạo được.

Quan Tiên Đại-phu ta là Hồ-Yên có nói rằng : « Phàm việc q.án bên có lẽ phải thì là cường-tráng, bên có lẽ trái thì là suy-lão. » Ney ta thì không làm được điều gì có đức mà lại gây can với Sở, thế là ta trái mà Sở phải, vậy không bảo quân Sở là suy-lão được.

Vua Sở chia quân ra làm hai quảng : Hứa-quảng thì từ sáng sớm đóng xe ngựa làm việc đến trưa thì nghỉ. Tả-quảng lại kể vào cho đến tối. Còn các quan cận-thần thì canh đêm để phòng-bị việc bất-kỳ. Vậy không bảo q.án Sở là không phòng-bị được. Sư-thúc là

người của Sở tôn-sùng thì nay đến đồng, mình ở Trinh, Tử-Lương là công-tử giỏi của Trinh thì nay đang làm con tin ở Sở. Sở với Trinh thân nhau như thế, mà Trinh đến khuyên ta chiến, là nó định hễ ta thắng thì nó về với ta. Ta không thắng thì nó cút với Sở, Trinh nó lấy ta để bói việc đó thôi, không nghe nó được. »

Lại tiếp có quan Thiệu-tễ Sở vào nơi quân Tấn nói rằng : « Quả-quân tôi xảy gặp chút việc lo-âu nên không nói được những lời có văn-chương, chỉ nhờ rằng hai đức tiên-quân tôi trước cũng đã mấy lần ra vào nước Trinh, vậy chuyển này là quả-quân tôi đến để xếp việc và dạy bảo cho Trinh, chứ có làm sự gì phạm tội với Tấn đâu, mà các ông cứ năn nã ở đây làm gì mãi. » Tấn Lung-Quý trả lời rằng : « Ngày xưa vua Bình-vương sai tiên-quân tôi là đức Văn-hầu rằng : « Phải cùng với Trinh cùng giúp-dập nhà Châu, chứ chớ có bỏ vương-mệnh. Nay Trinh gặp bước chẳng may, Quả-quân sai chúng tôi đến hỏi thăm Trinh đây thôi, chứ có làm gì mà Sở phái người thăm-thính đến cho phiền, vậy xin cảm ơn quân-mệnh bên ấy. » Nhưng Trệ-tử cho lời ấy là hèn, bên sai Triệu-Quát cãi lại rằng : « Sư-giả nước tôi nói thế là sai. Chúng tôi đến đây là quả-quân sai để thiên-tử cái dấu xa-mã của đại-quốc ở Trinh đi chỗ khác, có dặn rằng : « Không được tranh giặc » Vậy chúng tôi không được sai lời »

Sở bên cho Nhạc-Bá, Nhiếp-Thúc đến khiêu chiến. Người Tấn chia hai chi quân ra đuổi. Nhạc-Bá bắn chi tả thì chết ngựa và bắn chi hữu thì chết người, nên hai chi quân cùng không tiến lên được. Nhạc-Bá bấy giờ chỉ còn có một cái tên, chợt có một con nai ở đâu chạy bỏ ra trước mặt. Nhạc-Bá bắn tin vào chỗ u vai con nai, thì Tẩu Pháo-Quý vừa tới sau. Nhạc-Bá sai Nh.ép-Thúc,

dem con nai dâng Pháo-Quy mà rằng :  
 « Năm nay mất mùa rừng, chắc chưa  
 có ai đem dâng các ngài những cầm thú  
 sẵn sẵn được. Vậy xin dâng con nai  
 này để biểu các quan tụng-giã soi  
 rượu. » Pháo-Quy dừng lại mà rằng :  
 « Người kia thì tài bắn, người này thì  
 khéo nói, họ cũng giỏi thật. » Bèn thôi  
 không đuổi.

Sở bèn kíp tiến quân, xe lồng quân  
 chạy đánh xông vào quân Tấn trước.  
 Tuân Lâm-Phủ không biết làm thế nào,  
 bèn thúc trống và truyền lệnh cho trong  
 quân rằng : « Ai sang sông trước thì  
 được thưởng » Vì vậy hai đạo Trung-  
 quân và Hạ-quân tranh nhau xuống  
 thuyền, ngón tay người rụng rơi vào  
 trong thuyền bõc được từng nắm một.  
 Quân Tấn đuổi đạo Hạ-quân Sở.

Tối hôm ấy, Sở thu quân đóng ở  
 đất Bật. Bèn quân Tấn thì không thu  
 lại được, nửa đêm vỡ chạy đến sáng  
 mới hết tiếng người xô-xao.

Sở-tử bèn đóng quân-thứ ở Hành-  
 ung đất Trính. Phan-Đảng nói rằng :  
 « Sao ngài không đắp cái ụ vũ-quân,  
 thu cả tử-thì quân Tấn phong vào đấy  
 để làm cái đài « kinh-quán » Thần  
 nghe nói rằng : « Đánh được địch quốc  
 thì phải ghi lại để bảo cho con cháu  
 không quên vũ-công ngày trước. » Sở-  
 tử nói : « Người không hiểu nghĩa  
 « kinh quán. » là thế nào. Nói về nghĩa  
 chữ « vũ » thì là dính chỉ việc can qua,  
 cho nên chữ « vũ 武 » là chữ « chỉ 止 »  
 với chữ « qua 戈 » hợp lại, vua Vũ-  
 vương đánh được nhà Hạ rồi làm  
 ra một thiên thơ Tụng có câu rằng ; «  
 Treo cung xếp giáo vào kho, cầu hiền vua  
 dựng nghiệp to thắng-bình » Bài tụng  
 vũ nữa, câu kết rằng : « Vũ-công ngài  
 đã định bình từ đây ». Bài thứ ba có  
 câu : « Chính là nh ban-bá xa gần, ta đi  
 xếp đặt cho dân yên hàn. » Bài thứ sáu  
 có câu : « Vạn bang hòa-hiệp, mùa  
 màng phong thu. »

Cho nên việc vũ có bảy đức là : Cấm

bạo (cấm kẻ bạo), tập binh (thời việc  
 binh), bảo đại (dựng nghiệp thắng binh),  
 định công (định vũ công), an dân (đặt  
 cho dân yên), hòa chúng « vạn bang hòa  
 hiệp » và phong tài (mùa màng phong  
 thu). Vì vậy mới nêu-rệt nên văn-thơ  
 cho con cháu không quên.

Nay ta thì làm cho dân hai nước  
 phơi xương ra ngoài đồng, thế là tàn-  
 bạo ; Kéo quân đi để ra uy với Chư-hầu  
 thế là « việc binh không chỉ ». Bã tàn  
 bạo lại không chỉ việc binh thì « dựng  
 nghiệp thắng-bình vĩ - đại » làm sao  
 được. Nước Tấn còn đó thì đã định  
 được vũ-công đâu. Làm trái cái nguyện-  
 vọng của dân nhiều lắm thì sao là « yên  
 dân ». Không có đức để phục chư-hầu  
 mà lấy sức mạnh ép người ta thì sao là  
 « hòa chúng ». Thừa được lúc người  
 ta nguy loạn thì mình mới thắng thế, rồi  
 lấy thế làm vinh diệu cho mình, thì sao  
 là « phong tài » được.

Vũ-công là phải có bảy đức như thế  
 mà ta không được một điều nào thì  
 định dạy bảo cho con cháu bằng cái gì.  
 Ta nghĩ chỉ có xây một cái cung để thờ  
 đức tiên-quân ta ở đây, rồi làm lễ cáo-  
 thành là đủ, chứ ta còn có vũ-công gì.

Còn như nghĩa « kinh quán » là cổ-giả  
 dâng mình-vương đi chinh-phạt nước  
 nào tàn-bạo hay thôn-tính nước nhỏ  
 rồi bắt một con cá kinh hay cá nghê vì  
 nó hay nuốt những cá nhỏ, đem giết đi  
 mà đắp đất lên để bêu diễu với đời sau  
 mà trừng-giới những nước tàn-ác, ấy  
 thế mới là đài « kinh quán ».

Nay Sở với Tấn thì bèn nào là có tội,  
 những dân Tấn chết trận kia là họ tạn-  
 trung về việc quân quốc cả đó, ch<sup>à</sup> lấy  
 nghĩa gì mà đắp « kinh-quán » ?

Sở-tử bèn làm lễ tế thần sông Hà và  
 xây cung tiên quân cáo-thành rồi kéo  
 quân về.

**Đỗ-nam-tử cần án.** — Sở-tử đây  
 tức là Sở Trang-vương là một vị bá-  
 chủ ở cuối hàng Ngũ-bá đời Xuân-thu.

Nay xem chính-sách của ông về nội-trị đối với quân-dân. Dân thì ông ân-cần dạy bảo cho biết cái cuộc dân-sinh là không phải dễ. Quân thì ông ân-cần dạy bảo cho biết cái sự chiến thắng khó giữ được mãi. Ông lại đem những nỗi gian-nan lập-quốc của tiên-quân mà nhắc lại cho dân nhớ. Xem mấy câu của một người nước địch-quốc lược thuật như thế, cũng đủ hiểu ông và hiểu người đời ấy, cũng đã biết đến mấy cái vấn-đề cạnh-tranh sinh-tồn của dân-tộc một cách thâm-túy lắm rồi. Tưởng những nhà đại-chính-trị các nước ngày nay cũng không hơn được.

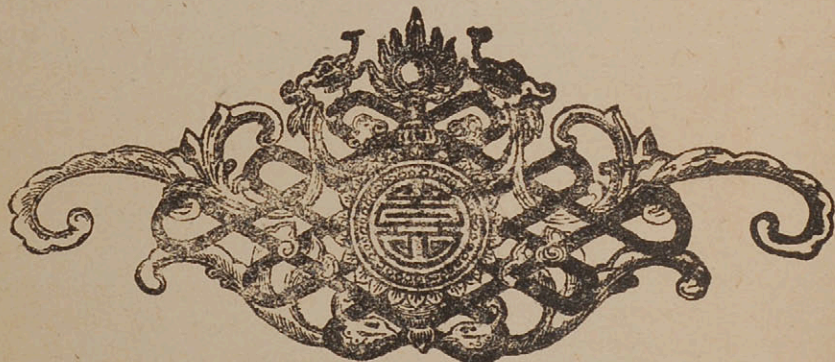
Còn đối ngoại thì ông nghe một lời công-lý mà trả lại nước Trần. Biết dân-tâm Trịnh còn tốt mà cho Trịnh hòa. Chiến-thắng được Tấn là một nước cường-quốc minh-chủ ở trung-nguyên mà không lấy làm vũ-công, không lấy cái sự thừa-cơ người ta nguy-loạn mà thắng-thể làm vinh-diệu. Lại tự nhận cái sự để cho dân hai nước phoi

xương ra đồng là tàn-bạo là tội mình, chứ không dám đổ tội cho địch-quốc. Ông lại biết lấy công-lý mà tôn-trọng những di-hài tử-sĩ của nước chiến-bại, cho đó là những quốc-dân tận-trung vì nước, chứ không dám dùng để làm cái trò bêu diếu người ta. Nhất là ông dẫn bày cái đức của vũ công mà lấy sự hòa-hiệp cho dân các nước được thắng-bình thịnh-vượng làm cái mục-đích cao-thượng hoàn-toàn, ông thực là người biết thương nhân-loại, nghi-hồ nước Sở ông thêm cường-thịnh mà ông làm một vị bá-chủ có danh tiếng là đáng lắm.

Xét trong lịch-sử xưa nay, một nhân-vật trọng-yếu như ông mà có cái tư-tưởng thiết-thực, có cái độ-lượng bao-hàm công-chính như thế, thực không những là một nhà đại-chính-trị về cái chủ-nghĩa quốc-gia, mà lại là một đại-vĩ-nhân về cái chủ-nghĩa quốc-tế vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT biên-dịch



# TUÔNG HÁT

## XUÂN-HƯƠNG KHỐC CAY CHÀNG TÔNG CỐC (1)

### II

#### CẢNH THỨ BA

##### Nhà và đám cưới

*Em Xuân-Hương là Xuân-Nhị ra vườn hoa nói lời:*

Tôi em gái Xuân-Hương, gọi tên nàng Xuân-Nhị; tình đôi lứa chị em em chị, đành nhân-duyên tơ chỉ chỉ tơ; trải bao trăng đợi hoa chờ, đã lắm thơ đưa bút vạch; nay tin nhà có khách, ra sửa chốn vườn hoa; sẽ mời đón chị ra, để tiếp lời văn-sĩ đó sao.

*Ngâm:*

Chị em đôi cánh hoa đào,  
Khi nương bóng nguyệt khi chào gió  
xuân.

Làm gương cho khách hồng-quần,  
Rập-riu tài-tử chưa sẵn mối tình.

*Ngồi ca cổ-bản:*

Em bé em còn chặm, chị vốn đa-tình, hương trời nồng mặn nồng càng xinh, sóng khuynh-thành nổi lừng tài-danh, song duyên kia còn lựa, nào mắng chi tình, cảnh Tây-hồ, cỏ riềm-rà xanh, ngành vin ngành chen ngành, liễu biếc xanh biếc xanh, thư nhận đề thơ, đưa thơ kén chông, đề câu đôi, dán treo thư hồng, song tìm bạn làm bạn tình chung, vấn-vương vì bạn tình-chung, tơ hồng chưa xong, hãy còn mong, chưa ai tình-chung, còn tựa hồng bóng hồng, hương thơm ngát nồng, khóa hồ-song, kén người tình chung, nương tựa chốn văn-phòng, ngâm câu đào hồng.

*Xuân-Hương ra nói lời:*

A này em, nghe lời chị có tin rằng văn-sĩ chừng sắp tới hoa-viên, em nên

sửa-soạn bút nghiên, chị sẽ thử-tài thơ đối, đó a em.

*Ngâm:*

Con chim vẽ trước họa-bình,  
Bắt tin biết mặt tài-tình là ai.

Đã đo bên sắc bên tài,  
Đề câu bút thảo thử bài quạt thơ.

*Ngồi ca tiếp cổ-bản:*

Đối và thơ, nhân-ngãi nhân-ngãi  
trung-cờ, vì duyên nợ cùng ra, tâm  
đằm ý hiệp, kén lựa cho vừa, ngọc  
trong mờ, chọn tài mới ra, lựa người  
văn thơ tinh-tự, kén tài-hoa, xe tơ  
trắng già, cho vẹn tiếng nhà, lựa đàn  
hòa vui hòa, anh-hùng tổ-nga, vẽ hằng-  
nga, chi chi mà, chi chi mà, chi mà  
ngần-ngại, xe sợi tơ mảnh, đẹp duyên  
lành, mặt tình sánh so, chọn nhà văn-  
nho, dẫn cùng đo, chút tình đo, vui  
lòng ưng ý, kết bạn Tây-hồ.

*Nói lời:*

A này em chưa hay, như nay chi  
còn kén, bảo con Nhài ra trông xem  
khách đến, phải về ngay báo tin, a  
Nhài.

*Con Nhài dạ ra. Chị em Xuân-Hương vào  
Con Nhài ra ngâm:*

Thân em như cánh hoa nhài,  
Sớm nương vườn tuyết tối cài then  
trắng.

Thềm hoa sánh vẽ gương băng,  
Khi xóa mái tóc khi nâng lược đầu.

*Ca hành-vân:*

Phận con hầu, phận con hầu, nương  
tựa tựa vườn sau, màu trắng tuyết,  
thanh-khiết đêm thâu, soi tỏ màu gương  
bạc, trời man-mác, trông hồ Tây, bóng

nhận về hôm, bướm cánh bướm gió  
chiều phảng-phất. Xòà khăn mặt ướp  
mầu hoa, khách qua nhà, ngát từng  
hương đượm, nức mùi hoa-mùi hoa.  
Người đầu tá, tới nơi nhà, bóng xế  
dâu tà, liếc còn xa còn xa. Cách mặt  
người chưa tỏ tài-hoa, ngáp-ngừng xa  
liếc, dậm dậm quanh nẻo vườn hoa.

*Nói lời :*

Vâng lời cô trông ngắm đã lâu,  
mảng tin khách còn xa cách nẻo. (*che  
quạt trông*).

*Con Nhài còn đương trông thì Ương Ôp đến  
trước báo tin.*

*Ương Ôp cùng nói lời :*

Hỡi ơi cô ở, chúng tôi cậu hầu, có  
khách đến sau, cho tin báo trước.

*Con Nhài nói lời đáp :*

À à, các anh là chim thước, nên tới  
trước đưa tin, em như thê sáo đen,  
báo tin nhà có khách, đó chi.

*Ương ngắm gheo :*

Cánh hoa thơm ngắm cũng mầu,  
Hay là cô ở cậu hầu ta hãy chim.

*Nhài ngắm đáp :*

Chim xanh bay liệng cánh sim,  
Cậu hầu sao đã vội chim cô hầu.

*Ôp ngắm gheo :*

Cánh hoa thơm muốn giắt đầu,  
Hỡi ơi cô ở cậu hầu này mời giới.

*Nhài ngắm đáp :*

Chim xanh bay đậu hoa rơi,  
Cậu hầu khéo giở trò giới cô hầu.

*Nói :*

Hai các anh rõ giới chuột lấm, thầy  
các anh chưa vào dối đáp với cô tôi  
được câu nào, các anh đến đưa tin,  
đã vội gheo ngay mình, sao mà háu ăn  
quá.

*Ương ngắm nói :*

À mình lại bảo chúng tôi háu ăn à,  
ăn cái gì chứ?

*Hát trống-quân :*

Ta là cậu ở nhà giàu,  
Thấy gái đẹp mầu anh gạ bắt chim.  
Cô mình lại bảo ăn sim,  
Anh cho một cái chày lim thành tăng.

*Ôp nói :*

À thế ra mình bảo chúng tôi ăn quả  
sim với ăn hoa rơi à ?

*Hát tiếp trống-quân :*

Ta là cậu ở nhà sang,  
Thấy gái ra dáng anh muốn con giới,  
Mình rằng ăn cánh hoa rơi,  
Anh cho một cái cán mai lẫn queo.

*Hai người cùng lảng hung-hăng đi tìm que  
gậy để đánh.*

*Con Nhài cười nói :* Không không, tôi  
có dám bảo các anh ăn gì đâu, là  
vì sách có chữ rằng : « *Mĩ sắc khả xan* »  
nghĩa là sắc đẹp trông no suồng con  
mắt khá thay được cơm, cũng như ăn  
cơm chứ gì.

*Hát tiếp trống-quân :*

Các anh muốn sự tình khèo,  
Ăn chanh chua lại sinh điều với em.  
Câu rằng : cơm trắng ăn với chả chim,  
Chồng đẹp vợ đẹp những nhìn mà no.

*Nói :*

Tôi nói ví như thế chứ, ai bảo ăn  
gì, mà các anh sinh sự.

*Ương Ôp cùng cười nói :*

Ừ nói ví như thế thì sướng thật, mà  
chúng mình ngu không nghĩ ra, thôi  
chúng tôi xin lỗi với cô nhé.

*Đang nói thì cậu Chiêu Hồ và Xã Nhài đến nơi  
hỏi chữ gì thế ? Ương Ôp cùng cười không  
hỏi con Nhài mời cậu Chiêu Hồ cùng các người  
vào nhà.*

*Chị em Xuân Hương ra tiếp.*

*Xã Nhài ngồi nói sủ :*

Tôi tên là xã Nhài, từng quen biết  
cậu Chiêu ; đưa cậu sang dâm ngọc  
Lam-kiều, cùng cô sẽ đề thơ hồng-diệp,  
mối lái tự tay tôi thu xếp, văn-chương  
tùy bút cậu gầy đưa ; nếu may mà cả

nước duyên ưa; mối sẽ vẫn mây tơ mà xe buộc.

*Câu Chiêu Hồ nói lời :*

Như đây chốn động - phòng chưa từng hoa đuốc, nghe nàng nói xuân-viện mở cuộc thi thơ, vẩy bút đề may dặng duyên ưa, định ngày sớm sẽ đưa lễ cưới.

*Xuân-Hương nói sử :*

Da dấm thừa, em nay là phận gái, đầu dấm chọi lời thơ, xiết nghĩ mình liễu yếu đào thơ, từng trải lúc hoa chờ trắng đợi, nên đề bài thảo đối, đề đợi khách văn-nhân, chốn vườn hồng mượn én báo tin xuân, đành sẽ lựa tơ tằm xe kết.

*Nói lời :*

Thưa cậu chiêu và bác xã, vợ chồng là nghĩa cả, đôi lứa tại duyên may, em có soạn câu này, cậu nay xin hãy đối. A em đi vào lấy biển đề ra đây.

*Xuân-Nhị dựa vào lấy biển :*

*Xuân-Hương ngồi ở bồng-mạc sa-mạc.*

Này ơi ai ơi, hừ hừ, đàn cầm dù lựa nên dây, thảo tờ mây, vẩy bút trúc, thoảng hương lan, giàn chén cúc, liễu ngang mây thử xem, đã đành phận cải duyên kim, câu thơ nét vẽ thử xem, tài-tình.

*Cả từ đại-cảnh rằng :*

Ai thơ đề, lòng tôi mến, nên quyến-quyện quyến-quyện vì tình, phương chi chàng tướng - mạo xinh thêm xinh, khách đa tình, so bậc tài danh, nên bậc tài-danh. Khen sao dặng, khen chi dặng, thêm nặng chút tình nhau, bây giờ sẽ đề vịnh câu mấy câu, hoa bên lầu, lừng ngát trời thâu, nay đề vịnh mấy câu. Hương ngát lầu, hương ngát lầu, vẫn rắc ngọc thêm cài châu, vui tình-tự, mừng tướng nhau duyên nhau, câu ước nguyện, ngãi nặng sâu tình sâu nguyện cho dặng bên lầu.

*Câu Chiêu Hồ nói lời :*

Được được, đã tới nơi hoa-uyên, vào cõi thư-lâu, thử vẩy ngọn bút tàu, hãy đề câu đối tiếp, đó sao.

*Ngâm sa-mạc :*

Tay cung đã tới họa bình,  
Nhằm tin mắt sẽ sẽ dành bản tên.  
Vi chẳng ngồi bút cô duyên,  
Mặc ông nguyệt-lão xe nên chỉ đào.

*Cả tiếp từ đại-cảnh :*

Tài tài cao, sao có chối, đối chơi đối chơi và lời, ấy ai làm cho thêm bận ai lòng ai, mà thêm bận lòng ai. Kìa kìa ai ra lời đối, đối chơi đối chơi câu này, có hay có hay chẳng hỏi, chờ đợi chờ đợi đây xem đây, đây tơ đây tơ rồi vầy, trăm năm bởi một ngày cùng bạn, trăm năm bởi một ngày cùng bạn.

*Xuân-Nhị cầm biển câu đối ra ngâm :*

Tay nâng một bức biển hồng,  
Đề bài cáo-bạch thắm dòng chữ đen.  
Dưới kèm một vẽ đối-liên,  
Bút hoa thử mượn tay tiên vẽ-vời.

*Câu chiêu hồ cầm bút nói lời :*

À, kể đối câu này khó, mà ra đối cũng thần, câu ra rằng « *mạnh chồng quân hơn đàn chồng dân* », tôi đối với : một mặt người bằng mười mặt cửa, đó a có.

*Xuân-Hương nói lời khen :*

À hay thiệt hay thiệt, dễ ai hơn ai hơn, đã hay thuận dịp ra đờn, xin kíp chao tơ lựa phiếm, đó chi.

*Ngâm :*

Tài-tình trót đã tương-tri,  
Xiu chàng liệu kíp định kỳ hoàn-hôn.

*Chiêu Hồ ngâm :*

Đã lời thề hẹn chén son,  
Sẽ xin tình cuộc nước non vợi gi.

*Nói lời :*

Hay thư-thả, hãy thư-thả, nào vợi chi, nào vợi chi.

*Xã Nhái* ngồi nghe vội ngấm tiếp, gạt cật  
Chiêu :

Cậu nay khéo rõ nói kỳ,  
Nàng đã cho cười tức thì cười ngay.

*Nói lời :*

Cậu rõ tình mới hay, việc xong ngay  
sao chậm, cưới lập-tức thiếu gì tôi sấm,  
sự đã nên còn ngấm lẽ chi, à Ương Ớp  
về trước ngay đi, bảo bác tổng định-  
kỳ hộ nhé.

*Nói :*

Đâu cậu Chiêu tôi là em ông tổng Cóc  
để cho chúng nó về trước báo tin, để  
ông tổng tôi trừ-tính hộ, cưới hết mấy  
nghìn cũng có ngay lập-tức.

*Ngắm :*

Lấy vợ thì cưới liền tay,  
Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha.

*Ương Ớp mừng cùng ra hát trống-quân về :*

Thầy nay hẳn được vợ mà,  
Éch vào trong xiếc nhảy ra đàng trời.  
Phen này thầy sướng bò nhai,  
Chắc là dám cưới giết mười nghe hoa.

Ta về ta bảo thầy ta,  
Bắt lợn đi cưới bắt gà đi cheo.

*(Ương Ớp vào)*

*Chiêu Hồ còn ngồi lại uống rượu say, đưa  
Xuân-Hương. Xuân-Hương ngấm thơ trách :*

Say hay tỉnh tỉnh hay say ?  
Cớ sao gheo nguyệt giữa ban ngày ?  
Này này em bảo cho mà biết,  
Chốn ấy hang hùm chớ móc tay.

*Chiêu Hồ ngấm họa vần :*

Này anh tỉnh này anh say,  
Này anh gheo nguyệt giữa ban ngày ;  
Hang hùm ví bằng không ai móc,  
Sao có hùm con bỗng tróc tay.

*Xã Nhái thấy thế giục cậu Chiêu về nói lời :*

Thôi thôi việc đã dẫu vào dấy, tôi  
mời cậu đi về, kéo uống mãi say mê,  
nữa mang điều ma cộp, a cậu.

*Chiêu Hồ ngấm :*

Vậy xin từ-cáo về nhà,  
Định-kỳ dẫn cưới độ ba bốn ngày.

*Xuân-Hương ngấm tiên :*

Chàng về liệu kịp chớ chầy,  
So đàn chi để tơ vầy phiếm loan.

*Ca hành-ván tiên :*

Tiền đưa tình, tiền đưa tình, hỡi bạn  
bạn đồng-minh, thề non nước đính  
ước ba sinh, nét văn thơ tạc da, đang  
xa cách, song tình vương, kíp liệu hoàn-  
hôn, tròn cho tròn, vẹn tròn ngãi bạn,  
lời kia định, dặng là xong, kết tơ hồng,  
hẹn cùng trắng bạc, vậy là xong là  
xong.

*Cậu Chiêu ca tiếp hành-ván từ-biệt :*

Chừ câu đối đã tay dề, cáo tạ ra về,  
hẹn lời kia lời kia, cảm thương nàng  
chờ đợi trăng khuya, sẽ về toan sắp,  
định ngày vịn bẻ ngành huê.

*Cậu Chiêu xã Nhái cùng chào Xuân-Hương  
đều vào. Thay cảnh nhà tổng Cóc.*

*Tổng Cóc ra ngồi nói lời :*

Quái mình cậy xã Nhái ra đi mối vợ,  
bảo cậu Chiêu sang nhận làm chồng,  
không biết đối có xong không, mà sao  
tin còn chậm thẽ, mình ngồi mong mắt  
dà đỏ hóc, chỉ e chề mặt dõm đen sì, lạ  
thằng Ớp theo đi, mà thằng Ương cũng  
mất, là sao ?

*Ngắm :*

Cậy tay bẻ khóa động đào,  
Chả hay tiện có cho vào hay không.  
Đề mình ngồi xỏm xa mong,  
Mà sao vắng ngắt tin hồng lạ thay !

*Ương Ớp cùng về hát dip đuổi báo tin :*

Bầm cánh hoa đào thẽ nào cũng  
được, mừng thầy may bước, cậu Chiêu  
đối được, chạy trước con về, tình tình  
tình về, qua lối nọ về ngay (1 dịp). Về  
báo cho thầy, định ngày sang rước,  
người coi tầm-thước, thầy mà lấy được,  
dủ nước tài-tình, tình tình tình tình,  
qualới nọ tình thâm, (2 dịp). Thú-vị  
tình thâm, nghìn trăm cũng đáng,  
người coi phải khoảng, hương thơm

thoang-thoảng, nhấp-nhoảng màu hồng, tinh tinh tinh hồng, qua lối nọ hồng tươi. (3 dịp) Thầy lấy được người, chắc thời thầy sướng, chúng con được thưởng, tiền thưởng hoa-hồng, tinh tinh tinh hồng, qua lối nọ hồng ham.

*Tổng Cóc nói lời :*

A thằng Ương, a thằng Ôp, việc thầy xong, bay đi với mẹ đớp, bảo nó rao ta hội họp họ hàng, đi đón cụ bá Chàng, sang tìm ông chánh Nóc, mời hết cả làng nhà cóc, ăn mừng mỗ mấy trâu cua, đó bay.

*Ương Ôp dạ đi gọi, mẹ Mỗ cầm mõ dùi đến nói lời :*

Dạ, thưa thầy, hôm nay cưới cô, thầy sai mời họ, bảo con rao mỗ, động-đạt cả làng, mời cụ bá Chàng, tìm ông chánh Nóc. dạ thưa thầy.

*Tổng Cóc nói :*

Ừ việc tốt lành, mầy rao mỗ cho ròn-rã lên nhé.

*Mẹ mỗ ra rao mỗ, hát dịp đuôi :*

Cóc cóc cóc, nay thầy tổng Cóc, nhà giàu sẵn thóc, da xù mặt mỗ, lấy vợ như ngọc, giết trâu lợn súc, mời mọc cả làng, tinh tinh tinh làng, qua lối nọ làng ơi (1 dịp). Sai tôi đi mời, sai tôi đi rao mỗ, mời làng mời họ, rước dâu ăn cỗ, đầu đàn xó ngõ, đập mỗ tôi chiêng, tinh tinh tinh chiêng qua lối nọ chiêng ơi, cóc cóc cóc.

*Cụ bá Chàng ra hỏi :*

A mẹ đớp, bên ông tổng Cóc cưới vợ, mời chúng ta đi chén à? --- Mẹ mỗ : vâng.

*Ngâm :*

Chúng ta là họ nhà trai,  
Mời đi đánh chén chớ ai đầu bò.

*Ông chánh Nóc cùng ra hỏi :*

A mẹ đớp, ông tổng Cóc đi cưới vợ, cũng mời cả ta nữa chớ?—Mẹ mỗ : vâng.

*Ngâm :*

Họ trai ta chén tha-hồ,  
Bữa nay chưa biết mầy vò rượu hươu.

Họ-hàng : bà trùm Éch, có lý Ngọc cùng đến, mẹ mỗ cùng mời vào, thì cậu chiêu Hồ xã Nhái cũng về đến nơi. Tổng Cóc hỏi công việc nói xong cả, liền sấm lễ cho họ hàng sang cưới, tổng Cóc cũng đi, duy chiêu Hồ và xã Nhái thì lánh mặt.

Sang đến nhà, Xuân-Hương hỏi sao cậu chiêu Hồ không sang thân-nghinh, thì tổng Cóc nói trả là cậu chiêu Hồ se mình, tôi là anh đi thay, Xuân-Hương đã sinh nghi, song tổng Cóc nói, một năm mới được một tháng, một tháng mới được một ngày, nên cũng phải cho cưới, và lấy tiền cưới đủ ba nghìn bạc.

*Khi rước dâu ra về, họ-hàng hát cách đi đường :*

Chốn vườn hồng nô-nức tin oanh, ai chẳng mà chẳng tơ dện chừ đề cuốn ngành đào thơ, chừ nâng về gió đón mà mây đưa, y ối y, (láy), trăng cài mà cài cửa động chừ đề hoa chờ đỉnh non, trái ba sinh tinh cuộc vuông tròn, y ối y, (láy), sao còn mà còn đứng núi chừ đề trông non ngập-ngừng, cái con chim khôn vương sợi cỏ gừng.

Khi về đến nhà, không thấy cậu Chiêu, họ hàng giục Xuân-Hương vào lễ tơ-hồng một mình, rồi vào buồng nghỉ. Xuân-Hương vào ngồi lễ, thì tổng Cóc đứng đằng sau vái vái, cụ bá Chàng đọc văn-tế tơ-hồng.

Duy ngày ...tháng ...năm nay, sửa mâm cỗ đầy, nghiêng bầu rượu tuyết; kính ông tơ bà nguyệt, xe-chỉ thăm tơ hường; cho ả Xuân-Hương, lấy chàng tổng Cóc; cần cóc, cóc cóc cóc.

*Xuân-Hương giật mình đứng tấp dạp nói lời :*

Ai lấy thẳng tổng Cóc, ông lại đọc văn hươu? có lẽ mình mắc mưu! bị lừa anh xử bọm; nào họ ta thôi đừng dấy lập-tức ra về.

*Ngâm :*

Chứ một ngành tre năm bảy ngành  
tre,  
Đẹp duyên thì lấy chớ ai nghe anh lộn  
sòng.

*Tổng Cóc nói :*

Thế nào thì thế, đã đến đây cô cũng  
không về được.

*Ngâm :*

Chứ lấy ai thì cũng một chồng,  
Lấy anh tông Cóc anh bằng trên tay.

*Xuân-Hương nói :*

Anh lại nói lạ thế nữa, tôi lấy là bằng  
lòng lấy cậu chiêu Hồ, chớ ai thêm lấy  
anh tông Cóc.

*Ngâm :*

Giờ ra đổi én thay oanh,  
Thì đây dứt sợi tơ mảnh cho xem.

*Tổng Cóc nói :*

Cho cô dứt thì cũng không dứt  
được, vì ông tơ bà nguyệt ngài đã xe  
vấn chặt lắm rồi.

*Ngâm :*

Đây mình bưng mắt bắt chim,  
Chim vào lồng dễ mà tìm lối ra.

*Nói :*

Thời có chịu Cóc đi thôi :

*Xuân-Hương thét :*

Anh lập mẹo lừa người, ép dầu ép  
mỡ, ai nỡ ép duyên, có phép nào anh  
ép được, nào họ ta, thử «giã» cho anh  
ta một trận, rồi ra về, xem sao nào.

*Tộc-trưởng họ Xuân-Hương đứng dậy  
thét lối :*

À tráo rề tráo rề, lừa dầu lừa dầu,  
nào họ gái ta dầu, vợ chầy giò hãy giã.

*Tộc-biểu cũng đứng dậy thét lối :*

Sự lạ sự lạ mưu lừa mưu lừa, chừng  
chết giữ không chừa, cứ đánh bừa  
một trận.

Quan viên họ đều vỗ tay ra búa lấy  
tông Cóc đánh, thành hai họ đánh

nhau như phá trận, họ tông Cóc kẻ thì  
bênh, người thì chữa, song thua chạy  
tán lạc cả.

*Tông Cóc bị đau thét lối :*

Ồi già cây già cây, rõ rần lươn rần  
lươn ! bầy-tờ bỏ chạy bương, họ hàng  
dầu mất cả !

*Ương Ớp chạy ra cứu thầy thét lối :*

A họ già họ già, ở thầy ơi thầy ơi,  
sao không nhảy thách lên trời, mà lại  
nằm choài xuống đất ? họ hàng chạy  
tất, bầy-tờ công thầy, cua già bằng  
chầy, cóc nào không chết ! chết chết !

(Cống chạy)

*Họ Xuân-Hương cùng múa tay hát trống  
quân về :*

Hôm nay được bữa tốt lành,  
Cậu rề tan tành vì giữ cô dâu.

Đám nay dịch lợn toi trâu,  
Có anh vỡ dầu có chú sạt tai.

Nực cười cho họ nhà trai,  
Ngã lộn nằm xoài cỡ chẳng được ăn.

Họ nhà thẳng trận toàn quân,  
Về rồi chuốc chén rượu xuân ăn mừng.

(Vào cả, hạ màn)

## CẢNH THỨ BỐN

### NHÀ ĐÁM MA.—NÚI BA-ĐỘI

*Thằng Ương học-tóc chạy về nói lối :*

Uềnh-oàng uềnh-oàng, bàng-hoàng  
tàu-tán ; thầy thì sứt trán, trò thì om  
xương, cóc nhái ênh-ương, bò nhồi  
như ếch, ở Ớp ơi là Ớp.

*Thằng Ớp cũng lưỡng cuống chạy về nói  
lối tiếp :*

Ch chi gọi Ớp, hử hử thằng Ương,  
thầy phải mẽ dừ xương, trò lại càng  
ôm xác. tưởng được bữa chèo  
tôi chén bác, ai ngờ đầu sồn-sác sồn-  
sơ, thầy nằm bẹp chổng gờ, mình phải  
đi cống chớ, a Ương.

*Cùng rủ nhau đi cống thầy về hát thăm :*

Ồi than ơi ! bầy tờ ruồi, vốn xưa  
cạp liếp chân giường, vì dầu con dẹt

khéo vắn-vương tơ tằm, lươn lấm đầu nghĩ nổi mà cãm, họ dần như dần ếch chịu nằm như ếch-vương, cái thân thầy chả khác như nhái-chàng, con thoi-loi bỏ rõ cay biết mấy cái càng cạp lỏi, toan bèn duyên giờ sự đã xong rồi, rấn đến nhà không kịp đánh lại bỏ ngoi cấn mình, song sự bất-thình-lĩnh.

*Nói lối:*

Đâu nổi sự bất-bình, nay xem nhà đã ổn, nhảy bờ giậu vừa công thầy đi trốn, sang xóm diều nay lại công thầy về, a mà.

*Cùng vào công tổng Cóc đi khệ-nệ ra đề ngồi ghế. Tổng Cóc ra ngồi than sự:*

Ồi thương ơi! tôi tổng Cóc là thằng đại gái, đại như tôi không cái nào khôn, đại từ ngày mới nút mắt non, khôn chưa thấy đã đồn ra cái đại, vì thấy ả Xuân-Hương là gái, tìm mối manh toan giờ đại trò bày, hết bao nhiêu tiền cưới của cho vay, mà họ nện cho mấy chày gỗ nhơn, giờ vừa đau sứt trán, sực nghĩ lại diên lòng, trách ông tơ xe sợi chỉ hồng, vắn không chặt đề gái vào trong mà đứt đứt.

*Ngâm:*

Ngẫm mình lại tủi duyên mình,  
Cái thân con dện tơ mảnh khôn xe.

Ngồi buồn nghĩ truyện cóc trẻ,  
Vị con nòng-nọc mà mê-mẩn tình.

*Ca nam-thương:*

Thương ai đứt sợi tơ tình, tơ tình quyến-quyện, dện rối vô tơ, tằm vắn vương tơ, sao khéo nổi thờ-ơ, trách vì nguyệt-lão xe tơ, sao xe dặng thờ-ơ, vậy mà hồ hững-hờ, xá bao hoa đợi trăng chờ, hoa chờ trăng đợi, của lại tin đưa, chẳng đẹp không tra, phải toan phải toan mưu lừa, tới lâu thơ, buộc dây tơ, ngại sinh ngờ, mượn người đưa, cũng khôn cũng khôn mưu lừa, khôn mưu lừa xui lòng đứt đoạn, ra ngăn lại vào ngõ, nghĩ hoài những sự lảo-lơ. thêm hao của mà dơ, xui nên thẩn-thờ.

*Cụ bá Chàng, ông chánh Nóc, cậu chiêu Hồ, xã Nhái cùng đến hỏi thăm:*

*Cụ bá Chàng nói lối:*

À nghe bác bị đau, lại tôi thăm hỏi; nghĩ bây giờ mới hỏi, không cái đại nào bằng, đã dành chờ vạ má sừng, cũng phải đợi đơn đầu-khiếu, a bác.

*Ngâm:*

Rõ vừa mắt của mang tai,  
Đầu-dơn đi kiện kêu nài xem sao.

*Ông chánh Nóc nói lối:*

Phải phải, mình mang tiếng anh-hào, lẽ thua người con gái, cứ kiện xem đàng nào phải trái, vào quan rồi mới cãi thấp cao, a bác.

*Ngâm:*

Đứt tay vì tại chơi dao,  
Hãy nên đề vết máu đào trình quan.

*Xã Nhái ra nói lối tiếp:*

Thôi sự đó tôi van, bởi mưu gian mình trái, kiện ra rầy xã Nhái, ai còn nại ông Chàng, a bác tổng.

*Ngâm:*

Sự mình đã trót mưu gian,  
Chớ nên đi kiện lên quan mà ngày.

*Cậu chiêu Hồ nói lối tiếp:*

Tôi cũng dự việc này, bác thôi đừng kiện nữa, đã tan nhà nát cửa, còn kiện bừa thừa liều, chi bác tổng.

*Ngâm:*

Xót vì đàn chẳng bện dây,  
Giở ra thêm bận đến tay vắn đàn.

*Cụ bá Chàng ca hành-văn bảo tổng Cóc:*

Kiện cho ràn, kiện cho ràn, mới dặng dặng là gan, người danh-đá kiện phứa lên quan, can chi mà đã sợ, mình nên hách, song đừng ghé, cứ kiện vào quan, bàn chi bàn nói bàn thêm sợ.

*Ông chánh Nóc ca tiếp hành-văn:*

Vì lo sợ, vỡ đầu ra, cười qua nhà, đánh mà sao chịu, kiện đừng tha đừng tha.

*Xã Nhái ca hành-văn :*

Mình giao lá, vạ mang rồi, họ già  
vô hồi, kiện tiền toi tiền toi.

*Câu chiêu Hồ ca tiếp hành-văn :*

Việc hồng rồi, kiện hiêu mà thôi,  
chẳng hà nin quách, chi còn bói họ  
thêm hoi.

*Tông Cóc nói lời đáp :*

Thời đại đã đại rồi, còn kiện gì kiện  
chết, của bây giờ đã hết, mình chịu  
thiệt là thua.

*Ngâm thơ tứ-tuyệt :*

Bọ-ngoáp sao mà hám của chua,  
Hộp ruồi miệng cóc hóc còng cua ;  
Thạch-Sùng tắc lưỡi không còn của,  
Mắt ếch ngồi chờ chịu nước thua.

*Ca kim-tiền :*

Ới thua chịu là thua, thân ếch nay  
sao vội hoa vô, mà nay vội hoa vô, thề  
mà đua, ấy mà ganh đua, sao hay đua,  
hay mê thuốc, hay mê bùa, việc toan  
sự chơi chua, ấy thêm ăn chua, chừ  
nên mắc mưu thiên-hạ, của lạ toan  
dòi, của lạ toan dòi, thôi đã mắc lận  
thì thôi, thôi thôi đã mắc lận thì thôi,  
ngóp ngoi chi nữa, ấy vì vợ vì vợ nên  
đau, kiện dàu được vợ mất vợ.

*Nói lời dâm diện :*

Thôi duyên mình chắc-trở, đành  
cười vợ mất không, ruột đã như đốt  
như nung, dạ lại như bèo như cắt,  
thôi các ông về lất, chừ lời đã dâm diện.

*Các người thấy thế đều lảng chạy :*

*Tông Cóc đứng dậy nói diện :*

Uả, kia kia vạ của vạ tiền, họ đó  
đó vạ chồng vạ vợ, à cô mình đẹp  
như hoa nở, mà anh đây giàu chứa tiền  
rời, chơi cho nghiêng đất hẹp trời, sá  
quần siêu dinh đồ quần, a.

*Cầm cành hoa mùa mang hát diện :*

Anh tiếc cái công anh mua phải vịt  
trời, vịt trời bay mất mấy kiếp người  
hoá chim, vịt du dù vịt anh đi tìm,  
(láy), tiếng kêu giọng hát suốt thâu

đêm canh tàn, bởi vì ai cho con vịt  
nó lia đàn, (láy), để cho anh làm  
chim bay bổng nơi vượt ngàn tìm  
hoa, cái con vịt trời mây bay tit  
phương xa. (láy), để cho thân chim  
kêu bót mấy sương sa lạnh-lùng, cái  
con chim khôn kia ai dứt sợi tơ  
hồng, (láy), để cho lòng anh như nấu  
như nung như bèo, cái con ve sầu kêu  
lầm cũng mòn hao.

*Nói lời :*

Ới thương ôi ! lời như thét như gào,  
ruột như cào như đốt, dù có thác  
làm thân chim thân chuột, hay nữa là  
ra đời dễ đời giun, khôn tả nỗi bực  
buồn, cũng còn kêu cọc-cạch, đó chi.

*Ngã ngất xuống rồi chết.*

*Ương Ớp chạy ra kêu khóc thét lời :*

Ới trời ơi ! thầy chết dẫy đành-dạch,  
như ngóc phải thuốc lào, hãy còn thổ  
phào-phào, như ếch vào trong xiếc ;  
rõ gồm ghieếc gồm ghieếc, ở thầy ơi  
thầy ơi !

*Hai đứa cùng khênh tông Cóc vào trong  
nhà.*

*Cụ bá Chàng, ông chánh Nóc xã Nhái cầu  
chiêu Hồ cùng đến viếng.*

*Câu Chiêu Hồ soạn bài văn tế :*

Duy, ngày chuột, tháng rắn, năm  
rồng, bác tông Cóc, bông mà chết-  
chóc, trước minh-tinh thương khóc  
mà than rằng : Than ôi ! Công dạ-tràng  
xe cát, thân con dện vương tơ. Say vì  
hoa mà chết cũng vì hoa, cành hồng  
xa bướm ; sống bởi nước mà thác còn  
tức nước, sông bạc nổi vờ. Nhớ bác  
xưa ; mình dẫu bé, của có thừa. Tiếng  
sang lừng bễ gió ; răng nghiến đồ  
trời mưa. Với bạn hiền chẳng chút nói  
ương, yển oanh diu-dặt ; thấy gái đẹp  
những mong duyên bén, nhận cá tin  
đưa. Nào cậy người dây loan chấp  
nối ; nào cậy người bút thổ đề thơ.  
Muốn ăn hết phải đào giun, hết bao  
nhiều công của ; họ rần lươn như  
đánh rắn, vẫn còn vững mưu-cơ. Chi

chết vì : Duyên vừa bén ; phận khôn  
ra, vượt đuôi nheo chẳng kịp ; gương  
mắt ếch ngồi trơ. Đâm điên hóa dại,  
thà chết xong đời. Than ôi ! Căn cốt.

*Tế xong thì Xuân-Hương đến viếng nói  
ngoài :*

Hừ tôi nghĩ như chàng tổng Cóc  
với mình, cũng là một người chung-  
tình lắm, vì tình mà chết, nghĩa tử là  
ngĩa tận, nên mình cũng lại thăm  
viếng một chút mới là phải.

*Nói xong vào chào các quan-viên dự tế.*

*Ngâm :*

Với chàng cũng bạn tình chung,  
Nghĩ thương thân nài khóc chông  
Dây tơ dù chữa bén đàn, [kéo oan.  
Mà hồn chim vịt xa ngàn thương ơi !

*Vào khóc ngâm thơ tứ-tuyệt :*

Chàng ơi chàng ơi hỡi chàng ơi,  
Thiếp bén duyên chàng chữa bén  
hơi ;

Nòng-nọc đứt đuôi từ dây nhé,  
Nghìn vàng khôn chuội giống bởi với.

*Ca vọng-phu :*

Ơi iêng ơi, iêng lắng nghe, iêng, để  
thiếp than rằng ; Ngồi buồn khuấy  
nước trông trăng, nước tuôn trắng  
lững buồn chẳng chẳng hỡi chàng,  
thôi sá sá chi iêng, iêng hỡi hời hời,  
iêng hỡi hời hời, thăm lắm iêng chàng  
ơi ! Phụ tình phàng chừ duyên chi hỡi,  
ơi chàng chàng ơi, ời chàng chàng ơi,  
chi mà vội lắm chàng, chi mà bức  
mà bức lắm chàng, thôi iêng sá sá chi  
iêng, iêng hỡi hời hời, iêng thấu chẳng  
iêng, iêng hỡi hời hời, iêng hỡi hời  
hời, thăm lắm iêng chàng ơi ! Chàng  
tuy duyên chữa bén, bề non thề, bề  
hẹn non thề, chàng của công to, ời  
chàng chàng ơi ! Đêm năm canh, bóng  
lụi dầu hao, thiếp nằm bỗng chiêm-  
bao, chàng tới nơi nao, chừng bén  
cung trăng, ời chàng chàng ơi !

Thác làm chi, mà đi cho vội, hay  
duyên kia chàng bức bội vì ai, ời chàng

chàng ơi ! Duyên dù bén dây cũng bởi  
tay nguyệt-lão, sao iêng chàng toan  
đánh-tráo em chi, ời chàng chàng ơi !  
ời chàng chàng ơi ! chi mà vội lắm  
chàng chi mà bức mà bức lắm chàng,  
thôi iêng sá sá chi iêng, iêng hỡi hời  
hời, thiếp viếng iêng chàng ơi .

*Viếng xong chào ra.*

*Gặp cậu Chiêu Hồ ; Xuân Hương nói trách :*

A kia cậu Chiêu, sao ngày xưa cậu  
sang đối đáp, thề hẹn với em như thế  
nào, mà ra toan lừa mình, rõ cuội lắm !

*Ngâm thơ tứ tuyệt :*

Sao nói rằng năm lại có ba ?  
Trách người quân-tử hẹn sai ngoa ;  
Bao giờ thư-thả lên chơi nguyệt,  
Xin hái cho nhờ năm lá đa.

*Cậu Chiêu Hồ cười nói :*

À sự đó là tôi vì bác tổng Cóc là  
người bạn ngọc, mà mình phải tặng  
làm cuội để ghẹo di trăng chơi đó chứ,  
có phải tự mình cuội đâu mà có trách.

*Cậu Chiêu Hồ ngâm thơ họa :*

Rằng quý thì năm gián có ba,  
Chỉ vì thụ-nữ tính không ra ;  
Ừ rồi thư thả lên chơi nguyệt,  
Cho cả cành đa lẫn củ đa.

*Xuân-Hương cười nói lối :*

Thôi chuyện xưa đã trót, giờ lời cũ  
tính sao ? cũng trời xui cóc nhái xe sợi  
tơ đào, thì ta lại yển oanh cùng  
trao chỉ thắm đó sao, a cậu ?

*Ca hành-vân :*

Sự duyên trời, sự duyên trời, hỡi  
bạn bạn tình ơi, thề non nước giao-ước  
kết đôi, ngậm-ngùi thương tổng Cóc,  
chừ thăm khóc, song mà thương, thiệt  
vị tình ta, già trắng già trắng già trên  
cột, đành nay vậy, trọn duyên ta, hẹn  
trắng già, trao lời non bề, vẹn thề  
hoa thề hoa.

*Cậu Chiêu Hồ nói lối :*

Xưa đã trót thề hoa, nay cũng đành  
thay hạt, đó nàng.

*Ca tiếp hành vân :*

Lời giao dá, hện bao giờ, cơ tạo lọc  
lừa, rồi đàng tơ đàng tơ. Cối non ? hần  
xa cách mây mưa, thương người mệnh  
bạc, vì mình trao nổi dây tơ.

*Nói lối :*

Xưa những muốn về cho chàng  
tổng Cóc, nay ngờ đâu lại bèn cậu  
chiêu Hầm, cùng nhau dính ngãi cao-  
thâm, tiện nẻo dạo chơi non nước, đó  
nàng

*Xuân-Hương nói lối :*

Được được, núi Ba-dồi ngất cao  
muôn thước, xin cùng chàng dạo bước  
qua chơi, ngãi trăm năm đã trót một

lời, dặng nay thiếp dề bài thơ thảo, đó  
chàng.

*Cùng đưa nhau lên núi Ba-dồi, Xuân-Hương  
ngâm thơ :*

Một dèo một dèo lại một dèo,  
Khen ai khéo tạc cảnh treo leo ;  
Đất lù mu giải lơ-thơ cỏ,  
Đá chống gan gà lùn-phún rêu ;  
Lắt-lẻo ngành thông con gió thốc,  
Đằm-đìa lá liễu hạt sương gieo ;  
Vấn-nhân tài-tử ai là chẳng,  
Mỗi gối chồn chân cũng phải treo.

(Hết)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

## MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXV

VII

有要割尹言人問萬  
諸。湯。烹。以伊有曰。章

Dịch-âm. — Vạn-Chương vấn viết :  
« Nhân hữu ngôn Y-Doãn dĩ cát phanh  
yếu Shang, hữu chư ? »

Dịch - NGHĨA — Vạn - Chương  
hỏi rằng : « Người ta có truyền nói  
ông Y-Doãn lấy việc thái nấu làm đồ  
ăn khéo cầu tiến-thân với vua Shang,  
sự ấy quả có không ? »

*Chú - giải.* — Cát = Thái cắt. Phanh =  
pha nấu, là những việc bếp nước nấu ăn.  
Yếu = Cầu, xin. Ý nói ông Y-Doãn đem  
những việc pha nấu khéo dề cầu-cạnh ông  
Shang cho được đắc-dụng.

人。與。非。駟。天。也。堯。耕。孟  
人。其。道。弗。視。下。非。舜。於。子  
一。介。不。一。非。也。願。道。之。有。曰。  
以。介。其。也。也。焉。非。野。不。否。  
取。不。義。繫。祿。非。野。然。  
諸。以。也。千。以。義。樂。伊。尹

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Phủ,  
bất nhiên ; Y Doãn canh ư Hữu-sân  
chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo  
yên ; phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo dã,  
lộc chi dĩ thiên-hạ, phát cổ dã ; hê mã  
thiên tử, phát thị dã, phi kỳ nghĩa dã,  
phi kỳ đạo dã, nhất giới bất dĩ dĩ  
nhân, nhất giới bất dĩ thủ chư nhân.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Không, chẳng phải thế. Ông Y-Doãn cây ở nơi rừng ruộng nước Hữu-sàn, mà vui mến cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn. Nếu những điều trái nghĩa trái đạo, thì dấu lấy thiên-hạ làm bông-lộc cho ông, ông chẳng thèm đoái; buộc ngựa nghìn cổ đem cho ông, ông chẳng thèm trông. Những điều trái nghĩa trái đạo, thì một mây ông cũng chẳng đem cho người, một mây ông cũng chẳng lấy của người.

Chú-giải. — Tư = Bốn con ngựa là một cỗ, tức là một cỗ xe bốn ngựa kéo. Nhất-giới = Một tí, một mây. Câu này là nói những điều cho lấy nhỏ nhặt cũng không sai đạo-nghĩa.

道以畝我之曰。聘湯  
 哉。樂之。豈聘我之。使  
 堯中。若幣何。翬人  
 舜由處為以。翬以  
 之是吠哉。湯然幣

Dịch-âm. — « Thang sử nhân dĩ tế sinh chi, hiều-hiều nhiên viết: « Ngã hà dĩ Thang chi sinh tế vi tai, ngã khởi nhược xử quyển-mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo tại.»

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Thang sai người đem lụa đến đón ông. Ông lạnh-nhạt tự vui mà nói rằng: « Ta dùng làm gì cái lụa đem đến đón của vua Thang kia! há bằng ta ở trong nơi rừng ruộng, cứ ở đấy để vui thú cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn chẳng vui lắm thay!

身民使舜豈以處而湯  
 親哉。是民君使若樂吠幡三  
 見吾豈為君哉。是堯舜之改往  
 哉。若堯舜君為君道。由與聘之  
 於舜之若堯舜君為君道。由與聘之  
 吾之若堯舜君為君道。由與聘之

Dịch-âm. — « Thang tam sử vãng sinh chi, ký nhi phiến nhiên cải viết:

« Dữ ngã xử quyển-mẫu chi trung do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo, ngã khởi nhược xử thị-quân vi Nghiêu Thuấn chi quân tại, ngã khởi nhược sử thị-dân vi Nghiêu Thuấn chi dân tại, ngã khởi nhược ư ngã thân thân kiến chi tại.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Thang, ba lần sai người đi đón ông. Rồi ông mới chột vậ dỗi ý trước mà nói rằng: « Nếu ta ở trong nơi rừng ruộng, ở đấy để vui thú cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi, thì há bằng ta khiến cho vua đời này cũng làm được bằng vua Nghiêu vua Thuấn chẳng hay ư! Há bằng ta khiến cho dân đời này cũng như là dân đời Nghiêu đời Thuấn chẳng hay ư! Há bằng ở ngay thân ta trông thấy cái đạo ta thực-hành chẳng hay ư!

Chú-giải. — Phiến-nhiên = Chột vậ biến đổi.

而也。斯者天覺後也。天  
 誰非道也。民後知。使之  
 也。予覺予之覺使先  
 覺斯將先也。先知此  
 之民以覺予覺覺民

Dịch-âm. — « Thiên, chi sinh thứ dân dã, sử tiên-tri giác hậu tri, sử tiên-giác giác hậu-giác dã; dư thiên dân chi tiên-giác giả dã, dư tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dư giác chi nhi thù dã,

DỊCH-NGHĨA. — « Trời sinh ra dân ấy, tất phải khiến kẻ tiên-tri đánh thức kẻ hậu-tri, khiến kẻ tiên-giác đánh thức kẻ hậu-giác, ta là kẻ tiên-giác của dân trời đây, ta cũng toan đem đạo ấy đánh thức dân ấy đây, nếu chẳng phải ta đánh thức dân thì ai chịu cái trách-nhiệm đánh thức dân. »

Chú-giải — Tiên-tri = Biết trước được những điều nên làm trong mọi việc. Tiên-giác = Hiểu trước được những lẽ sở-dĩ-nhiên.

Đây cũng là thuật lời ông Y Doãn, muốn ra ứng-sinh đương lấy cái trách-nhiệm bậc tiên-giác để dạy dân.

伐就下中。已堯夫思  
夏湯之其推舜匹天  
救而重自而之澤婦下  
民說如任內之者不民  
之。此。以之溝者。被匹  
以故天溝若被匹

Dịch-âm. — « Tư thiên hạ chi dân, sát-phu sát-phu hữu bất bị Nghiêu Thuấn chi trách giả, nhược kỷ thôi nhi nạp chi câu trung ; kỷ tư nhiệm dĩ thiên-hạ chi trọng như thử, cố tự Thang nhi thuế chí, dĩ phạt Hạ cứu dân.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Y-Doãn có nghĩ rằng dân trong thiên-hạ hoặc có kẻ sát-phu kẻ sát-phu nào chẳng được chịu cái ơn vua Nghiêu vua Thuấn, thì bằng-dường như mình đẩy nó mà ném vào trong ngòi. Ông Y-Doãn tự gánh-vác lấy việc nặng trong thiên-hạ như vậy, cho nên ông tới với vua Thang mà bảo vua Thang lấy sự đánh nhà Hạ để cứu dân.

已歸或也。人天况而吾  
矣。潔去或之。下辱正未  
其或遠行。者已人聞  
身不或。不乎。以者枉  
而去。近。同聖正也。已

Dịch-âm. — « Ngô vị văn ổng kỷ nhi chính nhân giả dã, hưởng nhục, kỷ dĩ chính thiên-hạ giả hồ ; thánh nhân chi hạnh bất đồng dã, hoặc viễn hoặc cận, hoặc khứ, hoặc bất khứ, qui khiết kỷ thân nhi dĩ hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — « Ta chữa nghe có cái lẽ công mình mà hay chính được người đấy vậy, hưởng chi lại nhục mình để chính thiên-hạ sao được; cái hạnh đáng thánh-nhân vốn không giống nhau,

hoặc người đi ân mà lánh xa, hoặc làm quan mà ở gần vua, hoặc chẳng thêm tội mà đi, hoặc cứ ở làm quan mà chẳng đi, tóm lại cốt ở thanh-khiết cái thân mà thôi vậy.

烹以未要之堯其吾  
也。割聞湯。道舜以開

Dịch-âm. — « Ngô văn kỷ dĩ Nghiêu Thuấn chi đạo yêu Thang, vị văn dĩ cái phanh dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Ta nghe rằng ông Y-Doãn lấy cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn cầu với vua Thang, chữa nghe rằng lấy sự thái nấu cầu với vua Thang vậy.

自朕牧攻誅曰。伊  
毫。載宮。自造天訓

Dịch-âm. — Y-Huấn viết : « Thiên chu tạo công tự Mục-cung, trẫm tái tự Bạc. »

DỊCH-NGHĨA. — « Thiên Y-Huấn có nói rằng: « Trời giết tội vua Kiệt, bắt đầu đi đánh tự đất Mục-cung, bởi ta giúp vua Thang sáng-thủy việc ấy tự đất Bạc »

Chú-giải. — Y-Huấn = Tên một thiên trong sách Thượng-thư. Tạo = Sáng Tạo mới bắt đầu. Tái = Mới sáng- hửy.

Đây là dẫn lời kinh Thư để chứng về việc ông Y-Doãn giúp vua Thang đánh nhà Hạ để cứu dân.

VIII

者然子有侍疽。於或萬  
爲也。曰。諸人於衛謂章  
之好否。乎。瘠齊主孔問  
也。事不盂環。主癰子曰。

Dịch-âm. — Vạn Chương văn viết : « Hoặc vị Khổng-tử ư Vệ chủ ung-thư, ư Tề chủ thị-nhân Tích-Hoàn, hữu chư hồ ? Mạnh-tử viết : « Phủ, bất nhiên dã, hiếu sự giả vi chi dã. »

DỊCH - NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi rằng: « Hoặc có kẻ bảo ông Khổng-tử đến nước Vệ, trọ ở nhà một người được vua Vệ yêu là người chữa bệnh ung-thư; đến nước Tề trọ ở nhà một người, được vua Tề yêu là kẻ hoạn-quan Tịch-Hoàn, sự ấy quả có hay chăng? » Thầy Mạnh nói rằng: « Không, không phải thế, kẻ hiếu-sự bày ra lời ấy vậy ».

Chú-giải. — Hiếu-sự = Cái người hay nói đặt truyện,

\* \* \*

瘠	命。	以	有	也。	孔	弟	之	於
環。	而	義。	命。	子	子	也。	妻。	術
是	主	得	孔	路	主	彌	與	主
無	難	之	子	以	我。	子	子	顏
義	疽	不	進	告。	衛	謂	路	讎
無	與	得	以	孔	卿	子	之	由。
命	侍	曰	禮。	子	可	路	妻	彌
也。	人	有	退	曰。	得	曰。	兄	子

Dịch-âm. — « U vệ chủ Nhan Thù-Do. Di-tử chi thế, dữ tử-Lộ chi thế, huynh-đệ dã. Di-Tử vị Tử-Lộ viết: « Khổng-tử chủ ngã, Vệ khanh khả đắc dã. » Tử-Lộ dĩ cáo. Khổng-tử viết: « Hữu mệnh ». Khổng-tử liến dĩ lễ, thoái dĩ nghĩa, đắc chi bất đắc viết hữu mệnh. Nhi chủ ung-thư dữ thị-nhân Tịch-Hoàn, thị vô nghĩa vô mệnh dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Khổng-tử đến nước Vệ, trọ ở một nhà người hiền-đại-phu là Nhan Thù-Do. Lúc ấy, vợ người Di-Tử với vợ thầy Tử-Lộ là tinh-thân trong hàng anh em. Di-Tử bảo Tử-Lộ rằng: « Nếu Khổng-tử bỏ nhà Nhan Thù-Do mà đến trọ nhà ta, thì ngôi quan khanh nước Vệ có thể được ngay vậy. » Thầy Tử-Lộ đem lời ấy bảo ông Khổng-tử. Khổng-tử nói rằng: « Đã có mệnh trời. » Xem thế thì biết ông Khổng-tử khi tiến tất noi điều lễ, khi thoái tất noi điều nghĩa, cái tước-vị được hay chẳng được thì cho là có mệnh trời. Nếu ông Khổng-tử trọ ở nhà người chữa bệnh

ung-thư và kẻ hoạn-quan Tịch-Hoàn, thì ra không còn có nghĩa có mệnh gì nữa.

侯	城	子	過	殺	司	魯	孔
周	貞	莒	宋。	之。	馬	衛。	子
臣。	子。	阨。	是	微	將	遭	不
	爲	主	時	服	要	宋	悅
陳	司	孔	而	而	而	桓	於

Dịch-âm. — « Khổng-tử bất duyệt ư Lỗ, Vệ, tao Tông-Hoàn tư-mã tương yểu nhi sát chi, vi-phục nhi quá Tông. Thị thời, Khổng-tử đương ách, chủ tư-thành Trinh-tử, vi Trần hầu Chu-thần.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Khổng-tử chẳng bằng lòng ở nước Lỗ và nước Vệ, đi sang nước Tống, gặp phải quan Tư-mã họ Hoàn toan đón mà giết ngài, ngài phải đổi bộ áo người hèn mà đi qua nước Tống, đến nước Trần. Lúc ấy ông Khổng-tử đương khốn-ách, còn kén chọn người mà trọ, trọ ở nhà một người trước kia là quan tư-thành nước Tống, thụy là Trinh-tử, mà nay là bầy tôi của tước Tần-hầu tên là Chu.

Chú-giải. — Tiết này là nói Khổng-tử đương lúc khốn-ách cũng chọn người chủ mà trọ.

子。	何	侍	主	主。	臣	爲	臣	吾
	以	人	癰	若	以	主。	以	聞
	爲	瘡	疽	孔	其	觀	其	觀
	孔	環。	與	子	所	遠	所	近

Dịch-âm. — « Ngô vãn quan cận-thần dĩ kỳ sở vi chủ, quan viễn-thần dĩ kỳ sở chủ; nhược Khổng-tử chủ ung-thư dữ thị-nhân Tịch-Hoàn, hà dĩ vi Khổng-tử. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ta nghe rằng muốn xem-xét kẻ bầy tôi gần triều hay dở thế nào, chỉ xét xem những hạng người nào đến trọ; muốn xem-xét kẻ bầy-tôi phương xa lại hay dở thế nào, chỉ xét xem ở trọ về hạng người nào. Nếu ông Khổng-tử trọ ở nhà người chữa

bệnh ung-thư va kẻ hoạn-quan Tích-Hoàn, sao xứng-dáng là ông Không-tử.

IX

也。	好	子	穆	食	者。	鬻	曰。	萬
事	曰。	公。	牛。	五	於	於	百	章
者	否。	信	以	羊	秦	秦	里	問
爲	不	乎。	要	之	養	養	奚	曰。
之	然。	孟	秦	皮	性	性	自	或

Dịch-âm. — Vạn-Chương văn viết : « Hoặc viết Bách-Lý Hề tự dục ư Tần đưỡng sinh-giả, ngữ đương chi bi, tự ngữ, dĩ gôn Tần Mục-công, tin hồ ? » Mạnh-tử viết : « Phủ, bất nhiên, hiểu sự giả vi chi dã.

DỊCH-NHĨA. — Vạn-Chương hỏi rằng : « Hoặc kẻ nói rằng : Ông Bách-Lý Hề bán mình cho một nhà nuôi súc-sinh ở nước Tần, được năm cái da con dê, vì kẻ ấy chăn trâu, nhân dê cầu cho vua Tần Mục-công biết mà dùng làm trướng, lời ấy quả có chẳng ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Không, không phải thế, kẻ hiểu-sự bịa ra lời ấy vậy.

不	諫。	號。	於	之	璧。	以	人	百
諫。	百	宮	虞。	乘。	與	垂	也。	里
	里	之	以	假	屈	棘	晉	奚
	奚	奇	伐	道	產	之	人	虞

Dịch-âm. — « Bách-Lý Hề Ngu nhân dã, Tấn nhân dĩ Thủy-cức chi bích, dĩ Khuất sản chi thặng, giả đạo ư Ngu dĩ phạt Quốc ; Cung-Chi-Kỳ gián, Bách-Lý Hề bất gián

DỊCH-NHĨA. — « Ông Bách-Lý Hề vốn là người nước Ngu ; khi ông còn làm quan nước Ngu, người nước Tấn đem ngọc bích đất Thủy-cức, và bốn con ngựa tốt ở đất Khuất sản ra, xin mượn đường nước Ngu để đánh nước Quốc ; có ý lừa nước Ngu, đánh nước Quốc trước rồi đánh nước Ngu sau. Lúc ấy quan nước Ngu là Cung-Chi-Kỳ can vua Ngu, ông Bách-Lý Hề không can.

者	而	而	與	可	不	汗	十	知
不	能	顯	肯	謂	智	也。	矣。	虞
爲	之	其	行	不	乎。	可	曾	公
而	乎。	君	也。	智	知	謂	不	之
謂	自	於	而	也。	虞	智	以	不
賢	鬻	天	相	時	公	乎。	食	諫
者	以	下。	之。	舉	之	不	牛	而
爲	成	可	可	於	將	可	干	去
之	其	傳	謂	秦。	亡	而	秦	之
乎。	君	於	不	知	而	先	穆	秦
	鄉	後	智	穆	去	諫	公	年
	黨	世。	乎。	公	之	之	之	已
	自	不	相	之	可	謂	爲	七
	好	賢	秦	可	不			

Dịch-âm. — « Tri Ngu-công chi bất khả gián nhi khứ chi Tần, niên dĩ thất thập hĩ ; tăng bất tri dĩ tự ngữ can Tần Mục-công chi vi ở dã, khả vị tri hồ ; bất khả gián nhi bất gián, khả vị bất tri hồ ; tri Ngu-công chi tương vong nhi tiên khứ chi, bất khả vị bất tri dã ; thời cử ư Tần, tri Mục-công chi khả dĩ hữu hành dã, nhi tương chi, khả vị bất tri hồ ; tương Tần nhi hiền kỳ quân ư thiên-hạ, khả truyền ư hậu-thế, bất hiền nhi năng chi hồ ; tự dục dĩ thành kỳ quân, hương đẳng tự hiểu giả bất vi, nhi vị hiền giả vi chi hồ. »

DỊCH NHĨA. — « Ông biết vua Ngu-công chẳng thể can được, mà ông đi sang nước Tần, tuổi ông đã bảy mươi rồi ; lại còn chẳng biết lấy sự chăn trâu cầu vua Tần Mục làm đơ-duốc, thì đáng gọi là kẻ có trí không ? Biết rằng chẳng thể can được mà chẳng can, thì có đáng gọi là kẻ bất-trí đấy dư ? Biết rằng vua Ngu-công sắp-sửa mất mà bỏ đi trước, thì không phải là kẻ bất-trí vậy. Khi ấy ông được tiến-cử ở nước Tần, biết rằng vua Mục-công có thể cùng làm được, mà ông giúp vua Mục-công, thế thì có phải là kẻ bất-trí đấy ư ? Làm tướng nước Tần mà hiền được vua mình với thiên-hạ, công

ngiệp há truyền về đời sau, kẻ chẳng hiền mà làm được như thế ư? Cái sự bán mình để làm thành công-nghiệp cho vua, thì kẻ tự biết yêu mình trong chốn hương-dãng cũng chẳng thêm làm, mà bảo rằng kẻ hiền-giả làm vậy ư? »

萬章章句下

Thiên Vạn - chương hạ

凡九章

(gồm chín chương)

I

夫有立志 故聞伯夷之風者。頑夫廉。懦夫有立志。北海之濱。以待天下之清也。冠坐於塗炭也。當紂之時。居也。思與鄰人處。如以朝衣朝服。之所出。橫民之所止。不忍居民不使。治則進。亂則退。橫政不聽惡聲。非其君不事。非其匹。婦有不與。彼堯舜之澤者。若已推而內之溝中。其自任以天下之重也。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Bá Di mục bất thị ác-sắc, nhĩ bất thính ác-thanh ; phi kỳ quân bất sự, phi kỳ dân bất sử ; trị tắc tiến, loạn tắc thoái ; hoạnh chính chi sở xuất, hoạnh dân chi sở chỉ, bất nhân cư dã ; tư dĩ hương nhân xử, như dĩ triều y triều quan tọa ư đồ thân dã. Đương Trụ chi thời, cư Bắc-hải chi tân, dĩ-dĩ thiên-hạ chi thanh dã. Cổ văn Bá-Di chi phong giá, ngoan-phu liêm, ngoan-phu hữu lập chí.

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Bá-Di, mắt chẳng trông sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, chẳng phải vua nên thờ thì chẳng thờ, chẳng phải dân nên khiến thì chẳng khiến ; đời trị thì tiến, đời loạn thì thoái ; chỗ triều nào ra chính cần, chỗ đất nào hợp dân cần, thì chẳng nở cùng ở. Trong bụng nghĩ rằng cùng ở với người tâm-

thường, ví như đem áo châu mũ chầu ngồi ở chỗ bùn lấm than nhọ. Đương thừa vua Trụ, ông lánh ra ở bên Bắc-hải, để đợi thiên-hạ thanh-bình. Cho nên đời sau nghe cái phong ông Bá-Di ấy, kẻ ngu-muội cũng phải biết phân-biệt, kẻ lười biếng cũng phải biết lập chí.

Chú-giải. — Ngoan-phu = Kẻ ngu-tối tham lam. Liêm = Biết phân biệt giữ nét liêm-giới. — Ngoan-phu = kẻ lười biếng vô-chí. Đây là kẻ ra cái hạnh của ông Bá-Di.

伊尹曰。何事非君。何使非民。治亦進。亂亦進。曰天之生斯民也。使先知覺後知。使先覺覺後覺。予天民之先覺者也。予將以此道覺此民也。思天下之民。匹夫匹婦有不與。彼堯舜之澤者。若已推而內之溝中。其自任以天下之重也。

Dịch-âm. — « Y-Doãn viết : « Hà sự phi quân, hà sử phi dân, trị diệc tiến, loạn diệc tiến. » Việt : « Thiên chi sinh tư dân dã, sử tiên-tri giác hậu-tri, sử tiên giác giác hậu giác, dư thiên dân chi tiên giác giả dã, dư tương dĩ thử đạo giác thử dân dã. » Tư thiên-hạ chi dân sắt-phu sắt-phụ hữu bất dự bị Nghiêu Thuấn chi trạch giả, nhược kỳ thời nhĩ nạp chi câu-trung, kỳ tự nhiệm dĩ thiên hạ chi trọng dã.

Dịch-Nghĩa. — « Ông Y-Doãn từng nói rằng : « Thờ vua nào chẳng phải là vua, khiến dân nào chẳng phải là dân ; đời trị ta cũng tiến, đời loạn ta cũng tiến. » Ông lại từng nói rằng : « Trời sinh ra dân ấy, tất khiến kẻ tiên-tri đánh thức kẻ hậu-tri, khiến kẻ tiên-giác đánh thức kẻ hậu-giác ; ta là kẻ tiên-giác của dân trời đây, ta toan đem đạo ấy đánh thức dân ấy vậy. » Trong bụng ông nghĩ rằng dân trong

thiên-hạ, hoặc có kẻ sấu-phu sát-phụ nào chẳng được dự chịu cái ơn vua Nghiêu vua Thuấn thì dường như mình đây nó mà nên vào trong ngôi, ông tự gánh vác lấy việc nặng trong thiên-hạ vậy.,

*Chú-giải.* — Đây là kể ra cái hạnh của ông Y-Doãn.

夫敦。	下惠之風者。鄙夫寬薄。	爾焉能洩我哉。故聞柳	我。難袒裼裸裎於我側。	不。忍去。爾爲爾爲	不。憚與鄉人處。由然而	道。遺佚而不怨。阨窮而	小官。進不隱賢。必以其	柳下惠不羞汗君。不辭
-----	-------------	------------	-------------	-----------	-------------	-------------	-------------	------------

*Dịch-âm.* — « *Liêu-Hạ Huệ* bắt lu ở quán, bắt từ tiều-quan ; tiễn bắt ăn-hiền, tát dỉ kỹ đạo ; di dật nhi bắt oán, ách cùng nhi bắt mãn ; dữ hương nhân xử, do do nhiên bắt nhân khứ dã. Nhi vi nhi, ngã vi ngã, tuy dẫn lịch khỏa trình tr ngã trác, nhi yền năng mỗi ngã iai. Cổ văn *Liêu-Hạ Huệ* chi phong giả, bỉ-phu khoan, bạc-phu đôn.

*DỊCH-NGHĨA.* — « Ông *Liêu-Hạ Huệ* chẳng xấu hổ thờ vua hèn, chẳng từ chối chức quan nhỏ, khi tiến-đạt chẳng che giấu điều hay của mình, nhưng tất theo đạo thẳng mà làm ; bị đuổi bỏ mà chẳng oán, gặp khốn cùng cũng chẳng lo ; cùng ở với kẻ tầm-thường cũng vẫn tự-nhiên vui thỏa mà chẳng nở bỏ đi. Ông từng nói rằng mây là mây ta là ta, dầu mây trần tay trần mình ở bên cạnh ta, mây sao hay làm dơ được ta. Vậy nên đời sau nghe cái phong ông *Liêu-Hạ Huệ* ấy, kẻ hẹp-hòi cũng phải hóa khoan - dung, kẻ đơn-bạc cũng phải hóa mà trung-hậu.

*Chú-giải.* — *Đàn-tích* = Trần tay áo. *Khỏa trình* = Trần mình.

Đây là kể ra cái hạnh ông *Liêu-Hạ Huệ*.

而仕。孔子也。	處而可也。	以久。而可也。	可。以速。而速。以可也。	父。母。國。之。道。也。	遲。遲。吾。行。也。	浙。而。行。去。魯。曰	孔。子。之。去。齊。接
---------	-------	---------	--------------	--------------	------------	-------------	-------------

*Dịch-âm.* — « *Khổng-tử* chi khứ Tề, tiếp-tích nhi hành; khứ Lỗ, viết : Tri-tri ngô hành dã, khứ phụ mẫu quốc chi đạo dã. Khả dĩ tốc nhi tốc, khả dĩ cửu nhi cửu, khả dĩ xử nhi xử, khả dĩ sĩ nhi sĩ, *Khổng-tử* dã.

*DỊCH-NGHĨA.* — « Ông *Khổng-tử* tự nước Tề ra đi, sắp-sửa thởi cơm, phải đứng vào nước ngậm vót lấy gạo mà đi. Tự nước Lỗ ra đi, thì nói rằng : « Ta đi chậm-chậm chứ. » Là cái đạo tự nước cha mẹ ra đi phải nên thế. Nên đi chóng thì đi chóng, nên chậm thì chậm, nên ở nhà thì ở nhà, nên ra làm quan thì ra làm quan, là cái hạnh ông *Khổng-tử* vậy.

*Chú-giải.* — *Tiếp* = Vót, hứng, nghĩa là lấy tay dúng vào mà vót ra. *Tích* = Nước ngậm gạo.

之。時者也。	也。孔子和也。	聖者。	也。柳下惠者。	聖者。	夷子。	孟之曰。
--------	---------	-----	---------	-----	-----	------

*Dịch-âm.* — *Mạnh-tử* viết : « *Bá-Di* thánh chi thanh giả dã, *Y-Doãn* thánh chi nhiệm giả dã, *Liêu-Hạ Huệ* thánh chi hòa giả dã, *Khổng-tử* thánh chi thời giả dã.

*DỊCH-NGHĨA.* — Thầy *Mạnh* phán đoán rằng : « Ông *Bá-Di* là bậc thánh có đức rất thanh, ông *Y-Doãn* là bậc thánh có đức tự-nhiệm, ông *Liêu-Hạ Huệ* là bậc thánh có đức rất hòa, ông *Khổng-tử* là bậc thánh có đức thời-trung.

*Chú-giải.* — *Thanh* = Tiết-hạnh cao-khiết, không chút ô trọc. *Nhiệm* = Gánh vác lấy

việc thiên-hạ không có sự nả nòng. Hòa =  
Lượng-cá bao-dung, không có lập-dị. Thờ  
= Tùy-thời thích trung, thuận lẽ tự-nhiên.

聖 事 始 也 條 也。金 成。孔  
之 也。條 著 理 金 聲 鐘 子  
事 終 理 終 也。聲 而 大 之  
也。條 著 條 玉 也 玉 成 謂  
理 智 理 振 者 振 也 集  
者 之 也。之 始 之 者。大

Dịch-âm. — « Khổng-tử chỉ vị tập  
đại-thành, tập đại thành dã giả, kim  
thanh nhi ngọc chấn chi dã; kim thanh  
dã giả, thủy điều-lý dã; ngọc-chấn chi  
dã giả, chung điều lý dã; thủy điều-lý  
giả trí chi sự dã, chung điều lý giả  
thánh chi sự dã.

Dịch-NHĨA. — « Ông Khổng-tử là hợp  
các tiêu-thành lại mà nên một đại-thành  
Hợp đại-thành ấy ví như sự âm-nhạc,  
tiếng kim tuyên tên trước mà tiếng  
ngọc thu lại sau vậy. Tiếng kim tuyên  
lên là khởi-thủy mạch-lạc bắt đầu  
trong âm-nhạc; tiếng ngọc thu lại đây  
là thu-thúc mạch-lạc cuối cùng trong  
âm-nhạc. Mạch-lạc bắt đầu là việc trí  
biết thấu cả mọi lẽ vậy; mạch-lạc  
cuối cùng là việc thánh hoàn-toàn cả  
mọi đức vậy.

Chú-giải. — Kim thanh ngọc chấn = Kim  
tức là tiếng chuông, ngọc tức là tiếng khánh,  
nhạc có tám tiếng: Tiếng ti, tiếng trúc, tiếng  
nào, tiếng thổ, tiếng cách, tiếng mộc, tiếng  
kim, tiếng thạch, (ngọc khách tức là tiếng  
thạch.) Khi tấu từng tiếng một, thì thủy  
chung trong một tiếng là một tiêu-thành.  
Đến khi hợp tấu cả tám tiếng thì tiếng  
kim tuyên lên trước, đến lúc gần dừng lại  
thì tiếng thạch thu lại sau, khiến cho các  
tiếng ở giữa đều được mạch-lạc quán-thông,  
là nên một đại-thành, vì tiếng kim tiếng  
thạch là thủy-chung tổng-quát cả trong

âm-nhạc. Điều-lý = Mạch-lạc nói về nhịp  
điệu âm-nhạc.

Đây là lấy âm-nhạc mà thí-dụ nói ông  
Khổng-tử gồm cả các đức thanh đức nhiệm,  
đức hoà, mà thành một bậc thánh thời-  
trung cũng như là âm-nhạc hợp cả tiêu-thành  
lại mà nên đại-thành vậy.

也 中。爾 外 於 力 也。智  
非 也。百 也。聖 譬  
爾 也。其 步 由 譬 則  
力 其 至 之 射 則 巧

Dịch-âm — « Trí thí tắc xảo dã,  
thánh thí tắc lực dã; do xạ ư bách bộ  
chi ngoại dã, kỳ chi nhĩ lực dã, kỳ  
trúng phi nhĩ lực dã. »

Dịch-NHĨA. — « Sự trí thí-dụ như  
bắn khéo vậy, sự thánh thí-dụ như  
bắn khỏe vậy; cũng như nhắm bắn ở  
ngoài trăm bước, bắn được đến nơi là  
sức người bắn vậy, bắn tin cái đích  
không phải là sức người bắn vậy. »

Chú-giải. — Nhĩ-lực = Sức người bắn,  
ngày xưa bắn bằng cung bằng nỏ, phải  
dùng sức người,

Bây lại nói thí-dụ về sự bắn, để rõ ra  
rằng Bá-Di, Y-Doãn Liễu-Hạ Huệ ba ông  
thành thật là thanh, nhiệm thật là nhiệm,  
hoà thật là hoà, nhưng chỉ thiên về một  
đức, đều được bậc thánh mà còn kém  
trí cũng như có lực mà kém xảo, bắn  
được đến nơi mà không trúng đích vậy.  
Khổng-tử là bậc thánh thời-trung, kiêm cả  
đức thanh đức nhiệm đức hoà, ví như  
có lực mà lại khéo bắn được đến nơi  
mà lại hay trúng đích vậy.

Toàn chương này là tiêu-biểu ông  
Khổng-tử là bậc thánh thời-trung, hợp  
cả đại-thành, thánh lại kiêm trí, khác  
hơn cả mọi bậc thánh.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VĂN dịch.

# NHẬT NỘ VI HỒNG-NHAN

## 一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

### VI

#### HỒI THƯ SÁU

*Giết vợ con, vua Sùng-trinh chết  
theo nước.*

*Tranh vợ đẹp, Ngô Tam-Quế khóc  
đem quân.*

Lý-Sấm suất-lĩnh số người số ngựa vài mươi vạn tiến đánh Bắc-kinh. Lúc ấy trong Bắc-kinh đã từng phải giới-nghiêm, lại vì sự phòng-bị mặt đông phương đương khẩn-cấp, bao nhiêu mãnh-trưởng hùng binh, đều tụ-tập ở quan-ngoại, trong chốn kinh-thành lại càng không-hư lắm. Tự sau khi trấn Đại-dòng ở Sơn-tây đã hàng về giặc Sấm, nhân-tâm đều kinh-hãi, đây đó đều nghe gió mà lướt, cho nên quân Sấm thẳng tiến ngay được đến kinh-thành. Khi giặc Sấm tiến đến kinh-thành, quân thủ-vệ ở trên thành, chẳng đợi giao-chiến mà đã tự-loạn, tan-tác trốn chạy. Giặc Sấm, dao không phải tuốt nấp, cung không phải giương dầy, mà đã tiến-chiến ngay được đệ-nhất trùng-thành. Giặc Sấm cả hung-hành sát-hại, phàm kẻ nào đầu hàng thì chậm một chút, tức-khắc cho là thẳng quỉ không đầu, nhân-tâm lại càng kinh-hãi, nghe gió trốn chạy, quân Sấm tuyệt không có trở-lực gì cả, lại tiến-chiến được đệ-nhị trùng-thành. Lúc ấy các đại viên ở trong thành thấy quân Sấm thịnh nhiều, thế giặc lại to, đều thúc-thủ vô-sách, phân-ván thương-nghị triệu quân Ngô Tam-Quế ở Ninh-viên vào để thủ-vệ kinh-thành. Sùng-

Trinh-đế cũng không biết làm thế nào tức-khắc giáng chỉ-dụ triệu Ngô Tam-Quế vào kinh.

Khi chỉ-dụ của Sùng-trinh-đế đến Ninh-viên, Ngô-Tam-Quế vốn sẵn lòng định cử-quân tức-hành, vì cha mẹ với vợ con đều ở trong kinh, vốn nên đi cứu; vả lại người yêu là Trần Viên-Viên cũng hãm-lạc ở đó, càng không thể không doái đến được. Tam-Quế đương lúc sắp quân, chợt có một đạo ngu-tinh phi-mã đến báo rằng quân Sấm đã phá lĩnh Sơn-tây, Bắc-kinh đã phải giới-nghiêm. Chợt lại tin báo giặc Sấm đã chia quân xuống miền nam, một giải Hà-nam. Hồ-bắc, Giảng-bắc, thanh thế đã cách-tuyệt, quân các nơi không vào được nữa, Bắc-kinh đã mười phần nguy-cấp. Tam Quế lấy làm kinh-ngạc, nghĩ bụng rằng quân Sấm sao lại thần tốc được như thế, ta phải lập tức khởi binh. Chợt lại tin báo rằng quân Sấm đã tiến-đánh Bắc-kinh, đệ-nhất trùng-thành đã bị đánh phá, đệ-nhị trùng-thành đương bị nguy-khốn. Lại có lời truyền-ngôn rằng Bắc-kinh đã hoàn-toàn bị giặc chiếm-phá, vợ chồng vua Sùng-trinh đều đã chết cả; lời nói phân-ván, chữa bết rằng hư hay thực, làm cho Tam-Quế lại không định được chủ-y ra làm sao. Tam-Quế tự nghĩ bụng rằng quân nơi khác đã không đến được, chỉ một quân mình không chống cự nổi được với quân giặc. Cho nên lại trù-trừ không quyết, bởi hời quan-vọng, chữa chịu tiến quân.

Sùng-Trinh-đế khi ấy tự-nghĩ trong kinh đã không cường-binh lại không dũng-tướng, chỉ mong các lộ có lòng cần-vương đem binh vào cứu. Mà nghe mãi không thấy tiêu-tức gì. Sùng-Trinh-đế biết rằng quân ngoài đã vô hi-vọng, chỉ hàng ngày tập-hợp quân-thần, thương-nghị kẻ-sách, các đại-thần lại không có kế nào bày tính ra được một kế-sách gì cả. Sùng-Trinh-đế nơi than rằng : Vua này không phải là vua vong-quốc mà hay đâu bày-tối toàn là bày-tối vong-quốc cả. Nói xong, liền sa nước mắt, tức-khắc vùng tay áo đứng dậy về cung, các đại-thần đều hổ-thẹn cúi mặt mà lùi tan.

Lý Sấm khi ra sức đánh phá đệ-tam trùng-thành, trong quân giặc có kẻ truyền-ngôn rằng Ngô Tam-Quế đem quân vào Bắc-kinh. Trong tâm Lý Sấm vốn khiếp-sợ uy-danh Ngô Tam-Quế, tức-khắc cùng với kẻ tả người hữu thương-lượng cái kế - sách chống - cự Ngô Tam-Quế. Ngưu-Kim-Tinh nói rằng : « Ngô Tam-Quế ra trấn Ninh-viễn, lưu lại gia-quyển ở kinh ; hẳn có một con ca-kỹ là Trần Viên-Viên, con Viên-Viên là người yêu của hắn, nếu bắt lấy Viên-Viên để triệu Ngô Tam-Quế, chắc Ngô Tam-Quế tất bị ta sử-dụng. » Lý Sấm nói rằng : « Ta cướp lấy người yêu của kẻ kia, kẻ kia lại càng thêm giận, ta lại làm thế nào ? » Kim-Tinh nói rằng : « Không phải là ta cướp lấy con Viên-Viên, chẳng qua là ta mượn con Viên-Viên để bó tay Ngô Tam-Quế đấy thôi ; Tam-Quế là đồ hiếu-sắc, có dũng mà không có mưu ; ta nếu trước phá lấy kinh-thành, kẻ kia muốn cứu cũng không có nơi mà cứu, thế-tất phải ngượng lòng ; ta tức-khắc lưu lại con Viên-Viên để làm cái đất triệu gọi Ngô Tam-Quế, có làm sao mà chẳng nên. » Lý Sấm rất lấy làm phải, vì thế đánh phá đệ-tam trùng-thành lại càng kíp lắm.

Lúc ấy người cha Ngô Tam-Quế là Ngô Tương đương đề-đốc quân Ngưu-doanh để giữ thành, vì có bên nhiều bên ít không địch nổi, quân Sấm tiến vào thành, Ngô Tương thoát-tiên đã bị giặc bắt. Lý Sấm nghe lời bàn của Ngưu Kim-Tinh, bắt đầu chia quân đến nhà Ngô-Tương, đem Trần Viên-Viên với cả nhà Ngô-Tương bắt về trong quân doanh. Lý Sấm trong thấy Viên-Viên mặt hoa da ngọc, tuy trong con bị-thương sâu-khổ, vẫn không đổi cái dáng yêu-điều yêu-kiều, ngắm đi ngắm lại mãi, không khỏi tâm động, mới than rằng : « Ta coi con gái đã nhiều, chưa thấy ả nào xinh đẹp như ả này, há chẳng phải là cái vật lạ ở thế-gian ; ta nếu được người này đề-sung vào hạng cung-tần, thì cái chí-nguyện bình-sinh của ta thực đã đủ vậy. » Lý Nham liền can rằng : « Đại-vương nói thế là sai, gái đẹp xưa nay, một cười nghiêng thành, hai cười nghiêng nước ; xin đại-vương chớ mạnh ra cái tâm ấy, phải lấy việc nước làm trọng, sẽ không phụ cái bản chí của chúng tôi là quê-hương bỏ mồ-nả, chẳng quản gian-hiềm, đi theo đại-vương. » Lý Sấm không theo lời Lý-Nham lại ngoảnh về Viên-Viên nói rằng : « Ta nghe mày theo Tam-Quế, vì mền Tam-Quế là anh-hùng, nay nước vỡ nhà tan, Tam-Quế hiện đã bị bẹp không cứu nổi, ta nay một mình đạp phẳng đất Tần đất Tấn, quét sạch đất Yên, giơ tay một chuyển lấy được Bắc-kinh, cái anh-hùng của ta so với Tam-Quế thế nào ? Mày nếu bỏ Tam-Quế mà theo ta, chắc không đi đâu mà mất được cái ngôi qui phi-tần. » Viên-Viên nói rằng : « Đại-vương phen này, nếu trí ở tranh nhau thiên-hạ với nhà Minh, thì kíp nên đem quân nhân-ngĩa cứu-khổ cho người. Nếu chỉ lấy thanh-thể một thời, cướp vợ của người, làm hại danh tiết người, như thế thì chỉ thất nhân-tâm, mà lại ngộ đại-sự, xin đại-vương đừng làm thế. » Viên-

Viên nói xong, chỉ cái đầu xuống không ngừng mặt lên. Lý Sấm cũng không có lời gì đáp lại được, chỉ sai đem Viên-Viên để riêng ở một nơi, không cho cùng Ngô-Trương tiếp-kiến. Lúc ấy kể tả người hữu phần nhiều khuyên Lý Sấm phóng-tha Viên-Viên, Lý Sấm nhất-thiết không nghe chỉ nói rằng đợi khi phá được Bắc-kinh sau này, xem Tam-Quế động lĩnh thế nào, sẽ lại kế-nghị. Kỳ thực là trong tâm Lý Sấm đã định cho Trần Viên-Viên là cái vật yêu của mình.

Sùng-trình-đế ở trong cung hàng ngày sâu-muộn. Bọn cung-nhân nhiều kẻ khuyên rằng: « Bệ-hạ nên trước hãy trốn đi nơi khác, để đợi có quân cần-vương, hoặc có thể còn mong khôi phục được.» Sùng-trình-đế than rằng: «Trong triều quan lớn quan nhỏ, lúc vô-sự thì mưu-cầu tiến-chức thăng-quan, lúc hoạn-nạn thì kẻ nào chỉ biết thân kẻ ấy, trăm chẳng mong gì quân cần-vương. Chỉ thương thay đấng Thái-tổ ta gian-nan sáng-nghiệp, hơn hai trăm năm, kịp đến thân trăm mà mất, trăm mặt nào còn trông thấy tổ-tiên ở dưới chín suối. Trăm sắp-sửa chết đây! Cỗ-nhân có nói rằng đấng quốc-quân chết theo nền xã-tắc. Trăm chết đành là cái bôn-phận của trăm. Trời nếu còn chữa làm mất nhà Minh, thì phương nam hoặc có kẻ khởi quân-nghĩa để giúp loạn, khi đó lập lấy một ông vua hiền khác, trăm nay thực không nở sống thừa để giữ ngôi tôn. Duy thân trăm đã chết sau này, thì lũ mây toan xử ra thế nào?» Bà Điền-hoàng-hậu nói rằng: « Bệ-hạ chết về đường trung thì thiếp tôi xin chết về đường nghĩa, hoàng-tử với công-chúa đây cũng xin chết về đường hiếu, lại có sợ gì. » Sùng-trình-đế nói rằng: « Hiền-hậu có chí như thế, sẽ không phụ trăm; mà như thế thì ngày khác ở dưới chín suối, cũng có thể trông thấy được tổ-tiên. Duy trăm không nở để cho lũ mây chết

ở trong tay quân giặc, chẳng biết ý là mây thế nào? » Điền-hoàng-hậu nói rằng: « Xin hết thấy nghe theo mệnh-lệnh bệ-hạ. » Lúc ấy tiếng sùng nổ, tiếng lửa cháy ở bên ngoài nghe đã một khắc một gần. Sùng-trình-đế đem một thanh gươm ra, bắt đầu tay cầm gươm giết bà Hoàng-hậu, lại liền đem một vị hoàng-tử với một vị công-chúa nhất-tề giết đi. Giết xong, thẳng chạy ra đằng sau cung chỗ một tòa Mòi-soi, có mấy cái cây rùm-ròa. Sùng-trình-đế ngấm trước ngấm sau, định ra dấy để thắt cổ. Chợt thấy một viên Thái-giám (hoạn-quan) là Vương-Thừa-Ân chạy lại. Sùng-trình-đế ngảnh đầu lại hỏi rằng: «Mày lại đây là ý gì?» Thừa-Ân tâu rằng: «Tôi nghe thấy bệ-hạ tay giết Hoàng-hậu với hoàng-tử công-chúa, biết rằng bệ-hạ tất giữ cái nghĩa đấng quốc-quân chết theo nền xã-tắc; nay xin lại tiên-tống bệ-hạ, và xin theo châu bệ-hạ ở dưới chín suối.» Sùng-trình-đế than rằng: «Nhà người là một kẻ hoạn-quan, một mình biết trung-quân ái-quốc, so với những kẻ đại-thần nghe có hoạn-nạn, ôm đầu trốn trước, chẳng hổ cho những hạng ấy ru! Trăm hối-hàn rằng trăm chẳng làm ơn cho nhà người sớm.» Thừa-Ân mới kịp bới lấy ba cái huyết, và tâu rằng huyết chính-trung để lấp bệ-hạ với hoàng-hậu, huyết bên hữu, để lấp hoàng-tử với công-chúa, huyết bên tả để tôi xin nằm vào. Sùng-trình-đế nghe nói chỉ vì than-thở. Thừa-Ân tâu rằng: «Sự đã kịp rồi xin bệ-hạ sớm đi châu trời, kéo nữa giặc Sấm đến nơi, sợ có điều không tiện.» Sùng-trình-đế liền cởi cái đai lưng buộc lên cành cây tự thắt cổ. Thừa-Ân trông đã tay chân không thấy động, nghe đã hơi không thấy thở, mới khốc lên một hồi lâu mà nói rằng: «Đấng thiên-tử đã kết-cục rồi, ta còn sống làm gì nữa. Cũng liền cởi đai lưng để cầu tự-tân; được phút chốc, cũng theo Sùng-trình-đế cùng về cõi âm-minh. Oanh-liệt

thay l nhà Minh mất nước, vua có vua ấy, bầy-tôi có bầy-tôi ấy.

Lý Sấm tự khi phá được Bắc-kinh, biết rằng Sùng-trinh-đế đã chết rồi, mới đi thẳng vào trong cung, nhưng cũng chẳng vì Sùng-trinh-đế phát-tang gì cả; chỉ bắt cung-nữ ở trong cung hết thấy tề-tập, trở đêm từng tên, phàm kẻ nào có nhan-sắc, đều lưu lại khiến làm hạng phi-tần cho mình, ngày đêm vui chơi, bỏ hết việc lớn, chẳng kinh-lý gì cả. Lý Sấm lại cải-hiệu là Đại-thuận nguyên-niên, xưng là hoàng-đế. Phàm bộ-hạ các chức lớn nhỏ, lại không có giai-cấp chế-độ gì cả, kẻ thì xưng là tước công tước hầu, kẻ thì xưng là tướng văn tướng võ. Lý Sấm lại chọn cung-nữ người nào nhan sắc hơi kém, đem ban cho kẻ dưới, tự nói rằng cùng kẻ dưới cùng vui. Kẻ trên người dưới trừ hai việc tửu, sắc, ngoài ra không việc gì nữa. Các hàng tướng-hiệu cho đến binh-lính trong quân Sấm, cũng chia nhau từng toán đi cướp bắt đàn bà con gái, kẻ nào hơi kháng-cự một chút, tức - khắc bị quân Sấm một lưỡi dao chém làm hai đoạn ngay; vì thế số giết người cũng không biết số nào mà kể. Những cư-dân ở thành Bắc-kinh và các miền phụ-cận khi ấy, bị sát-hại tàn-phá, sự oan-khổ không có cửa nào mà kêu, kẻ mất của-nả, người mất vợ con, trong quân Sấm tuyệt không có kỷ-luật gì cả. Lý Sấm thì tự sau khi tiến vào trong cung, thường-thường hai ba ngày chẳng từng đi ra khỏi cung để coi châu; bọn quân-sĩ ở ngoài dám-đăng hà-hiếp làm rối loạn thế nào nhất-khái không biết, dù có biết cũng chẳng hỏi chi. Kể tự giặc Sấm sau khi phá được Bắc-kinh, chẳng từng có một tờ nào là tờ cáo-thị cho dân, cũng chẳng từng có một đạo nào là đạo chỉ-dụ cho chúng.

Trong tâm Lý-Sấm, chỉ quải-ngại có một người là Ngô tam-Quế, thường phải người đi trinh-thám Tam-Quế động-lĩnh thế nào. Tam-Quế khi ấy

cũng biết rằng Lý Sấm đã tiến đánh Bắc-kinh, đương định phát-binh vào hộ-vệ kinh-thành. Vì rằng lúc Sùng-Trinh-đế còn, từng đã sai sứ ra Ninh-viễn, phong cho Tam-Quế tước Bình-tây-bá, khiến đem quân vào hộ-vệ Bắc-kinh. Và lại cả nhà Ngô Tam-Quế hiện ở Bắc-kinh, khôn lẽ khô g đem binh vào cứu. Tức-khắc truyền lệnh khởi-binh, trở nẻo Bắc-kinh tiến-phát. Kể bệ-hạ Ngô Tam-Quế khi ấy, đại-ước số binh có năm mươi vạn người. Duy trong khi hành-quân, vẫn đề ý quan-vọng mà đi thông-thả, một ngày đi không đầy vài mươi dặm. Kịp đi đến Sơn-hải-quan, liền hạ-lệnh nghỉ quân, trải bốn ngày mới đến Phong-nhuận. Lúc ấy trong Ngô-quân đã được tin kinh-thành bị thất-hãm. Tam-Quế tức-khắc đoái trông kẻ tả-hữu nói rằng: «Quân giặc thừa-thắng, thế đương to lớn, sợ khó dẹp nổi, chẳng bằng ta hãy thoái binh, rồi lại thương-lượng sự hành-chỉ.» Viên bộ-tướng là Phùng Bằng can rằng: «Quốc-gia lấy toàn-quân trao cho tướng-quân, nay tướng-quân chữa trông thấy giặc, đã khiếp-lui trước, sợ rằng nhân-tâm ly-tán, khó thu-thập lại được. Nay tiến mà dắc - thẳng, thì có thể khôi-phục được xã-tắc; dù chẳng thẳng mà chết chẳng nữa, còn đủ để đối với quốc-dân, một là dễ tiếng nhục, hai là dễ tiếng thom, ở trong một việc này, xin tướng-quân thử nghĩ xem.» Tam-Quế nghe nói, chỉ trừ-trừ không đáp lại. Phùng Bằng lui ra bảo với người rằng: «Tước Ngô-bình-tây mắt thấy như-nhác, tâm còn bồi-hồi, dụng-ý thế nào, ta còn chưa biết; nhưng tự nay về sau, quốc-gia tuyệt đường hi-vọng vậy.» Rút lại Tam - Quế vẫn chẳng nghe lời Phùng Bằng can, hạ-lệnh thoái-binh về Sơn-hải-quan. Chợt có đạo phi-ky đến báo tin rằng cả nhà Ngô Tam-Quế bị giặc bắt, Sùng-trinh-đế hiện đã mất rồi, Tam-Quế cả phát-nộ, lại toan tiến-binh.

Lúc đó Lý Sấm vẫn e quân Ngô Tam-Quế, sợ quân ấy vào Bắc-kinh, làm nạn cho mình không phải là cái nạn nhỏ. Mới cưỡng-bách người cha Tam-Quế là Ngô Trương, khiến làm một bức thư chiêu-dụ Tam-Quế về hàng. Ngô Trương sợ hãi, tức-khắc làm bức thư dụ con về hàng. Lý Sấm cả mừng, tức-khắc sai tên hàng-tướng là Đường Thông mang số bạc năm vạn lạng, tiền vàng hai vạn đồng khao-thưởng cho quân Tam-Quế, và đem bức thư của Ngô Trương đưa cho Tam-Quế. Tam-Quế khi ấy tiến quân đã sắp-sửa đến Hạc-bình, được tin báo có bức thư của Ngô Trương đến, tức-khắc cho Đường Thông tiến vào trong quân-trưởng. Tam-Quế mở thư ra xem, thì thư rằng :

« Con ôi! ơn vua đặc-biệt, cho con được chuyên-nhiệm ngoài chốn biên-thùy; con nếu không hết sức lập công, sao đủ đền bù ân nặng. Nay con chỉ, trang-sức bộ-quân, nhứt-nhất quan-vọng, khiến cho quân Lý đường-trưởng giông-ruồi thẳng vào Bắc-kinh; đã không cái mưu lầy chủ đãi-khách, lại thiếu cái sức dùng ít chế nhiều, cơ-hội đã mất, mệnh trời khó hồi; vua ta đã mất, cha mày may còn. Than ôi! kẻ thông-hiểu sự đời, cũng nên biết tủy-cơ mà ứng-biến vậy. Kịp nay sớm sửa về hàng, một là chẳng mất cái thưởng phong-hầu, hai là còn toàn cái danh hiệu-tử. Vạn-nhất mà con chỉ hèn-giận kiêu-căng, ba quân toàn không tiết-chế, khách khó phần chế được chủ, ít khó phần địch được nhiều, lăn-lóc ở dưới thành bên, nhất đán thua công chết hết, khiến cho cha mày không tội-tình gì mà chịu thảm-sát. Như vậy thì thân với danh đều mất, chức làm tôi đã thiếu, phận làm con lại sai, chẳng đau lắm thay! Nay còn là may, đấng tân-chủ có lượng bao-dung; bức thư này tới nơi, con nên tức-khắc phụng-hành, đừng quan-vọng nữa. »

Tam-Quế xem thư xong liền muốn về hàng quân Sấm, không muốn tiến-binh. Kể tả người hữu-đều can rằng: « Giặc Sấm bậy-bạ vô-đạo, quyết không lâu giữ được Bắc-kinh. Tướng-quân nếu cuốn cờ về hàng giặc, có lẽ dễ tiếng xấu muôn năm, nên cần-thận mới phải. Hiện nay giặc Sấm hung-ngược tàn-sát, thiên-hạ người người hết thấy oán vọng. Tướng-quân thừa cơ-hội này thúc quân vào kinh, chắc là trăm họ hoan-ngheh nghe gió mà qui-phục, thế giặc tất vỡ tan; ấy là trời đem cái cơ-hội kiến-lập công-danh cho tướng-quân đây; xin tướng-quân nghĩ lại. » Tam-Quế nói rằng: « Lê đó các nhà người chưa biết thấu được, Lý Sấm tuy không phải là vua ta, nhưng còn là người Trung-quốc. Nay triều Minh đã nát, giặc Mãn nom đóm; tương-lai nếu bị giặc Mãn diệt mất trung-quốc, lúc ấy chúng ta đâu muốn cầu làm kẻ tôi con người Trung-quốc, cũng không thể được. Vả lại cả nhà ta ở Bắc-kinh, ta nếu chẳng về hàng, tất cả nhà ta bị hại; cho nên chỉ ta đã quyết rồi, lũ nhà người thiết chớ hoài-nghi gì cho lắm nữa. » Kể tả-hữu lại nói rằng: « Nhà Minh dẫu nguy, tướng-quân trách-nhiệm to lớn, nếu còn có thể duy-trì được chút nào, cũng nên hết sức lấy chú-ấy. Tướng-quân vốn hào-khí hơn cả một đời, cơ-sao nhất-đán mới nghe gió mà đã lùi trước thế dư? Xin tướng-quân trước hãy chém lấy đầu kẻ sử-giả của giặc, để nhứt-động lòng quân, lũ chúng tôi đều xin vào sinh ra tử, để theo gót tướng-quân, quyết không hối lại. » Tam-Quế nổi giận nói rằng: « Ý ta đã quyết, lũ nhà người không được nói nhiều, hễ kẻ nào lại nói nữa thì tức-khắc chặt lấy đầu. » Tam-Quế không theo lời can của kẻ tả-hữu, hậu-đãi sử-giả. Đường Thông tỏ ý xin về hàng, và làm bức thư gửi về trả lời cho cha là Ngô-Trương, thư rằng :

« Con tự khi phụng-mệnh đốc-binh vào hộ-vệ kinh-thành, sắp-đặt đã xong, đương khởi-trình trở nẻo kinh-dô tiến-phát; giữa đường chợt tiếp bức thư của cha, được nghe cha dạy, thực đã hết lời. Hiện ngày nay là cái ngày quốc-phá quân-vong, bôn-phận con nên đem cái chết để đền vua báo nước, da, tóc, óc, đầu, đầu dám tự tiếc. Duy cha nay lấy hiệu-đạo trách con, con sao dám chẳng nghe lời cha; con xin trở ngày thu binh cuốn trại về hàng, cần đem hẳn trước để yên lòng cha. »

Bức thư trả lời thảo xong, Tam-Quế tức-khắc giao-phát cho sứ giặc là Đường-Thông về kinh báo mệnh, liền hạ lệnh lui quân về Sơn-hải quan. Lúc ấy những kẻ sĩ trung-nghĩa trong bộ-hạ Tam-Quế, nghe được tin Tam-Quế về hàng giặc, có nhiều kẻ lấy làm đau-dớn khóc-lóc xút-xùi. Kịp quân Ngô về đến Sơn-hải quan, chợt có đạo trình-thám kịp báo rằng giặc Sấm phát-binh 20 vạn, chẹn giữ đất Yên đất Kế, để chống cự Ngô-quân. Tam-Quế thông-dong nói rằng; « Kẻ kia phát-binh, vì ta chữa hàng, ta nay đã định kế về hàng,

quân kia tự-khắc lui đi, chẳng ngại gì cả. » Cuối cùng có một đạo thám-tử từ Bắc-kinh về Sơn-hải quan báo rằng: « Giặc Sấm hiện đã tiếm-biểu vào giữ Hoàng-cung, cả nhà tước Ngô-binh-tây đều bị bắt ». Tam-Quế hỏi rằng: « Cha ta được bình-yên không? » Kẻ thám-tử đáp rằng: « Được bình-yên. » Tam-Quế nói rằng: « Ta về hàng thì cha ta tự-khắc được tha ». Tam-Quế lại hỏi rằng: « Trần Viên-Viên của ta được bình-yên không? » Kẻ thám-tử đáp rằng: « Trần Viên-Viên hiện đã bị giặc Sấm cưỡng-bách vào cung, sung vào số phi-tần của giặc. Tam-Quế lúc ấy đương cầm bút phê-phán mọi việc, liền ném bút xuống đất, cả thét mắng rằng: « Đứa nghịch-tặc cướp sống người yêu của ta, ta thề ta chẳng giết được đứa ấy ta chẳng thôi. » Tức-khắc lúc ấy lấy tay vuốt nước mắt, ngoảnh sang bên tả bên hữu lên tiếng cả khóc, ùng-ùng lại muốn cử-quân tiến vào Bắc-kinh.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch



# VĂN - UYÊN

## 狀元程國公勸學演歌 Diễn bài khuyên học của cụ trạng Trình

### I

天	地	生	來	有	此	身
聰	明	賦	予	不	為	貧
安	能	昂	藏	不	富	貴
空	作	乾	坤	一	資	人

Cha trời mẹ đất sinh ta đó,  
Mắt sáng tai tinh ta sẵn có;  
Mà sao ta vẫn chưa giàu sang,  
Hà chịu đem thân ngồi rút rọ.

### II

銳	鈍	窮	通	自	有	期
徒	思	竟	日	亦	何	為
樂	中	名	教	吾	家	事
不	管	旁	人	知	不	知

Được thua thua được bởi ông trời,  
Nghĩ ngợi mà chi cái truyên đời;  
Sự-nghiệp nhà nho vui thú nhỏ,  
Biết chẳng chẳng biết mặc thầy ai.

### III

有	人	勸	我	事	良	田
生	業	於	農	竟	孰	賢
我	謂	良	田	豐	有	歉
書	田	自	古	無	凶	年

Có người khuyên tớ đi làm ruộng,  
Nghề ấy ở đời ai cũng chuộng;  
Tớ bảo ruộng lúa hay mất mùa,  
Chỉ chăm ruộng sách công không ưởng.

### IV

有	人	勸	我	整	田	庄
異	樹	奇	花	趣	味	長
我	謂	紙	園	田	地	廣
栽	成	桂	樹	枝	枝	香

Có người khuyên tớ mở vườn ao,  
Cổ đẹp hoa xinh thích thích sao!  
Tớ bảo sẵn đây vườn giấy rộng,  
Đã giống cây quả hương ngọt ngào.

### V

有	人	勸	我	學	良	工
輸	墨	婁	繩	巧	用	功
我	謂	儒	工	磨	筆	斧
斲	成	樑	棟	廟	堂	隆

Có người khuyên tớ đi làm thợ,  
Mục thước tinh thần không chịu hờ;  
Tớ bảo búa bút chúng tôi mài,  
Làm được lâu dài rất rục rờ.

### VI

有	人	勸	我	學	營	商
逐	市	通	塵	滿	蓋	藏
我	謂	儒	商	蕪	善	玉
及	時	善	價	售	君	王

Có người khuyên tớ học đi buôn,  
Chợ búa dễ của như nước nguồn;  
Tớ bảo chúng tôi có ngọc tốt,  
Được giá đem bán cho vua luôn.

### VII

有	人	勸	我	援	冰	琴
適	性	怡	情	樂	自	心
我	謂	有	詩	琴	得	力
魯	城	絃	誦	舊	聲	音

Có người khuyên tớ học đàn địch,  
Tinh tinh xênh xang lòng rất thích;  
Tớ bảo đàn thơ của tôi đây,  
Thành nước Lỗ xưa tiếng chữa tịch.

### VIII

有	人	勸	我	泛	漁	舟
萬	壑	千	溪	一	網	收
我	謂	不	如	航	學	海
竹	竿	兔	線	釣	鯨	頭

Có người khuyên tớ làm thuyền chài,  
Một lưới thu trời không đến hai;  
Tớ bảo chài bằng nghề của tớ,  
Bút ngắn câu được cá ngao dài.

IX

有 人 勸 我 把 良 弓。  
 弧 矢 男 兒 志 氣 雄。  
 我 謂 不 如 排 筆 陣。  
 免 毫 一 剪 貫 蟾 宮。

Có người khuyên tớ đi lập nỏ,  
 Hồ thì tang bồng làm trai đó ;  
 Tớ bảo không bằng trận bút bầy,  
 Bắn rụng cung 1 hiềm không phải khó.

X

有 人 勸 我 盍 營 財。  
 富 亦 人 生 盍 等 佳。  
 我 謂 不 如 一 吾 道 富。  
 詩 書 救 粟 是 生 涯。

Có người khuyên tớ học làm giàu,  
 Sự đó người đời thích ở đầu ;  
 Tớ bảo gì bằng đạo ta được,  
 Thóc kinh gạo sử no dài lâu.

XI

有 人 勸 我 盍 趨 時。  
 桃 李 公 門 更 限 誰。  
 我 謂 桃 門 前 路 徑。  
 龍 平 坦 步 男 兒。

Có người khuyên tớ làm quan lớn,  
 Đào lý cửa chung không riêng hạn ;  
 Tớ bảo cửa ấy còn gờ-gề,  
 Sao bằng cửa rộng rất bằng-bặn.

XII

有 人 勸 我 向 禪 局。  
 慧 日 祥 雲 自 適 情。  
 我 謂 不 會 諸 胡 語 苦。  
 初 來 曾 讀 聖 賢 經。

Có người khuyên tớ làm thầy chùa,  
 Đền tuệ mãn văn không phải mua ;  
 Tớ bảo không quen tiếng họ ngọng,  
 Xưa nay tớ chỉ làm nghề nho.

XIII

有 人 勸 我 覓 林 泉。  
 方 丈 蓬 萊 不 浪 傳。  
 我 謂 人 生 居 世 上。  
 錦 袍 花 笏 陸 神 仙。

Có người khuyên tớ tìm rừng rú,  
 Nước Nhược non Bồng nơi rất thú ;  
 Tớ bảo người ta sống ở đời,  
 Xanh mũ cao áo thể là đủ.

XIV

有 人 勸 我 盍 湯 丸。  
 扁 鵲 謂 醫 名 在 世 間。  
 壽 民 醫 世 具 劑 力。  
 壽 世 靈 丹。

Có người khuyên tớ chăm thuốc thang,  
 Biền-Thuốc ở đời tiếng đã vang ;  
 Tớ bảo nghề nho khéo gia giảm,  
 Cứu dân cứu nước được vững-vàng.

XV

嗚 呼 斯 世 孰 知 音。  
 惟 此 心 兮 人 識 此 心。  
 多 少 旁 人 知 不 透。  
 有 誰 認 得 淺 而 深。

Ôi đời ai là người tri-kỷ,  
 Duy lòng ta biết lòng ta nhỉ ;  
 Ngoại-giả nào ai biết ít nhiều,  
 Khó nhận nông sâu được một thí.

XVI

莫 道 旁 人 知 不 知。  
 只 因 筆 向 興 吟 奇。  
 逐 章 借 起 人 來 說。  
 不 覺 編 成 一 樣 詩。

Mặc ai đã biết mặc ai chưa,  
 Chỉ bởi ngòi lông hứng rất tra ;  
 Câu câu mượn có người lại bảo,  
 Ngờ đâu nghì thành một khúc thơ.  
 NHÀN-VĂN-ĐÌNH dịch

THI CA MỚI

1 - Dú bạn chơi Cỗ - lễ

Chùa Cỗ nay mai hội rất đông,  
 Tri-âm bác hội có đi không ;

Trên đường phương-liên lời xin đợi,  
 Trước cửa chân-như bác phải sùng ;  
 Một nén hương dâng trời cũng thấu,

Ba hồi trống điểm phát thượng  
[mong (1) ;

Giang-son chớ quân xa-xôi nhẽ,  
Thế mới con tiên mới cháu rồng.

## 2 — Đêm thu nhớ bạn

Mù-mịt đêm thu bốn góc trời,  
Nhớ ai ai nhớ nhớ cùng ai ;  
Giang-hồ mấy thuở sương pha tóc,  
Kim-cổ đôi làn gió thoảng tai ;  
Đổi cảnh Đào Tiềm im chén cúc,  
Say tình Trương Mỗ động hồn mai (2) ;  
Ước gì nay kẻ tri-âm đến,  
Tô-diêm thêm tươi cái vẻ đời.

## 3. — Mừng các ban Học-giới hội viên khi hội-dồng ở Nam-định

Nước bốn nghìn năm nước đã lâu,  
Mừng nay gặp hội Á cùng Âu ;  
Dải đồng buộc chặt duyên văn-tự,  
Đuốc ngọc soi cao nghĩa mã-cừu ;  
Bá tử non Gôi làn bụi sạch,  
Nước in bến Vị khơi tinh sâu ;  
Chúc mừng trong hội anh em cả,  
Tấn-tôi mau cùng với bốn châu.

## 4. — Hòn đá mài

Trời đất sinh ra đá một hòn,  
Rũa mài chỉ quản sự con con ;  
Cầm gan tuế-nguyệt cùng dầu bể,  
Dạn mặt phong-trần với núi non ;  
Đao cụ Quan-công nhờ mới sắc,  
Kiếm anh Tào-tử ứng cho cùn ;  
Hỏi người thiên-cổ ai tri-kỹ,  
Kia sắt, đồng, gang ấy với son,

## 5. — Cái nôm diêm.

Rộng lượng bao-dung mấy kẻ tày,  
Con hơn sáu chục trắng như đay ;  
Châm lò thiên-địa muôn dân ấm,  
Đốt diêm lối-dình bốn bề say ;  
Chỉ sánh vua Nghiêu từng chuộng đức,  
Riêng cười bác Toại phải dùi cây ;

Kiền-khôn một túi dầu không trái,  
Trái cả anh Tàu trái cả Tây.

## 6. — Cái đồng-hồ

Thăm-thăm cung gương mở mặt mày,  
Anh-hùng dụng được mấy nhiều tay ;  
Vành tròn tả-hữu kim thường trở,  
Xếp chặt kiền khôn máy vẫn xoay.  
Dầu mỡ đã từng năm tháng hưởng,  
Bụi rờm chỉ quản gió mây bay ;  
Đúng giờ công việc cho ngơi-nghỉ,  
Chút lượng yêu dân chĩnh giải bày.

## 7. — Thu-dạ cảm-hoài.

Đêm thu giấc mộng mơ-màng,  
Trăng thanh khua mắt, gió vàng gọi tai.  
Thu chung chung cả cõi đời,  
Buồn thu riêng có mấy người như ta,  
Buồn trông nước Nhì sông Đà,  
Ấy người lan-cúc ai là tình chung.  
Buồn trông núi Hồ non Nùng,  
Lau xa tuyết nở, nhận cùng sương bay,  
Nước non non nước buồn này.  
Lá ngô lác-đác thêm gầy hồn mai.  
Nghien kia đem mục lại mài,  
Giấy kia đem bút thảo vài bức thơ.  
Nghĩ đời những truyện thờ-ơ,  
Trời xanh sao để đợi chờ chi đây.  
Thân tàng ngán nỗi cỏ cây,  
Reo hò ai biết che mây có thời.  
Những là góc bể chân trời,  
Cảnh thu như vẽ bóng người trong [tranh.  
Hóa-công song cũng đa-tình,  
Cõi trần xoay đổi khôn hình-dung xong.  
Rời ra xuân lại thỏa lòng !

## 8. — Khuyến-học ca.

Trăm năm hạn một kiếp người,  
Sao cho mở mắt với đời mới ngoan.  
Khuyến ai học phải học rần,  
Con đường bay nhảy có gàn chi đâu,

(1) Nhà chùa có lệ đánh trống ba hồi. 擊鼓三通。

(2) Trương-Mỗ cùng Cao-Huệ làm bạn rất thân, khi biệt nhau thường năm chiêm-bao đi tìm.

Mừng nay gió Á mưa Âu,  
 Sĩ, nông, công, cổ, tinh sâu mới là.  
 Sĩ là chữ nghĩa sâu xa,  
 Ba mươi bốn thứ trải qua cho tòng(1).  
 Khi đạo-nghĩa khi văn-chương,  
 Nho, y, lý, số, kiếm đường phổ-thông.  
 Nông là chăm dân việc đồng,  
 Núi rừng vỡ ruộng, bể sông quai bờ.  
 Cầu sao tốt lúa tươi dưa,  
 Muốn dân trăm họ được thừa ấm no.  
 Công là làm thợ làm thừa,  
 Xây dinh tống-tử mở chùa cứu-sinh.  
 Máy kia máy nọ cho tinh,  
 Nghĩ mình mình sá để mình thua ai.

Cổ là buôn-bán cho người,  
 Bề trong phải thật, bề ngoài phải tinh.  
 Phải sao khôn khéo lọt vành,  
 Sang Ba-ri mượn về Hoàn-tan yêu.  
 Khuyên ai có mấy mươi điều,  
 Tác riêng mong sớm mong chiều vì ai.  
 Cho hay trời chẳng phụ người,  
 Có công đeo-dặng có thời về vàng.  
 Xiết bao máy gió gặp đường,  
 Muốn năm để mới tư-cường về sau.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

## THỜ'I-ĐÀM

### Việc thế-giới

**Thời-cục nước Tàu.**— Kỳ trước đã nói về chính-phủ quốc-dân có mở hội biên-khiển, là biên-thu quân cường-tráng, khiển-tán quân già yếu, để chính-đốn lại quân-bị, thì nay đã làm lễ bế-mạc.

Chính-phủ quốc dân đã hạ-lệnh cử Trương Giới-Thạch, Đàm Diên-Khải, Lý Tế-Thâm, Phùng Ngọc-Tường, Hà Ứng-Khâm, Lý Tôn-Nhân, Vương Chính-Đình, Tống Tử-Văn làm ủy-viên ban quốc-phòng hội-ngự.

Các ủy-viên hội Quốc-phòng và các chánh-phó chủ-nhiệm hội biên-khiển đã cùng thời nhận chức, do Vương Sung-Huê giám-thệ. Vương Sung-Huê đại-biêu đảng-bộ trung-ương. Trương Giới-Thạch đại-biêu chính-phủ Quốc-dân đọc lời huấn-thị. Trương có đọc mấy lời nói rằng: Trong kỳ đại-hội

các bạn đồng-chí cùng lòng cùng sức, nhiệt-thành bàn bạc, án quyết-nghị tất có thể thực-hành được, có thể yên-ủi được linh-hồn Tống-ly và lòng mong-mỏi của nhân-dân.

Lại có thông-điện đi các nơi đại-ý nói rằng: quân-đội cách-mệnh, vốn là quân-đội sản-sinh ra đảng quốc, không phải một người nào có thể nhận được làm quân-đội riêng của mình. Từ đây về sau, xin đem quân-quyền giao trả chính-phủ trung-ương, khiến cho quân-đội cả nước đều theo về đảng quốc-dân cả, vũ-lực mới thành là vũ-lực của nhân-dân. Và cùng thế giữ như lời tuyên ngôn trong khi bế-hội, cổ mưu thực-hành, ngõ hầu cuộc kiến-thiết thống-nhất mới có thể thực-hiện được một cách chân-chính.

Trương lại tuyên-bố bãi bỏ chức tống-tư-lệnh của binh-gia quốc-dân.

(1) Cả hoàn-cầu ngày nay có 34 thứ chữ chính.

Gần đây chính-phủ quốc-dân lại mở cuộc đại hội-nghị toàn-quốc lần thứ ba họp ở Nam-kinh.

Trong kỳ đại-hội-dồng lần thứ ba này, có bốn đoàn đại-biểu :

1° Đại-biểu các châu và hoa-kiều ở ngoại-quốc cộng là 89 người. 2° Đại-biểu do hội-dồng hành-chính và do binh-gia tuyền-cử, theo như các sổ kê của các hội-dồng hàng tỉnh, cộng là 116 người ; 3° Đại-biểu của hội-dồng hành-chính tự ý cử lấy ; 4° Các đại-biểu bàng-thỉnh do chính-phủ cử, không được quyền dự việc quyết-nghị. Về hai hạng sau này cộng là 151 người. Tổng-cộng là 356 người. Cái số quá nửa là 176 người.

Cuộc hội-nghị này là một cái cửa sống chết của hữu-phái hiện đang cầm quyền bây giờ, nếu Tướng Giới-Thạch và các yếu-nhân trong chính-phủ Nam-kinh, khéo điều-dinh được ổn-thỏa, đúng ngày khai-hội được, thì chính-phủ bấy giờ mới đứng vững được, và cuộc thống-nhất mới thành hẳn, nếu không thì cuộc hội-nghị này sẽ là mối phân-liệt vậy.

Đương khi triệu-tập để khai quốc-hội thì chính-trị phân-hội ở Vũ-Hán có gởi lời hạch trách chính-phủ trung-ương Nam-kinh phạm đến dân-quyền, mà tự cử lấy 180 đại-biểu trong số 300 đại-biểu đến dự cuộc hội-nghị toàn-quốc. Có tin đồn rằng ở Vũ-Hán đã động-binh.

Lại các hội-dồng hành-chính ở tỉnh Hồ-nam cũng phản-đối cuộc hội-nghị toàn-quốc lần thứ ba.

Vậy nên có tin Tưởng đã bãi bỏ các hội-dồng hành-chính ở Hồ-nam đi.

Lại có tin rằng Tướng Giới-Thạch ở Nam-kinh cũng đã động binh sắp đi đánh Vũ-Hán. Vì vậy Vũ-Hán và Nam-kinh hai phái có ý tranh-chấp nhau gắng lắm. Lý Tế-Thâm là lĩnh-tự phái Quảng-tây phải đến Nam-kinh, đứng làm trung-gian để điều-dinh trong việc Nam-kinh Vũ-Hán.

Nay việc phân-tranh Nam-kinh Vũ-Hán đã giải-quyết như sau này :

Các hội-viên trong phân-hội chính-trị ở Vũ-Hán công-nhận cái quyền của chính-phủ Nam-kinh và nhận trách-nhiệm việc xây ra mới rồi. Các hội-viên ấy đình việc động-binh trên sông Dương-lử-giang và lại để tàu thuyền đi lại trên sông.

Cuộc hội-nghị toàn-quốc lần thứ ba đã khai-hội. Số đại-biểu là 211 viên. Hồ-Hán-Dân chủ tịch.

Hội-dồng chính-trị trung-ương của đảng quốc-dân quyết-nghị một khoản bãi các phân-hội chính-trị ở Quảng-châu, Hán-khẩu, ở Thái-nguyên-phủ và ở Bắc-kinh.

Từ khi các phân-hội ấy lập ra, thì cứ cạnh-tranh hoài với hội-dồng trung-ương. Nên mới sinh ra việc Hán-khẩu vừa mới giải-quyết xong. Vậy nếu hội-dồng toàn-quốc ưng-chuẩn việc ấy, thì về việc tập-quyền trung-ương, lại tiến thêm được một bước lớn nữa. Thế là chính-phủ muốn phá cho hết cả cái thế-lực của tả-phái.

Tướng Giới-Thạch có đọc một bài diễn-văn 10.000 tiếng, xem ra có ý hết sức bảo-vệ thanh-thể và địa-vị của mình. Trong các đoạn chính nói rằng đảng quốc-dân không có liên-lạc, và cứ xét cái tình-thế thì rõ Trung-hoa chưa thống-nhất hẳn, các tỉnh còn hành-dộng một cách độc-lập trong các vấn-đề tài-chính, và dùng quân lính của mình mà bắt buộc chính-phủ trung-ương theo cái ý riêng của mình, như là việc đã xảy ra với Hán-khẩu mới rồi. Tướng Giới-Thạch xin hội-dồng tìm cách bỏ-cứu cái tình-tệ ấy.

Có tin đích-xác rằng Phùng Ngọc-Tường từ chức tổng-trưởng bộ Chiến-tranh của chánh-phủ quốc-dân.

Tin ấy có vang động rất lớn đối với cuộc hội-nghị toàn-quốc ở Nam-kinh, không khéo sẽ gây nên chiến-sự. Việc

ấy có quan-hệ đến việc Nam-kinh, Vũ-hán mới rồi, và chúng rằng Phùng Ngọc-Tường phản-đối cuộc hội-nghị toàn-quốc, cùng là Phùng không muốn dè-huê với Tưởng Giới-Thạch.

Xem thế thì cuộc hội-nghị toàn-quốc trong đám các đại-biểu dự cuộc hội-ngh: vẫn có việc rắc-rối. Số đại-biểu dự hội-đồng số-dĩ đủ lệ, là vì hội-đồng hành-chính tự cử lấy một số lớn đại-biểu.

*Trung Nhật điều-đình.* — Cuộc đàm-phán về việc giao-thiệp của hai nước Trung Nhật tại bộ ngoại-giao vừa rồi, đối với cái án Tể-nam, Công-sứ Nhật nhất-định xin hai bên cứ theo cái nguyên-tắc bình-đẳng mà đàm-phán, còn như những điều của Trung-hoa yêu-cầu : là trừng-trị kẻ hành-hung, bồi-thường và xin lỗi, thì không thể nào theo được.

Vi vậy hai bên cứ tranh-chấp nhau mãi, cuộc đàm-phán chẳng có kết-quả gì cả. Vậy thì cái vấn-đề bồi-thường và trách-nhiệm trong cái án Tể-nam thì chánh-phủ Nhật muốn gác bỏ lại không bàn đến cái án ấy vội. Trước hết hãy bàn về hai cái án Hán-khâu và Giang-ninh.

Như thế thì ý-kiến hai bên còn cách nhau xa lắm không thể xong được. Đương khi điều-đình chưa xong, thì ở Sơn-đông, Trương Tôn-Xương lại nổi loạn. Người ta ngờ rằng tất có người Nhật giúp đỡ cho Trương.

Các ngoại-giao-đoàn đối với việc Trương Tôn-Xương tự-đo đòi Đại-liên đến Sơn-đông và cái số tiền to dùng để vận-động của Trương lấy ở đâu ra, rất là chú-ý, và ở phía đông Giao-châu, quân Nhật chia đóng khắp cả, việc tiến đánh của quân quốc-dân có điều khó-khăn. Chính-phủ Trung-hoa đang nghĩ cách đối-phó về việc ấy.

Việc giao-thiệp của hai nước Trung-Nhật có lẽ vì việc loạn này mà phải đình lại.

Có tin ở Đại-liên nói rằng; Đàng Bắc-dương gần đây có bí-mật chiêu binh, đặt tên là Trung-hoa dân-quốc-quân, chia làm năm phương-diện, mỗi phương-diện có một viên thống-soái. Nghe đâu đã định như sau này: Phương-diện thứ nhất thống-soái là Ngô - Bội - Phu; phương - diện thứ hai thống - soái là Trần Quỳnh - Minh, phương-diện thứ ba thống-soái là Trương Tôn-Xương; phương-diện thứ tư thống-soái là Lưu Vĩnh-Tường; phương-diện thứ năm thống-soái là Đường Sinh-Trí.

Nếu như vậy thì cuộc nội-loạn ở Trung-quốc chưa biết bao giờ liễu-kết.

Có tin rằng Trương Tôn-Xương đã khai chiến ở Yên-đài, song bị quân Lưu Trần-Niên chống-cự, thì quân Trương đã bị thua.

*Pháp - Hoa điều - đình.* — M. DE MARTEL sứ-thần Pháp ở Trung-hoa, M. BLANCHARD DE LA BROUSSE, quản-đốc cục Đông-dương kinh-tế ở Paris, Vương Chính - Đình, tổng-trưởng bộ ngoại-giao Trung-hoa, cùng các đại-biểu Trung Pháp lại bắt đầu bàn-bạc về các giao-ước của Trung-hoa với Đông-dương.

Vương Chính-Đình bày tỏ mọi lẽ của chính-phủ Trung-hoa đối với các khoản của Pháp. Bàn nhiều nhất về việc người Trung-hoa xin bãi thuế quá-vãng và thuế thương-chính, cùng là những khoản của chánh - phủ Pháp yêu-cầu để bù lại việc cho đặt các bộ lĩnh-sự Trung - hoa ở Hà-nội, Hải - phòng và Sài-gòn.

Trong số đại-biểu của Trung-hoa lại còn có bác-sĩ Từ-Mô, giám-đốc việc ngoại-giao; Hồ Thử-Trạch, Trương Duy-Hàn, ủy-viên tại bộ ngoại-giao ở Vân - nam; Trương-Duy-Hàn rất là cường-ngạnh,

Sau lại mấy lần hội-nghị, bàn về bản giao-ước của Trung-hoa với Đông-dương. Hai bên có trao đổi ý-kiến về

sáu bức thư sẽ đính vào giao-ước. Việc người Pháp yêu-cầu rằng mọi việc ở Vân-nam-phủ, Nam-ninh và Đông-hưng cứ để nguyên như bây giờ, để bù lại việc người Trung-hoa yêu-cầu đặt sứ-bộ ở Đông-dương. Các vấn-đề quan-hệ về cái thể-lệ quan-thuế, về cái thể-lệ người Trung-hoa ở Đông-dương, và về các thứ thuế bù lại mọi sự thiệt; những việc trên đó đều chưa giải-quyết xong.

Về một bức thư đính vào giao-ước để ấn định mọi phương-sách thi-hành với người Trung-hoa di-cư khi tới xứ Đông-dương, và một bức thư nói về phép tổ-tụng của người Trung-hoa được hưởng tại các tòa án, thì hai bên đã hợp ý nhau.

Còn việc quá-vãng và việc quan-thuế còn hoãn chưa bàn đến. Người Trung-hoa cứ khăng-khăng không chịu nhượng-bộ về hai việc ấy. Vương Chính-Đình cũng khăng-khăng về việc thuế-lệ người Trung-hoa ở Đông-dương. Chính-phủ Nam-kinh yêu-cầu rằng trong giao-ước mới, phải công nhận việc ấy. Vì việc ấy, bộ ngoại-giao, và bộ thuộc-địa lại phải trao đổi ý-kiến với nhau, mà quan tổng-trưởng bộ thương-mại cũng can-thiệp vào bản giao-ước thương-mại. Vì vậy, công việc điều-đinh bị chậm-trễ,

Sau hai bên đã hợp ý về các điều đại-cương trong cái thể-lệ quan-thuế, và cái thể-lệ tô-thuế của người Hoa-kiều ở Đông-dương. Lại hợp ý nhau về các luật-pháp thi-hành với người Hoa-kiều.

Sau lại có tin rằng đã điều-đinh xong mọi việc xảy ra ở Nam-kinh. Về cái vấn-đề bồi-thương, thì chánh-phủ Trung-hoa sẽ nộp 108.000 đồng cho những người bị tổn-hại. Về việc một nhà truyền-giáo Pháp bị hại, thì chánh-phủ Trung-hoa sẽ nộp 20.000 đồng vào việc từ-hệnh đậu mùa ở Thượng-hải, và 10.000 đồng vào hội tâm-tang.

Quan đại-sứ và phái-bộ Pháp đã bàn xong bản dự-án giao-ước của Trung-hoa với Đông-dương để đệ trình chánh-phủ Pháp.

Trong bản dự-án giao-ước có 11 điều và 5 bức thư phục,

Bù lại việc cho Trung-hoa đặt sứ-bộ ở Đông-dương, thì nước Pháp được hưởng thêm một vài điều tiện-lợi ở Vân-nam về việc thuế đất-cát.

Người Hoa-kiều ở Đông-dương được trong giao-ước công-nhận cho các quyền-lợi vẫn được hưởng bây giờ, và được hưởng một vài điều lợi về đường quan-thuế của hàng-hóa Vân-nam quá-vãng Bắc-kỳ.

Về đường thương-mại, một sổ kê các thứ hàng-hóa Trung-hoa được hưởng ngạch thuế nhẹ; một sổ kê các thứ hàng-hóa của Pháp, và của Đông-dương được công-nhận cho hưởng ngạch quan-thuế hiện-thời của Trung-hoa.

Chỉ còn mấy việc như việc xin giấy thông-hành qua Vân-nam, quan đại-sứ Pháp cho là một việc hệ trọng cần phải hỏi ý chính-phủ Pháp mới được.

Việc giao trả Quảng-châu-loan, hai nước Trung Pháp có đem ra bàn bạc. Nhưng nước Pháp định nếu người Anh chịu bỏ Uy-hải-vệ, thì nước Pháp sẽ giao trả Quảng-châu-loan,

*Bản hiệp ước về quan-thuế của nước Pháp với Trung-hoa.* — Nay theo như bản dịch mấy bức thư nói về Trung-hoa với Đông-dương như sau này.

*Thư của quan sứ-thần DE MARTEL nước Pháp gửi cho quan ngoại-giao Tổng-trưởng Vương Chính-Đình nước Trung-hoa.*

Nam-kinh, ngày 23 Décembre 1924.

Kính quan tổng-trưởng,

Trong cuộc thương-nghị vừa xong đây, đôi bên chúng ta đều đã lấy tình thân-ái mà khảo-sát mọi vấn-đề còn chưa giải-quyết xong của hai nước, vậy tôi tưởng nên nói minh-bạch

dây cái kết-quả về cuộc hội-kiến của đôi bên như sau này :

1<sup>o</sup> Chính-phủ Pháp sẵn lòng đặt cuộc thương-nghị ngay để lập bản hiệp-ước mới, thay bản hiệp-ước Pháp Hoa ngày 25 Avril 1886, bản hiệp-ước thương-mại ngày 26 juin 1887 và bản hiệp-ước ngày 10 juin 1895.

Vi sự ích-lợi cho cả hai chính-phủ, vậy trong cái thời-kỳ còn thương-nghị thì mọi việc hiện-tại về Đông-dương chưa có thay đổi gì cả, vì rằng phải theo cái tôn-chỉ quan-thuế duy-nhất cả về cương-giới, đường thủy lẫn đường bộ, thì cái giá thuế hiện đương thi-hành về cương-giới đường thủy Trung-hoa sẽ đồng thời thi-hành về mặt cương-giới Đông-dương. Thế nhưng về các thuế nhập-cảng, xuất-cảng ngày nay vẫn cứ thi-hành trong cái thời-kỳ còn thương-nghị, mà cuộc thương-nghị ấy về phần chính-phủ Pháp, sẵn lòng lập cho mau xong.

2<sup>o</sup> Vì mỗi ích-lợi trong việc mở-mang đường giao-thiệp kinh-tế của nước Pháp với Trung-hoa, vậy các hàng hóa cần cho không phải chịu các thứ thuế quá-vặng nặng mới được.

Ấy vì cái mục-đích ấy mà việc bãi thuế lệ-kim là việc rất nên, cho cả chính-phủ Pháp lẫn chính-phủ Trung-hoa. Lại như đem số thuế gọi là thuế tỉnh-hạt gộp vào các thứ quan-thuế thay cho thuế lệ-kim sẽ có hại cho mọi việc. Chính-phủ Pháp chắc rằng chính-phủ Dân-quốc Trung-hoa sau khi thi-hành ngạch quan-thuế mới, sẽ bãi ngay thứ thuế lệ-kim và ngăn việc đặt ra các thứ thuế gọi là tỉnh-hạt ấy.

3<sup>o</sup> Việc chính-phủ Trung-hoa hoàn lại các trái-khoản cho nước Pháp hiện nay bị đình chỉ, là vì không có tiền. Nay trích một phần trong số tăng về ngạch quan-thuế để hoàn lại các trái-khoản ấy, thì thực là một cách làm cho mở-mang sự giao-thiệp về đường quan-thuế của nước Pháp với Trung-hoa.

Chính-phủ Pháp chắc rằng chính-phủ Dân - quốc Trung - hoa sẽ trừ - liệu phương-sách thiết-yếu về việc ấy.

Nay kính

Ký tên : De Martel,

*Thư của quan ngoại - giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình nước Trung-hoa đáp lại quan sứ-thần De Martel nước Pháp.*

Nam-kinh, ngày 23 Décembre 1928,

Kính quan sứ-thần,

Kính tiếp được bức thư ngài gửi cho ngày hôm nay nói về :

1<sup>o</sup> Việc thi-hành ngạch quan-thuế mới của Trung-hoa về miền cương-giới Đông-dương và việc hãy cứ để nguyên mọi việc về Đông-dương kỳ cho đến khi lập xong bản hiệp-ước mới ;

2<sup>o</sup> Việc bãi thuế lệ-kim ;

3<sup>o</sup> Việc trừ-liệu các phương-sách để hoàn lại các trái-khoản .

Vậy tôi kịp xin báo để ngài biết rằng tôi rất ý hiệp về mọi việc ấy.

Nay kính .

Ký tên : Vương Chính-Đình .

*Thư của quan Ngoại - giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình nước Trung-hoa đáp lại quan sứ-thần De Martel nước Pháp.*

Kính quan sứ-thần,

Xin kính báo để ngài biết rằng Chính-phủ Dân-quốc muốn cùng Chính-phủ Pháp lập xong bản hiệp-ước mới về Đông-dương trước ngày 31 Mars 1929, hiện kỳ thương-nghị về việc ấy đã định trước rồi.

Thế nhưng tới ngày ấy, bản hiệp-ước đó dù chưa lập xong mặc lòng, thì mọi thể-lệ về thuế nhập-cảng xuất-cảng ở miền cương-giới Đông-dương mà trong thư ngài gửi cho tôi hôm nay đã nói, cũng sẽ thôi không thi-hành bắt đầu từ ngày 31 Mars 1929.

Nay kính

Ký tên : Vương Chính-Đình

*Thư của quan sứ-thần DE MARTEL nước Pháp gửi cho quan ngoại-giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình nước Trung-hoa.*

Nam kinh, ngày 23 Décembre 1928.

Kính quan Tổng-trưởng,

Hôm nay ngài có gửi cho tôi bức thư báo cho tôi biết cái giá hiện-thời về các thuế nhập-cảng xuất-cảng ở miền cương-giới Đông-dương, đến ngày 31

mars 1929 thì thôi không thi hành nữa, dù rằng đến ngày ấy chưa thương-nghị xong việc lập bản hiệp-ước mới mặc lòng.

Vậy tôi xin kíp báo để ngài biết rằng tôi đã ưng nhận cả mọi điều trong thư ấy.

Nay kính

Ký tên : De Martel.

### Việc trong nước

**Lược-thuật các việc quan-hệ.** — Giữa ngày 30 Tết (9 janvier) ở Hà-nội có xảy ra việc ám-sát một người Tây-thương tên là BAZIN chuyên việc mộ phu đi Nam-kỳ và Tân-đảo. Kẻ thì cho việc này là có chủ-ý về chính-trị, kẻ thì cho là do sự cạnh-tranh trong nghề mộ phu. Hiện cảnh-sát và tòa án đương tra xét, đã bắt hai người can phạm vào việc ấy. — Nhân việc ám-sát này, lại thêm một việc hội kín mưu phản đối Chính-phủ, nên có đặt hội-đồng Đề-hình để tra xét, hiện giam-cử tới bốn năm chục người, chưa biết kết-quả ra thế nào.

— Quan Toàn-quyền PASQUIER ngày 11 tháng 3 dời Hà-nội vào Nam-kỳ, qua Kinh-đô Huế, để đến thượng-tuần tháng 4 thì đáp chiến-hạm sang Java thăm quan Toàn-quyền và khám-sát tình-hình xứ ấy, đầu tháng 5 sẽ lại trở về.

— Ở Nam-kỳ thời quan Thống-đốc KRAUTHEIMER đã tới nơi. Ở Trung-kỳ có tin quan Khâm-sứ LE FOL sắp về nghỉ bên Pháp, quan giám-đốc JABOUILLE sẽ quyền thay.

— Theo lệ thi hội-nghị Dân-biểu đến năm 1929 này phải bầu lại cả,

Nhân các ông dân-biểu có giấy xin vậy quan Toàn-quyền đã ký nghị-định gia-hạn cho dân-biểu cả Trung, Bắc-kỳ và Cao-miền được một năm nữa.

### Giới-thiệu sách mới

Mới xuất-bản :

— *Sự-nghiệp và thi văn của Ủy-viễn Tướng-công Nguyễn Công-Trù.* Của ông LÊ-Thước, giải-nguyên, giáo-viên trường Trung-học Albert Sarraut, biên tập. — Sách dày 168 trang, giá 8 hào. In ở nhà Lê Văn-Tân. 136 phố Hàng Bông, Hà-nội.

### Nam-phong tùng-thư

Mới xuất-bản :

— *Chính-trị nước Pháp, quyền II,* dày 156 trang. Có phụ *Tự-vựng danh-từ về pháp-chính.* Giá 5 hào.

Đã xuất-bản trước :

1 — *Văn-minh luận.*

2 — *Ba tháng ở Paris.*

3 — *L'idéal du sage.*

4 — *Chính-trị nước Pháp, quyền I*

Sắp xuất-bản :

— *Khảo về tiểu-thuyết.*